

GABRIEL GARCIA
MARQUEZ

TRĂM
NĂM
CỜ
ĐÓN



VIỆN NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

2

Trăm năm cô đơn

tập 2

Gabriel García Márquez



Paris * 07.2025

Bìa : *NXB Văn Học*
Nguồn : *VNthuquan*

Trăm năm cô đơn

**GABRIEL GARCÍA
MÁRQUEZ**

VĂN HỌC
Xuất bản 2003



Nhà văn Gabriel García Márquez
và
Tiểu thuyết đạt giải
Nobel văn học năm 1982

MỤC LỤC

11. Chương 11	11
12. Chương 12	65
13. Chương 13	119
14. Chương 14	178
15. Chương 15	242
16. Chương 16	301
17. Chương 17	346
18. Chương 18	403
19. Chương 19	459
20. Chương kết	516

CHƯƠNG 11

Sau hai tháng, vợ chồng họ xuýt nữa bỏ nhau vì Aureliano Segundo chụp cho Petra Cotes một bức chân dung vận xiêm y hoàng hậu xứ Madagascar để an ủi ả. Khi biết chuyện, Fernanda đã thu xếp quần áo cô dâu và bỏ Macondo ra đi không một lời từ biệt anh. Aureliano Segundo theo kịp nàng ở trên đường đồng lầy. Sau khi van xin và hứa hẹn sẽ tu tỉnh, anh đưa được nàng trở lại nhà mình và không lui tới nhà

nhân tình nữa. Petra Cotes tin tưởng ở sức hấp dẫn của mình, không hề bối rối. Ắ đã làm cho anh thành người đàn ông. Ngay từ lúc anh còn là một cậu bé choai choai, trong đầu chứa chất toàn những ý nghĩ viễn vông và không hề hiểu biết cuộc sống, ắ đã lôi anh ra khỏi phòng Melquíades, cho anh một chỗ đứng trong cuộc đời thực. Tạo hóa cho anh bản tính trầm lắng và kiêu ngạo, hay suy tư cô đơn, còn ắ đã rèn cho anh tính cách quật khởi, mạnh mẽ, cởi mở và hoang toàng, đã truyền cho anh niềm vui cuộc sống, niềm vui hội hè và xài phí; do đó đã biến anh từ tâm hồn đến diện mạo bên ngoài thành một người đàn ông đúng như ắ từng mơ ước khi còn là con gái đang thì. Anh đã cưới vợ, bởi vì cũng như con cái, sớm hay muộn rồi chúng nó cũng phải lấy vợ, lấy chồng. Anh không dám sớm cho thị biết tin. Anh cố giữ thái độ ngây

thơ trước việc tự mình nổi giận vô cớ hay vờ ra vẻ đau khổ cốt làm sao cho Petra Cotes sẽ là kẻ gây ra sự ly tán giữa hai người. Có một ngày Aureliano Segundo mắng mỏ ả một cách vô lý. Hiểu ngay mưu đồ của anh, ả lập tức nói toạc móng heo: – Chẳng qua là anh muốn lấy cô hoa hậu ấy mà. Aureliano Segundo, xấu hổ lắm, giả vờ giận dữ một hồi, nói toáng lên rằng mình bị hiểu lầm và bị làm nhục, rồi từ đó không lui tới với ả nữa. Lúc nào cũng làm chủ bản thân, một sự tự chủ tuyệt vời, Petra Cotes lắng nghe âm nhạc, và pháo mừng đám cưới, lắng nghe tiếng ồn ào, cuồng nhiệt trong cuộc vui chung, như thể tất cả những thứ đó chỉ là một trò ma mãnh mới của Aureliano Segundo. Đối với những kẻ tỏ vẻ thương hại cho số phận của ả, ả trấn an họ bằng nụ cười: “Các bác đừng ngại”, ả nói với họ, “Ngũ hoa hậu ấy chỉ là thứ để

tôi sai vặt thôi”. Với cô hàng xóm mang đến cho ả những cặp nến kép để soi tỏ bức chân dung người tình đã bỏ mình, thì ả nói một cách chắc nịch đầy bí hiểm: – Cây nến duy nhất khiến anh ấy trở lại sẽ luôn luôn cháy sáng.

Như ả đã thấy trước, Aureliano Segundo trở lại nhà ả ngay sau khi tuần trăng mật kết thúc. Anh kéo theo những người bạn cố tri của mình và một bác phó nháy mang theo bộ quần áo và chiếc áo khoác lông điều thừ mà Fernanda đã mặc trong vũ hội Carnaval. Trong không khí vui vẻ như ngày hội kéo suốt buổi chiều ấy, anh khoác cho Petra Cotes xiêm y hoàng hậu, đội cho ả chiếc vương miện hoàng hậu xứ Madagascar, chụp ảnh rồi phân phát chân dung ả cho các bạn hữu. ả không chỉ phụ họa vào trò chơi mà còn động lòng thương hại anh vì nghĩ rằng

chắc hẳn anh đã phải hốt hoảng lắm nên mới nghĩ ra thủ đoạn làm lạnh lạ lùng này. Vào lúc bảy giờ tối, tuy vẫn còn mặc xiêm y hoàng hậu, ả đã tiếp anh trên giường. Anh mới cưới vợ chưa đầy vài tháng, nhưng ả đã nhận thấy ngay rằng vợ chồng họ không được hòa thuận ngay ở trên giường cưới và ả sướng như điên vì thấy sự trả thù của mình đã được thực hiện trọn vẹn. Tuy nhiên, hai ngày sau, khi anh không những không dám trở lại nhà ả mà còn nhờ một người trung gian đến giải quyết nốt các điều khoản chia ly, thì ả hiểu rằng sẽ cần phải điềm tĩnh hơn và rằng dường như anh đã sẵn sàng quyết chí chạy theo cái mẽ hào nhoáng bên ngoài ấy. ả cũng không bức dọc. ả lại thuận theo mọi đòi hỏi của anh, làm cho mọi người thực lòng tin rằng ả là người đàn bà đau khổ. Vật kỷ niệm duy nhất của Aureliano Segundo ả còn giữ được là đôi

ủng màu be mà theo đúng như lời anh nói, anh sẽ mang chúng khi được liệm vào quan tài. Ắ cuộn chúng trong tấm vải và giấu kĩ ở dưới đáy ruộng, rồi lại chờ đợi, chờ đợi một cách đầy hy vọng. – Sớm hay muộn thế nào anh ấy cũng phải trở lại, – ắ nói với chính mình, – dù chỉ để đi đòi ủng này. Ắ không cần phải đợi lâu như từng dự đoán trước. Thực ra, Aureliano Segundo, ngay từ đêm tân hôn, đã hiểu rằng mình sẽ trở lại nhà Petra Cotes sớm hơn rất nhiều trước khi cần phải đi đòi ủng màu be, vì Fernanda là một người đàn bà lạc loài trong cuộc đời này. Nàng đã sinh ra và lớn lên ở một nơi xa biển hàng ngàn kilômét, một thành phố buồn thê lương với những đêm đầy sợ hãi vang lên tiếng bánh xe lóc cọc của các bậc phó vương trên những con đường đá gồ ghề. Ba mươi hai tháp chuông cùng đổ hồi vào lúc sáu giờ chiều

một cách thê lương, chết chóc. Không bao giờ nắng chiếu vào ngôi nhà cổ kính lát đá. Gió tắt lịm trên đỉnh những cây bá ở ngoài sân, trên những tấm màn gió đã úa màu trong các phòng, trên mái vòm giao nhau của những cây cam tùng ở ngoài vườn. Ngay khi đã ở tuổi dậy thì, Fernanda vẫn không hay biết gì về cuộc đời ngoài những bản nhạc tập dương cầm buồn bã nhớ nhung, do một người nào đó được phép không ngủ trưa chơi bên nhà hàng xóm. Ngồi trong căn phòng của bà mẹ ốm yếu da xanh má đi trong ánh sáng lọc qua những tấm kính mờ bụi; nàng nghe những cung bậc thứ tự, rền rĩ, buồn bã và nghĩ rằng âm nhạc ấy hiện hữu trong cuộc đời, trong lúc nàng mãi mê tết những chiếc mũ tang bằng lá cây palma. Mẹ nàng, sốt đỏ mồm hôi vào lúc năm giờ chiều, kể cho nàng nghe thời huy hoàng đã qua. Có một

đêm trăng, khi còn nhỏ tuổi, Fernanda nhìn thấy bóng một người đàn bà vận đồ trắng đi từ vườn hoa vào phòng cầu kinh. Cái bóng vừa lướt qua quá nhanh ấy đã làm nàng lo lắng chính là vì nàng cảm thấy nó giống hệt mình, cứ như thể đó là bóng dáng mình trong khoảng hai mươi năm sau. “Đó là bà hoàng hậu cố nội con đấy”, mẹ nàng nói trong lúc cơn ho dịu đi, “Cụ chết vì ngộ gió khi chặt một cành cam tùng”. Rất nhiều năm sau, khi cảm thấy mình giống hệt cụ cố nội mình, Fernanda đâm ra nghi ngờ bóng ma mình nhìn thấy hồi còn nhỏ, nhưng mẹ nàng đã mắng nàng về tội thiếu đức tin.

– Chúng ta vốn giàu có và có thể lực mạnh mẽ vô cùng, bà nói với nàng. – Rồi con sẽ là hoàng hậu mà.

Nàng tin điều đó mặc dù gia đình nàng hiện chỉ làm chủ một chiếc bàn ăn dài có đủ khăn và đồ dùng ăn uống bằng bạc, và cái bàn này chỉ được dùng để ăn bánh ngọt và uống nước sô-cô-la. Ngay đến ngày làm lễ thành hôn, nàng vẫn mơ thời làm vua. Huyền thoại ấy dẫu rằng cha nàng, đông Fernando đã buộc phải cầm cố ngôi nhà để lấy tiền may sắm đồ cưới cho nàng. Không quá ngây thơ cũng chẳng hợm mình về danh giá gia đình, người ta đã giáo dưỡng nàng như thế đấy. Ngay từ thuở mới hiểu biết chút ít, nàng còn nhớ mình vẫn được ngồi trên chiếc bô bằng vàng có khắc gia huy dòng họ mình để ì đái. Lần đầu tiên bước ra khỏi nhà là lúc nàng đã mười hai tuổi, trên một chiếc xe ngựa chỉ cần chạy qua hai ô phố để đến tu viện. Những cô bạn cùng lớp đều ngạc nhiên rằng người ta tách riêng nàng ra, cho nàng ngồi trên

một chiếc ghế dựa rất cao, và rằng ngay cả trong lúc vui chơi nàng cũng không chơi chung với họ. “Cô ấy rất khác đấy”, các nữ tu sĩ giải thích cho họ, “Cô ấy sẽ là hoàng hậu đấy”. Các bạn gái của nàng tin điều đó, bởi vì ngay từ lúc ấy nàng đã là một cô gái xinh đẹp, khác thường và kín đáo nhất. Tám năm sau, sau khi đã học làm thơ bằng chữ Latinh, đã học chơi đàn cla-vơ-xanh [Một thứ đàn phong cầm cổ xưa.] học đàm đạo với các công tử về nghề nuôi chim ưng, với các đức Giám mục về môn thần học chuyên biện giải cho tôn giáo, học tranh luận với các chính khách ngoại quốc về các vấn đề nhà nước và với Giáo hoàng về các vấn đề của Thượng đế, nàng trở về nhà cha mẹ mình để lại tết những chiếc mũ tang bằng lá cây palma. Nàng thấy nhà mình quang sạch đồ đạc. Hầu như chỉ còn những giường tủ không có giá trị, các ngọn đèn chùm, và

bộ đồ ăn bằng bạc, bởi vì những đồ dùng có giá trị đều bị bán dần bán mòn để lấy tiền trang trải các khoản chi phí cho việc dạy dỗ nàng. Mẹ nàng đã từ trần vì cơn sốt lúc năm giờ chiều. Cha nàng, đông Fernando, mặc đồ đen, với áo cổ cồn và một chiếc xà tích vàng vắt chéo ngang ngực, vào các ngày thứ hai đưa cho nàng một đồng tiền bạc để chi dùng ăn uống, rồi cụng mang đi những chiếc mũ tang tét lá cây palma vừa làm xong tuần trước. Phần lớn buổi ban ngày cụng ở lì trong phòng riêng, và trong những dịp hiếm hoi cụng mới đi ra ngoài đường cái nhưng lại vội trở về nhà trước lúc sáu giờ tối để cùng nàng đọc kinh Rosario. Không bao giờ chơi thân với một ai. Không bao giờ nghe nói về những cuộc nội chiến đang làm tổn thương đất nước. Không bao giờ bỏ nghe các buổi tập đàn dương cầm vào lúc ba giờ chiều. Vào lúc nàng bắt đầu vỡ

mộng mình sẽ là hoàng hậu thì ở ngoài cửa chính vang lên tiếng vỗ gọi cửa nện khẩn cấp, nàng vội mở cửa cho một quân nhân bảnh bao, điệu bộ khoan thai, trên má mang một vết sẹo và trên ngực gài tấm huy chương vàng. Ông ta vào đàm đạo ở phòng riêng với cha nàng. Hai giờ sau, cha nàng đến phòng máy may tìm nàng. “Con hãy chuẩn bị đồ đạc của mình đi”, cụ nói với nàng “Con cần phải đi xa”. Nàng bị mang đến Macondo như thế đấy. Chỉ trong một ngày thôi, cuộc đời đã trút xuống đầu nàng tất cả sức nặng của một thực tế mà trong nhiều năm cha mẹ cố tình tránh cho nàng.

Từ khi trở về nhà, nàng đóng kín cửa, ở trong phòng khóc, bất chấp những lời van xin và giải thích của đông Fernando, để xóa đi vết nhục cháy bỏng thành sẹo trên da mình. Nàng vừa tự nhủ lòng sẽ

không ra khỏi phòng cho đến khi chết thì cũng vừa hay Aureliano Segundo đến nhà tìm nàng. Đó là một vận may không thể dự tính trước được, bởi vì trong lúc hoang mang vì tức giận, trong lúc điên tiết vì xấu hổ, nàng đã nói dối anh để không bao giờ anh lần ra được tông tích đích thực của mình. Nhưng dấu vết thực tế duy nhất để Aureliano Segundo lần mò theo khi đi tìm nàng là lối nói vùng thảo nguyên không trộn lẫn được và nghề tết mũ tang bằng lá cây palma của nàng. Anh nhẫn nại tìm nàng với quyết tâm lớn mà cụ José Arcadio Buendía đã sử dụng để vượt núi thành lập làng Macondo, với lòng tự hào mù quáng mà đại tá Aureliano Buendía sử dụng để khơi dậy các cuộc chiến tranh vô bổ, với lòng kiên trì rõ đại mà Úrsula dùng để khẳng định sự trường tồn của dòng họ mình. Aureliano Segundo đã đi tìm Fernanda

như thế đấy mà không lúc nào anh tỏ ra chán nản. Khi anh hỏi ở đâu có bán mũ tang tết bằng lá cây palma thì mọi người dẫn anh về nhà họ để chọn những chiếc mũ đẹp nhất. Khi anh hỏi cô gái đẹp nhất trên mặt đất này ở đâu thì các bà mẹ lập tức đưa anh đi xem mặt con gái mình. Anh lạc lối trên những ngọn đèo mây phủ, trong những vùng bị lãng quên, và trong mớ bòng bong của sự thất vọng. Anh đã vượt qua một cao nguyên vàng úa nơi chỉ có tiếng vọng o o lặp lại những suy tưởng và chỉ có cơn khát làm mờ mắt. Sau nhiều tuần kham khổ, anh đã tới được một thành phố xa lạ mà ở đây tất cả các tháp chuông đều đổ hồi thê thảm. Dù chưa từng nhìn thấy, cũng chưa từng nghe ai miêu tả, anh đã nhận ra ngay những bức tường thành lở lói vì gió sương mang hơi mặn của xương người tấp vào, nhận ra ngay những ban

công gỗ ọp ẹp vì một đục khoét lâu ngày, nhận ra ngay tấm biển quảng cáo ở đây bán mũ tang, mà chữ viết của nó đã nhom đi trên tấm bìa các tông cũ. Kể từ lúc anh đến cho tới buổi sáng Fernanda để lại ngôi nhà cho Đức mẹ Toàn năng trông nom, lúc nào anh và nàng cũng tất bật đến mức hầu như không đủ thời gian cho các cô nữ tu sĩ kịp may bộ đồ cô dâu. Họ bận rộn lo nhét những ngọn đèn chùm, những bộ đồ ăn bằng bạc, và những thứ vô dụng nhiều vô kể của cái gia đình quý tộc đã khánh kiệt từng tồn tại hai thế kỷ này vào sáu chiếc thùng lớn. Don Fernando từ chối lời mời cùng đi với họ. Cụ hứa sẽ đi khi nào đã hoàn thành các lời hứa của mình. Kể từ lúc cúi mình làm dấu ban phước cho con gái, cụ lại đóng kín cửa để ở lỳ trong phòng, viết thư bằng thơ có kèm theo những hình trang trí bi thương và con dấu gia

huy, vốn là những thứ qua đó Fernanda và cha nàng có quan hệ trực tiếp với đời thường. Đối với Fernanda, ngày ấy là ngày sinh đích thực của nàng. Đối với Aureliano Segundo, ngày ấy là ngày mở đầu đồng thời là ngày kết thúc hạnh phúc của anh. Fernanda mang theo mình một cuốn lịch quý và một chùm chìa khóa mạ vàng trong đó vị cha cố làm thầy giáo của nàng đã dùng mực luôn tươi màu đánh dấu những ngày kiêng nhập phòng. Nếu không kể tuần lễ Thánh, những ngày chủ nhật, những ngày buộc phải nghe kinh mixa, những ngày thứ sáu đầu tiên của một tháng, những ngày tế thần và những ngày hành kinh, là những ngày nhất thiết phải kiêng cử, cuốn lịch bổ ích của nàng chỉ còn lại bốn mươi hai ngày được tự do nằm rải rác trong tấm mạng nhện những dấu gạch chữ thập còn tươi màu mực. Aureliano Segundo cho rằng thời

gian sẽ quật đổ bức rào trở ngại đó, đã kéo dài tiệc cưới quá thời gian quy định. Một mối vì còn phải sai đồ vỏ chai rượu Brandy và rượu sâm banh ra thùng rác để ngôi nhà được gọn gàng, và đồng thời tò mò thấy rằng cô dâu chú rể đã không đi ngủ cùng một giờ lại còn ngủ tại hai phòng biệt lập trong lúc pháo vẫn nổ, nhạc vẫn cử, gia súc vẫn bị giết, Úrsula nhớ lại kinh nghiệm sống của chính mình và tự hỏi không biết có phải Fernanda cũng thất chiếc thất lưng trinh tiết mà sớm hay muộn sẽ gây nên những lời bình phẩm độc địa của dân làng và là cội nguồn của tấn bi kịch hay không. Nhưng Fernanda đã thú nhận với cụ rằng nàng chỉ phải đợi qua hai tuần trước khi được phép ăn nằm lần đầu tiên với chồng mình. Quả nhiên hai tuần qua đi, nàng mở cửa phòng mình trong sự nhượng bộ bắt buộc của một nạn nhân bị trừng

phạt, và Aureliano Segundo đã nhìn thấy người đàn bà đẹp nhất trần gian với đôi mắt rực vẻ kiêu hãnh của con vật hoảng sợ và những mớ tóc vàng màu đồng xõa trên gối. Anh sung sướng quá trước hình ảnh ấy đến mức một lúc sau mới nhận ra rằng Fernanda đã vận chiếc áo ngủ trắng muốt, che kín mắt cá chân và chòm cằm bàn tay, ở ngang bụng mở một cửa mở to và tròn, được thêu viền cẩn thận. Aureliano Segundo không thể kìm được một chuỗi cười giòn giã. – Ôi, cái này còn khêu gợi hơn cả những cảnh anh từng nhìn thấy – anh gào, với tiếng cười khanh khách rền vang cả nhà. – Anh đã cưới một nữ tu dòng St. Vincent de Paul.

Một tháng sau, vì không làm sao thuyết phục được vợ mình cởi chiếc áo ngủ ấy, anh đã mò đến nhà Petra Cotes để chụp cho ả bức ảnh vận xiêm y của nữ

hoàng. Sau đó, khi anh thuyết phục được Fernanda thôi không bỏ về quê nữa để trở lại nhà mình, nàng đã nhượng bộ trước những yêu cầu làm lành tha thiết của anh, nhưng anh vẫn không biết cách sắp đặt việc nghỉ ngơi theo đúng như điều anh mơ ước khi đến thành phố ba mươi hai tháp chuông để tìm nàng. Aureliano Segundo chỉ tìm thấy ở nàng một ý vị chán nản. Có một đêm, trước khi sinh cậu con trai đầu lòng ít bữa, Fernanda biết rằng chồng mình đã bí mật trở lại nằm cùng giường với Petra Cotes. – Đúng thế đấy, – anh thú nhận. Rồi bằng một giọng nhượng bộ, anh giải thích: – Anh cần phải hành động như vậy để cho đàn gia súc của ta tiếp tục sinh sôi nảy nở nhiều hơn nữa. Anh không mất nhiều thời gian để thuyết phục nàng về biện pháp lạ lùng ấy, nhưng khi anh đã thuyết phục được nàng bằng những

chúng cứ dường như không thể bác bỏ thì điều kiện duy nhất mà Fernanda buộc anh phải hứa là không được để cho thần chết túm được mình ngay trên giường của tình nhân. Ba người sống với nhau như thế, không ai đả động đến ai. Aureliano Segundo âu yếm và đúng hẹn với cả hai, Petra Cotes hả lòng hả dạ với sự hòa thuận, còn Fernanda giả vờ không biết sự thật. Tuy nhiên, sự hòa thuận lại không đạt được trong gia đình: Fernanda không sống hòa mình với mọi người. Úrsula cố sức la mắng để nàng ném đi cái khăn nỉ mà nàng dùng lót giường mỗi khi chung đụng với chồng rồi sau đó lại quàng lên vai và chính chiếc khăn này đã gây nên bao lời nhỏ to bàn tán của dân làng nhưng nàng vẫn không chịu ném nó đi. Cụ không tài nào thuyết phục nổi nàng khi nào cần ị đáì thì đi vào cầu tiêu và bán quách chiếc xô bằng

vàng cho đại tá Aureliano Buendía để ngài làm những con cá vàng. Amaranta khó chịu trước cách nói năng thô bạo và thói quen gọi sai tên sự vật của nàng nên bà cũng thường xuyên nói lóng trước mặt nàng. Có một ngày, câu tiết trước lời báng bổ, Fernanda muốn biết Amaranta nói gì và bà này không dùng lối nói văn hoa bóng gió, đã trả lời nàng: – Tao bảo, – bà nói, – rằng cháu là một trong những cô gái tôm đội cút lên đầu. Kể từ ngày đó hai người không nói chuyện với nhau. Khi bắt buộc dĩ phải nói với nhau điều gì thì họ nhắn qua người khác hoặc nói một cách gián tiếp. Phớt lờ trước nỗi khó chịu của người nhà, Fernanda vẫn không từ bỏ ý định sắp đặt thói quen cho các bậc bề trên. Nàng đã quyết định bỏ lệ ăn cơm ở nhà bếp mà ai đối xử việc đi ăn như trước đây, buộc mọi người phải ăn cơm vào đúng giờ quy định tại phòng

ăn, phải ngồi vào bàn ăn lớn đã dọn dẹp tinh tươm có khăn lau, đèn chùm, đồ ăn bằng bạc. Tính chất nghiêm trang của cái việc vốn vẫn được Úrsula coi là một việc giản dị nhất của đời thường, đã tạo nên một không khí căng thẳng khiến José Arcadio Segundo lầm lì đã là người đầu tiên chống lại nó. Nhưng thói quen vẫn cứ được thiết lập, chẳng hạn như thói quen cầu kinh Rosario trước khi ăn bữa tối và chính nó đã làm cho hàng xóm phải để ý và gây nên lời đồn rằng: nhà Buendía không ngồi vào bàn ăn như mọi gia đình mà trái lại đã biến bữa ăn tối thành một buổi lễ mixa trang trọng. Ngay đến những niềm tin tôn giáo của Úrsula, nảy sinh từ hy vọng chốc lát của cụ hơn là từ truyền thống, cũng bắt đầu mâu thuẫn với những tín điều mà Fernanda đã thừa hưởng của cha mẹ. Trong lúc Úrsula còn chắc chân mạnh tay, thì

một số tục lệ cổ vẫn còn được duy trì và cuộc sống gia đình vẫn tuân theo những cảm nhận tinh tế của cụ, nhưng từ khi cụ bị lòa và sức nặng tuổi già buộc cụ phải ngồi yên một xó, thì cái vòng cương tỏa được Fernanda khởi xướng ngay từ khi nàng mới về nhà chồng đã hoàn toàn khép kín lại và không một ai ngoài nàng quyết định vận mệnh của gia đình. Nghề làm kẹo bánh từng được Santa Sofía de la Piedad duy trì theo ý nguyện của Úrsula đã bị Fernanda coi là một nghề hèn mọn và chẳng bao lâu bị đình chỉ. Cửa nhà, vốn được mở toang từ sáng sớm cho đến khi đi ngủ, đã bị đóng lại trong giờ nghỉ trưa với cái cố để tránh ánh nắng nung nóng các phòng ngủ và sau đó im im đóng suốt ngày. Cành lá lô hội và chiếc bánh vốn được treo ở trước cửa nhà ngay từ thuở mới lập làng Macondo nay đã bị thay thế bằng một cái hốc để

thờ tượng Chúa Giêsu. Đại tá Aureliano Buendía cũng đã biết được những thay đổi ấy và đã nhận ra lý do của chúng.

“Chúng ta đang quay trở lại để làm người quý phái”, ngài phản đối, “Đến cái bước này thì một lần nữa chúng ta lại phải chiến đấu chống chế độ Bảo hoàng, nhưng lần này là để đưa một ông vua khác lên ngài vàng”.

Fernanda vốn rất tinh tế, tự giữ gìn ý tứ để khỏi phải va chạm với ngài. Tinh thần tự do của ngài, cái sức phản kháng của ngài trước mọi nghi thức xã hội cứng rắn khiến nàng rất khó chịu. Những tách cà phê không đường uống vào lúc năm giờ sáng, sự bừa bộn trong xưởng kim hoàn, chiếc áo khoác sứt chỉ đường tà cũng như thói quen ngồi trước cửa nhìn ra đường vào lúc chiều tà của ngài, tất cả những thứ đó đều như những chiếc gai

nhức nhối đâm vào mắt nàng. Nhưng Fernanda cần phải nhượng bộ ngài, phải coi ngài như một bộ phận ở ngoài cái cỗ máy gia đình bởi vì nàng hiểu rất rõ ràng rằng ngài đại tá già này là một người đã bị tuổi tác và nỗi thất vọng làm cho hiền lành đi; chứ nếu không chỉ với một hành động quật khởi đầy sức mạnh, ngài hoàn toàn có thể làm lay chuyển nền móng của cả ngôi nhà. Khi chồng nàng quyết định gọi tên đứa con trai đầu lòng bằng tên của ông nội nó thì nàng không dám cãi lại, bởi vì nàng mới về nhà chồng vẹn vẹn một năm trời. Nhưng khi sinh đến trưởng nữ, nàng một mực đòi đặt tên cho nó là Renata như tên của mẹ mình. Úrsula đã quyết định gọi tên nó là Remedios. Sau một cuộc tranh luận gay gắt trong đó Aureliano Segundo đóng vai một nhà hiền triết vui vẻ, họ đặt tên cho nó là Renata Remedios, nhưng Fer-

nanda vẫn cứ gọi nó là Renata chọc lỏn, trong khi đó cả nhà và dân làng gọi nó là Meme, một tên gọi thân mật của Remedios. Thoạt đầu, Fernanda không nói chuyện về gia đình mình, nhưng rồi dần dần nàng bắt đầu lý tưởng hóa người cha mình. Ngay tại bàn ăn, nàng ca ngợi cụ như một con người đặc biệt từng từ bỏ mọi nghi lễ trống rỗng và đã trở thành một vị thánh sống. Aureliano Segundo ngạc nhiên trước sự tán tụng không phải lúc về ông bố vợ, đã không dùng được, đành phải giễu nhẹ sau lưng vợ mình. Cả nhà đều theo gương anh. Ngay chính Úrsula, đang hết sức tự hào về gia đình êm ấm và ngược lại phải lặng lẽ chịu đựng nhưng mối bất hòa trong nhà, đã có lần tự mình nói rằng thằng chít còn oắt con của mình chắc chắn sẽ là một Hồng y Giáo chủ bởi vì hẳn là “cháu ngoại của một vị thánh, là con của một hoàng hậu

và một thằng ăn trộm gia súc”. Bất kể nụ cười mỉa ấy, bọn nhóc quen nghĩ về ông ngoại mình như nghĩ về một nhân vật huyền thoại, người vẫn thường gửi cho chúng những vần thơ âu yếm trong các bức thư và cứ mỗi bận lễ Noel đến lại gửi cho chúng một thùng quà to đùng gần như không mang lọt cửa chính. Thực ra đó là những đồ vật vĩnh cuối cùng còn lại của gia tài quyền quý xưa. Ngay tại phòng ngủ của bọn trẻ, bằng những thứ này người ta dựng một bàn thờ với những tượng thánh to bằng cỡ người thực mà đôi mắt thủy tinh của các vị này đã gây cho chúng ấn tượng sâu sắc như người thật; còn những bộ áo quần được thêu thùa thật đẹp của các vị thì theo con mắt chúng là những bộ quần áo đẹp nhất chưa một người dân Macondo nào trong được mặc. Dần dần, vẻ huy hoàng tẻ nhạt của ngôi nhà cổ kính và lạnh lẽo

nọ đã được chuyển về ngôi nhà sáng sủa của gia đình Buendía. “Giờ đây, họ đã gửi cho chúng ta một nghĩa địa gia đình rồi”, có lần nào đó Aureliano Segundo đã bình luận, “chỉ còn thiếu những cây liễu giở và đá xây mồ thôi”. Mặc dù trong các thùng này không bao giờ đựng các đồ chơi cho bọn trẻ, nhưng chúng vẫn cứ mong đợi cho chóng hết năm để đến tháng chạp, bởi vì dù thế nào đi nữa thì các đồ cổ lỗ sĩ và luôn luôn không được biết trước ấy cũng vẫn là một sự kiện mới lạ trong nhà. Trong dịp lễ Noel lần thứ mười kể từ khi Fernanda về nhà chồng, khi cậu bé José Arcadio đã chuẩn bị đi thi, một chiếc hòm gỗ khổng lồ của ông ngoại được đóng đinh quét xi thật cẩn thận và được gửi đến cho bà Fernanda del Carpio de Buendía rất tôn kính viết bằng thứ chữ gô-tích quen thuộc, đã đến khá sớm hơn mọi năm. Trong lúc nàng ở

trong phòng đọc thư, những đứa trẻ nôn nóng vội mở chiếc hòm. Như thường lệ, được sự giúp sức của Aureliano Segundo, bọn chúng cạy các mảnh xi gấn, mở nắp chiếc hòm, moi hết mùn cửa ở bên trong ra, và chúng thấy ở bên trong một chiếc hòm chì được các vít đồng vít lại rất chắc chắn. Trước mặt những đứa trẻ đang háo hức, Aureliano Segundo tháo tám chiếc vít đồng, và khi mở nắp hòm ra hầu như anh không kịp kêu lên và đẩy bọn trẻ sang một bên, vì đã nhìn thấy Don Fernando vận đồ đen, trên ngực đeo một cây thánh giá, da dẻ nứt bung ra trong những nốt lở khảm mùi hôi và cái tử thi này đã được chùng trong một thứ nước thịt trai nuôi lấy ngọc đặt trên bếp lửa cháy âm ỉ. Sau ngày sinh bé gái ít lâu, lễ thượng thọ không hề mong đợi của đại tá Aureliano Buendía được công khai loan báo. Chính phủ ra lệnh tổ chức nó

để kỷ niệm ngày ký hiệp định Neerlandia. Đó là một quyết định trái với đường lối chính trị chính thống đến mức đại tá đã mạnh mẽ tuyên bố chống lại và ngài đã từ chối lễ mừng. “Đây là lần đầu tiên ta nghe nói đến lễ thượng thọ”, ngài nói, “Nhưng muốn nói gì thì nói, điều đó chỉ có thể là một lời báng bổ mà thôi”.

Cái xưởng kim hoàn vốn đã hẹp rồi giờ đây lại đông nghịt các vị sứ giả. Những luật gia mặc đồ sẫm trước đây như những con quạ lượn lờ quanh đại tá nay trở lại với dáng vẻ già nua và trang trọng hơn rất nhiều. Khi thấy bọn họ xuất hiện như trước đây họ từng đến để ngăn cản cuộc chiến, ngài đã không thể chịu nổi những lời tán tụng quá ư trơ trẽn của họ. Ngài ra lệnh cho họ hãy để mình yên, không chịu nhận mình là một yếu nhân của dân tộc, như lời bọn

họ nói, mà chỉ là một anh thợ thủ công tầm thường với ước muốn duy nhất là được chết vì một mối trong lãng quên và trong cảnh nghèo túng làm những con cá vàng của mình. Điều khiến ngài phần nộ hơn cả là tin tức nói rằng chính ngài Tổng thống nước Cộng hòa đã dự định sẽ đích thân tham gia các hoạt động quần chúng ở Macondo để gắn Huân chương Công huân cho đại tá. Đại tá Aureliano Buendía đã nhờ nói lại chính xác từng từ một với ngài Tổng thống rằng mình thật lòng khao khát đợi cái dịp tuy là muộn màng nhưng rất quý này để cho ngài Tổng thống một phát súng, không phải để ngài chuộc tội vì những bất công và không hợp thời của chế độ mà để ngài chuộc lấy cái tội dám hỗn xược đối với một cụ già vốn không làm hại ai cả. Đó là lời cảnh cáo đanh thép mà đại tá đã nói ra miệng, do đó ngài Tổng thống nước Cộng hòa đến

phút chót đã hoãn chuyển đi và để cho lễ mừng thêm long trọng, ngài đã phái một đặc phái viên đi thay mình. Đại tá Gerineldo Márquez, hoàn toàn ở yên một chỗ, đã rời bỏ giường bệnh bại liệt, đến an ủi người bạn chiến đấu cũ của mình. Khi thấy xuất hiện một chiếc ghế xích đu được bốn người đàn ông khiêng, và thấy người bạn từng chia sẻ với mình mọi nỗi vinh nhục ngay từ thời trai trẻ ngồi trên nó bên những chiếc gối, thì đại tá Aureliano Buendía nhận ra ngay rằng đại tá Gerineldo Márquez gắng gượng đến để bày tỏ tình đoàn kết của mình. Nhưng khi đã biết ý định thực của chuyến viếng thăm này, ngài đã ra lệnh đuổi người bạn cố tri của mình ra khỏi xưởng kim hoàn. – Thật là quá muộn ta mới hiểu rằng, – ngài nói với bạn mình, – nếu để chúng bắn anh thì ta đã làm phúc cho anh nhiều đấy. Thế là ngày lễ thượng thọ

của ngài đại tá được tiến hành không có sự tham gia của bất kỳ thành viên nào trong gia đình Buendía. Lễ mừng này đã ngẫu nhiên trùng với tuần lễ hội giả trang Carnival nhưng không một ai có thể cỏi bỏ cho đại tá Aureliano Buendía cái ý nghĩ dai dẳng cho rằng sự trùng hợp ấy cũng đã được chính phủ dự tính trước để làm cho lời báng bổ đó càng thêm thô bạo. Từ xưởng kim hoàn vắng lặng, ngài nghe các bản hành khúc hùng dũng, nghe hăm một loạt đại bác nổ, nghe những hồi chuông vang lên bản thánh ca tạ ân, và nghe một vài câu trong cái bài diễn văn đọc trước nhà mình khi họ lấy tên ngài đặt cho một đường phố. Khi mắt ngài nhòe nước mắt, thứ nước mắt tủi hờn, thứ nước mắt căm giận và lần đầu tiên kể từ khi chịu thất bại đến nay, ngài cảm thấy đau khổ vì không còn chí cái thể và sức bạt núi thời trai trẻ để

mở một cuộc chiến đẫm máu đang quét sạch chế độ Bảo hoàng. Giữa lúc những tiếng ồn vui vang vọng của ngày hội chưa dứt thì Úrsula gõ cửa xưởng kim hoàn.

Đừng làm phiền nữa, – ngài nói. – Ta đang bận.

Mở cửa mau, – với giọng nói thường ngày, cụ đòi mở. – Việc này chẳng can dự gì với ngày hội đâu.

Thế là đại tá Aureliano Buendía mở then cửa và ngài thấy ở trước cửa mười bảy người đàn ông hoàn toàn khác nhau, từ vóc dáng đến màu da, nhưng tất cả đều mang vẻ cô đơn mà qua đó ở bất cứ xó xỉnh nào trên mặt đất này người ta đều có thể nhận ra họ là anh em. Đó là những người con trai của ngài. Không hề bảo nhau, cũng không hề quen nhau, họ đã đến đây từ những xó xỉnh hẻo lánh

nhất của vùng duyên hải đang rộn ràng trong ngày hội náo nhiệt. Tất cả đều tự hào mang tên Aureliano kèm với tên họ của mẹ mình. Trong ba ngày ở lại nhà đại tá, để làm hài lòng Úrsula và khiến Fernanda phải ngạc nhiên, đôi lúc họ gây ra những vụ ẩu đả. Amaranta lục tìm trong đồng giấy tờ cũ cuốn sổ tay trong đó Úrsula đã tự tay ghi lại tên, ngày tháng năm sinh, ngày đặt tên của tất cả và bà chỉ cho từng người phòng ở hiện tại thuộc về mình. Danh sách ấy cho phép nhớ lại hai mươi năm chiến tranh. Với danh sách này người ta có thể dựng lại những hành trình ban đêm của đại tá, kể từ buổi sáng sớm chàng đi khỏi làng Macondo dẫn đầu hai mươi một chàng thanh niên để gia nhập một cuộc khởi nghĩa đầy ảo tưởng, cho đến lần cuối cùng trở về mình lẫn trong chiếc áo khoác bê bết máu khô. Aureliano Segundo không bỏ lỡ dịp chúc

mừng các ông chú mình bằng việc ồn ã mở tiệc vui gồm rượu sâm banh và đàn phong cầm và tiệc vui này ồn ã vui nhộn đến mức được liệt hạng hay hơn cả vũ hội Carnival không thành vì trùng với lễ thượng thọ của đại tá do chính phủ tổ chức. Họ đập vỡ một nửa số cốc tách, xéo nát cả các vườn hoa để đuổi theo một chú bê non. Họ bắn súng để giết gà, buộc Amaranta phải nhảy những điệu van buồn của Pietro Crespi, dỗ ngon dỗ ngọt Remedios – Người đẹp để cô mặc quần đàn ông leo cột mỡ, rồi thả một chú lợn bơi dày mỡ chạy trên hành lang và con lợn này đã húc ngã Fernanda. Nhưng không một ai ca thán những trò nghịch ngợm quá trớn ấy, bởi vì ngôi nhà rung lên như một trận động đất trước trò vui trong đó sức khỏe cường tráng của con người được tràn ra. Đại tá Aureliano Buendía, vốn lúc đầu tiếp họ hờ hững và

thậm chí còn hồ nghi một số người có quan hệ máu thịt với mình, đã cùng vui với niềm vui sôi nổi của họ và trước khi họ ra đi ngài đã tặng mỗi người một con cá vàng. Ngay đến cả José Arcadio Segundo vốn ngạo đời, cũng hiến cho bọn họ một buổi chiều chơi gà chọi mà tí nữa gây ra tai nạn, vì một số trong số mười bảy anh em Aureliano này vốn là những tay sành sỏi trong các sỏi thi gà chọi, do đó mới thoáng nhìn cú đá đầu tiên họ đã lập tức phát hiện ra những thủ đoạn ma quái của cha Antonio Isabel. Aureliano Segundo, đứng xem những người anh em cùng chung một bát máu sôi nổi chơi những trò vui vô tận đầy lý thú, đã quyết định mời mọi người ở lại làm việc với mình. Người duy nhất chấp nhận lời mời là Aureliano Triste, một thanh niên lai đen lực lưỡng vốn kế thừa được nhiệt tình hăng say và lòng ham tìm tòi khám

phá của ông nội, người từng nếm trải đủ mọi gian truân ở khắp nơi, do đó anh cho rằng mình sống ở đâu cũng vậy. Những người khác mặc dù vẫn còn chưa vợ, đã tự quyết định lấy vận mệnh của mình. Tất cả đều là thợ thủ công thạo nghề, đều là trụ cột của gia đình, đều là dân hiền lành.

Ngày thứ tư Lễ tro, trước khi mỗi người một ngả đi khắp vùng duyên hải, Amaranta tìm mọi cách để họ mặc quần áo đẹp ngày chủ nhật và đưa bà đi nhà thờ. Thích thú hơn là sùng tín, họ đã để cho mình bị cuốn vào tận nơi làm lễ kiên tin. Chính tại đây cha Antonio Isabel đã lấy tro vạch một chữ thập lên trán từng người. Về đến nhà, người nhỏ tuổi nhất muốn lau trán đã phát hiện ra vết tro không thể rửa sạch được, rồi ngay sau đó, cậu phát hiện ra vết tro của các anh

cậu cũng không thể rửa sạch được. Họ thử lấy nước xà phòng, rồi lấy đất và bã cọ, rồi lấy đá kỳ và dung dịch kiềm, vẫn không tài nào xóa được chữ thập trên trán mình. Trái lại, Amaranta và những người khác đi dự lễ mixa đều dễ dàng chùi sạch chữ thập ấy trên trán mình. “Chúng ra đi như vậy càng tốt”, – Úrsula nói, – “Từ đây trở đi không một ai có thể nhầm lẫn chúng”. Họ ồn ã ra đi trong tiếng pháo và âm nhạc đưa tiễn, và để lại cảm giác rằng dòng họ Buendía đã gieo giống ở khắp mọi nơi cho muôn đời. Aureliano Triste, với chữ thập xám màu tro trên trán, đã lập ở ngoài bìa làng một nhà máy làm nước đá mà José Arcadio Buendía từng mơ thấy trong những đam mê sáng tạo của cụ. Ở được mấy tháng, nghĩa là khi đã là người quen thuộc và được mọi người trọng nể, Aureliano Triste đi tìm một ngôi nhà để đưa mẹ và

cô em gái chưa chồng (vốn không phải là con gái ngài đại tá) đến ở với mình và anh thích ngôi nhà cổ lỗ dường như bỏ hoang ở phố gần quảng trường. Anh hỏi ai là chủ ngôi nhà ấy. Có người bảo anh rằng đó là nhà vô chủ, rằng trước đây có một bà góa cô đơn chuyên ăn đất và vôi tường để sống đã ở ngôi nhà này và rằng trong những năm cuối đời, người ta chỉ hai lần nhìn thấy bà ra đường đội một chiếc mũ gài nhiều bông hoa giả nhỏ li ti và đi đôi giày cũ màu bạc khi bà đi ngang qua quảng trường để đến bưu điện gửi thư cho đức Giám mục. Người ta bảo anh rằng người bạn gái duy nhất của bà là một người ở gái rất ác vẫn thường giết chó, giết mèo và bất kỳ con vật nào dám bén mảng vào nhà, rồi vất xác chúng ra giữa đường cái khiến cả làng ngột ngạt trong tù hời xác con vật thối rữa. Kể từ độ mặt trời sấy khô bộ da con vật cuối

cùng bị ném ra giữa đường cái đến nay đã trải qua một thời gian rất dài, đến mức cả làng thống nhất cho rằng bà chủ và người ở gái đã chết từ trước khi chiến tranh kết thúc rất lâu, và nói rằng ngôi nhà vẫn còn đứng vững được là vì trong nhiều năm gần đây chưa hề có một cơn lốc cũng như chưa có mùa đông ác nghiệt nào, các bản lề cửa đã rời rã hết vì gỉ; những cánh cửa hầu như vẫn đứng yên được là nhờ mạng nhện giăng chằng chịt, các cửa sổ vẫn bám vào nhau nhờ có hơi ẩm; nền nhà nứt nẻ hết bởi cỏ và hoa dại mọc um tùm, và những kẻ nẻ này là nơi để thần lẩn và đủ loại con vật ghê tởm làm tổ, tất cả những thứ đó dường như cùng phụ họa nói lên rằng tại ngôi nhà này ít nhất là từ nửa thế kỷ nay không có ai sinh sống. Aureliano Triste, vốn thích mạo hiểm, không cần thêm nhiều bằng chứng. Anh lấy vai khế

đẩy cửa chính, thế là cái khung cửa gỗ đã một bỗng đổ xuống không hề gây tiếng động trong một trận mưa bụi và cút mọt. Aureliano Triste đứng yên ở bậc cửa đợi cho đến khi luồng bụi mù mịt bay đi hết, và lập tức anh nhìn thấy ngay ở giữa phòng khách có một người đàn bà gầy guộc, vẫn ăn mặc theo một thế kỷ trước, trên cái đầu trọc vẫn còn vương một vài mớ tóc hung, đôi mắt to vừa tắt đi những tia sáng hy vọng vẫn còn đẹp, và da mặt nhẵn nhúm lại bởi nỗi cô đơn chua xót. Đang hoảng hốt trước hình ảnh của con người đã thuộc về một thế giới khác, Aureliano Triste hầu như vẫn chưa hay rằng người đàn bà ấy đang chìa nòng khẩu súng lục cũ về phía mình ngắm bắn. – Bà thú lỗi cho, – anh khẽ nói. Bà ta đứng yên ngay giữa phòng khách mù mịt bụi, chăm chú quan sát người đàn ông to lớn có tấm lưng vuông vức, trên

trán xăm bức hình cây Thánh giá màu xám tro, và qua làn bụi mù mịt này bà lại thấy. anh trong một làn sương mờ thuộc một thời khác, khoác chéo ngực một khẩu súng săn hai nòng và tay xách một xâu thỏ. – Trời ơi? Vì tình yêu thương của Thượng đế, – bà ta khẽ thốt lên, – có lẽ nào giờ đây anh lại trở về với em bằng ký ức này? – Thưa bà, cháu muốn thuê ngôi nhà này ạ, – Aureliano Triste nói. Thế là người đàn bà giương khẩu súng lên, nhắm thẳng vào chữ thập màu tro ở trán anh, rồi lên đạn một cách kiên quyết. – Xéo ngay? – bà ra lệnh. Đêm ấy, trong lúc ăn tối, Aureliano Triste kể lại câu chuyện này cho cả nhà nghe, Úrsula bật khóc nức nở. “Lạy Thượng đế thánh thần?”, hai tay ôm lấy đầu, cụ thốt lên, “Nó vẫn sống ư”. Thời gian, chiến tranh, những nỗi bất hạnh thường ngày nhiều vô kể đã khiến cụ quên khuấy Rebeca.

Người duy nhất không lúc nào không ý thức rằng Rebeca vẫn còn sống là Amaranta già nua và ương bướng. Amaranta nghĩ đến Rebeca vào lúc trời sáng khi cơn băng giá của trái tim đánh thức bà dậy trên chiếc giường cô đơn, rồi nghĩ đến Rebeca khi bà xoa xà phòng lên bộ vú teo và cái bụng nhăn nheo, khi bà mặc đồ lót của tuổi già, và khi bà thay tấm băng đen trên bàn tay mà bà đã tự mình nhúng vào bếp đang rực than hồng để trùng trị mình.

Amaranta nghĩ tới Rebeca vào tất cả mọi giờ, dù ngủ hay thức, dù vui hay buồn, bởi vì nỗi cô đơn đã buộc bà phải lựa chọn những kỉ niệm, phải đất bỏ hàng đống rác rưởi buồn nhớ của cuộc đời đã dồn tụ lại trong trái tim mình, và mặt khác đã thanh lọc, đã nâng cao, đã vĩnh hằng hóa những kỉ niệm khác,

những kỉ niệm chua chát nhất của đời mình. Qua bà, Remedios – Người đẹp biết được sự tồn tại của Rebeca. Cứ mỗi bận họ đi qua ngôi nhà rách nát, bà kể cho cô cháu nghe về một sự kiện nhảm chán, hay một câu chuyện ngụ ngôn tục tĩu, rồi thông qua hình thức này cố làm cho cô cháu chia sẻ với mình nỗi hận thù đã nguôi đi và do đó cố kéo dài nó cho đến khi chết. Nhưng bà đã không thực hiện được các mục đích của mình, bởi vì Remedios – Người đẹp hoàn toàn ngây thơ trước mọi thứ tình cảm dễ xúc động và hơn nữa cũng dừng dừng trước những tình cảm quá ư xa xôi đối với mình. Trái lại, Úrsula, người từng chịu đựng sự dẫn vật khác hẳn với sự dẫn vật của Amaranta, đã nhớ tới Rebeca trong một kỉ ức thanh sạch hơn, bởi vì hình ảnh một con bé đáng thương được người ta mang đến nhà cùng với tải hài cốt của cha mẹ

nó đã chiến thắng đòn trừng phạt mà cụ thực hiện để không công nhận nó là thành viên của gia đình mình. Aureliano Segundo quyết định cần phải đưa bà về nhà để chăm nom, nhưng thiện chí của anh bị thất bại vì tính cố chấp của Rebeca, người đã đổi bao năm tháng đau thương và nghèo túng để giành lấy quyền an hưởng trong cô đơn, và đã không sẵn lòng từ bỏ nó để đổi lấy một tuổi già vui vẻ trong những niềm vui giả tạo của cuộc đời lắm than hàng ngày.

Tháng hai, khi mười sáu người con trai của đại tá Aureliano Buendía trở lại nhà và trong lúc cuộc vui đang náo nhiệt Aureliano Triste đã nói với họ về Rebeca và chỉ trong nửa ngày, bọn họ đã khôi phục lại diện mạo ngôi nhà, thay cửa và cửa sổ, quét vôi bức tường mặt tiền, chống đỡ các bức tường khác và láng xi măng

lại nền nhà. Họ làm tất cả ở nhà ngoài nhưng không được phép sửa sang ở nhà trong. Rebeca không hề lộ mặt ra đến cửa. Bà để cho họ làm xong công việc sửa sang nhà cửa ổn ỉ ấy, sau đó bà tính công và bảo Argénida, bà hầu già vẫn ở với bà, mang ra cho họ một năm tiền, thứ tiền đã bị cấm lưu hành từ cuộc chiến tranh cuối cùng nhưng Rebeca cứ đinh mình tin rằng chúng vẫn còn tiêu được. Đó là lúc bà biết được sự xa lánh cuộc đời thực của mình đã đi đến đâu và bà hiểu rằng trong lúc mình còn một hơi thở thì thật khó có thể tách mình ra khỏi sự tự giam hãm một cách cố chấp trong ngôi nhà cô đơn này. Trong chuyến viếng thăm Macondo lần thứ hai của các con trai đại tá Aureliano Buendía, có một người đã ở lại làm việc với Aureliano Triste. Anh ta tên là Aureliano Centeno. Đó là một trong số những người đầu tiên tìm đến nhà để

được đặt tên. Úrsula và Amaranta nhận ra anh ngay vì chỉ trong ít giờ anh đã làm vỡ không biết bao nhiêu đồ dễ vỡ khi anh đụng vào. Thời gian đã làm giảm đi sức phát triển cơ thể lúc ban đầu của anh và giờ đây anh là người có tầm vóc trung bình, người đầy sẹo đầu lạo, nhưng khả năng đập phá của anh vẫn nguyên như cũ. Nhiều bát đĩa đã vỡ, ngay cả khi anh chưa đụng phải chúng. Fernanda phải vội vàng chọn mua cho anh một bộ đồ ăn bằng hợp kim để anh khỏi đập vỡ nốt những bộ đồ sứ đắt tiền của nàng. Ngay cả những bát đĩa bằng kim loại này chỉ trong ít ngày cũng đã cái thì nứt mẻ, cái thì méo mó. Nhưng ngoài tật hay làm vỡ bát đĩa vô phương khắc phục ấy ra, anh là người chân thành rất mực đến mức ngay lập tức anh được mọi người tin yêu và là người làm việc rất khỏe. Chỉ trong thời gian ngắn, bằng sức lực

của mình anh đã làm cho việc sản xuất nước đá phát triển vượt quá nhu cầu thị trường địa phương. Và do đó Aureliano Triste nghĩ đến khả năng phải mở rộng kinh doanh nước đá sang các làng khác thuộc vùng đầm lầy. Đó là lúc anh thai nghén bước ngoặt quyết định không chỉ có ý nghĩa đối với việc hiện đại hóa nhà máy của mình mà còn có ý nghĩa đôi với sự nghiệp làm cho Macondo gắn bó với phần còn lại của thế giới. – Cần phải mở đường xe lửa đến tận đây, – anh nói. Đó là lần đầu tiên ở Macondo được nghe cái từ ấy. Đứng trước bản vẽ do Aureliano Triste vạch ra, và nó là bản vẽ thừa kế trực tiếp những sơ đồ mà cụ José Arcadio Buendía đã minh họa cho kế hoạch sử dụng năng lượng mặt trời trong chiến tranh, Úrsula càng khẳng định cảm giác của mình về thời gian đang quay vòng tròn. Nhưng khác hẳn với ông nội mình,

Aureliano Triste không mất ngủ, không biếng ăn, không hay cáu giận thất thường khiến người khác phải khổ tâm, mà trái lại anh hình dung rõ ràng các kế hoạch, thấy chúng hiện ra như những khả năng trực tiếp, anh đặt những con tính rành mạch về những tổn kém và những thời hạn xây dựng rồi cứ thế anh tính kỹ càng không hề để lọt một khe hở đáng tiếc nào. Aureliano Segundo, người dường như có thói không biết lo xa vốn thừa kế được từ cụ cố nội và tính nết này lại không có ở đại tá Aureliano Buendía, đã tung tiền ra một cách nông nổi để làm đường xe lửa như trước đây đã tung tiền cho người anh mình làm đường thủy thất bại. Aureliano Triste xem lịch rồi ngày thứ tư tiếp đó đã lên đường để kịp trở về sau mùa mưa. Từ dạo anh đi không hề có tin tức gì hơn. Aureliano Centeno, sau khi đã làm cho sản phẩm nước đá quá ư thừa mùa bắt

đầu thử làm nước đá trên cơ sở nước hoa quả thay cho nước lã, và thế là do không biết và không có ý định anh đã tìm được nguyên tắc cơ bản để làm kem và bằng hình thức này anh nghĩ đến việc thay đổi phương thức sản xuất của một nhà máy mà anh đoán rằng sẽ thuộc về mình, bởi vì người anh vẫn chưa để lộ dấu hiệu sẽ trở về sau khi đã qua đi một mùa mưa, lại qua đi tiếp một mùa hè. Tuy nhiên, vào đầu một mùa đông nữa, có một bà giặt rũ quần áo ở ngoài sông đang lúc oi bức nhất, đã chạy ngang qua con đường trung tâm, vừa chạy vừa hót hải kê toáng lên trong trạng thái tâm hồn hoàn toàn bị kích động: – Làng nước ơi! – bà ta kêu. – Một con quái vật khủng khiếp giống như cái nhà bếp kéo theo cả một làng đang đến kia kìa? Trong lúc ấy, cả làng rùng mình trước tiếng còi huýt dài

vang động và tiếng thở xình xịch nặng nhọc của đầu máy xe lửa. Những tuần lễ trước đây, dân làng đã nhìn thấy các đội công nhân đang đặt tà vẹt và kéo đường ray nhưng không một ai để ý, bởi vì họ nghĩ rằng đó chẳng qua là một trò ảo thuật mới của những người digan trở lại với kèn và lục lạc thi nhau thổi và gõ để quảng cáo cho những phát minh kỳ tài của các bậc thông thái người Jerusalem. Nhưng khi đã hoàn hồn trước tiếng còi và tiếng xình xịch của đầu máy xe lửa, toàn thể dân cư thị trấn Macondo đổ ra đường và họ nhìn thấy Aureliano Triste từ trên đầu máy xe lửa vẫy chào mình, họ hào hứng nhìn con tàu cắm đầy hoa trên các thành cửa sổ, lần đầu tiên đến được thị trấn Macondo sau tám tháng chậm trễ. Con tàu màu vàng thơ ngây có lẽ sẽ mang đến cho Macondo biết bao

điều không chắc chắn và những điều sáng tỏ, biết bao lời phỉn nịnh và nỗi bất hạnh, biết bao biến động, đau khổ và nhớ mong.

CHƯƠNG 12

Xgõ ngang trước bao nhiêu là phát minh diệu kỳ, dân Macondo chẳng còn biết khởi sự thán phục từ đâu. Người ta thức cả đêm ngắm nhìn những bóng đèn điện được thắp sáng nhờ chiếc máy phát do Aureliano Triste mang về sau chuyến du hành bằng tàu hỏa lần thứ hai, và phải mất nhiều ngày người ta mới quen được với cái tiếng ầm ầm của nó. Người ta phần nộ trước những hình ảnh sống động mà tay lái buôn giàu có Don Bruno Crespi đem chiếu ở rạp hát có cái cửa tử vò bán vé, bởi lẽ một nhân

vật đã chết và bị đem chôn trong một bộ phim và có kẻ nhỏ nước mắt xót thương, lại sống lại và trở thành người Ả-rập trong một bộ phim khác. Đám đông dân chúng đã bỏ ra hai xen-ta-vôt để chia sẻ nỗi trầm luân của các nhân vật không thể chịu được cái trò dối trá chưa từng có ấy và bỏ ra về. Theo yêu cầu của Don Bruno Crespi, thị trưởng bèn ra cáo thị giải thích rằng phim ảnh là một thứ sản phẩm tưởng tượng mà công chúng không đáng phải bực mình như vậy. Trước những lời giải thích ngán ngẩm đó, nhiều người cho rằng họ đã là nạn nhân của cái trò quỷ quái mới của bọn digan, và quyết định không trở lại rạp chiếu bóng nữa, vì nghĩ rằng mình đã có quá nhiều nỗi đau khổ rồi do đó chẳng phải hoài hơi đi thương khóc cho những nỗi bất hạnh vờ vĩnh của những nhân vật tưởng tượng. Chuyện cũng xảy ra như vậy đối với

những chiếc máy hát mà các cô gái làng chơi thường mang theo thay cho chiếc đàn cổ lỗ sĩ, và có một thời đã làm thiệt hại ghê gớm đến quyền lợi của các ban nhạc. Thoạt đầu, sự tò mò đã làm tăng thêm đám khách hàng ở khu phố cấm, đến mức các bà quyền quý cũng cải trang thành dân thường để đến nhìn tận mắt cái tân kỳ của chiếc máy hát. Nhưng càng quan sát kỹ, người ta càng nhanh chóng đi đến kết luận rằng đây chẳng phải là trò ma thuật gì như người ta tưởng và như các cô gái làng chơi vẫn nói, mà chỉ là một thứ thủ thuật máy móc không thể so sánh được với một ban nhạc là thứ gây xúc động, giàu tính người và chứa đựng biết bao sự thật hàng ngày. Sự vỡ mộng thật là ghê gớm đến nỗi khi máy hát trở nên phổ biến ở từng nhà nó vẫn không phải là công cụ giải trí của người lớn, mà chỉ để cho trẻ con tháo lắp ng-

hịch chơi. Trái lại khi có người được dịp chứng kiến cái kỳ diệu có thực của chiếc máy điện thoại đặt ở ngoài ga xe lửa, vì nó cũng có chiếc tay quay nên trông như một chiếc máy hát thô sơ, thì ngay cả đến những người mạnh bạo nhất cũng phải run sợ. Dường như Thượng đế đã quyết định thử thách mọi khả năng kinh ngạc của con người và giữ dân chúng Macondo trong tâm trạng nghiêng ngả giữa vui và buồn, tin và ngờ, thậm chí đến mức không ai biết được đích xác đâu là giới hạn của thực tế. Đó là một mớ bòng bong trộn lẫn giữa sự thật và ảo ảnh từng làm cho cái bóng ma José Arcadio Buendía phải sống lại đứng ngồi không yên dưới bóng cây dẻ và buộc cụ phải đi đi lại lại trong nhà ngay cả khi trời đã sáng bạch. Từ ngày con đường sắt được chính thức khánh thành và tàu bắt đầu đỗ lại đều đặn vào lúc mười một giờ

trưa thứ tư hàng tuần, và một nhà ga thô sơ bằng gỗ trong phòng có bàn viết có máy điện thoại và một cái cửa tò vò làm nơi bán vé được dựng lên, khi ấy người ta thấy ở Macondo có những đám đàn ông và đàn bà đi đi lại lại ngoài đường cổ làm ra vẻ bình thường, nhưng thực ra họ có vẻ như những người làm xiếc. Ở một làng đã từng biết rõ những mảnh khoé của bọn digan thì tương lai chẳng tốt đẹp gì đối với những anh làm xiếc bán thuốc dầu có bẻm mép đấy nhưng đến cuối tuần cũng chỉ trông vào chiếc nồi kê boong boong và những bữa ăn chỉ đủ cứu vớt linh hồn, nhưng họ lại được lợi to khi loè những kẻ cả tin vì mệt mõi hay vì ngây thơ. Trong số những anh chàng hề xiếc quần chèn, ủng cao, mũ cao su, kính gọng sắt, mắt màu nâu trông như những chú gà trống tốt mã, có một người trong số những người thứ

tư nào cũng đến Macondo và ăn trưa ở nhà Buendía, đó là ngài Herbert béo lùn luôn luôn tươi cười. Chẳng ai nhận ra ông ta ngồi ở bàn ăn khi ông ta còn chưa chén sạch cả nải chuối. Aureliano Segundo ngẫu nhiên gặp ông ta đang còn càu nhàu chửi bới bằng một thứ tiếng Tây Ban Nha ngượng nghịu vì không kiếm được một phòng riêng ở khách sạn Jacob, và thế là anh đã dẫn vị khách về nhà như vẫn thường làm đối với nhiều người lạ khác. Ông ta có một gánh hàng bán bóng thám không từng mang đi khắp nơi thu những món lãi kếch xù, nhưng lại không câu được khách ở Macondo, bởi vì dân ở đây coi đó là một trò lạc hậu sau khi họ từng nhìn thấy và đi thử những chiếc thám bay của dân gian. Vì vậy ông ta sẽ ra đi vào chuyến tàu sắp tới. Khi gia chủ cho người mang đến nải chuối chín trứng cuốc đầu tiên vẫn thường

được treo lủng lẳng ở phòng ăn, người khách hờ hững bẻ một quả. Ông ta cứ vừa ăn vừa nói, vừa nhấm nháp vừa nhai tóp tép, giống như điệu bộ của một nhà thông thái đáng trí hơn là của kẻ phàm ăn, và khi chén xong nải thứ nhất, ông ta bèn gọi thêm nải nữa. Lúc đó, ông ta mở túi đồ nghề luôn mang bên người lấy ra một bọc đựng dụng cụ quang học. Rồi với vẻ thận trọng của một tay buôn kim cương, ông ta xem xét tỉ mỉ quả chuối, cắt ra từng miếng bằng một con dao đặc biệt rồi đem cân bằng cân tiểu ly, xong lại tính đường kính của từng miếng bằng chiếc máy đo của những người lái súng. Tiếp đó ông ta lại lục ra hết dụng cụ này đến dụng cụ khác, chiếc thì đo nhiệt độ, chiếc thì đo độ ẩm không khí, chiếc thì đo cường độ ánh sáng. Thật là một nghi thức kỳ quái, làm cho cũng phải vừa ăn vừa thấp thỏm trông đợi ngài Herbert

nói mấy lời gì đó, nhưng ông ta không nói gì khả dĩ cho thấy ý đồ của mình. Vào những ngày sau đó, người ta thấy ngài Herbert mang theo vợt và giỏ đi bắt bướm ở các vùng xung quanh thị trấn. Đến thứ tư, một nhóm gồm các kỹ sư nông nghiệp, thủy lợi, các nhà đồ bản và đo đạc đến khảo sát hàng tuần liên ở chính những khu vực mà Herbert từng đến bắt bướm. Sau đó ngài Jack Brown đến trên một toa tàu riêng nổi thêm vào đoàn tàu hỏa màu vàng; và nó là toa đặc biệt vì sàn và thành dát bạc, ghế đệm bọc nhung, trần lợp thủy tinh màu xanh. Cũng trên chuyến tàu đặc biệt này, lảng vảng xung quanh ngài Jack Brown còn có các vị trạng sư long trọng trong những chiếc áo thụng đen, một thời đã bám theo đại tá Aureliano Buendía ở khắp nơi. Việc này làm cho dân làng nghĩ rằng các kỹ sư nông nghiệp, thủy lợi, các nhà

đồ bản và đo đạc, cũng như ngài Herbert với những quả bóng thám không và những chú bướm sặc sỡ sắc màu, cùng ngài Brown với toa tàu di động và những con chó bec-giê dữ tợn hình như báo hiệu một cuộc chiến tranh. Tuy nhiên người ta không có nhiều thời gian để suy nghĩ, bởi vì những người dân chạy cảm ở Macondo chỉ vừa kịp hỏi nhau xem trò quái quỷ gì đang xảy ra thì cả thị trấn đã biến thành cái trại gồm những căn nhà bằng gỗ, mái lợp tôn của những người lạ mặt chẳng biết từ đâu đến trên những chuyến tàu hỏa chật ních, người ta không chỉ ngồi

trên các hàng ghế, dưới sàn mà cả trên nóc toa. Đám dân Gringo [Dân Bắc Mỹ, cách gọi miệt thị.] này, về sau đem theo cả những bà vợ gầy gò thường hay mặc đồ van mỏng và đội những chiếc mũ vải rộng vành,

đã xây dựng khu dân cư riêng ở phía bên kia đường tàu, dọc đường trồng cây pan-ma, nhà nào cũng làm cửa sổ bằng lưới sắt, ngoài hiên kê những chiếc bàn màu trắng, trên sân thượng cắm những con quay gió hình chữ X và xung quanh nhà là những bãi cỏ rộng thả gà ri và gà tây. Cả khu làng được rào lại bằng những tấm lưới sắt, giống như một trại gà khổng lồ có mắc điện mà vào những tháng đầu hè mát mẻ, sáng ra những đàn chim én bay đen cả bầu trời. Không ai biết rõ họ tìm kiếm cái gì, hoặc giả trên thực tế họ chỉ là những người từ thiện và họ đã gây nên một sự rối loạn ghê gớm, còn hơn cả những gì do những người digan gây nên trước đây, nhưng lại qua nhanh và có thể hiểu được. Do được phú những khả năng mà xưa kia chỉ Chúa trời mới có, họ thay đổi cung cách mưa, rút ngắn mùa thu hoạch, dời dòng sông sang phía

đầu làng bên kia, đằng sau khu nghĩa địa. Cũng vào dịp đó họ xây hẳn một chiếc lăng bằng bê tông thay cho nấm mồ cũ của José Arcadio, để cho cái mùi thuốc súng của thi hài không làm ô nhiễm dòng nước. Để phục vụ cho những người lạ mặt không gia đình, họ biến khu phố nhỏ của các cô gái làng chơi thành một thị trấn rộng và đông đúc hơn. Rồi một ngày thứ tư rục rĩ kia, họ mang đến một chuyến tàu chở đầy những gái làng chơi tuyệt mỹ, những cô gái diêm dúa được huấn luyện với tài nghệ không thể tưởng tượng nổi, và được chuẩn bị trước đủ các loại phấn sáp và dụng cụ để khêu gợi những anh chàng chưa có kinh nghiệm hãy còn nhút nhát, e dè, thỏa mãn những kẻ đầy dục vọng, và mua vui cho đủ loại người, cho những chàng trai độc thân. Khu phố Thổ Nhĩ Kỳ sang trọng hơn với những cửa hàng dành cho thủy thủ

viễn dương thay thế những tiệm nhỏ cũ nát, cứ đến tối thứ bảy lại ồn ào những đám đông hiếu động và mạo hiểm chen lấn xô đẩy nhau bên những bàn cờ bạc, bên những bàn bắn súng ăn tiền, trong cái ngõ cụt nơi người ta đoán hậu vận và giải điềm báo, bên những chiếc bàn đầy thức ăn thức uống, và đến sáng chủ nhật những chiếc bàn này gây đổ ngổ ngang dưới đất, giữa những đám người nằm lộn xộn, đôi khi là những kẻ say bí tử sau những giờ hoan lạc, nhưng hầu hết là những kẻ ngã gục vì bị bắn, bị đâm, bị chém hay bị đập bằng chai lọ trong các cuộc ẩu đả. Quả là một sự xâm nhập quá ư âm ỉ và không đúng lúc, đến nỗi trong thời gian đầu người ta không thể nào đi lại trong phố đầy những đồ đạc, hòm xiểng, và những gỗ ván, tre nứa của những người nghiêm nhiên dựng nhà ở bất cứ miếng đất trống nào mà chẳng

cần xin phép ai, và cả những trò bê bối của những đôi trai gái mắc võng bừa bãi dưới các gốc cây và làm tình với nhau ngay giữa ban ngày ban mặt chẳng kể gì kẻ qua người lại. Góc phố yên tĩnh duy nhất là của những người da đen vùng Antidat [Theo bản tiếng Anh là người Negro.] với những căn nhà gỗ ọp ẹp, và cứ vào lúc hoàng hôn thì họ ngồi trước hiên nhà hát những bài ca nào ruột bằng thứ thổ ngữ của mình. Biết bao biến đổi đã diễn ra trong một thời gian quá ngắn, nghĩa là chỉ tám tháng sau khi ngài Herbert đến thăm, và những người dân vốn sinh sống ở Macondo gọi nhau dậy sớm để xem chính cái làng của mình.

– Hãy xem chúng ta đã gặp những đồ ma quỷ gì nào, – ngài đại tá Aureliano Buendía thường nói, – đừng có mà mời bọn Gringo đến xơi chuối ngự nữa nhé!

Trái lại, Aureliano Segundo không để đâu hết vui mừng trước làn sóng dân tứ xứ đổ về. Không mấy chốc nhà anh đầy những người khách lạ, những thực khách nổi tiếng thế giới, và thế là phải làm thêm phòng ngủ ở ngoài sân, mở rộng thêm nhà ăn, thay chiếc bàn ăn cũ bằng một chiếc mới mười sáu chỗ ngồi, bát đĩa, dao dĩa đều phải mới hết, mặc dù thế vẫn phải bố trí ăn trưa thành từng đợt. Fernanda đã phải ra sức chịu đựng và phục vụ như đối với các ông hoàng cái đám khách đủ mọi loại người, những kẻ ngang nhiên tha cả ủng đầy đất, cát vào phòng ăn, tiểu tiện bừa cả ra vườn, trái bặt ra bất cứ chỗ nào để ngủ trưa và tuôn cả đủ mọi chuyện chẳng kể gì đến sự ngượng ngùng của đàn bà con gái cũng như sự bất bình của những người đàn ông đứng đắn. Trước sự lộn xộn của đám người hạ đẳng ấy, Amaranta tỏ rõ

nổi bật dọc bằng cách đến bữa lại bỏ vào ăn cơm trong nhà bếp như ngày trước. Đại tá Aureliano Buendía biết rằng hầu hết những kẻ vào trong xưởng chào ngài chẳng phải vì họ quý trọng gì ngài, mà chỉ là do tò mò muốn biết thêm một thứ di vật lịch sử, một bộ xương của Viện bảo tàng, nên đã quyết định đóng cửa cài then suốt ngày, và hãn hữu mới thấy ngài ngồi ở phía cửa quay ra đường. Úrsula thì khác hẳn, ngay cả lúc chỉ còn lết được đôi chân, bám vào tường mà đi, cụ vẫn cảm thấy cái háo hức của tuổi trẻ mỗi khi đoàn tàu sắp đến.

“Cần phải kiểm thịt và cá”, cụ ra lệnh cho bốn chị nấu bếp, lúc nào cũng tất tưởi có mặt đúng giờ dưới sự điều khiển nghiêm khắc của Santa Sofía de la Piedad.

“Cần phải chuẩn bị sẵn đủ mọi thứ, – cụ nhất quyết nhắc lại, bởi vì chẳng bao giờ biết được khách khứa thích ăn những món gì”.

Chuyến tàu đến vào giờ nóng bức nhất. Đến bữa ăn trưa, căn nhà ồn ào như chợ, và đám thực khách mồ hôi nhễ nhại, chẳng cần biết những ai là chủ nhà cứ chen bừa vào chiếm lấy những chỗ tốt nhất trên bàn ăn, trong khi các bà nấu bếp vội vã va cào vào nhau bên những nồi xúp tướng, những nồi thịt ninh, những xoong canh rau, những liễn cơm và múc hết gạo này đến gạo khác cạn sạch cả thùng đại nước chanh. Tình trạng lộn xộn quá đến nỗi Fernanda tức tối điên người vì định ninh rằng rất nhiều người đã vào ăn tới hai lần và nhiều lúc muốn tuôn ra những lời lẽ thô tục bởi có một vài anh chàng dở hơi tưởng đây là quán

trợ hay sao mà lại gọi đem hóa đơn ra thanh toán.

Đã hơn một năm kể từ ngày ngài Herbert tới thăm và điều duy nhất người ta được biết là việc bọn Gringo định trồng chuối ở vùng đất mê người mà José Arcadio Buendía và người của cụ đã vượt qua trên đường đi tìm những phát kiến lớn. Hai người con trai khác của đại tá Arcadio Buendía với những chữ thập đánh dấu trên trán cũng đến do bị lôi cuốn bởi sự bùng nổ đó, và họ giải thích lý do dẫn tới quyết định ấy bằng một câu có lẽ cũng là chung của mọi người. – Chúng tôi đến đây, – họ nói, – vì tất cả mọi người đều đến. Remedios – Người đẹp, là người duy nhất thoát khỏi nạn dịch trồng chuối. Nàng cứ giữ mãi cái tuổi niên thiếu tuyệt đẹp, ngày càng dừng dừng trước mọi sự chải chuốt,

càng không lưu tâm gì đến những trò ma mãnh giảo hoạt, luôn luôn sung sướng trong cái thế giới hiện thực giản đơn của chính mình. Nàng không hiểu vì sao mà các bà các chị lại cứ phải làm cho cuộc đời thêm phức tạp với những xu chiêng và xi líp, và thế là nàng tự may một chiếc váy đầm bằng vải gai để chỉ phải chui đầu vào là giải quyết xong mọi chuyện không phải phiền phức gì nữa. Như vậy nàng cảm thấy mình vẫn được tự do thoải mái, mà theo nàng hiểu thì đó là cách tốt nhất khi ở trong nhà. Mọi người cử mề nheo bảo nàng cắt bớt mớ tóc dài như suối chảy mãi tới bắp chân để búi lên và dùng dây xanh đỏ buộc lưng lẳng sau gáy, thế là nàng bèn cạo trọc luôn và lấy tóc mình làm bộ tóc giả chử pho tượng thánh. Điều đáng ngạc nhiên ở cái bản năng giản đơn của nàng là càng vứt bỏ kiểu cách để tìm kiếm sự thoải mái, càng

bỏ qua những qui phạm để tuân theo cái bột phát tự nhiên, thì nàng càng trở nên đẹp ghê gớm và càng làm cho cánh đàn ông thèm muốn hơn. Khi những người con của đại tá Arcadio Buendía đến Macondo lần đầu tiên, Úrsula nhớ rằng họ mang trong người dòng máu của Remedios, đứa chắt gái của cụ và cụ cảm thấy một nỗi hoảng sợ chưa từng có. “Hãy nhìn cho kỹ”, cụ đe trước, “Nếu mày ăn nằm với bất kỳ đứa nào trong số đó, thì mày sẽ đẻ con có cái đuôi lợn”. Nàng chẳng để tâm đến lời răn đe ấy, vẫn mặc quần áo con trai, lặn lê bò toài trên bãi cát để trèo cột mỡ và suýt nữa thì gây nên một thảm kịch giữa mười bảy người chú họ của mình đang bàng hoàng trước cảnh tượng không sao chịu đựng nổi. Cũng vì vậy mà không ai trong số họ ngủ lại nhà khi đến thăm làng và bốn người còn lại từ trước thì sống riêng ở mấy phòng thuê

theo sự xếp đặt của Úrsula. Tuy vậy, Remedios – Người đẹp, chắc là sẽ chết cười nếu mà biết được sự đề phòng đó. Cho tới giây phút cuối cùng còn ở trần gian, nàng không hề biết rằng cái số phận làm đàn bà có sức quyến rũ không cưỡng lại nổi của mình lại là một mối thảm họa hàng ngày. Mỗi lần nàng xuất hiện ở nhà ăn, cãi lại lệnh của Úrsula là một lần làm cho đám khách lạ hết hoảng sợ hãi. Hai năm rưỡi mười là nàng thốn thẹn trong chiếc váy đầm thùng thình trở trêu kia, và không ai có thể hiểu rằng cái đầu tròn lốc tròn quay của nàng lại không phải là một sự thách thức, và rằng việc nàng chẳng ngượng ngừng phơi đùi ra cho mát cũng như việc nàng cứ mút ngón tay chùn chụt sau khi dùng tay bốc thức ăn lại không phải là một sự khiêu khích đầy tội ác điều chẳng bao giờ những người trong gia đình biết được là đám khách lạ

nhANH chóng nhận ra rằng Remedios – Người đẹp thường gây ra nỗi kinh hoàng và sự giày vò nội tâm cho họ ngay cả sau khi nàng đã đi qua hàng giờ rồi. Những trang nam nhi lợc lỏi trước những đau khổ vì tình, được thử thách khắp đó đây đều khẳng định rằng họ chưa từng bao giờ lại có cảm giác thèm khát đến như vậy trước làn hơi tự nhiên của Remedios – Người đẹp. Ở hành lang đặt những chậu cây thu hải đường, ở phòng khách, ở bất cứ góc nào trong nhà, người ta có thể chỉ đích vào nơi nàng đã đứng và thời gian chính xác lúc nàng rời đi. Cái dấu vết ấy rõ ràng, không lẫn lộn được, nhưng không ai trong gia đình nhận ra vì từ lâu nó đã hòa nhập vào cái mùi hàng ngày trong nhà, còn những khách lạ thì dễ dàng nhận ra ngay. Vì vậy duy chỉ có bọn họ hiểu được rằng viên chỉ huy trẻ tuổi của đội gác có lẽ đã chết vì

tình, và một chàng công tử từ xa đến có lẽ đã tuyệt vọng. Không biết gì tới khung cảnh xao động và trạng thái tai ương nghiệt ngã do mỗi cử chỉ, mỗi bước đi của mình gây ra, Remedios – Người đẹp luôn cư xử với mọi người không chút tà tâm và vẫn làm cho họ sầu não trước sự hoan hỉ ngây thơ của nàng. Khi Úrsula bắt nàng phải vào ăn cơm trong bếp cùng với Amaranta để cho đám khách lạ khỏi trông thấy, thì nàng lại cảm thấy dễ chịu hơn, bởi vì rốt cuộc nàng càng được tự do thoải mái. Thực ra nàng ăn cơm ở đâu cũng vậy thôi, và không phải vào giờ qui định mà hễ thích lúc nào thì nàng ăn lúc ấy. Khoảng ba giờ sáng nàng đã dậy ăn, rồi ngủ suốt cả ngày, và suốt mấy tháng trời nàng ăn uống chẳng theo giờ giấc nào, cho đến khi một sự tình cờ nào đó đưa nàng trở lại trật tự cũ. Khi mọi việc đều suôn sẻ thì mười một giờ trưa

nàng mới dậy và chui vào trong nhà tắm khóa cửa lại và cứ thế trần truồng dầm mình trong bồn tắm hàng vài giờ liền, vừa giết những con bọ cạp vừa rũ đi cơn buồn ngủ kéo dài. Sau đó nàng lấy chiếc gáo bằng quả bầu khô múc nước trong vại dội ào ào lên người. Buổi tắm cứ kéo dài, tỉ mỉ, thích thú trong cái khung cảnh tịch mịch trang nghiêm, mà nếu ai không biết rõ nàng thì chắc hẳn sẽ nghĩ rằng nàng đang say mê chăm chút cơ thể mình. Nhưng đối với nàng, cái nghi thức đơn điệu kia chẳng có gì là khêu gợi, và đó chỉ là cách tiêu khiển thì giờ trong lúc nàng đói. Có hôm khi nàng bắt đầu tắm, một người khách lạ dỡ một viên ngói trên nóc nhìn xuống, và chàng ta như nghệt thở trước tấm thân ngà ngọc ấy. Nàng nhìn thấy đôi mắt trần trần kia qua lỗ trống trên mái ngói và phản ứng của nàng không phải là cảm giác xấu hổ, mà

là sự lo sợ cho tính mạng của chàng trai.

Cẩn thận kéo ngã, – nàng hét lên.

Anh chỉ muốn được chiêm ngưỡng em thôi mà. – Chàng khách lạ thì thào.

Ồ, thế à nhưng hãy cẩn thận, mái ngói đã bục rồi đấy.

Nét mặt của chàng trai thoáng vẻ đau đớn kinh hoàng và như đang âm thầm cưỡng lại sự hồi hộp đầu tiên để không làm ảo mộng tiêu tan. Remedios – Người đẹp những tưởng chàng đau khổ vì sợ mái ngói vỡ, và nàng tắm nhanh hơn thường lệ để chàng khỏi gặp nguy hiểm. Vừa mức nước ở vại dội lên người, nàng vừa nói với chàng rằng cái mái nhà ọp ẹp đến thế sẽ gây chuyện khốn khổ, và rằng lá mục vì mưa dột là nguyên nhân khiến cái bồn tắm lúc nào cũng đầy những bọt

cặp. Chàng trai những tưởng câu chuyện tầm phào kia là cách mà nàng che giấu sự bằng lòng, cho nên khi nàng bắt đầu xoa xà phòng thì chàng bèn dần thêm bước nữa:

Để anh xoa xà phòng cho em.

Cảm ơn lòng tốt của anh, – nàng nói,
– nhưng chỉ cần hai bàn tay em cũng đủ.

Cho anh xoa đằng lưng thôi mà, –
chàng van nài.

Chẳng cần như vậy. Em chả thấy ai
lại xoa xà phòng sau lưng bao giờ.

Sau đó, trong khi nàng lau mình, chàng trai nước mắt đầm đìa khẩn khoản được cầu hôn với nàng. Nàng thực thà trả lời rằng chẳng bao giờ nàng lại đi lấy một người con trai xoàng tới mức bỏ phí cả hàng tiếng đồng hồ, thậm

chí bỏ cả bữa cơm, để chỉ làm cái việc là xem một cô gái tắm. Cuối cùng, khi nàng mặc chiếc váy đầm vào, chàng trai không thể nào chịu đựng được trước sự thực là nàng không mặc đồ lót gì cả, như mọi người vẫn đoán như vậy và cảm thấy điều bí mật ấy như một thanh sắt nung đỏ ấn dấu mãi mãi vào da, thịt lạnh. Lúc đó chàng trai bèn dỡ thêm hai viên ngói nữa để trèo vào bên trong nhà tắm.

Mái nhà cao lắm? – nàng gọi, giọng kinh hoàng, – khéo ngã chết đấy!

Tiếng những viên gạch vỡ rơi loảng xoảng như báo hiệu một thảm họa, và anh chàng khách lạ kia chỉ kịp rú lên một tiếng khùng khiếp, sợ vỡ tan và chết không kịp ngáp trên nền xi măng. Những người khách lạ từ trong nhà ăn nghe thấy tiếng đổ ầm ầm đã vội chạy ra khiêng xác chàng trai trẻ, cảm thấy từ

làn da của anh ta tỏa ra cái mùi nồng nặc đến khó thở của Remedios – Người đẹp, và cái mùi này vẫn tiếp tục hành hạ đám đàn ông cả sau khi chết, cả khi họ chỉ còn là nắm xương tàn. Mặc dù vậy, họ không liên hệ tai nạn khủng khiếp đó với cái chết của hai người đàn ông khác cũng vì Remedios – Người đẹp. Phải đợi đến khi có một nạn nhân nữa thì những người khách lạ và rất nhiều người sinh trưởng ở Macondo mới tin vào câu chuyện huyền thoại nói rằng hơi thở của Remedios – Người đẹp không phải là làn hơi tình ái mà là luồng khí giết người.

Câu chuyện xảy ra vài tháng sau đó, vào một buổi chiều khi Remedios – Người đẹp cùng với mấy bạn gái đi xem những đồn điền mới. Dân Macondo gần đây có thói quen tiêu khiển mới bằng cách đi dạo dọc những con đường ẩm

ướt và dài như vô tận trông chuối kín cả hai bên, là nơi sự im lặng dường như được bắt nguồn từ một xứ sở hoang vu nào đó, và do đó âm thanh thật khó lan xa. Có khi chỉ cách nhau có nửa mét mà không nghe thấy tiếng nhau, nhưng tiếng nói từ tít phía bên kia cánh đồng vọng tới lại rất rõ. Trò chơi mới mẻ đó làm cho các cô gái ở Macondo được những mẻ cười thoải mái hoặc những trận hồi hộp hù dọa và trêu đùa nhau. Tối đến các cô thường kể lại các cuộc dạo chơi đó như kể lại những giấc mơ. Sự im lặng kia được coi trọng tới mức Úrsula không dám ngăn cản cuộc tiêu khiển của Remedios – Người đẹp, và một buổi chiều đã cho phép nàng đi chơi với điều kiện phải đội chiếc mũ rộng vành và diện bộ cánh thật đẹp. Từ lúc các cô gái vào tới đồn điền, bầu không khí như đượm một mùi thơm chết chóc. Những người đàn

ông làm việc trên cánh đồng như cảm thấy bị mê hoặc, bị đe dọa bởi một hiểm họa vô hình, và rất nhiều người như chìm đắm trong cơn khủng khiếp đắm nước mắt. Remedios – Người đẹp và các cô bạn hốt hoảng của cô vừa kịp ẩn vào một ngôi nhà gần đó khi bọn họ suýt bị một đám đàn ông cuồng nhiệt làm nhục. Sau đó các cô được cứu thoát nhờ có bốn anh em Aureliano, mà những chữ thập tro thánh trên trán họ in đậm một sự tôn kính, dường như chúng là một dấu ấn của đẳng cấp, của sự bất khả xâm phạm. Remedios – Người đẹp không kể với ai câu chuyện một kẻ trong số đó lợi dụng lúc ồn ào sờ tay vào bụng dưới của nàng, cái bàn tay ấy có vẻ như những chiếc móng chim ưng bám vào bờ vực thẳm. Trong tích tắc nàng gạt tay chàng trai trẻ nông cuồng và nhìn thấy một đôi mắt rầu rĩ làm cho trái tim nàng nhói lên một cảm

giác thương cảm. Đêm ấy, chàng trai đến phố Thổ Nhĩ Kỳ khoe khoang về sự liều lĩnh và số may của mình. Vài phút sau anh chàng bị một con ngựa đá một phát giập ngực và đám đông khách tứ phương chứng kiến cảnh anh ta gãy giữa trong vũng máu, chết gục giữa đường. Thế là điều phỏng đoán về chuyện Remedios – Người đẹp mang trong người uy quyền của thần chết đã được chứng minh bằng bốn trường hợp không gì bác bỏ được. Mặc dù một số người hay tán gẫu thường nói cho sướng miệng rằng nếu được ngủ một đêm với người đàn bà quyến rũ như vậy thì có chết cũng đành nhưng thực ra chẳng anh nào cố sức để làm việc đó cả. Có lẽ chỉ cần một thứ tình cảm nguyên thủy và giản dị như tình yêu là đủ để không chỉ chinh phục nàng mà còn để tránh mọi nguy hiểm, nhưng đó chính là điều duy nhất không ai nghĩ tới.

Úrsula không chú ý gì đến nàng nữa. Trước kia, khi cụ còn chưa từ bỏ ý định cứu vớt nàng thành người hữu ích cho cuộc đời, cụ thường cố làm cho nàng quan tâm đến những công việc chính ở trong nhà. “Đàn ông họ thường đòi hỏi nhiều hơn là mày tưởng”, cụ thường nói mập mờ như vậy, “Nào nấu nướng, nào quét dọn, rồi biết bao nhiêu điều vặt vãnh phải lo toan, ngoài những điều mày nghĩ”. Thực ra cụ đã tự lừa dối mình bằng cách dạy cho nàng hưởng hạnh phúc gia đình, bởi vì chính cụ cũng tin rằng một khi dục vọng được thỏa mãn thì không một người đàn ông trên trái đất này có thể chịu đựng được,

dù chỉ trong một ngày, sự lơ đãng không thể hiểu được ấy... Khi người đàn ông cuối cùng¹ của nhà José Arca-

¹ Tức con trai đầu lòng của Aureliano Segundo với Fernanda.

dio ra đời, cụ dứt khoát muốn nuôi dạy cho nó trở thành Giáo hoàng, cho nên cụ chả còn tâm lực đâu mà lo lắng đến cô cháu gái. Cụ để mặc nàng, nghĩ rằng sớm muộn gì thì cũng có điều kỳ diệu xảy ra, và trong cái thế giới mọi sự đều có thể này hẳn là cũng sẽ phải có một người đàn ông đủ nhẫn nại để rước lấy nàng. Từ lâu rồi, Amaranta đã dứt bỏ mọi ý định cố dạy nàng thành một cô gái hữu ích. Ngay từ những buổi chiều khau vá chẳng còn nhớ rõ nữa ấy, khi cô cháu gái chỉ thích có mỗi việc quay maniven chiếc máy khau, bà đã kết luận dứt khoát nó là đứa ngốc nghếch. “Đến phải mang đầu giá may đi thôi”, bà nói, và rất ngạc nhiên trước thái độ tỉnh bơ của nàng đối với những lời tán tỉnh của đám đàn ông. Về sau khi Úrsula cứ nhất quyết bắt Remedios – Người đẹp phải phủ mạng che mặt lúc đi lễ nhà thờ, Amaranta nghĩ

rằng cái trò bí ẩn kia có lẽ lại trở thành khêu gợi tới mức mà chẳng mấy chốc sẽ có một người đàn ông đủ sức hiếu kỳ và nhẫn nại để đi tìm chỗ yếu của trái tim nàng.

Nhưng khi trông thấy cung cách ngờ nghệch mà nàng khước từ một kẻ cầu thân có nhiều điểm còn ăn đứt cả vương tôn công tử, thì bà không còn hy vọng gì nữa. Fernanda thậm chí không muốn hiểu nàng nữa. Khi thấy Remedios – Người đẹp vận đồ xiêm áo Hoàng hậu trong ngày hội Carnaval đẫm máu, Fernanda nghĩ rằng đó là một cô gái dị thường. Nhưng khi thấy nàng dùng tay ăn bốc, và trả lời bằng những câu ngớ ngẩn thì Fernanda chỉ cảm thấy tiếc là những kẻ đàn độn trong gia đình lại có cuộc sống lâu dài thế. Mặc dù rằng đại tá Aureliano Buendía vẫn tin và thường

nhắc đi nhắc lại rằng thực ra thì Remedios – Người đẹp là đứa thông minh sáng suốt chưa từng thấy, và mặc dù rằng nàng vẫn thường tỏ ra khéo léo lạ kỳ trong việc bốn cột mọi người khác, cả nhà đã phó mặc nàng cho Thượng đế lòng lành.

Remedios – Người đẹp một mình bơi trong sa mạc cô đơn, chẳng có cây thánh giá trên vai, chìm đắm trong những giấc mơ tươi đẹp, trong những buổi tắm triền miên, trong những bữa ăn không giờ giấc, trong chuỗi lặng im sâu thẳm không hồi tưởng, cho đến một buổi chiều tháng ba khi Fernanda ở trong vườn muốn gấp những chiếu chăn thô trải giường và gọi các bà các chị ra giúp mình một tay. Họ vừa mới bắt đầu, thì Fernanda phát hiện thấy Remedios – Người đẹp toàn thân xanh tái.

Chị ốm hay sao vậy? – Fernanda hỏi. Remedios – Người đẹp đang cầm một đầu mép chăn bên kia mỉm cười như nuối tiếc.

Không phải đâu, – nàng nói,– chị thấy mình khỏe hơn lúc nào hết.

Nàng vừa nói đến đấy thì Fernanda cảm thấy một làn gió dễ chịu đẩy ánh sáng làm bật chiếc chăn khỏi tay mình và hất tung nó lên trời. Amaranta cảm thấy lạnh xương sống và cố bám lấy chiếc chăn cho khỏi ngã, đúng vào lúc Remedios – Người đẹp bay lên. Úrsula, lúc ấy gần như loà mắt, là người duy nhất bình tĩnh nhận ra thực chất của làn gió không gì cưỡng lại kia và cứ để mặc cho những chiếc chăn bay như vậy mà nhìn Remedios – Người đẹp đang vẫy tay vĩnh biệt mình. Giữa luồng sáng phập phồng của những chiếc chăn cùng bay lên theo

nàng, có cả mùi những con bọ cạp và hoa mẫu đơn, tất cả cùng đi theo nàng trong cái bầu không khí kết thúc lúc bốn giờ chiều, và tất cả cùng theo nàng vĩnh viễn biến mất ở trên tầng cao không khí nơi những con chim bay cao nhất cũng chẳng vỗ cánh tới bao giờ. Đám khách lạ tất nhiên nghĩ rằng Remedios – Người đẹp cuối cùng đã hóa thân theo cái số mệnh tiền định của nàng là con ong chúa, và gia đình nàng đã ra sức cứu vãn danh dự bằng cái huyền thoại nàng tự bay lên. Fernanda ghen tức vô cùng, cuối cùng cũng chấp nhận câu chuyện ly kỳ, và rất lâu sau đó vẫn tiếp tục cầu trời đem trả lại những chiếc chăn. Mọi người đều tin vào câu chuyện kỳ diệu và họ đều hương khói khẩn khứa.

Có lẽ sẽ không ai nói chuyện gì khác trong một thời gian lâu nữa, nếu như

không có chuyện tàn sát man rợ đám con trai của đại tá Aureliano Buendía, làm cho sự ngạc nhiên biến thành sự hãi hùng! Mặc dù chưa bao giờ nói ra miệng lời tiên đoán của mình, nhưng đại tá Aureliano Buendía đã dự cảm trước trong chừng mực nào đó cái kết cục bi thảm của các con mình. Khi Aureliano Serrador và Aureliano Arcaya tỏ ý muốn ở lại Macondo, ông bố đã cố ngăn cản. Ông không hiểu chúng sẽ làm gì ở cái làng mà chỉ từ đêm đến sáng đã biến thành một nơi nguy hiểm. Nhưng Aureliano Centeno và Aureliano Triste được Aureliano Segundo ủng hộ đã nhận hai người vào làm trong xí nghiệp của mình. Đại tá Aureliano Buendía có nhiều lý do đúng sai lẫn lộn để không tán đồng quyết định ấy. Kể từ khi trông thấy ngài Brown trên chiếc ô tô đầu tiên đến Macondo – một chiếc xe màu da cam có chiếc còi làm

khiếp vía những con chó cứ chạy theo mà sủa âm ỉ – người lính già bực mình với sự xun xoe khúm núm của dân làng, và nhận ra rằng có cái gì thay đổi trong phẩm cách con người kể từ hồi ngài từ bỏ vợ con, vác khẩu súng lên vai ra đi chiến trận. Các nhà chức trách địa phương, sau Hiệp định đình chiến Neerlandia, đều trở thành những thị trưởng chẳng có sáng kiến gì, những thẩm phán làm vì, được chọn trong số những người bảo thủ mệt mỏi và hiền lành ở Macondo. “Đây là một chế độ của những con quỉ đói”; đại tá Aureliano Buendía bình phẩm khi trông thấy những viên cảnh sát đi chân đất mang dùi cui đi ngang qua, “Chúng ta đã bao lần nổi dậy làm chiến tranh cốt để cho chúng nó không bắt chúng ta phải quét vôi xanh nhà mình”. Tuy vậy khi Công ty chuối đến, các viên chức địa phương bị thay thế bằng đám chức dịch

lạ mặt mà ngài Brown đưa đến sinh sống ở khu nhà chung cư, khu “trại gà mắc điện”, để cho họ được hưởng – theo lời ngài giải thích – vinh dự hợp với chức vị của mình, và không phải chịu cảnh nóng bức, muỗi và vô số sự thiếu thốn khổ ải của dân chúng. Những viên cảnh sát cũ bị thay thế bằng bọn giết người bằng dao chặt múa. Chúi đầu trong xưởng, đại tá Aureliano Buendía nghĩ ngợi về những đổi thay đó, và lần đầu tiên trong những năm cô đơn thâm lặng của mình, ngài trần trọc mãi với điều khẳng định dứt khoát rằng không tiếp tục cuộc chiến tranh tới cùng là một sai lầm. Vào những ngày ấy, một người anh em của đại tá Magnífico Visbal bị quên lãng dẫn đứa cháu bảy tuổi đi uống nước ngọt ở một hàng rong ngoài quảng trường. Chẳng may đứa trẻ va phải viên đội xếp cảnh sát và đánh đổ cốc nước ngọt vào quần áo

của y. Tên man rợ này liền rút dao chém đứa bé làm mấy khúc, người ông chạy tới ngăn cản liền bị y chém phăng đầu. Cả làng đều trông thấy ông già bị chém cụt đầu khi một số người khiêng ông về nhà, và một người phụ nữ túm tóc xách chiếc đầu lâu chạy theo cùng với chiếc bao tải dầm máu đựng xác đứa trẻ. Đối với đại tá Aureliano Buendía thì đây là giới hạn của sự trừng phạt. Ngay lập tức, ngài cảm thấy phần nộ giống như hồi còn trai trẻ ngài đã phần nộ khi đứng trước xác người đàn bà bị lính đánh chết chỉ vì tội bị chó đại cắn. Nhìn những đám người tò mò đứng trước cửa nhà, bằng cái giọng căm thù không thể chịu đựng được nữa ngài quát tướng lên: – Một ngày kia ta sẽ trang bị vũ khí cho các con ta để chúng nó kết liễu đời cái bọn Gringo chết tiệt này! Trong tuần lễ ấy, ở những địa điểm khác nhau thuộc vùng duyên hải, mười

bảy người con của ngài đã bị những tên giết người vô hình nhắm vào dấu thánh trên trán mà bắn như bắn thỏ. Aureliano Triste ra khỏi nhà mẹ đẻ vào lúc bảy giờ tối thì một phát súng từ trong bóng tối xuyên giữa trán. Aureliano Centeno chết cứng trên chiếc võng vẫn thường buộc trong nhà máy vì bị một chiếc dùi đâm ngập đến tận cán ở chính giữa hai lông mày. Aureliano Serrador từ rạp chiếu bóng đưa người yêu về nhà, trên đường trở về đến phố Thổ Nhĩ Kỳ thì có kẻ trà trộn trong đám đông bắn một phát súng lục làm anh ta đổ gục vào nốt chảo bơ đang sôi. Một phút sau, có người gõ cửa căn phòng nơi Aureliano Arcaya đang ngủ với một người đàn bà và gọi: “Nhanh lên, chúng nó giết anh em mày ngoài kia”. Người đàn bà cùng ở trong phòng với anh ta về sau kể rằng Aureliano Arcaya nhảy ra khỏi giường và mở cửa chạy ra

thì bị một loạt đạn mô-de bắn vỡ sọ.

Cái đêm chết chóc ấy, khi cả nhà chuẩn bị đèn nến khâm liệm bốn xác chết thì Fernanda chạy như điên khắp làng để tìm Aureliano Segundo, lúc đó được Petra Cotes ấn vào trong chiếc tủ áo vì tin chắc rằng mật lệnh tàn sát nhằm rào tất cả những ai mang tên ngài đại tá. Mãi đến bốn ngày sau, khi các bức điện nhận được từ nhiều nơi thuộc vùng duyên hải cho phép hiểu rằng sự điên cuồng của kẻ thù vô hình chỉ thấm vào những anh em Aureliano có dấu chữ thập ở trán, Petra Cotes mới cho anh ta ra ngoài. Amaranta lục cuốn sổ nhỏ ghi chép về những đứa cháu, và cứ nhận được bức điện báo tử nào thì gạch tên đứa đó, cho tới khi chỉ còn lại đứa cháu lớn. Bà nhớ rõ đứa cháu này vì cậu ta có nước da đen tương phản với lông mắt xanh to tướng. Đó là Aureli-

ano Amador vốn là thợ mộc, sinh sống ở một làng nhỏ tí trong bìa rừng. Sau hai tuần đợi không thấy có điện báo của anh, Aureliano Segundo cho người đi báo để anh đề phòng, sợ rằng anh không biết gì về mối nguy hiểm đang treo trên đầu. Người đưa tin trở về nói là Aureliano Amador đã thoát nạn. Có hai người đàn ông đến lòng anh ở nhà vào cái đêm tàn sát ấy. Chúng đã nã súng vào anh, nhưng không trúng được vào chỗ có dấu chữ thập trên trán. Aureliano Amador nhảy qua hàng rào ở sân, và chạy tuột vào triền rừng mà anh thuộc như lòng bàn tay do có quan hệ buôn bán gỗ với những người thổ dân. Từ đó không có tin tức gì thêm về anh.

Thật là những ngày đen tối đối với đại tá Aureliano Buendía. Tổng thống nước cộng hòa gửi tới ngài bức điện chia

buồn, hứa ra lệnh điều tra đến nơi đến chốn và tỏ lòng tưởng nhớ những người đã khuất. Theo lệnh của Tổng thống, thị trưởng đem bốn vòng hoa tới dự lễ tang và định đặt lên các quan tài, nhưng ngài đại tá cho đem để ra ngoài đường. Sau đám tang, đại tá thảo một bức điện lời lẽ gay gắt và tự tay đem đi điện cho Tổng thống, nhưng điện báo viên không chịu phát. Thế là ngài viết thêm mấy dòng lời lẽ cay cú hơn nữa và cho vào phong bì gửi đi. Cũng giống như khi xảy ra cái chết của cô vợ, và bao nhiêu cái chết của những người bạn quý trong thời kỳ chiến tranh, ngài đại tá không cảm thấy đau buồn, mà chỉ thấy một nỗi mệt mỏi bất lực và sự điên dại mù quáng. Thậm chí ngài còn tố cáo cả cha Antonio Isabel đồng lõa với bọn giết người vì đã làm dấu chữ thập cho các con mình bằng một thứ tro không phai màu để kẻ thù

dễ nhận ra chúng. Vị cố đạo lụ khụ này không còn minh mẫn là mấy và khi lên bực đã bắt đầu làm cho con chiêm kinh hãi với những lời rao giảng lung tung, một chiều nọ đã đến nhà đại tá mang theo cả một bát tro hòa sẵn dùng làm dấu thánh vào thứ tư hàng tuần, và cố gọi đủ cả gia đình đến để lấy thứ nước tro ấy làm dấu chữ thập lên trán họ nhằm thanh minh rằng nó có thể lấy nước lã rửa sạch được. Nhưng sự hãi hùng của nỗi bất hạnh ăn sâu đến mức ngay cả Fernanda cũng chẳng để ý tới việc làm đó và từ bấy trở đi không bao giờ thấy một ai trong dòng họ Buendía đến quì trước bàn chịu lễ vào dịp lễ Tro thứ tư hàng tuần. Trong một thời gian dài đại tá Aureliano Buendía không bình tĩnh lại được. Ngài bỏ việc làm những con cá vàng, ăn uống khó khăn, và đi lại khắp nhà như một kẻ mộng du, kéo lê sệt chiếc áo choàng và

hậm hực nhất nỗi giận dữ ngấm ngấm. Sau ba tháng tóc ngài bạc trắng, hàng ria cũ chải chuốt nay đâm tua tủa phủ kín đôi môi nhợt nhạt, nhưng trái lại, đôi mắt ngài một lần nữa lại rực sáng giống như hai hòn than, từng làm khiếp đảm những ai trông thấy ngài lúc mới sinh và một thời chúng đã làm cho những chiếc ghế xoay tít khi ngài nhìn vào. Trong sự giằng xé điên cuồng ấy đại tá Aureliano Buendía ra sức tìm kiếm một cách vô ích những điềm báo từng đưa tuổi trẻ của ngài theo những con đường nguy hiểm tới sa mạc bi thảm của vinh quang. Ngài như mất phương hướng, chơi vơi trong ngôi nhà xa lạ mà ở đây không còn ai và chẳng có cái gì còn gọi cho ngài chút tình cảm thân thương nào. Một lần nữa ngài mở cửa căn buồng của Melquíades để tìm kiếm dấu vết cuộc chiến tranh đã qua, nhưng chỉ thấy những đồng đồ nát,

rác rưởi và những đồ vứt đi chất đống lại đây sau bao năm không ai nhòm ngó tới. Trên bìa những quyển sách gáy da chẳng còn ai giở tới nay đã ảm mốc và lên rêu xanh, trên khoảng không vốn là nơi sáng sủa và trong lành nhất nhà cứ bập bênh cái mùi không thể chịu được của những kỷ niệm đã thối rữa. Một buổi sáng nọ ngài thấy Úrsula ngồi khóc dưới gốc cây dẻ, dưới chân người chồng đã chết. Ngài đại tá Aureliano Buendía là người duy nhất trong nhà, không tiếp tục nhìn thấy cụ bà cường tráng tàn tạ đi trong nửa thế kỷ sương gió.

“Hãy chào cha đi” – Úrsula nói với ngài.

Ngài dừng lại chốc lát trước cây dẻ và một lần nữa nghiệm thấy rằng khoảng trống kia cũng không gây ấn tượng gì đối với ngài cả.

Mẹ bảo gì? – ngài hỏi.

Trông ông ấy rất buồn, – Úrsula trả lời, – chắc ông ấy nghĩ rằng con sẽ chết.

Hãy nói với cha rằng, – ngài đại tá mỉm cười nói, – người ta không chết khi phải chết, mà sẽ chết khi nào có thể chết.

Lời tiên đoán của người cha đã khuất khơi dậy chút ngạo nghễ cuối cùng còn lại trong tim, nhưng ngài lại tưởng nhầm đây là một cuồng sức mạnh đột ngột. Vì vậy mà ngài cứ gạn hỏi Úrsula xem những đồng tiền vàng tìm thấy trong bức tượng thánh José bằng thạch cao đã được chôn ở chỗ nào trong sân.

“Không bao giờ con biết được”, – cụ nói chắc như đinh đóng cột, và thêm: “Một ngày kia chủ nhân của chỗ của cái ấy hẳn sẽ xuất hiện, và chỉ có người ấy mới đào bới lên được”.

Không ai hiểu vì sao một người luôn luôn hào hiệp đến thế mà lại tỏ ra khao khát tiền bạc nhường ấy, và không chỉ là số tiền đủ để có thể giải quyết một việc khẩn cấp, mà là một số của cải khổng lồ đến nỗi Aureliano Segundo chỉ nghe nói đã phát khiếp lên. Những người cùng cánh mà ngài tìm đến nhờ giúp đỡ đều trốn biệt không tiếp. Chính vào lúc ấy người ta nghe ngài nói: “Điểm khác nhau duy nhất hiện nay giữa phái Tự do và phái Bảo hoàng là ở chỗ những người Tự do đi lễ nhà thờ vào lúc năm giờ và những người Bảo hoàng thì đi vào lúc tám giờ”. Tuy nhiên, ngài cứ một mực thiết tha, cầu khẩn, vứt bỏ tất cả mọi nguyên tắc danh dự mà ngài vốn tuân thủ, chạy vạy chỗ này một ít chỗ kia một ít với một sự kiên nhẫn thâm lặng, chỉ trong vòng tám tháng ngài đã hùn được

một món tiền lớn hơn cả số tiền Úrsula đã chôn giấu. Lúc bấy giờ ngài đến thăm đại tá Gerineldo Márquez nhờ giúp đỡ để mở cuộc chiến tranh tổng lực. Đã có một thời đại tá Gerineldo Márquez đúng là người duy nhất có thể giật dây các cuộc bạo động mặc dù vẫn nằm trên chiếc ghế xích đu của người bại liệt. Sau Hiệp định đình chiến Neerlandia, trong khi đại tá Aureliano Buendía lẩn tránh ở xưởng kim hoàn sản xuất những con cá vàng thì Gerineldo Márquez tiếp xúc với đám sĩ quan khởi nghĩa trung thành với ngài cho tới thất bại. Cùng với họ ngài tiến hành cuộc chiến tranh của sự nhục nhã hàng ngày, của sự cầu khẩn và van xin, nào là xin trở lại vào ngày mai”, nào là “cũng sắp sửa”, rồi lại “chúng tôi đang chú ý xem xét trường hợp của ngài”; một cuộc chiến tranh thua thật vô phương

cứu chữa chống những kẻ phục vụ tận tụy và chắc chắn đáng phải được nhưng lại không bao giờ được hưởng khoản trợ cấp suốt đời. Cuộc chiến tranh khác cuộc chiến tranh đẫm máu hai mươi năm, không gây nhiều thiệt hại như cuộc chiến tranh gặm nhấm của sự áp đặt vĩnh viễn. Chính đại tá Gerineldo Márquez từng thoát khỏi ba vụ mưu sát, sống sót với năm vết thương và bình yên vô sự qua biết bao trận khác, đã chết ngộp trong sự vây hãm tàn bạo của hy vọng và nếm mùi thất bại nhục nhã của tuổi già, trong khi nghĩ tới Amaranta giữa những chiếc đèn hình thoi trong căn nhà ở nhờ. Những cựu chiến binh, mà người ta còn biết tin, đã xuất hiện trên một tờ báo qua những tấm ảnh, mặt càng càng, cùng chụp chung với ngài Tổng thống vô danh của nước Cộng hòa, người đã tặng bọn họ

những chiếc cúc có in ảnh ngài để dùng đơm ở cổ áo, và trả cho họ một lá cờ bản thủ, vấy máu và ám khói thuốc súng để phủ lên những chiếc quan tài của chính họ. Còn những người khác, những người biết tự trọng hơn, vẫn chờ đợi một bức thư trước cảnh tranh tối tranh sáng của lòng thương thiên hạ, chết dần chết mòn vì đói khát, sống dở chết dở vì điên dại, thối rữa tàn lụi đi vì già cỗi giữa cái đồng cút đái thơm tho của sự vinh quang. Vì vậy mà khi đại tá Aureliano Buendía mời tham gia vào việc tổ chức một cuộc chiến tranh một mất một còn nhằm kết liễu mọi vết tích của một chế độ tham nhũng và bê bối do xâm lược nước ngoài dựng lên, ngài đại tá Gerineldo Márquez không thể kìm lại được sự xúc động vì thương hại:

Trời ơi, Aureliano, – ngài thở dài. – Tôi biết là ông bạn già rồi, nhưng đến giờ tôi mới nhận thấy ông đã già hơn rất nhiều so với chính hình hài già nua của ông đấy...

CHƯƠNG 13

Trong những năm đầy náo loạn gần đây, Úrsula có rất ít thì giờ rảnh rỗi chăm lo cho José Arcadio học để trở thành Giáo hoàng. Khi cậu cần chuẩn bị gấp để đi thi, Meme, em gái cậu, lớn lên giữa tính nết hà khắc của Fernanda và tính tình chua ngoa của Amaranta, lúc đó cũng đã đến tuổi vào trường nữ tu để được rèn giũa thành một nghệ sĩ tiểu phong cầm. Úrsula rất băn khoăn nghi ngờ hiệu quả của các phương pháp dùng để rèn giũa tinh thần học hành trề nải của vị Giáo hoàng tương lai, nhưng

cụ không đổ lỗi cho tuổi già lẫn căn của mình hay cho con mắt mờ những đám mây phủ hầu như không để cho cụ nhận rõ được hình thù của sự vật, mà lại quy tội cho cái mà cụ cũng không xác định được chính xác nhưng hiểu nhầm nó với một sự tiêu phí thời gian ngày càng tăng. “Năm tháng bây giờ không còn giống như năm tháng trước kia”, cụ thường hay nói như vậy mà cảm thấy công việc hàng ngày như tuột khỏi tầm tay mình. Cụ nghĩ: trước kia trẻ em chậm lớn hơn nhiều. Chỉ cần cụ nhớ lại quãng thời gian đủ để José Arcadio, đứa con cả của cụ, đi theo đám digan và mọi chuyện xảy ra trước khi cậu trở về người xám loang lổ như một con rắn và nói năng như một nhà chiêm tinh học, và cả những chuyện xảy ra trong nhà trước khi Amaranta và Arcadio bỏ nói thổ ngữ của người Anh-điêng để học nói tiếng Tây

Ban Nha; chỉ cần cụ nhớ lại những buổi chiều thanh thản rực rỡ nắng trong đó José Arcadio Buendía đáng thương phải chịu đựng dưới bóng cây dẻ, và tất cả những gì cần phải bày tỏ sự tiếc thương trước cái chết của chồng mình trước khi người ta đưa về cho cụ một ngai đại tá Aureliano Buendía đang hấp hối, mặc dù cụ đã qua bao nhiêu cuộc chiến tranh và bao nhiêu đau khổ vì ngai, thế mà cụ vẫn chưa tới năm mươi tuổi. Hồi trước, sau khi cả ngày ngồi làm những chiếc kẹo nặn hình con giống, cụ vẫn còn thời gian chăm sóc các con để nhìn vào tròng mắt những đứa trẻ mà biết chúng ốm đang cần có một lọ dầu. Trái lại bây giờ khi không có việc gì làm và với José Arcadio cưỡi trên lưng, cụ lang thang từ mờ sáng đến tận đêm khuya, cái loại thời giờ xấu này đã buộc cụ phải bỏ dở công việc. Thực ra là Úrsula cưỡng lại tuổi già

ngay cả khi không còn nhớ được tuổi của mình và tập tễnh đi lại khắp nơi, và việc gì cụ cũng cố dự phần, rồi trêu chọc đám khách lạ bằng những câu hỏi đại loại như hồi chiến tranh có gửi ở nhà này một bức tượng thánh José bằng thạch cao để gia đình trông nom hộ trong mùa mưa hay không. Không ai biết đích xác cụ bị mù từ khi nào. Ngay cả những năm cuối đời khi cụ đã phải nằm liệt giường thì ai cũng tưởng cụ nằm liệt giường là vì già lão thôi, chứ không ai phát hiện được cụ đã bị mù. Cụ đã nhận thấy điều đó từ trước khi sinh José Arcadio. Thoạt tiên cụ tưởng đâu là mắt chỉ đau qua loa, bèn uống vụng rượu hổ cốt và lấy mật ong nhỏ vào mắt, nhưng chẳng bao lâu cụ nhận thấy rằng mắt mình ngày càng mờ đi một cách vô phương cứu chữa đến nỗi cụ không bao giờ có được khái niệm rõ ràng về đèn điện, vì khi những

bóng điện đầu tiên được mắc lên thì cụ chỉ còn cảm thấy một luồng sáng lơ mờ. Cụ không nói với ai bởi vì như vậy có nghĩa là công khai thừa nhận sự bất lực của mình. Cụ lặng lẽ học phân biệt khoảng cách các vật thể, giọng nói của từng người, để tiếp tục nhìn bằng trí nhớ khi mắt đã mờ hẳn. Về sau cụ đã bất ngờ phát hiện ra tác dụng của mùi vị giúp mình xác định các vật thể trong cảnh tối tăm mờ ảo còn tốt hơn cả hình khối và màu sắc, và chúng đã giúp cụ vĩnh viễn thoát khỏi mối nhục ăn báo cô. Trong bóng tối của căn phòng cụ có thể khâu kim và thừa được khuyết áo, và biết được khi nào thì xong sữa sắp sôi. Cụ nhớ rõ ràng vị trí của từng đồ vật trong nhà tới mức chính cụ có lúc cũng quên rằng mình đã bị mù. Có một lần, Fernanda làm âm ỉ cả nhà vì chiếc nhẫn cưới biến đâu mất, thế mà Úrsula lại tìm thấy trên

một chiếc giá để đồ vật trong phòng ngủ của đám trẻ. Chả là trong khi mọi người đi lại lung tung khắp nhà, cụ căng bốn giác quan của mình lặng lẽ theo dõi họ để khỏi bị bất ngờ, nên sau một thời gian cụ phát hiện ra rằng mỗi người trong gia đình này ngày nào cũng giống như ngày nào, đều lặp đi lặp lại chính những lối đi ấy, chính những công việc ấy, thậm chí còn lặp lại những câu nói giống nhau vào cùng một giờ nhất định mà

không hay biết gì. Chỉ khi nào họ không tuân theo cái đường mòn chi lý ấy thì mới có thể mất cái gì đó. Vậy nên khi nghe Fernanda hốt hoảng la lối là bị mất chiếc nhẫn thì Úrsula nhớ ra rằng việc khác thường duy nhất mà Fernanda làm hôm đó là đem những chiếc chiếu của lũ trẻ ra phơi vì Meme đêm trước

bắt được một con rệp. Vì bọn trẻ cũng tham gia vào việc dọn dẹp, nên Úrsula nghĩ rằng Fernanda đã để chiếc nhẫn trên chiếc giá cao, nơi duy nhất chúng không với tới được. Trái lại, Fernanda chỉ quanh quẩn tìm kiếm theo những chỗ hàng ngày quen đi lại, mà không biết rằng việc tìm kiếm vật bị mất đã bị thói quen thường ngày cản trở, cho nên mới phải mất công đến thế. Việc nuôi dạy José Arcadio đã giúp Úrsula theo sát những thay đổi nhỏ nhất trong nhà vốn là công việc nặng nhọc đối với cụ. Khi nhận biết là Amaranta đang mặc quần áo cho các thánh bày ở trong phòng ngủ, cụ bèn giả vờ như đang dạy cho chú bé học phân biệt các màu sắc khác nhau. – Nào, xem nào, – cụ nói, – chút thử nói cho cụ xem Thánh Raphael Archangel mặc quần áo màu gì nào? Bằng cách đó, chú bé sẽ nói cho cụ biết điều mà mắt cụ không nhìn

thấy, và từ rất sớm trước khi chú bé đi học Úrsula đã có thể phân biệt được màu sắc khác nhau của y phục các thánh đặt ở trong phòng ngủ. Thỉnh thoảng cũng xảy ra những điều bất ngờ. Một buổi chiều Amaranta đang ngồi thêu ở hành lang bày những chậu thu hải đường, thì Úrsula đụng phải.

Cha mẹ ời, – Amaranta phản đối, – bà đi đứng ra làm sao thế.

Chính cô, – Úrsula nói, – mới là người ngồi không phải chỗ.

Cụ nói đúng. Từ hôm đó cụ bắt đầu nhận thấy một điều chưa ai nhận ra, đó là việc mặt trời dần dần chuyển chỗ theo từng mùa trong một năm, do vậy những người thường ngồi ở hành lang cũng dần dần thay đổi chỗ ngồi mà chính họ không hề biết. Từ bữa đó, Úrsula chỉ

cần nhớ ngày tháng để biết chính xác chỗ ngồi của Amaranta. Mặc dù tay cụ ngày càng run và chân cụ ngày càng như không nhấc lên được, nhưng chưa bao giờ người ta lại thấy hình bóng quen thuộc của cụ có mặt ở nhiều nơi trong cùng một lúc đến thế. Hầu như cụ còn nhanh nhẹn như lúc cai quản mọi công việc trong nhà. Tuy nhiên, trong nỗi cô đơn không dò thấu được của tuổi già, cụ vẫn minh mẫn để ý tới mọi sự thay đổi nhỏ nhất nhất trong gia đình, vậy nên lần đầu tiên cụ nhận rõ những sự thật mà trước đây công việc đã không cho phép nhìn thấy. Vào thời gian cụ chuẩn bị cho José Arcadio đi thi, cụ đã tóm lược lại cuộc sống của gia đình từ ngày thành lập làng Macondo, và đã hoàn toàn thay đổi ý kiến về đám con cháu của mình. Cụ nhận thấy không phải như mình tưởng vì cuộc chiến tàn bạo mà đại tá Aureli-

ano Buendía đã đánh mất tình cảm gia đình, mà thực ra ngài chưa hề yêu mến ai, ngay cả Remedios – người vợ của ngài, hoặc vô khối các cô gái từng một đêm chăn gối với ngài, lại càng không thể nói ngài yêu các con ngài. Cụ nhận thấy rằng ngài đã tham gia nhiều cuộc chiến tranh như vậy không phải vì sự say mê lý tưởng như mọi người nghĩ, và ngài đã từ bỏ thắng lợi trông thấy cũng không phải chỉ vì mệt mỏi như thiên hạ nghĩ, mà chính là ngài đã thắng hoặc bại đều do một nguyên nhân: đích thị là thói kiêu ngạo đầy tội lỗi. Cụ đi đến kết luận rằng đứa con mà mình đẻ ra kia là một chàng trai bất lực trước tình yêu. Một đêm, khi còn hoài thai cụ đã nghe thấy nó khóc. Đó là một tiếng than não nuột nghe thật rõ ràng đã làm José Arcadio Buendía thức giấc bên cạnh và bỗng thấy vui vui khi nảy ra ý nghĩ rằng nó sẽ là người có tài

nói giọng bụng. Những người khác đoán rằng nó sẽ là nhà tiên tri, trái lại, cụ rùng mình trước ý nghĩ sáng tỏ rằng cái tiếng gầm sâu lắng kia là dấu hiệu đầu tiên của cái đuôi lợn khủng khiếp, và cầu trời hãy để cho nó chết luôn từ trong bụng. Nhưng sự minh mẫn của tuổi già lại giúp cụ nhận ra rằng tiếng khóc của đứa trẻ trong bụng mẹ không phải là dấu hiệu của tài nói giọng bụng hay khả năng tiên tri, mà là dấu hiệu không lăm lăm được của sự bất lực đối với tình yêu, và điều này cụ cứ nhắc đi nhắc lại nhiều lần. Cái điều đánh giá không tốt đẹp gì về đứa con trai bỗng gợi nên trong lòng cụ tất cả lòng thương cảm. Trái lại, Amaranta, mà sự cứng rắn trong tình cảm của bà làm cụ cảm thấy kinh hãi, mà sự chua ngoa được dồn tụ lại trong tình cảm của bà làm cụ cảm thấy chua xót, qua sự thử thách

cuối cùng đã làm cho cụ thấy rõ bà là một phụ nữ hiền dịu chưa từng thấy. Cụ hiểu ra với một sự rõ ràng đáng tiếc rằng những sự dằn vặt vô lý đối với Pietro Crespi không phải là do ý muốn trả thù như mọi người vẫn nghĩ, ngay cả sự giầy vò dai dẳng làm thất vọng cuộc đời đại tá Gerineldo Márquez cũng không phải là do nỗi đắng cay đau buồn của bà như thiên hạ vẫn tưởng, đúng ra cả hai việc đó đều là sự đấu tranh sống còn giữa một bên là tình yêu vô hạn độ và một bên là sự hèn yếu không gì thắng nổi, và cuối cùng thì nỗi sợ hãi vô lý mà Amaranta vốn có đã thắng chính trái tim bị vò xé của mình. Đúng vào lúc ấy Úrsula bắt đầu gọi đến Rebeca, nhắc đến bà với tình cảm thăm thiết vốn có nay được tăng thêm bởi sự hối hận muộn màng

và sự khâm phục bất ngờ do hiểu rằng chỉ có bà Rebeca, đứa con không bú sữa cụ mà trái lại lớn lên nhờ ăn đất, đất và vôi của bốn bức tường, là đứa con trong huyết quản không mang dòng máu của cụ nhưng lại mang một dòng máu của những người xa lạ mà nằm xương tàn của họ còn rên rĩ dưới mồ, chỉ có Rebeca, người con gái có trái tim xao động, có cái dạ dày to, người duy nhất có lòng can đảm khôn cùng là người mà Úrsula từng mong mỏi cho dòng dõi nhà mình.

Rebeca, – cụ nói, lần lần tay trên tường, – cả nhà đối với con bất công biết bao! Mọi người trong nhà cứ tưởng cụ lắm cảm, nhất là từ khi cụ đi lại lúc nào cũng giơ tay phải lên trời như là thánh Gabriel. Tuy nhiên, Fernanda nhận thấy một sự minh mẫn sáng suốt ẩn trong cái bóng đen của sự lắm cảm kia, chẳng hạn

Úrsula có thể nói ngay không chút ngập ngừng số tiền cả nhà tiêu pha trong năm vừa qua. Amaranta đã có ý nghĩ như vậy vào một ngày nọ khi bà mẹ đang bung nôi xúp trong bếp và mặc dù không hề biết là mọi người đang lắng nghe, cụ nói rằng chiếc cối xay ngô mua của những người digan đầu tiên, chiếc cối đã từng biến mất trước khi José Arcadio sáu mươi lăm lần lang thang vòng quanh khắp thế giới vẫn còn ở nhà Pilar Ternera, người cũng đã sống ngót nghét trăm tuổi, nhưng còn khỏe và nhanh nhẹn. Mặc dù thân xác béo quá cỡ làm lũ trẻ phát khiếp cũng như xưa kia tiếng cười từng làm kinh hoàng đàn bồ câu, Pilar Ternera không ngạc nhiên trước sự minh mẫn của Úrsula, bởi vì kinh nghiệm của chính bà lão bắt đầu cho thấy tuổi già có đầu óc sáng láng có thể còn đáng tin cậy hơn cả phép bói bài.

Tuy nhiên, khi Úrsula nhận thấy không đủ thời gian để củng cố lòng ham thích của José Arcadio, cụ đâm ra hốt hoảng sợ hãi. Cụ bắt đầu mắc sai lầm khi cố sức nhìn bằng mắt những gì bản năng vẫn cho phép mình nhìn kỹ hơn. Một buổi sáng cụ hất cả lọ mực vào đầu cậu bé, nghĩ rằng đó là lọ nước thánh. Vì cứ muốn nhúng tay vào hết mọi chuyện nên cụ đã gây nên nhiều sự va chạm đến nỗi cái gắt lung tung, và cố sức thoát ra khỏi đám mây đen bao quanh mình như một chiếc áo thụng bằng mạng nhện. Chính lúc đó là khi cụ nghĩ rằng sự vụng về thô kệch của mình không phải là chiến thắng đầu tiên của tuổi già và bóng tối, mà là sự thất bại của thời gian. Cụ nghĩ rằng trước đây, khi Thượng đế với tháng năm chưa đặt chính những cái bẫy mà những người Thổ Nhĩ Kỳ đã dùng vào lúc đo một thước vải lụa, thì mọi việc

khác xa thế này. Ngày nay không những trẻ con lớn nhanh hơn, mà ngay cả tình cảm cũng biến chuyển một cách khác. Ngay sau khi Remedios – Người đẹp về trời thì Fernanda chẳng ý tứ gì cứ làu bàu khắp nơi về chuyện nàng đã mang theo cả những chiếc chăn trải giường. Khi những anh em Aureliano vừa mới mơ yên mả đẹp thì Aureliano Segundo lại đã mời đến đầy nhà những khách rượu say bí tỉ kéo đàn phong cầm, mở sâm banh lấp bộp như thể không có chuyện những con chiên của Chúa vừa mới lìa đời mà là những con chó vừa chết mà thôi, làm như thể ngôi nhà của những kẻ rồ dại từng làm nhúc óc biết bao người và từng sản xuất không biết bao kẹo bánh nặn hình con giống kia đã được định sẵn để biến thành bãi rác chứa đầy bọt vô lại. Trong khi xếp đồ đạc vào chiếc rương cho José Arcadio và nhớ lại những điều

đó, Úrsula tự hỏi phải chăng là mình nên chọn con đường về yên nghỉ nơi chín tuổi để người ta lèn chặt đất lên chiếc quan tài, và bây giờ có thể hỏi Thượng đế mà chẳng sợ hãi gì xem thực sự Ngài có nghĩ rằng con người vốn sinh ra là đã thú để phải chịu bao đau đớn trở trêu như vậy không. Hết câu hỏi này đến câu hỏi khác làm cụ dần dần mù cả người và muốn nhảy ra múa may quay cuồng nói huyền thuyên như người ngoại quốc. Cuối cùng cụ muốn tự cho mình một khoảnh khắc nổi loạn, cái khoảnh khắc bao lần cụ khát khao và bao lần đã cam chịu để phục tùng lý trí, cụ muốn phóng uế vào tất cả và tuôn ra cho hết cái kho từ ngữ thô tục mà cụ đã phải quét nhin trong cả một thế kỷ luôn luôn đấu dũa.

Tiên sư cha nhà nó! – cụ rít lên.

Amaranta, bây giờ đang bắt đầu xếp

quần áo vào rương, tưởng rằng có con
bọ cạp vừa cắn cụ.

Nó ở đâu? – bà vội vàng hỏi.

Cái gì? – Con bọ cạp ấy. – Amaranta
nói thêm.

Úrsula lấy ngón tay chỉ vào ngực
mình: – Nó ở đây, – cụ trả lời. – ở đây
này?

Vào lúc hai giờ chiều một ngày thứ
năm, José Arcadio đi thi. Có lẽ Úrsula
thường vẫn nhớ đứa cháu như cụ tưởng
tượng ra khi tiễn nó đi, vẻ bình thản và ng-
hiêm nghị, không bao giờ khóc thút thít,
dẫu phải chịu ngột ngạt trong bộ quần
áo nhung xanh với những chiếc cúc bằng
đồng và sợi dây bạc đeo vào cổ. Cậu bé
rời khỏi nhà ăn để lại mùi thơm dịu mát
của thứ nước hoa Florida mà cụ vẫn bôi

lên đầu nó để có thể lần theo dấu vết của cậu ở trong nhà. Trong lúc cả nhà đang ăn bữa trưa tiễn biệt cậu, ai cũng giấu vẻ bối rối bằng cách làm ra vẻ vui mừng, và khen ngợi quá lời những chuyện cười về cha Antonio Isabel. Nhưng khi người ta mang chiếc rương bọc nhung có các góc bịt bạc đi thì cảnh đó giống như vừa khiêng ra khỏi nhà một chiếc quan tài. Người duy nhất không chịu tham gia vào cuộc tiễn đưa là đại tá Aureliano Buendía. – Đây là cái trò vớ vẩn cuối cùng trong nhà còn thiếu, – ngài lẩm bẩm. – Một ông cha đạo!

Ba tháng sau, Aureliano Segundo và Fernanda đưa Meme đến trường học và trở về mang theo chim đàn tiểu phong cầm đặt vào chỗ chiếc đàn dương cầm tự động. Hồi ấy, Amaranta bắt đầu khâu khăn liệm cho chính mình. Cơn sốt

xung quanh chuyện trồng chuối đã giảm bớt. Những người dân vốn sinh trưởng ở Macondo bị đám dân ngoại quốc dồn vào một khu, khó nhọc lắm mới giữ được những phương tiện ít ỏi ngày xưa, nhưng lại được khích lệ vì cảm nghĩ là họ đã sống sót sau một nạn đắm tàu. Khách khứa vẫn đến ăn trưa ở nhà, nhưng trên thực tế thì thói quen cũ đã không được lặp lại cho mãi đến khi Công ty chuối cuốn gói đi ít năm sau đó. Tuy nhiên, cũng đã có những thay đổi cơ bản trong truyền thống hiếu khách của gia đình, bởi vì lúc ấy là khi Fernanda ra nắm tay hòm chìa khóa. Úrsula lùi vào bóng tối, còn Amaranta suốt ngày luẩn quẩn với những khăn tang và vải liệm, cho nên cái em gái học làm hoàng hậu nay được quyền tự do lựa chọn thực khách và áp đặt những qui định chặt chẽ học được của cha mẹ mình. Sự nghiêm khắc của

Fernanda làm cho cả nhà giữ được những thói quen vốn có trong một làng đã bị xáo trộn bởi những thói hư tật xấu của đám ngoại bang từng bộc lộ trong việc tiêu xài xả láng những của cải kiếm được một cách dễ dàng. Bà nói không chút úp mở rằng người tốt là những người không có liên quan gì đến Công ty chuối. Ngay cả José Arcadio Segundo, anh chồng bà, cũng không thoát khỏi tính khắc nghiệt đó, bởi vì một buổi mai ẩm ỉ nọ, ông ta đã giết hết những con gà chọi tuyệt vời của mình và chuẩn bị vào làm đốc công trong Công ty chuối. – Anh đừng có mà bước chân vào nhà này nữa nếu anh mang ghẻ của bọn ngoại quốc về đây. – Fernanda nói. Kỉ cương trong nhà chặt chẽ đến nỗi Aureliano Segundo chỉ cảm thấy thoải mái khi đến nhà Petra Cotes. Trước hết với lý do để bớt gánh nặng cho bà vợ, ông chuyển những buổi liên hoan,

dạ hội tới đó. Sau đấy, lại viện cớ đàn súc vật sinh sản ngày một giảm, ông cho chuyển cả chuồng bò, chuồng ngựa sang đó. Cuối cùng lấy lý do là ở nhà nhân tình mát mẻ hơn, ông chuyển văn phòng nhỏ của mình sang đó để lo việc buôn bán. Khi Fernanda biết rằng mình là một bà góa nhưng chồng mình lại chưa chết thì đã quá muộn để cho mọi chuyện trở lại như cũ. Aureliano Segundo hầu như chẳng ăn cơm ở nhà và những biểu hiện bề ngoài duy nhất mà ông cố giữ, tỉ như cái việc ngủ với vợ ở nhà đã không đủ sức để thuyết phục được ai. Vì sợ ý, một lần nọ ông đã ngủ lại với Petra Cotes cho mãi đến sáng bạch. Khác với điều ông chờ đợi, Fernanda không hề trách móc, cũng không hề than thở gì, nhưng ngay trong ngày hôm đó bà sai người mang hai chiếc rương đựng quần áo của ông sang nhà nhân tình. Bà công khai sai đây

tớ khiêng những chiếc rương đi nghênh ngang giữa đường cho mọi người thấy vì nghĩ rằng làm thư vậy thì ông chồng lầm lạc sẽ không chịu được xấu hổ và sẽ ăn năn hối hận mà trở về. Nhưng cử chỉ anh hùng đó chỉ là một bằng chứng nữa cho thấy Fernanda đã không hiểu những tính cách của chồng mình mà cả đến những thuần phong mỹ tục của một làng vốn không hề giống như làng của bố mẹ bà, bởi vì mọi người trông thấy đám đầy tớ khiêng những chiếc rương đi đều nói rằng đó là kết cục tất nhiên của một câu chuyện ai cũng rõ. Aureliano Segundo cho mở tiệc tùng, ăn uống ba ngày liền mừng được tự do. Điều bất lợi lớn nhất đối với bà vợ là trong khi bà bắt đầu đi vào tuổi già với những bộ quần áo màu tối, những chiếc vòng hoa kiểu cổ, và sự hãnh diện không phải lỗi, thì ả thân tình hình như lại đang ở vào tuổi hồi xuân,

lúc nào cũng ăn vận váy áo lụa mỏng màu sắc sỡ, và đôi mắt lúc nào cũng long lên rùng rục. Aureliano Segundo lại lao vào ả với khí thế hùng hực của thời trẻ, như trước kia, khi Petra Cotes, không phải do yêu ông mà vì nhầm ông với người anh em sinh đôi và hễ là đã ngủ với cả hai người cùng một lúc, với ý nghĩ rằng thượng đế đã cho mình cái may mắn được có một người đàn ông đủ sức của hai người khi ăn nằm với mình. Dục tình được khơi ai mạnh mẽ đến nỗi đã hơn một lần họ nhìn vào mắt nhau khi lấp ăn cơm, và họ chẳng nói chẳng rằng chụp lồng bàn lên mâm cơm và kéo nhau vào buồng ngủ mà lịm đi trong cái đói và ái tình. Bắt chước những gì đã nhìn thấy trong những chuyến đi vụng trộm với các ả làng chơi theo lối Pháp, Aureliano Segundo sắm cho Petra Cotes một chiếc giường có trướng rủ, treo rèm

nhung lên các cửa sổ và lát trần và tường phòng ngủ bằng những tấm gương khổng lồ. Bấy giờ trông ông càng có vẻ nhậ nhệch bê tha hơn. Từ các chuyến tàu thường đến vào lúc mười một giờ, ngày nào ông cũng nhận được những hòm sâm banh và rượu mạnh Brandy. Trên đường từ nhà ga trở về gặp ai ông cũng chèo kéo nháy cho bằng được, dù cho đó là người cùng làng hay người nước ngoài, bất kể quen hay lạ, sang trọng hay nghèo hèn. Đến cả ngài Brown, vốn chỉ lảm bảm bằng tiếng nước ngoài, cũng còn bị lôi cuốn bởi những điệu bộ hấp dẫn của Aureliano Segundo, và nhiều lần đã rượu say bí tỉ ở nhà Petra Cotes, đến mức những con chó bec-giê Đức dữ tợn thường theo ngài khắp nơi cũng nháy theo những điệu hát xứ Texas mà ngài lảm nhảm chẳng ra kiểu cách gì theo kịp cây đàn phong cầm.

Hỡi những con bò cái hãy dạng háng ra! – Aureliano Segundo gào lên trong cảnh hỗn loạn của đêm hội. – Hãy dạng háng ra kéo cuộc đời thật là ngắn ngủi?

Chưa bao giờ ông có bộ mặt phẫn chấn đến như vậy, và mọi người cũng chẳng cần hơn thế, và đàn gia súc của ông sinh sản cũng chưa bao giờ nhiều đến thế. Bao nhiêu là bò, lợn, gà đem giết trong các buổi tiệc từng triển miên không dứt, đến nỗi đất trong sân trở nên xám xịt và nhầy nhụa những tiết. Sân nhà trở thành nơi chất đống những xương xẩu lòng ruột và đủ thứ cặn bã, và người ta đã phải đốt từng gói thuốc nổ suốt cả ngày để những đám diều, qua khỏi móc cả mắt khách khứa. Aureliano Segundo béo phì ra, lúc nào mặt cũng đỏ tía như gà chọi, đi đứng chậm chạp vì ăn khỏe như José Arcadio sau khi đi lang

thang khắp nơi trở về. Tài phàm ăn chưa từng có, sức tiêu xài xả láng ghê gớm và lòng hiếu khách có một không hai đã làm cho uy tín của ông vượt qua mọi bến bờ vùng đầm lầy, hấp dẫn những tay phàm ăn nhất trong vùng duyên hải. Những tay ăn cự phách từ khắp nơi đổ về tham gia những cuộc thi ăn kỳ quặc được tổ chức ở nhà Petra Cotes. Aureliano Segundo luôn luôn là người chiến thắng, cho tới một ngày thứ bảy bất hạnh khi xuất hiện Camila Sagastume, một người đàn bà kỳ lạ nổi danh khắp nước với cái tên “Voi cái”. Cuộc thi ăn kéo dài suốt từ thứ bảy cho đến sáng thứ ba. Trong hăm bốn giờ đầu sau khi đã ngốn hết một con cừu quay cùng với sắn, khoai và chuối rán, nốc một thùng rượu sâm banh, Aureliano Segundo tin chắc mình sẽ thắng. Trông ông có vẻ phẫn chấn, đầy sức sống so với nữ đối thủ lạng lẽ, có phong thái lão luyện

hơn, nhưng vì thế ít xúc động hơn đối với đám công chúng đủ mọi hạng người đứng ngồi chật ních khắp nhà. Trong khi Aureliano Segundo nhai nhồm nhoàm, ngẫu nhiên vì háo hức trước thắng lợi thì “Voi cái” xắt những miếng thịt với tài nghệ của một bác sĩ ngoại khoa và ăn chậm rãi, thậm chí còn thưởng thức sự thú vị trong khi ăn. Đó là một người đàn bà cao lớn, béo khỏe, nhưng vẻ dịu dàng của phụ nữ vẫn át đi cái phì nộn khổng lồ của thân hình. Nàng có bộ mặt đẹp, đôi bàn tay thon thả được chăm chút và một vẻ hấp dẫn ghê gớm làm cho Aureliano Segundo khi trông thấy nàng bước vào đã nói nhỏ rằng ông thích thi đấu với nàng trên giường hơn là trên bàn ăn. Về sau khi thấy nàng lịch sự ăn chiếc đùi cừu, ông bình phẩm một cách nghiêm chỉnh rằng loại “Voi cái” lịch thiệp, hấp dẫn và chơi không biết chán kia có lẽ là

một loại đàn bà lý tưởng. Ông đã không lầm: cái danh tiếng dữ tợn như chim ưng mà trước đây người ta gán cho “Voi cái” hoàn toàn không có cơ sở. Nàng không phải là cái cối xay thịt, cũng không phải là người đàn bà có râu trong gánh xiếc Hy Lạp như người ta vẫn nói, nàng là giám đốc một trường nhạc. Nàng bắt đầu học ăn khi đã là người mẹ trong gia đình đi tìm phương kế sao cho các con được ăn uống tốt hơn, và không phải bằng cách kích thích giả tạo mà bằng sự bình tĩnh tuyệt đối của tinh thần. Lý thuyết của nàng, được chứng tỏ trong thực tế, dựa trên nguyên tắc cho rằng người nào hoàn toàn thoả mái về mặt ý thức thì có thể ăn không ngừng cho tới khi mệt không sao ăn được nữa. Tức là vì lý do tinh thần, chứ không phải lòng ham mê thể thao đã làm cho nàng bỏ nhà trường và gia đình để đi thi tài với một người đàn ông

nổi tiếng khắp nước là người có tài ăn khỏe nhưng không theo một nguyên tắc nào. Ngay từ khi mới gặp, nàng đã nhận thấy rằng Aureliano Segundo sẽ thua vì tính cách của ông chứ không phải vì cái dạ dày. Hết đêm đầu tiên, trong khi nàng thản nhiên như không thì Aureliano Segundo hầu như mệt mỏi vì cười nói luôn miệng. Họ đi ngủ trong bốn giờ. Khi tỉnh dậy, mỗi người uống bốn mươi quả cam vắt nước, tám lít cà phê và ba mươi quả trứng sống. Hết đêm thứ hai, sau nhiều giờ không ngủ và sau khi đã ăn hết hai con lợn, một buồng chuối, uống bốn thùng sâm banh, nàng cảm thấy hình như Aureliano Segundo cũng đã phát hiện ra phương pháp của mình, nhưng lại đi theo con đường ngu ngốc dưới sự hướng dẫn của một thái độ vô trách nhiệm hoàn toàn. Đó là người đàn ông nguy hiểm hơn là nàng nghĩ. Mặc

dù vậy, khi Petra Cotes mang ra thêm hai chú gà tây quay thì Aureliano Segundo cũng sắp sửa đứt mạch máu.

Nếu ông không thể ăn nữa thì thôi, – nàng nói, – chúng ta sẽ nhận hòa. Nàng nói chân thành và hiểu rằng mình cũng không thể ăn thêm miếng nào nữa và vì lương tâm cắn rứt trước việc làm cho đối thủ đi nhanh tới chỗ chết.

Nhưng Aureliano Segundo lại coi đó là lời thách thức mới và tiếp tục nhai món gà tây cho tới khi vượt quá xa cái khả năng ăn kinh khủng của ông. Ông lẫn ra ngất đi. Ông ngã gục mặt xuống đĩa xương, sùi bọt mép, thở phì phì trong cơn hấp hối. Đầu óc tối sầm, ông cảm thấy như mình bị ném từ trên tháp cao xuống một cái vực không đáy, và trong khoảnh khắc mình vẫn còn sót lại, ông nhận ra rằng thần chết đang đến với ông

khi kết thúc cú rơi kéo dài vô tận này.

Hãy đem ta về với Fernanda – ông chỉ còn kịp nói lời trăng trối cuối cùng.

Những người bạn đưa ông về đến nhà, đều nghĩ rằng ông đã giữ lời hứa với vợ là không chết trên giường của nhân tình. Petra Cotes đã đánh xi đôi ủng mà ông muốn mang khi nằm trong quan tài, và đang tìm người mang đi thì có người đến cho hay rằng Aureliano Segundo đã qua khỏi cơn nguy hiểm. Quả nhiên, ông lại bình phục sau gần một tuần, và mười lăm ngày sau đó đã lại tổ chức một bữa tiệc linh đình mừng được cải tử hoàn sinh. Ông tiếp tục đến ở nhà Petra Cotes, nhưng ngày nào ông cũng về thăm Fernanda và thỉnh thoảng ở lại ăn cơm với gia đình, giống như thể định mệnh đã thay đổi tình huống, đặt ông vào vị trí là chồng của nhân tình và

là nhân tình của người vợ đích thực vậy. Đó cũng là một điều nhẹ nhõm đối với Fernanda. Trong cảnh chán chường bị bỏ rơi, trò giải trí duy nhất của bà là dạo những bản nhạc trên cây đàn tiểu phong cầm vào giờ nghỉ trưa và đọc thư của các con. Trong những bức thư chi tiết gửi cho chúng đều đặn mười lăm ngày một lần, không có một dòng nào là sự thật. Bà giấu giếm nỗi đau khổ của mình. Bà không cho chúng biết nỗi buồn của một ngôi nhà mà mặc dù có những bóng đèn chiếu trên những chậu thu hải đường, mặc dù có cái ngọt ngào của các buổi chiều, mặc dù có những loạt pháo hội hè từ ngoài đường vọng vào, nó vẫn ngày càng giống với ngôi nhà thời thuộc địa của cha mẹ bà. Fernanda hững hờ đi lại giữa ba bóng ma sống và một bóng ma đã chết của José Arcadio Buendía, cái bóng ma này thỉnh thoảng lại tới ngôi

chăm chú trước cửa phòng trong lúc bà chơi cây đàn tiểu phong cầm. Đại tá Aureliano Buendía là một cái bóng. Từ cái lần cuối cùng ngài ra phố để cùng với đại tá Gerineldo Márquez trù liệu một cuộc chiến tranh không tương lai, hầu như ngài không ra khỏi buồng ngoại trừ việc đi tiểu tiện dưới gốc cây dẻ. Ngài cũng không tiếp ai ngoài bác phó cạo thường tới ba tuần một lần. Ngài nhăm nháp bất cứ thứ gì mà Úrsula mang cho mỗi ngày một lần, và mặc dù vẫn tiếp tục say sưa làm những con cá vàng như cũ, nhưng ngài không bán nữa khi biết rằng thiên hạ không mua không để làm đồ trang sức mà để làm di vật lịch sử. Ngài cũng đem tất cả những con búp bê của Remedios, mặc dù chúng vẫn được trang trí trong phòng ngủ từ ngày ngài cưới vợ, ra ngoài sân chất thành đống rồi châm lửa đốt. Úrsula vốn cảnh giác nên nhận ra được

những việc làm của con trai, nhưng cũng không ngăn cản được ngài.

Sao tim mày sắt đá thế? – cụ hỏi.

Đây không phải là chuyện trái tim? – ngài nói. – Trong phòng đầy những gián là gián.

Amaranta vẫn khâu đồ liệm của mình. Fernanda không hiểu vì sao bà trẻ vẫn thường viết thư cho Meme, còn gửi cả quà cho nó, trái lại thậm chí không hề nói tới José Arcadio. “Đến chết không cũng chẳng hiểu tại sao”, Amaranta trả lời khi Fernanda hỏi qua Úrsula, và câu trả lời ấy đã để lại trong tim bà một ẩn số không bao giờ được làm sáng tỏ. Amaranta người cao dong dỏng, vẻ đĩnh đạc, lúc nào cũng ăn mặc đường hoàng, với một thái độ cao nhã trước thời gian và những kỷ niệm đắng cay. Amaranta

dường như mang trên trán dấu chữ thập tro trinh tiết. Thực ra thì bà mang dấu thánh trên tay, trên dải băng đen mà cả khi đi ngủ bà vẫn mang theo, và đó là dải băng do bà tự giặt và là lấy. Suốt đời bà lúc nào cũng khâu vá khăn tang, vải liệm. Có thể nói rằng ban ngày bà khâu, ban đêm lại tháo ra, và bằng cách ấy không phải bà muốn đánh bại sự cô đơn, mà hoàn toàn ngược lại, bà muốn duy trì nó. Lo lắng lớn nhất của Fernanda trong những năm bị bỏ rơi là nếu Meme về nghỉ những mùa hè đầu tiên mà lại không gặp Aureliano Segundo ở nhà thì sao? Câu chuyện chết hụt vì ăn no đã kết thúc nỗi lo sợ đó. Khi Meme trở về, bố mẹ cô đã thỏa thuận với nhau không những để cho cô gái tin rằng Aureliano Segundo vẫn là người chồng thuần hậu của mẹ cô mà còn để cho cô gái không cảm thấy nỗi buồn tẻ trong nhà. Năm nào cũng

vậy, Aureliano Segundo đóng vai người cha mẫu mực trong vòng hai tháng. Ông bày ra các buổi vui chơi có kem và ánh ngọt cùng với tiếng đàn rộn rã của cô sinh viên hồ hởi và hiếu động. Tính cách của cô từ lúc đó đã rõ ràng không giống mẹ mấy. Có lẽ đó chỉ là hình bóng của Amaranta khi còn chưa giết mùi cay đắng và lúc nào cũng nhảy nhót múa hát làm ồn nhà cửa vào những năm bà mười hai hay mười bốn tuổi, tức là trước khi những khát khao thầm kín đối với Pietro Crespi đã làm thay đổi hẳn chiều hướng của trái tim. Nhưng khác với Amaranta, khác với tất cả mọi người, Meme chưa thể hiện dấu hiệu cô đơn của gia đình, dường như cô hoàn toàn hòa hợp với thế giới ngay cả khi cô ngồi một mình trong phòng khách luyện đàn một cách hết sức chăm chỉ. Rõ ràng là cô thích thú với ngôi nhà, vì cả năm cô mong ngóng cái

hồ hởi của đám trẻ đón mình về và cô cũng không khác cha ở cái thiên hướng thích vui chơi và lòng hiếu khách lạ thường. Dấu hiệu đầu tiên của sự kế thừa di hại đó được lộ ra vào mùa hè thứ ba, khi Meme trở về với bốn bà xơ và sáu mươi tám cô bạn cùng lớp. Cô tự nhiên nảy ra nghĩ mời họ về nhà chơi một tuần và chẳng báo trước gì hết. – Thế có khổ không – Fernanda than thở. – Cái con bé này cũng gớm ghiếc hệt như bố nó ở nhà đã phải đi mượn giường, mượn vồng của hàng xóm, ắp xếp làm chín đợt ăn cơm, định giờ vào nhà tắm và kiểm cho được bốn mươi chiếc ghế dựa để cho các cô gái mặc đồng phục anh đi giày con trai không nhảy nhót suốt ngày khắp nhà. Lời mời đã biến thành một thất bại, bởi vì các cô học trò ồn ào vừa ăn sáng xong thì lại đã bắt đầu ăn trưa theo từng đợt, và lại tiếp tục ăn bữa tối, và trong suốt cả

tuần chỉ đi chơi được có một buổi. Tối đến, các bà xơ mệt phờ, không còn sức đâu mà đi lại, chứ đừng nói gì đến hò hét những mệnh lệnh trong khi đám nữ sinh trẻ không hề biết mệt mỗi vẫn hát âm ỉ ở ngoài sân. Một bận, đám con gái tí nữa thì đập cả lên cụ Úrsula vốn cứ muốn làm một việc gì đó chính ngay ở chỗ cụ không thể làm được. Lại một hôm khác các bà xơ làm um lên về chuyện ngài đại tá Aureliano Buendía đứng đài ngay dưới gốc dẻ chẳng thèm để ý đến các cô gái đang tụ tập ở sân. Amaranta suýt nữa thì làm mọi người phát hoảng, vì một bà xơ bước vào bếp lúc bà đang tra muối vào nồi súp, và câu hỏi duy nhất mà người nữ tu sĩ kia bật ra là cái nắm bột tràng đó là thứ gì. “Thạch tín đấy”, Amaranta trả lời. Cái đêm mới đến, các cô gái đã làm ồn ào lên vì chuyện đi vào nhà vệ sinh trước lúc đi ngủ, thế mà mãi đến một giờ

sáng vẫn còn có người đứng chờ ngoài nhà tiêu. Fernanda bèn mua bảy mươi hai chiếc xô, nhưng việc đó chỉ làm cho câu chuyện phức tạp vào ban đêm được chuyển sang buổi sáng, bởi vì từ lúc rạng đông các cô gái đã xếp hàng trước nhà vệ sinh mỗi người cầm xô của mình để đến lượt rửa xô. Mặc dù có vài cô bị sốt và mấy cô bị muỗi đốt mẩn ngứa, hầu hết các cô gái đều tỏ rõ sức chịu đựng vững vàng trước những khó khăn ghê gớm nhất, và ngay cả vào những giờ nóng bức nhất, các cô vẫn riu rít ngoài vườn. Cuối cùng khi các cô đã ra đi thì các bồn hoa đều tan hoang, đồ đạc gãy vỡ lung tung và tường nhà đầy những hình vẽ và chữ viết, nhưng Fernanda tha thứ cho mọi sự đổ vỡ để đổi lấy cái nhẹ nhõm khi họ ra đi. Bà đem trả giường, ghế và đem cất bảy mươi hai chiếc xô vào phòng của Melquíades. Căn phòng bỏ không vốn

trước đây là của con người mang cuộc sống tinh thần của cả nhà, từ đó trở đi được gọi là phòng để bê. Đối với đại tá Aureliano Buendía, đó là cái tên đúng nhất, bởi vì trong khi mọi người vẫn than phực trước việc cảnbuồng của Melquíades không bị hư hại và chẳng có bụi bặm gì thì ngài lại thấy nó biến thành một cái chuồng phân. Dù sao vấn đề ai đúng ai sai đối với ngài cũng không quan trọng. Sở dĩ ngài biết được số phận của cảnbuồng là vì Fernanda cứ đi lại làm cản trở công việc của ngài suốt cả một buổi chiều để xếp mấy chục chiếc bê vào đó. Vào những ngày ấy, lại thấy José Arcadio Segundo có mặt ở nhà. Ông ta bước đi vội vã ngoài hành lang, chẳng chào hỏi ai, và ngồi lì trong xưởng nói chuyện với đại tá. Dù không nhìn thấy ông, nhưng Úrsula chỉ nghe tiếng gót giày nện của thầy cai là đủ để cụ ngạc nhiên nhận thấy

cái khoảng cách không gì cứu vãn được đã ngăn chia giữa ông và gia đình, ngay cả với người anh em sinh đôi ngày bé vẫn cùng chơi trò trốn tìm ngày thơ và nay thì chẳng còn lại nét nào giống nhau. Ông dong dỏng cao, trịnh trọng, vẻ trầm tư, buồn buồn và trên gương mặt xanh xao để lộ một tia sáng thâm trầm. Đó là người đàn ông giống Santa Sofía de la Piedad, bà mẹ ông hơn cả. Úrsula đã đổ tội cho ý hướng muốn quên ông đi khi bàn chuyện nhà chuyện cửa, nhưng khi cụ cảm thấy ông một lần nữa lại có mặt ở nhà và nhận ra rằng ngài đại tá tiếp ông trong nhiều giờ ngay tại xưởng kim hoàn của ngài, thì cụ lập tức kiểm lại những ký ức xa xưa của mình rồi càng khẳng định hơn nữa niềm tin cho rằng vào một thời điểm nào đó của tuổi thơ ông đã đổi tên mình cho người anh em sinh đôi, bởi vì ông chứ không phải người

kia đã là người được gọi là Aureliano. Không một ai hay biết những chi tiết nhỏ nhặt trong đời riêng của ông. Có những thời kỳ người ta được biết ông không ở một chỗ nào cho thực cụ thể, có lúc ông nuôi gà chọi ở nhà Pilar Ternera, và thỉnh thoảng ông ngủ lại đây, nhưng hầu hết các đêm ông ngủ lại tại các phòng ngủ của bọn gái làng chơi. Ông sống lang bạt kỳ hồ, không mảy may xúc cảm, không mảy may ham muốn, như thể một ngôi sao rực sáng trong vũ trụ của Úrsula. Thực ra, José Arcadio Segundo không phải là người của gia đình này và cũng sẽ chẳng bao giờ là người của một gia đình nào khác, kể từ buổi sáng sớm xa xưa kia, cái buổi sáng sớm đại tá Gerineldo Márquez dẫn ông vào trại lính không phải để xem buổi hành hình mà là để cho đến chết ông sẽ không bao giờ quên cái nụ cười buồn thảm có pha chút mai mỉa

của kẻ bị hành hình. Đó không chỉ là kỷ niệm xưa nhất mà còn là kỷ niệm duy nhất thời niên thiếu của ông. Còn kỷ niệm khác, kỷ niệm về một cụ già mặc chiếc áo khoác cổ lỗ, đội chiếc mũ cánh quạ ngồi ngay trước cửa sổ rực sáng kể những điều kỳ diệu, ông vẫn không xác định được nó thuộc về thời kỳ nào. Đó là một kỷ niệm mờ ảo, hoàn toàn không cần thiết cho những sự dạy dỗ hay cho nỗi hoài nhớ, nó trái với kỷ niệm của kẻ bị hành hình mà trên thực tế kỷ niệm này đã định hướng cho đời ông, và nó trở về trong trí nhớ của ông ngày một trong sáng hơn giữa lúc ông đã già dặn, cứ như thể sự diễn tiến của thời gian đưa ông từ từ tới đó Úrsula định lợi dụng ông để ông khiến cho đại tá Aureliano Buendía từ bỏ xưởng kim hoàn, nơi ngài tự giam hãm mình. “Chắc hẳn thuyết phục ông trẻ đi xem phim đi”, cụ nói với ông.

“Dẫu rằng nó không thích phim ảnh thì ít ra nó cũng có dịp được thở hít không khí trong lành chứ”. Song cũng chẳng bao lâu cụ nhận ra rằng ông cũng y hệt như ngài đại tá, chẳng đếm xỉa gì đến những lời van nài của mình, và nhận ra rằng ông cũng đã bị bọc kín bởi sự chai lì trước mọi tình cảm âu yếm. Mặc dù cụ không biết và không một ai biết hai người bàn bạc cái gì trong những lúc trò chuyện rất lâu tại xưởng kim hoàn, cụ đã hiểu rằng đó là hai thành viên duy nhất của gia đình dường như gắn bó với nhau bởi những mối đồng cảm sâu sắc. Thực ra, ngay cả José Arcadio Segundo cũng không thể lòi được ngài đại tá ra khỏi nơi ngài tự giam hãm mình. Việc các cô nữ sinh, bạn của Meme, ồn ã kéo đến nhà đã vượt qua những giới hạn của sự bình tâm của ngài đại tá. Viện có phòng ngủ của hai vợ chồng mình hiện có quá nhiều

gián đã căn nát những con búp bê đẹp mắt của Remedios— ngài bèn mắc võng ngay tại xưởng kim hoàn, rồi từ đó ngài ở lì trong xưởng, chỉ ra ngài khi cần phải ra. Úrsula không tìm được dịp nói chuyện với ngài. Cụ biết rõ rằng ngài không nhìn mâm cơm mà chỉ để nó ở đầu bàn lớn trong lúc ngài làm xong con cá vàng và cũng chẳng để ý đến bát xúp đã đông váng và thịt sào đã nguội lạnh. Ngài ngày một khó tính hơn kể từ dạo đại tá Gerineldo Márquez từ chối không giúp ngài một tay để khơi dậy một cuộc chiến đẫm máu không tương lai. Ngài tự giam mình kỹ hơn, dường như ngài còn cài then lòng mình lại và do đó gia đình nghĩ về ngài như một người đã chết. Người ta không thấy bóng dáng ngài nữa mãi cho tới khi ngài bước ra cửa chính để xem đám xiếc đang diễu qua, đó là ngày mười một tháng mười. Đối với đại tá Aurelia-

no Buendía, đó là một ngày như tất cả những ngày trong những năm cuối cùng của đời mình. Vào lúc năm giờ sáng, tiếng kêu loạn xạ của cóc nhái cũng như tiếng trùng rền rĩ ở ngoài bốn bức tường làm ngài thức dậy. Cơn mưa dầm kéo suốt từ ngày thứ bảy, và ngài không cần phải nghe tiếng mưa rơi rả rích trên những tàu lá ngoài vườn hoa, bởi vì bằng mọi cách ngài cảm nhận ra cơn mưa ngay từ trong cái rét thấu xương mình. Như mọi bận, ngài đã mặc chiếc áo khoác nỉ với chiết quần lót ống dài dẹt bằng sợi bông thô và dẫu nó bám đầy bụi cũ kỹ chính ngài vẫn gọi nó là “chiếc quần lót của kẻ mạnh”. Ngài mặc quần dài ống hẹp nhưng không đóng cúc quần và cũng không dùng chiếc cúc vàng vốn thường dùng để đóng kín cổ áo sơ mi lại, bởi vì ngài vẫn có ý đi vào nhà tắm. Sau đó ngài đội chiếc áo khoác nỉ lên đầu như một

chiếc mũ chùm đầu, lấy ngón tay chải bộ râu rậm chảy xuống, rồi đi tiểu tiện ngay ở ngoài sân. Còn lâu mát trời mới dậy và do đó José Arcadio Buendía vẫn đang ngủ vật vờ trong túp lều lá cọ mục vì mưa dầm. Ngài không nhìn thấy cụ như chẳng bao giờ ngài nhìn thấy và cũng không nghe thấy câu nói không thể hiểu được mà bóng ma cha ngài nói với ngài khi cụ giật mình thức dậy vì dòng nước đá nóng bỏng rơi lộp bộp trên đôi giày cụ. Ngài chưa vào nhà tắm vội không phải vì lạnh và vì ẩm mà vì sương mù dày đặc của tháng mười. Khi trở về xưởng kim hoàn ngài ngửi thấy mùi nồng khét của các bếp nấu do Santa Sofía de la Piedad đang nhóm, và ngài đứng ở nhà bếp đợi cho đến khi cà phê sôi để mang một tách cà phê không pha đường về phòng mình.

Như tất cả mọi buổi sáng, Santa

Sofía de la Piedad hỏi ngài hôm nay là ngày thứ mấy, ngài trả lời rằng hôm nay là thứ tư ngày mười một tháng mười. Vì nhìn người đàn bà bạo dạn rạng rỡ trong ánh lửa, mà ngay cả trong lúc ấy cũng như bất cứ thời điểm nào khác trong đời mình ngài thấy bà hiển hiện một cách trọn vẹn, và do đó ngay lập tức ngài nhớ lại một ngày mười một tháng mười, đang lúc chiến tranh ác liệt, một niềm tin chắc khá thô bạo nói rằng người con gái ngủ với ngài đã chết khiến ngài thức dậy. Thực thế, cô gái đã chết và ngài không bao giờ quên cái ngày ấy bởi vì chính cô ta trước đó một giờ đã hỏi ngài hôm nay là thứ mấy. Mặc dù đã có sự gợi nhớ ấy, ngay lần này ngài cũng chưa ý thức đầy đủ về các điểm báo đã từ bỏ ngài đến mức độ nào, rồi trong lúc cà phê sôi, hoàn toàn vì tò mò chứ không vẫn một chút hoài nhớ nhỏ nhặt nào, ngài vẫn tiếp tục nghĩ

về người đàn bà, mà tên của cô ta ngài không bao giờ biết, mà gương mặt cô ta ngài chưa từng nhìn rõ, bởi vì người đàn bà ấy đã va vấp trong bóng tối để lần mò cho tới chiếc võng ngài nằm. Tuy nhiên, trong nỗi trông trải của biết bao cô gái đã đến với cuộc đời ngài bằng chính hình thức ấy, ngài đã không nhớ rằng cô ta chính là người trong phút giây gặp gỡ lần đầu đầy cảm kích ấy đã suýt chết chìm trong nước mắt, và chưa đầy một giờ trước khi chết còn hứa sẽ yêu ngài mãi mãi, yêu ngài cho đến khi chết. Ngài không nghĩ đến cô ta nữa, cũng sẽ không nghĩ đến bất kỳ ai ở nơi nào, sau khi ngài đã bước vào xưởng kim hoàn, châm đèn sáng để đếm những con cá vàng trong hộp sắt tây. Mười con cả thấy, kể từ đó quyết định sẽ không bán chúng nữa, ngài chỉ làm hai con mỗi ngày, và khi nào đủ số hai mươi năm con ngài lại đem nung

chảy ra để làm lại từ đầu. Ngài cặm cùi làm việc suốt buổi sáng, hoàn toàn tập trung tư tưởng vào công việc không hề nghĩ ngợi gì hết, không hề hay biết rằng vào lúc mười giờ trời bắt đầu đổ mưa, rồi có ai đó đi qua trước cửa xưởng kim hoàn gào mọi người đóng các cửa lại kéo nước ngập nhà, và ngài hoàn toàn không còn biết đến chính mình nữa, cho tới khi Úrsula bước vào xưởng mang theo suất cơm trưa cho ngài và tắt đèn. – Trời ơi, mưa chi mà dữ thế, – Úrsula nói. – Mưa tháng mười mà! – ngài nói. Lúc nói câu ấy, ngài vẫn không rời mắt khỏi con cá vàng đầu tiên làm trong ngày, bởi vì ngài cố khảm con người vàng vào đôi mắt nó. Chỉ khi làm xong, và đặt nó vào thùng sắt tây lúc ấy ngài mới xì xụp húp xúp. Sau đó ngài ăn, rất chậm rãi, miếng thịt xào với hành, cơm trắng cùng với những lát chuối rán, tất cả những món ăn này

đều để chung trong một cái đĩa to. Cái
lối ăn ngon miệng của ngài không bị đảo
lộn trong hoàn cảnh tất đẹp nhất cũng
như trong những hoàn cảnh khó khăn
ác liệt nhất. Khi sắp ăn xong, ngài cảm
thấy muốn được nghỉ ngơi. Theo một
quan niệm khoa học, ngài không bao giờ
làm việc, đọc sách, tắm táp và kể cả nhập
phòng nếu chưa được hai giờ cho bộ
máy tiêu hóa làm việc và đó là một niềm
tin rất bền vững đến mức đôi lúc ngài để
chậm việc thực hiện các trận đánh nhằm
tránh cho quân sĩ khỏi mắc bệnh sung
huyết. Vậy là ngài lên võng nằm, dùng
con dao nhíp gỡ cục sáp đứt nút tai, rồi
sau đó mấy phút ngài đã ngủ khì. Ngài
mơ thấy mình đi vào một ngôi nhà trống,
tường trắng và nỗi lo lắng mình là người
đầu tiên bước vào ngôi nhà này khiến
ngài băn khoăn. Trong giấc mơ ấy, ngài
nhớ là đêm trước mình đã mơ thấy như

thể và không chỉ đêm trước đó mà tất cả các đêm trong những năm cuối cùng của đời mình ngài từng mơ thấy như vậy rồi. Ngài biết rằng hình ảnh ấy bị xóa nhòa khỏi trí nhớ khi mình thức dậy, bởi vì giấc mơ lặp đi lặp lại ấy có đặc tính chỉ được nhớ lại trong chính giấc mơ. Quả nhiên, sau đó một lát, khi bác phó cạo gõ cửa xưởng kim hoàn, đại tá Aureliano Buendía đã thức dậy với cảm giác mình vô tình ngủ thiếp đi trong mấy phút ngắn ngủi và rằng mình chưa kịp mơ thấy gì hết. – Hôm nay không cắt tóc đâu, – ngài nói với bác phó cạo. – Xin hẹn bác vào ngày thứ sáu nhé. Bộ râu lởm đốm những sợi trắng của ngài đã ba ngày chưa cạo, nhưng ngài cảm thấy chưa cần thiết phải cạo, nếu như ngày thứ sáu tới ngài sẽ cắt tóc thì sẽ làm luôn một thể. Mồ hôi nhớp nhúa của giấc ngủ trưa không hề mong muốn đã làm tẩy đỏ những vết sẹo bị

mò cản ở nách ngài. Trời đã tạnh mưa nhưng mặt trời vẫn chưa hiện ra. Đại tá Aureliano Buendía nấc một cú ợ hơi đến to và cú ợ hơi này đã trả lại nơi đầu lưỡi ngài cái vị chua của bát xúp vừa ăn. Và nó như một mệnh lệnh của cơ thể buộc ngài phải khoác chiếc áo khoác lên vai và đi ra cầu tiêu ngay. Ngài ngồi trong cầu tiêu quá thời gian cần thiết, ngồi chồm hổm trên đám phân lầy nhầy trào ra khỏi miệng chiếc thùng gỗ hứng ở dưới, cho đến khi thói quen nhắc ngài nhớ là đã đến giờ làm việc buổi chiều. Trong lúc ngồi đợi, ngài lại nhớ rằng hôm nay là ngày thứ tư và rằng José Arcadio Segundo chưa có mặt ở xưởng kim hoàn vì hôm nay là ngày trả lương tại các đồn điền của Công ty chuối. Cái kỷ niệm này như tất cả các kỷ niệm khác trong những năm cuối đời, ngài mang theo nó không phải để nhớ lại những năm tháng chiến

tranh. Ngài nhớ rằng đại tá Gerineldo Márquez có một lần đã hứa với mình rằng sẽ tìm cho mình một con ngựa có ngôi sao trắng ở ngay trán và rằng đã lâu rồi vẫn không thấy đại tá nhắc lại chuyện này. Sau đó ngài lại nghĩ đến những câu chuyện tản mạn khác, nhưng ngài nhớ lại chúng không theo một trình tự nào. Vì để khỏi nghĩ đến những chuyện khác, ngài đã học để suy nghĩ về chúng trong nỗi giá lạnh của đời mình, để những kỷ niệm không thể tránh được ấy có trở lại vẫn không khiến ngài phải tủi lòng. Khi trở về xưởng kim hoàn, do thấy bầu trời đã khô ráo, ngài quyết định lúc này mà đi tắm thì tuyệt, nhưng Amaranta đã cản trở ngài. Vậy là ngài bắt tay vào làm con cá vàng thứ hai trong ngày. Trong lúc ngài đang móc đuôi vào con cá thì mặt trời ló ra rất mạnh đến mức ánh sáng găm lên thành tiếng như tiếng một chiếc tàu

đánh cá. Bầu trời được trận mưa kéo dài ba ngày làm cho thanh sạch nay lại đông đặc kiến cánh bay. Lập tức ngài lại thấy mình buồn đái, rồi ngài cố nhịn cho đến khi làm xong con cá vàng. Ngài bước ra sân vào lúc bốn giờ mười lăm, nghe thấy từ xa vọng đến tiếng kèn đồng, tiếng trống inh ỏi và tiếng reo vui đùa của trẻ nhỏ, và lần đầu tiên kể từ ngày còn là một chàng thanh niên tới nay, ngài đã giẫm lên cạm bẫy của nỗi hoài nhớ một cách có ý thức, rồi ngài sống lại buổi chiều kỳ diệu của những người digan mà cha ngài đã dẫn ngài đi xem nước đá. Santa Sofía de la Piedad bỏ dở những công việc đang làm trong nhà bếp, chạy ra cửa chính: – Xiếc! – bà gào lên. Đáng lẽ đi ra gốc cây dẻ, đại tá Aureliano Buendía lại đi ra cổng cánh, rồi lẫn vào đám người tò mò đang đứng xem gánh xiếc diễu hành qua. Ngài nhìn thấy một người đàn bà

mặc quần áo màu vàng cưỡi trên bành một con voi. Ngài nhìn thấy một chú lạc đà một bướu buồn bã. Ngài nhìn thấy một chú gấu cầm chiếc muôi gõ vào một cái xoong theo nhịp phách của âm nhạc. Ngài nhìn thấy những anh hề đang làm xiếc leo dây đi sau cùng. Một lần nữa người ta lại nhìn thấy trên gương mặt ngài nỗi cô đơn đáng thương của ngài khi đoàn xiếc đã đi qua và trên đường cái chỉ còn lại khoảng không rực sáng, bầu không khí lại đen đặc những con kiến cánh bay và nhọt số kẻ tò mò thò đầu rúc vào vực thẳm không cùng của sự mơ hồ. Lúc ấy ngài mới đi trở lại gốc cây dẻ, rồi trong lúc đái, ngài cố tiếp tục nghĩ đến gánh xiếc, nhưng ngài không bắt gặp kí ức nữa. Ngài giơ hai cánh tay lên ôm lấy đầu mình, giống như một chú gà con, rồi ngài đứng yên, trán tì vào thân cây dẻ. Gia đình không hay biết chuyện đó. Mãi

đến ngày hôm sau, vào lúc mười một giờ sáng, khi Santa Sofía de la Piedad đi vào sân sau để đổ rác, bà rợn tóc gáy thấy đám điều hâu đang sà xuống, sà xuống.

CHƯƠNG 14

Kỳ nghỉ hè cuối cùng của Meme trùng đúng vào thời gian để tang ngài đại tá Aureliano Buendía. Trong ngôi nhà của đóng im ỉm suốt ngày này không có chỗ cho các cuộc vui. Người ta thì thầm nói chuyện, lặng lẽ ăn, cầu kinh một ngày ba buổi và ngay đến các buổi chơi đàn tiểu phong cầm cũng mang âm điệu tang tóc. Mặc dù thâm ghét ngài đại tá, nhưng do cảm kích trước lòng thành kính trang trọng mà chính phủ đã bày tỏ để tưởng niệm kẻ tử thù của mình, Fer-

nanda là người đã tổ chức thật chu đáo đám tang đó. Như thường lệ Aureliano Segundo lại ngủ ở nhà trong lúc con gái ông nghỉ hè, và Fernanda cần phải làm một việc gì đó ngõ hầu lấy lại danh dự một người vợ chính thức, vì năm sau, Meme đón nhận đứa em gái vừa mới sinh, được đặt tên là Amaranta Úrsula, một cái tên do mọi người đặt bất chấp nguyện vọng của bà mẹ. Meme đã học xong. Văn bằng chứng thực cô là một nghệ sĩ đàn tiểu dương cầm đã được công nhận nhờ trình độ điêu luyện mà cô đã sử dụng để chơi các bản nhạc dân gian thế kỷ XVII trong buổi lễ mừng kết quả học tập và với buổi lễ ấy người ta cũng làm lễ đoạn tang cho ngài đại tá. Các vị khách mời khâm phục cô không chỉ ở nghệ thuật biểu diễn mà hơn nữa còn ở tính cách nhị nguyên của cô... Tính nết bông lông và có khi nhõng nhẽo trẻ con

của cô dường như không phù hợp với bất kỳ một hoạt động nghiêm chỉnh nào nhưng khi ngồi xuống bên cạnh cây đàn tiểu dương cầm lập tức cô trở nên một cô gái khác hẳn. Nét chín chắn không lộ trước đã đem đến cho cô dáng vẻ người lớn. Cô luôn luôn như thế. Thực ra Meme không có thiên hướng nào rõ rệt, nhưng cô đã giành được những kết quả cao nhất nhờ luôn luôn làm việc với một kỷ luật nghiêm khắc để tránh mâu thuẫn với mẹ mình. Giá có buộc cô học bất kỳ nghề nào khác thì chắc chắn cô cũng sẽ giành được kết quả tương tự. Ngay từ khi còn rất nhỏ tuổi, tính cách nghiêm khắc của Fernanda đã làm cô khó chịu, nhưng cô vốn có thói quen hy sinh vì người khác, và nhiều lúc thói quen này còn lớn hơn cả việc học tiểu dương cầm mà cô theo đuổi chỉ để khỏi va chạm với bà mẹ cố chấp của mình. Trong buổi lễ bế giảng,

cô có cảm giác hân hoan rằng tấm bằng được viết với những con chữ gô-tích và những chữ viết hoa có hình trang trí kèm theo sẽ giải thoát cô khỏi lời cam kết mà cô đã chấp nhận không phải chỉ để vâng lời, cũng chẳng phải để yên thân, và cô tin rằng kể từ phút giây này, ngay cả Fernanda cố chấp cũng sẽ khỏi phải bận tâm đến cây đàn đã bị các cô nữ tu sĩ coi là vật lỗi thời trong viện bảo tàng. Trong những năm đầu tiên, cô tin rằng những tính toán của mình sai bét bởi vì sau khi một nửa thị trấn đã ngủ rồi, thì không chỉ trong phòng khách nhà cô, mà trong không biết bao nhiêu buổi vui chung, các buổi họp mặt ở nhà trường và các buổi lễ kỉ niệm được tổ chức ở Macondo, mẹ cô vẫn tiếp tục mời đến những thính giả mới mà bà biết chắc họ có khả năng đánh giá những phẩm chất của cô con gái. Sau khi Amaranta mất và chỉ đến

khi ấy thôi, khi mà mọi người đều không bước chân ra khỏi nhà trong thời gian để tang, Meme mới có thể hoàn toàn không bị lệ thuộc vào cây đàn tiểu dương cầm và có thể bỏ quên chùm chìa khóa ở bất kỳ tủ quần áo nào mà không còn phải lo Fernanda sẽ khó chịu lục soát xem lúc nào và ai đã làm mất chìa khóa. Meme chịu đựng những sự phôi trương của mẹ với lòng nhẫn nại mà cô đã có trong lúc học. Đó là cái giá cô phải trả cho tự do của mình. Fernanda quá đổi sung sướng trước thái độ hiền lành của con gái, quá đổi tự hào trước lòng thần phục của mọi người đối với tài năng của cô, đến mức bà không ngăn cản việc các cô bạn gái đến chơi chập cả nhà, việc cô đi chơi cả buổi chiều ở ngoài đồng chuối và đi xem những bộ phim luôn được cha Antonio Isabel công khai cho phép chiếu cùng với Aureliano Segundo hoặc với các bà bạn

tin cậy của gia đình. Trong những lúc vui vẻ ấy, những sở thích đích thực của Meme được bộc lộ rõ nét. Hạnh phúc của cô ở đầu bên kia của kỷ cương nề nếp, trong các cuộc vui ồn ã, trong các cuộc nói chuyện tâm phào về tình yêu, trong những buổi các cô gái khóa trái cửa buồng để cùng nhau tập hút thuốc lá và nói về bọn con trai, và đã có lần họ chuyền tay nhau tu hết ba chai rượu trắng rồi cuối cùng họ khóa thân để so đo các bộ phận trên cơ thể mình. Sẽ chẳng bao giờ Meme quên được cái đêm cô bước vào nhà miệng nhai rễ cam thảo và vì không ai phát hiện ra mình đang bị rượu vật đổ, cô ngồi xuống bên chiếc bàn Fernanda và Amaranta đang lặng lẽ ăn cơm tối. Trước đó cô đã trải qua hai giờ khủng khiếp ở trong phòng một người bạn gái, khóc lóc hoài vì buồn và vì sợ hãi, và ở bờ bên kia cuộc khủng hoảng

tâm trạng ấy cô bắt gặp một cảm giác dạn dĩ rất lạ lùng mà mình vẫn còn thiếu để trốn khỏi trường học, để nói với mẹ mình bằng những lời này lời nọ khiến bà phải nổi cáu về cây đàn tiểu dương cầm. Ngồi ở ngay đầu bàn ăn, đang húp bát nước canh gà mà khi vào tới dạ dày nó giống như một thứ thuốc tiên làm sống lại người chết, Meme nhìn thấy Fernanda và Amaranta chìm trong vầng ánh sáng khắc nghiệt của thực tại. Cô phải cố gắng tự kìm mình để khỏi nói thẳng vào mặt họ về những sự giả tạo, về trí tuệ nghèo nàn và những thèm khát danh dự hão của họ. Kể từ kỳ nghỉ hè thứ hai trở đi, cô biết rằng cha mình chỉ sống ở nhà để giữ thể diện và nhờ hiểu Fernanda như đã hiểu bà và nhờ đã giúp bà để sau đó hiểu Petra Cotes, cô đã tán thành cha mình. Cũng có lúc cô muốn làm con gái của người tình của cha mình. Trong hơi men

chấn choáng, Meme đã nghĩ rằng nếu như thời điểm ấy cô bày tỏ những suy tư của mình thì chắc mọi người không khỏi ngạc nhiên và niềm vui thầm lặng của trò ranh mãnh lộ ra quá ư mạnh mẽ đến mức Fernanda đã nhận ra:

Con làm sao vậy? – bà hỏi.

Chẳng làm sao cả, – Meme trả lời.
– Hầu như đến tận bây giờ con mới phát hiện ra là con yêu bà trẻ và mẹ biết nhường nào.

Amaranta giật mình nhận thấy rất rõ trong câu trả lời ấy có hàm chứa ý tứ căm giận. Trái lại Fernanda rất cảm động đến nỗi bà thấy mình lại phát điên khi Meme thức dậy vào lúc nửa đêm đầu cứ ngọ nguy vì đau đớn và cứ ghen thờ vì những cú nôn ra mật. Bà đưa cô một lọ dầu hải ly, đắp lên bụng cô một lá cao

mù tạt và chườm lên đầu cô một túi nước đá, rồi bà bắt cô ăn kiêng và ở trong nhà kín gió suốt năm ngày liền theo đơn thuốc của viên bác sĩ nông cuồng người Pháp mới đến, người sau hai giờ khám bệnh đã đi đến kết luận quái gở: cô gái bị rối loạn kinh nguyệt. Trong trạng thái tinh thần suy sụp, Meme không còn cách nào hơn là nín lặng. Úrsula lúc này tuy đã mù hẵn nhưng vẫn hoạt bát và sáng láng, là người duy nhất đã chẩn đoán chính xác. “Đối với ta, – cụ nghĩ, – những triệu chứng này là những triệu chứng biểu hiện rõ ở bọn say rượu. Nhưng không những cụ bác bỏ ý nghĩ ấy mà cụ còn tự trách sự hời hợt trong suy nghĩ của mình. Aureliano Segundo cảm thấy nhức nhối lương tâm khi nhìn thấy tình trạng kiệt sức của Meme do đó ông hứa trong tương lai sẽ quan tâm đến cô nhiều hơn. Quan hệ thân mật và vui vẻ giữa

người cha và cô con gái đã nảy sinh như thế đấy, và quan hệ này trong một thời gian đã giải thoát ông khỏi những cuộc vui cô đơn và nó cũng giải thoát Meme khỏi sự quản thúc của Fernanda mà không gây ra những cuộc cãi vã không thể tránh khỏi trong gia đình. Thế là lúc ấy, Aureliano Segundo phớt lờ mọi lời cam kết để ở bên cạnh. Meme, dành cho cô phần lớn thời gian rảnh rỗi của mình để dẫn cô đi xem phim hay xem xiếc. Trong những ngày gần đây, thân xác ục ịch chậm chạp không cho phép ông cúi xuống buộc nút giày, và sự sung mãn đã khiến cho ông bắt đầu kim hồ hởi. Sự phát hiện về cô con gái đã làm sống lại trong ông tâm tính hồ hởi của thời trẻ, và nỗi thích thú được ở gần con gái đã dần dần tách ông khỏi sự ăn chơi phung phí. Meme nở rộ trong tuổi trưởng thành. Cô không đẹp cũng như Amaranta

không bao giờ đẹp, nhưng cô cởi mở, dễ gần và ngay từ phút gặp gỡ đầu tiên đã cho ta cảm giác dễ mến. Cô có đầu óc tân tiến. Và cái đầu óc tân tiến này thương hại cho tính kiêu ngạo lỗi thời và trái tim chai sạn của Fernanda, và được Aureliano Segundo rất hài lòng ủng hộ. Ông chính là người đã quyết định lôi cô ra khỏi phòng ngủ từ lúc còn bé, nơi những con mắt hãi hùng của các vị thánh vẫn tiếp tục làm cô sợ hãi ngay khi cô đã ở tuổi thành niên, và ông đã sắp đặt cho cô một phòng có giường đệm, một phòng trang điểm rộng rãi và những tấm rèm cửa bằng nỉ mà ông không biết rằng đó chính là hình ảnh thứ hai của căn phòng Petra Cotes. Ông quá ư hào phóng đối với cô đến nỗi ngay cả số tiền ông có bao nhiêu ông cũng không biết, vì rằng chính cô đã móc chúng từ các túi ra, và ông đã cung cấp cho cô biết bao đồ trang sức

mới mỗi khi cô đến các đại lý của Công ty chuối. Căn phòng của Meme đầy những túi đựng đá bọt đánh bóng móng tay, những lô uốn tóc, những cái đánh bóng răng, những hộp thuốc tô cho xanh mi mắt, rồi cơ man nào là thuốc mỹ phẩm và các đồ trang sức lạ lẫm đến nỗi cứ mỗi bận bước vào phòng Fernanda lại đâm lo lắng với ý nghĩ rằng phòng trang điểm của cô con gái chẳng khác gì phòng trang điểm của bọn điểm tân thời. Tuy nhiên, trong thời kỳ ấy, Fernanda hoạt động theo một thời gian biểu được chia sẻ giữa nhiệm vụ chăm sóc bé Amaranta Úrsula lúc này hãy còn làm nũng và hay bệnh tật với việc viết những bức thư đầy cảm động cho các vị thầy thuốc không thể nhìn thấy Vậy là, khi phát hiện ra sự đồng lõa giữa chồng với con gái, thì lời hứa duy nhất bà đòi hỏi ở Aureliano Segundo là ông sẽ không dẫn Meme tới

nhà Petra Cotes. Đó là một sự đòi hỏi vô nghĩa vì ả nhân tình đang lộn ruột trước tình thân mật giữa cha con Aureliano Segundo, đến mức ả chẳng thiết làm quen với Meme nữa. Một nỗi lo chưa hề biết tới làm cho ả đau đớn khắc khoải như thể bản năng đã mách cho ả hay rằng Meme chỉ cần yêu ông ta thôi là đã có thể giành lấy cái điều mà Fernanda không thể giành được: chiếm mất của ả một thứ tình yêu vốn được coi là tình yêu bền chặt gắn bó với nhau cho đến chết. Lần đầu tiên Aureliano Segundo phải chịu đựng cảnh mặt sưng mảy sảy và những cú đá thủng bụng nia khủng khiếp của nhân tình đến nỗi ông đâm sợ rằng những chiếc hòm từng mang đi mang lại của mình lại lên đường trở về nhà vợ. Nhưng điều này không xảy ra. Không một người đàn bà nào hiểu kỹ một người đàn ông như Petra Cotes hiểu

nhân tình của mình, và ả biết rằng những chiếc hòm ấy sẽ ở nguyên vị trí từ khi chúng được mang đến, bởi vì nếu có cái gì mà Aureliano Segundo ghê tởm thì đó chính là việc phải đảo lộn cuộc đời vì những sự tu tỉnh và thay đổi nếp sống. Vậy những chiếc hòm đã ở đâu thì cứ ở nguyên đấy, và Petra Cotes lao vào việc giành lại người đàn ông ấy bằng cánh mài sắc thứ vũ khí duy nhất mà cô con gái không thể nào địch nổi. Đó cũng là một cố gắng không cần thiết, vì rằng Meme không bao giờ có ý định tham dự vào những vấn đề riêng của cha mình. Cô không có thừa thời gian để mà làm phiền ai. Chính cô tự quét lấy phòng và sửa sang giường chiếu đúng như các nữ tu sĩ đã dạy bảo cô. Buổi sáng cô lo khâu may vá áo của mình, lúc thì ngồi khâu ở ngoài hành lang, lúc thì ngồi may bên chiếc máy may quay tay của Amaranta.

Trong lúc mọi người ngủ trưa, cô ngồi luyện đàn tiểu dương cầm trong hai giờ liền vì biết rằng sự cần mẫn hàng ngày sẽ giữ yên lòng Fernanda. Cũng chính vì lý do đó, cô vẫn tiếp tục trình diễn các bản giao hưởng trong các buổi bán hàng từ thiện và các buổi vui trong trường học mặc dù những lời mời ngày một thưa hơn. Chiều đến, cô chải chuốt, mặc bộ quần áo giản dị nhất, đi đôi giày cao cổ và nếu như không cần phải đi theo Aureliano Segundo, cô sẽ đến nhà các bạn gái là nơi cô sẽ ở chơi cho đến giờ cơm tối. Hãn hữu lắm Aureliano Segundo mới không đến tìm cô để dẫn đi xem phim. Trong đám bạn của Meme có ba cô gái Mỹ đã phá bỏ cái hàng rào của khu nhà chung cư giống “khu chuồng gà mắc điện” và có quan hệ bạn bè với các cô gái làng Macondo. Một trong ba cô ấy là cô Patricia Brown. Do cảm kích trước tấm

lòng hào hiệp của Aureliano Segundo, ngài Brown đã mở cửa nhà mình cho Meme và mời cô tham dự các buổi khiêu vũ ngày thứ bảy vốn là những dịp duy nhất người Mỹ cùng vui chơi với người bản xứ. Khi Fernanda biết chuyện, bà tạm thời gác chuyện chăm sóc bé Amaranta Úrsula và việc viết thư cho các thầy thuốc không thể nhìn thấy của bà, để làm cho to chuyện thêm. “Con hãy nghĩ mà xem, – bà nói với Meme, – ngài đại tá nằm dưới mồ sẽ nghĩ gì nào?”. Bà tìm sự đồng tình ủng hộ của Úrsula. Nhưng cụ già mù loà này, trái với điều mọi người chờ đợi đã cho rằng chẳng có gì đáng phải lo ngại trong việc Meme tham dự các buổi khiêu vũ cũng như chăm chút các quan hệ bạn bè với những người Mỹ cùng lứa tuổi, miễn sao cô chặt gái lúc nào cũng biết giữ vững quan điểm của mình và đừng để mình trở thành đồ đệ

của đạo Tin lành là được rồi. Meme lãnh hội rất đúng tư tưởng của cụ cố nội, và vào ngày hôm sau các buổi khiêu vũ cô dậy sớm hơn thường lệ để đi lễ mixa. Sự phản đối của Fernanda được duy trì cho đến ngày Meme báo tin người Mỹ muốn nghe cô chơi đàn tiểu dương cầm và điều này đã làm bà thay đổi lập trường. Lại một lần nữa cây đàn được đưa ra khỏi nhà và được đưa đến nhà ngài Brown, nơi cô nghệ sĩ đàn tiểu dương cầm trẻ tuổi đã nhận những tràng vỗ tay chân thành nhất và những lời chúc mừng nhiệt liệt nhất. Kể từ dạo ấy, cô được mời đến nhà không chỉ vào các buổi khiêu vũ chiều thứ bảy mà còn vào các buổi tắm ngày chủ nhật ở bể bơi, và mỗi tuần một bữa cơm trưa. Meme tập bơi như một vận động viên chuyên nghiệp, chơi tennis và tập ăn xúc xích xứ Virginia với dưa lát. Cô học tiếng Anh rất nhanh trong

các buổi khiêu vũ, tập bơi và tập tennis. Aureliano Segundo phần chần quá đôi trước những bước tiến của cô con gái đến mức ông đã mua một cuốn từ điển bách khoa tiếng Anh dày sáu tập gồm nhiều tranh ảnh màu của một người bán sách rong, để cô đọc vào những lúc rỗi rãi. Việc đọc sách lôi cuốn hết tâm trí mà trước đây cô vẫn dành cho cô bạn gái đáng yêu hoặc cho các buổi đóng kín phòng để ở trong đó với các bạn gái, đó không phải vì người ta buộc cô phải đọc như một thứ kỷ luật mà vì cô không có thú tán nhảm vốn là một thứ bệnh chung của mọi người. Cô nhớ lại lần bị say rượu như một cú mạo hiểm ngầy thơ mà cô cảm thấy hết sức ngộ nghĩnh, đến mức cô kể lại cho Aureliano Segundo nghe, và khi nghe, cha cô còn cảm thấy thích thú hơn cả cô. “Nếu mẹ con mà biết được”, ông nói với con gái trong lúc sặc

sua cười. Như vẫn thường nói với cô rằng hãy tin ở mình, ông cũng đã nói với cô rằng với chính lòng tin ấy cô có thể lộ cho ông biết mọi tình đầu của cô. Và do đó Meme đã kể cho ông biết cô thân với một chàng thanh niên Mỹ tóc đỏ, người đã đến đây nghỉ hè với bố mẹ anh ta. “Bọn nhỉ?”, Aureliano Segundo cười: “Nếu mẹ con mà biết được”. Nhưng Meme còn kể cho ông biết chàng trẻ tuổi người Mỹ ấy đã trở về nước và cô vẫn chưa được biết tin tức gì của anh ta. Vậy là sự chín chắn trong cách suy nghĩ của cô đã bảo đảm cho gia đình được êm ấm yên vui. Lúc này Aureliano Segundo dành nhiều thời gian hơn cho Petra Cotes, và dẫu rằng thể xác và tâm hồn ông không cho phép ông lao vào các cuộc vui chơi bạt mạng như trước đây, ông vẫn không để lỡ dịp tổ chức chúng và không để yên cho cây phong cầm lúc này

đã có nhiều phím phải buộc lại bằng dây giày. Ở nhà, Amaranta khâu khăn liệm cho mình mà không biết đến bao giờ thì xong, còn Úrsula cứ để mặc cho tuổi già lôi kéo mình đến đáy sâu của sự mù loà, là nơi cái hình ảnh duy nhất có thể nhìn thấy được là hình ảnh cụ José Arcadio Buendía ở dưới gốc cây dẻ. Fernanda củng cố quyền lực của mình. Những bức thư đều đặn gửi hàng tháng cho con trai bà là José Arcadio lúc này không hề có lấy một dòng nói dối, ngoại trừ quan hệ thư từ với các thầy thuốc không thể nhìn thấy, những người đã chuẩn đoán rằng bà có một chỗ viêm tấy ở ruột già và họ đang chuẩn bị cho bà được thực nghiệm một cách chữa bệnh bằng điều khiển từ xa. Người ta đồn rằng trong ngôi nhà mệt mỏi của dòng họ Buendía sẽ êm ấm và hạnh phúc đời đời nếu như cái chết đột ngột của Amaranta không làm cho

cả thị trấn lại một lần nữa nhốn nháo lên. Đó là một sự kiện không ngờ. Dầu rằng bà đã già và sống hoàn toàn cách biệt mọi người nhưng người ta vẫn thấy bà chắc chân mạnh tay, đi đứng ngay ngắn với cái sức khỏe bền chắc như đá mà xưa nay bà vốn có. Không một ai biết được ý nghĩ của bà kể từ khi bà dứt khoát từ chối đại tá Gerineldo Márquez và đóng chặt cửa buồng để một mình ở trong nhà mà khóc lóc. Khi ra khỏi phòng bà đã cạo sạch nước mắt. Người ta không thấy bà khóc trước việc Remedios – Người đẹp bay lên trời, trước việc trong một thời gian ngắn cả mười bảy người con trai của đại tá Aureliano Buendía bị tàn sát, trước cái chết của chính ngài đại tá, vốn là người bà yêu mến nhất trần đời. Tuy bà đã biểu lộ lòng thương của mình khi mọi người bắt gặp thi hài ngài ở dưới gốc cây dẻ, nhưng tuyệt

nhiên bà không nhỏ một giọt nước mắt. Bà đã giúp một tay dựng tử thi dậy. Bà mặc cho ngài bộ trang phục chiến binh, cạo râu, chải tóc cho ngài và bà trang điểm bộ râu cho ngài còn đẹp hơn cả ngài trang điểm nó trong những năm tháng vinh quang của mình. Không một ai nghĩ rằng trong cử chỉ ấy, bà đã để lộ tình yêu vì mọi người đã quen với sự thông thạo tang lễ của Amaranta. Fernanda dùng dùng nổi cáu cho rằng Amaranta không hiểu những mối quan hệ của đạo Cơ đốc với cuộc sống mà chỉ duy nhất hiểu những quan hệ của nó với cái chết, như thể nó không phải là một tôn giáo mà chỉ là một tờ giấy quảng cáo cho thói câu nệ hình thức ma chay. Amaranta chìm đắm quá sâu trong những kí ức bế bộn của mình để hiểu cho được những lời nói ngụ ý sâu xa ấy. Bà đã bước tới tuổi già với tất cả nỗi hoài nhớ tươi

roi rói. Khi nghe những bản nhạc valse của Pietro Crespi, bà vẫn có những khao khát muốn khóc như cái thuở mới lớn, như thể thời gian và sự tự trừng phạt mình chẳng có nghĩa lý gì. Những băng nhạc mà chính bà từng ném vào sọt rác với cái cố chúng bị hơi ẩm làm cho mục hết, cứ tiếp tục quay và gõ nhịp trong kí ức bà. Bà đã định nhấn chìm những khao khát ấy trong nỗi đam mê tội lỗi ở giới hạn được phép với người cháu của mình là Aureliano José và bà đã định ẩn nấp dưới sự che chở lành mạnh và cao thượng của đại tá Gerineldo Márquez, nhưng bà đã không tìm được cách đánh đổ hoàn toàn những khát vọng ấy ngay cả trong hành động tuyệt vọng nhất của tuổi già; ấy là lúc tắm cho thằng bé José Arcadio ba năm trước khi gửi nó đi học và bà đã mê mẩn nó không như một người bà đối với đứa cháu mà lại như một người đàn

bà đối với người đàn ông, như chính cô điểm tân thời đã làm theo lời đồn của thiên hạ và như chính bà ở tuổi mười hai, mười bốn từng muốn làm đối với Pietro Crespi, khi thấy chàng vận quần áo khiêu vũ và tay cầm cây gậy chỉ huy huyền diệu để lấy nhịp từ chiếc máy đo nhịp. Đôi lúc cái vết sẹo trên tay kia khiến bà đau khổ vì đã để nó theo mình và đôi lúc nó khiến bà giận dữ quá đỗi đến mức phải lấy kim châm vào các ngón tay, nhưng cái vườn ổi chín rộ thơm lừng của tình yêu đang tiến dần tới cõi chết làm bà đau khổ hơn cả, khiến bà giận dữ hơn cả và cay đắng hơn cả. Như đại tá Aureliano Buendía nghĩ đến chiến tranh, Amaranta nghĩ tới Rebeca, nghĩa là không thể dùng được. Nhưng trong lúc anh trai bà đã tìm được cách làm cho những kỷ niệm ấy khô cằn đi thì bà chỉ tìm cách khiến chúng nóng bỏng thêm.

Điều duy nhất bà cầu khẩn Thượng đế trong rất nhiều năm là ngài đừng để bà chết trước Rebeca. Cứ mỗi bận bà đi qua nhà Rebeca và nhận thấy ngôi nhà đang ngày một đổ nát thì bà cảm thấy sung sướng với ý nghĩ Thượng đế đang nghe lời cầu khẩn của mình.

Có một buổi chiều, khi đang may vá ở ngoài hành lang, một ý nghĩ sáng tỏ bỗng nảy sinh trong tâm trí bà và bà thấy rằng bà sẽ ngồi ở ngay chính cái chỗ ấy, trong chính tư thế ấy và cũng trong chính ánh sáng ấy, khi người ta mang tin Rebeca đến cho mình. Bà ngồi đợi tin ấy như ai đó đợi một bức thư, và rõ ràng là có thời kỳ bà dứt hết cúc để rồi đơm lại, chả là vì ngồi rồi không thể dịch nổi với ngồi chờ vốn dài lê thê và đau khổ hơn nhiều. Trong gia đình không một ai biết rằng Amaranta lúc này dệt một tấm khăn liệm

quý giá cho Rebeca. Sau đó, khi Aureliano Triste kể chuyện rằng anh đã thấy bà ta biến thành một bóng ma da dẻ nhăn nheo và trên đầu lơ thơ còn lại mấy mớ tóc vàng thì bà chẳng ngạc nhiên tí nào bởi vì hình ảnh được miêu tả ấy đúng y hệt với hình ảnh Rebeca mà bà đã mường tượng thấy từ rất lâu. Bà đã quyết định dựng lại thi hài Rebeca, lấy sáp đánh cho da mặt Rebeca căng mọng lên và lấy tóc của các bức tượng thánh để làm cho Rebeca một bộ tóc giả. Bà sẽ chế tạo ra một thi hài đẹp với khăn liệm bằng vải lanh và một chiếc quan tài bọc nỉ có những tua dải đỏ và bà sẽ đặt quan tài này trong sự tức tặc của những kẻ hầu người hạ vốn thường thấy ở những đám tang lộng lẫy. Bà xây dựng kế hoạch này với biết bao hận thù đến mức bà phải rùng mình trước ý nghĩ rằng bà đã làm đám tang này như thể với tất cả lòng yêu của mình,

nhưng bà đã không thể để cho sự nhảm lẫn làm cho mình lúng túng mà trái lại bà tiếp tục hoàn thiện những chi tiết hết sức nhỏ nhặt đến mức bà trở thành một người còn tinh thông hơn cả một nhà chuyên môn trong các lễ tang. Điều duy nhất bà không nhận ra trong kế hoạch dày công xây dựng này là bà có thể chết trước Rebeca, mặc dù bà đã tha thiết khẩn cầu Thượng đế Quà nhiên điều đó đã xảy ra. Nhưng trong những ngày cuối cùng của đời mình, Amaranta không cảm thấy đau khổ, trái lại bà cảm thấy mình được giải thoát khỏi mọi nỗi đắng cay, bởi vì thần chết đã đem lại cho bà vinh dự được báo trước về cái chết sẽ xảy ra sớm hơn dự định của mình vài năm. Có một buổi trưa trời oi ả sau khi Meme đến trường được ít bữa, trong lúc đang ngồi khâu ở hành lang bà đã nhìn thấy thần chết. Bà nhận ra ngay nó, và nó

chẳng có gì là đáng sợ cả, bởi vì nó là một phụ nữ vận đồ xanh màu thanh thiên với mái tóc dài như suối, nom nó có vẻ lỗi thời một tí, tựa tựa như hình ảnh Pilar Ternera trong cái thời ả vẫn đến nấu nướng giúp gia đình mình. Đôi lúc Fernanda đứng ngay trước mặt bà nhưng bà không nhận ra mặc dù Fernanda hiển hiện một cách rất đích thực, rất con người, ngay cả lúc nhờ bà khâu hộ kim. Thần chết không báo cho bà biết khi nào bà chết và cũng không nói cho bà biết giờ chết của mình có phải xảy ra trước giờ chết của Rebeca không, mà chỉ bảo bà hãy bắt đầu khâu khăn liệm cho chính mình vào ngày mồng sáu tháng tư tới. Thần chết đã cho phép bà làm khăn liệm thật cầu kỳ và thật đẹp mắt như bà mong muốn, nhưng cũng hết sức danh giá như bà đã làm khăn liệm cho Rebeca. Và thần chết còn cho bà biết rằng bà sẽ

chết không đau đớn, không sợ sệt, không cay đắng vào ngày đêm may xong tấm vải liệm cho chính mình. Vì cố ý kéo dài thời gian, Amaranta tự mình kéo lấy sợi lanh, rồi tự tay dệt lấy tấm vải. Bà làm rất cẩn thận đến mức chỉ với công việc này bà đã tốn mất bốn năm. Sau đó bà bắt đầu công việc thêu thùa trên tấm khăn liệm. Vậy là ngày kết thúc công việc không thể tránh được ấy cứ ngày một nhích gần đến và do đó bà ngày càng hiểu rõ rằng chỉ có phép màu mới cho phép bà kéo dài công việc đến sau ngày chết của Rebeca, nhưng chính sự tập trung sức làm việc lại trả lại cho bà lòng thanh thản bà vốn còn thiếu để chấp nhận ý nghĩ bất hạnh. Đó là lúc bà hiểu được cái vòng luẩn quẩn có phần bệnh hoạn trong việc sản xuất – tiêu thụ để rồi sản xuất – tiêu thụ những chú cá vàng của đại tá Aureliano Buendía. Thế giới

bên ngoài thu lại trên mặt làn da của ngài, còn nội tâm ngài ở ngoài mọi nỗi đắng cay. Bà lấy làm đau đớn trước việc đã không hiểu điều đó trong rất nhiều năm trước đây, khi mà bà vẫn còn có thể thanh lọc những kỷ niệm và dựng lại một thế giới mới dưới một ánh sáng mới và nhớ lại mình oải hương của Piêtro Crespi vào lúc chiều xuống mà không rùng mình, và giải thoát Rebeca khỏi sự thù hằn của mình, không hề căm giận cũng chẳng hề yêu thương mà chỉ bởi lòng cảm thông với nỗi cô đơn. Lòng căm thù mà bà nhận ra trong những lời nói của Meme một đêm nọ làm cho bà bị kích động không phải bởi nó xúc phạm tới bà, mà vì bà cảm thấy mình được lập lại trong một tuổi dậy thì khác dường như cũng rất trong sáng như cái tuổi dậy thì bà nên có, và rằng rất đáng tiếc nó đã bị sự hằn học cá nhân làm cho vẩn đục đi.

Nhưng đó chính là lúc sự cam chịu với số phận mình cũng rất sâu sắc đến mức nó không làm cho bà dao động trước sự thật hiển nhiên rằng những cánh cửa mở lối cho việc cải hối đã bị đóng kín hết cả. Mục đích duy nhất của bà lúc này là hoàn thành chiếc khăn liệm. Đáng lẽ phải làm chậm hơn nữa như lúc đầu đã làm, nay bà vội vã làm cho mau xong. Một tuần trước bà đã tính rằng vào đêm ngày mồng bốn tháng hai bà sẽ may mũi khâu cuối cùng. Và không hề để lộ lý do, bà yêu cầu Meme biểu diễn sớm hơn buổi hòa nhạc đàn tiểu dương cầm đã dự định vào ngày ngày hôm sau, nhưng cô cháu không chịu. Thế là Amaranta tìm cách kéo dài công việc thêm bốn mươi tám giờ nữa và bà nghĩ thần chết đã đồng tình với mình vì đêm ngày mồng bốn tháng hai một cơn bão đã làm đổ cột điện. Nhưng sang ngày hôm sau, vào lúc

tám giờ sáng bà đã khâu mũi chỉ cuối cùng cho chiếc khăn liệm cực kỳ đẹp đẽ mà không một người đàn bà nào đã làm được, rồi không hề đau khổ bà báo tin rằng mình sẽ chết vào buổi chiều. Bà không chỉ báo trước cho gia đình mình mà còn bác cho cả làng biết. Bởi vì Amaranta nghĩ rằng một cuộc đời nhỏ mọn đã có thể dừng lại với việc giúp đỡ cho cả bàn dân thiên hạ, và bà cho rằng không có một ân huệ nào lại hay hơn việc mang hộ thư cho những người chết. Tin tức nói rằng vào lúc hoàng hôn Amaranta Buendía sẽ ra đi khỏi cõi đời này có nhận mang thư từ cho người chết được truyền đi khắp thị trấn Macondo và đến ba giờ chiều tại phòng khách đã có một thùng đầy ắp thư. Những ai không muốn viết thì nhờ Amaranta nhắn miệng hộ và bà đã ghi lại trong một cuốn sổ lời nhắn cùng với tên và ngày chết của người được

nhận lời nhắn. “Đừng lo”, bà an ủi những người nhắn tin, “Điều tôi làm trước tiên khi đến nơi sẽ là việc hỏi thăm ông ta và tôi sẽ nhắn lại giùm bác”. Dường như đó là một trò hề. Amaranta không hề để lộ một nỗi lo lắng nào, cũng không hề nhăn nhó vì đau đớn, hơn nữa nhiệm vụ được thực hiện còn làm cho bà trẻ ra chút ít. Như mọi bữa, bà vẫn son sẻ và hoạt bát. Nếu như đôi má không nhăn nhúm, và cái miệng không bị rụng mất vài chiếc răng thì chắc hẳn nom bà sẽ bớt già hơn cái hình hài già nua hiện tại. Chính bà đã ra lệnh rằng cần phải để thư vào một cái hòm sơn và chỉ dẫn cách đặt cái hòm ấy trong ngôi mộ như thế nào để bảo quản nó tốt hơn trước sức phá hoại của hơi ẩm. Ngay buổi sáng bà đã cho gọi một bác phó mộc tới và bà đứng ở phòng khách để bác ta đo kích thước đóng chiếc quan tài như thể bác phó may vẫn làm

để cắt một bộ quần áo vậy. Cái sức lực ấy bỗng sống dậy trong bà ở những phút chót của cuộc đời khiến cho Fernanda nghĩ rằng bà đang trêu chọc, đùa giỡn tất cả mọi người. Úrsula, với kinh nghiệm của bản thân cho thấy những người thuộc dòng họ Buendía này sẽ chết vô bệnh tật đã không nghi ngờ rằng Amaranta nhận được điềm báo của thần chết, nhưng trước hết cụ lại sợ rằng trong cái việc chuyển thư cho người chết và sự nôn nóng muốn cho thư mau đến tay người nhận, người ta sẽ chôn sống Amaranta mất. Thế là cụ đích thân đi đuổi bắt người ta ra khỏi nhà, có lúc cụ phải gào lên để cãi nhau với những kẻ quá ư mặt dạn mày dày, cuối cùng đến bốn giờ chiều cụ cũng đã làm cho ngôi nhà vắng khách đi nhiều. Cũng vào giờ ấy, Amaranta phân phát xong đồ dùng cá nhân của mình cho những người nghèo và bà

chỉ để lại trên chiếc quan tài mộc mạc được làm bằng những tấm ván không bào một bộ quần áo sẽ thay và một đôi hài nhung kẻ mà bà sẽ đi trong cõi chết. Cái sự thận trọng ấy không vô ích khi bà nhớ lại rằng lúc đại tá Aureliano Buendía chết, bà đã phải sắm cho ngài một đôi giày mới vì ngài chỉ còn lại có đôi dép lê dùng trong xưởng kim hoàn. Trước lúc năm giờ một ít, Aureliano Segundo về tìm Meme để cùng đi dự một buổi hòa nhạc và ông ngạc nhiên thấy ngôi nhà đã được chuẩn bị cho đám tang. Nếu có ai đang sống vào giờ này chính lại là Amaranta khỏe mạnh, người mà thời gian vẫn còn đủ cho bà cắt đi những nốt sần chai trên da dẻ. Aureliano Segundo và Meme tạm biệt bà bằng những lời chào chế giễu và hứa với bà rằng ngày thứ bảy tới cha con mình sẽ tổ chức một cuộc vui của ngày phục sinh. Bị lôi cuốn bởi

những lời đồn của dân chúng nói rằng Amaranta Buendía đang nhận thư để chuyển đến tay người chết, cha Antonio Isabel mang bánh thánh ban cho người hấp hối tới nhà vào lúc năm giờ và cha buộc phải chờ mười lăm phút để đợi người sắp chết từ nhà tắm đi ra. Khi thấy bà xuất hiện với chiếc áo ngủ bằng vải bông và mái tóc buông xõa ngang lưng thì vị cha cố già lão tin rằng đó là một trò cười rồi lập tức bãi bỏ việc làm lễ sám hối. Tuy nhiên, cha nghĩ rằng cần tranh thủ dịp này để buộc Amaranta xưng tội vì sao hai mươi năm hay không hề đi nhà thờ. Amaranta đã trả lời cha một cách thật giản dị rằng bà thấy chẳng cần phải tham dự bất kỳ một buổi lễ nhà thờ nào vì lương tri mình lúc nào cũng rất trong sạch. Fernanda đâm bực bội không cần phải giữ mồm giữ miệng, đã hỏi thật to rằng Amaranta sẽ còn phạm một tội kinh

tổm nào hơn khi bà ta mong muốn một cái chết phạm thánh không chịu xưng tội vì xấu hổ. Thế là Amaranta đi nằm, và buộc Úrsula công khai chứng thực con người trinh tiết của mình. – Đừng có mà tưởng nhé, – bà gào thật to cốt để Fernanda nghe rõ, – Amaranta Buendía sẽ đi khỏi thế gian này như đã sinh ra trên thế gian này. Bà không ngồi dậy nữa. Bà nằm dựa trên gối như thể ốm thực, tết những bím tóc đuôi sam dài rồi cuộn lại ngang tai, như thần chết đã bảo bà rằng nên nằm vào quan tài. Sau đó bà đòi Úrsula mang cho mình chiếc gương, và lần đầu tiên trong bốn mươi năm nay bà nhìn gương mặt xương xẩu đi vì tuổi già và đau khổ, và ngạc nhiên thấy nó giống y hệt gương mặt tưởng tượng mà bà tự nghĩ ra cho mình. Qua cái lạng lẽ ngoài hành lang, Úrsula hiểu rằng trời bắt đầu tối. – Con hãy từ biệt Fernanda

đi, – cụ khuyên – Một phút làm lành còn hơn cả đời chơi thân với nhau, con ạ. – Bây giờ thì không cần nữa rồi, mẹ ạ. Meme không thể không nghĩ đến Amaranta khi đèn báo kết thúc phần một đã bật sáng và phần hai đêm biểu diễn sắp bắt đầu. Khi cô chơi được một nửa bản nhạc thì có người nói nhỏ vào tai cho biết tin Amaranta đã từ trần và thế là cuộc vui bị bỏ dở. Khi về tới nhà, Aureliano Segundo buộc phải lấy cùi tay hích đám đông để lấy lối vào nhìn mặt tử thi của bà già trinh nguyên, một gương mặt xấu và xám ngoét, bàn tay vẫn mang dải băng đen và cả người được cuốn trong tấm khăn liệm đẹp đẽ. Quan tài được quàn ở phòng khách bên cạnh hòm thư.

Úrsula nằm liệt giường từ sau chín giờ đêm ngày Amaranta chết. Santa Sofía de

la Piedad lo chăm nom cụ. Bà mang vào phòng cho cụ nào cơm ăn từng bữa, nào nước rửa hàng ngày và tất cả tin tức xảy ra ở thị trấn Macondo. Aureliano Segundo thường xuyên vào thăm cụ, mang cho cụ áo quần. Cụ để chúng ở đầu giường cùng với những đồ thiết dụng hàng ngày. Vậy là chẳng bao lâu một thế giới các đồ vật được thiết lập trong tám tay cụ. Cụ đã đánh thức được tình cảm kính trọng sâu sắc trong cô bé Amaranta Úrsula, người giống cụ y hệt và là người được cụ dạy học đọc. Cái sáng suốt của cụ, sự hoạt bát đủ để cụ tự phục vụ lấy mình khiến mọi người không nghĩ rằng cụ đã hoàn toàn bị sức nặng của tuổi già một trăm năm đánh bại, và ngay cả việc cụ đi lại phải quờ quạng cũng không một ai nghĩ rằng cụ đã hoàn toàn mù mắt. Vậy là cụ dành tất cả thời gian, tất cả sự lặng lẽ bên trong tâm hồn để theo dõi cuộc sống

trong gia đình và vì vậy cụ là người đầu tiên nhận ra nỗi đau khổ thầm lặng của Meme. – Lại đây chặt, – cụ nói – Bây giờ chỉ có hai chúng ta với nhau thôi, chặt hãy tâm sự cho bà già đáng thương này nghe chuyện gì đã xảy ra với chặt nào. Với tiếng cười đứt quãng, Meme đã lảng tránh buổi nói chuyện. Úrsula không nài nỉ nhưng cụ đã đi đến khẳng định những nghi ngờ của mình khi không thấy Meme đến thăm nữa. Cụ biết rằng cô trang điểm quá sớm, rằng cô không lúc nào được thả tâm hồn trong lúc đợi tới giờ đi chơi, rằng suốt đêm cô quần quai trên giường ở căn phòng bên cạnh, và rằng cánh bay của một thứ bướm làm day dứt tâm hồn cô. Có lần cụ đã nghe thấy người ta bảo mình rằng cô đi xem phim cùng với Aureliano Segundo và Úrsula ngạc nhiên thấy rằng Fernanda quá ư nghèo nàn trí tưởng tượng đến

mức không nghi ngờ gì khi chồng bà về nhà hỏi con gái đâu. Rõ ràng là Meme đang đắm mê trong những chuyện bí mật, trong những lời hẹn hò khẩn cấp trong những khát vọng bị dồn nén, ngay từ đã lâu rồi trước cái đêm Fernanda làm ồn cả nhà về việc bà bắt gặp cô cùng một gã đàn ông đang hôn nhau trong rạp phim... Lúc này chính Meme lại hết sức lo ngại đến mức cô đổ tội cho Úrsula là người đã tố cáo mình. Thực ra chính cô đã tự tố cáo mình. Từ lâu cô đã để lại sau lưng mình một vệt dài những dấu ấn có thể làm thức tỉnh kẻ say ngu nhất, và nếu Fernanda quá ư chậm chạp trong việc phát hiện ra những dấu ấn ấy chỉ là vì bà cũng đang tối mảy tối mặt vào những chuyện riêng tư với các thầy thuốc không thể nhìn thấy. Tuy vậy bà cũng vừa nhận ra sự im lặng thâm kín, những cú nhảy cẫng không đúng lúc những lúc thay đổi

tính tình bất thường và cả những lời cãi cọ của cô con gái. Bà lao mình vào một cuộc dò la tuy không gay gắt nhưng rất kiên trì. Bà để cho cô đi chơi với nhau người bạn gái quen biết xưa nay, giúp cô diện quần áo để đi dự cáo buổi vui ngày thứ bảy, và chẳng bao giờ hỏi cô một câu hỏi không đúng lúc có thể làm cô giật thót. Bà đã có rất nhiều bằng chứng chứng tỏ rằng Meme nói một đằng làm một nẻo và bà vẫn nghi ngờ và chờ dịp tốt đến. Có một đêm, Meme bảo bà rằng cô đi xem phim cùng với cha. Sau đó ít lâu, Fernanda nghe thấy tiếng pháo tiệc tùng và tiếng đàn phong cầm không thể nhầm lẫn của Aureliano Segundo ở phía nhà Petra Cotes. Thế là bà vội vàng mặc quần áo để ra đi, bà bướm vào rạp phim và ở phía sau các hàng ghế bà nhận ra ngay con gái mình. Vì quá ư xúc động trước sự thực hiển nhiên nên bà không kịp nhìn

gã đàn ông đang cùng con gái mình hôn nhau. Nhưng bà nghe rõ giọng nói run run nổi bật lên trên những tiếng huýt gió và tiếng cười ầm ĩ của công chúng: “Em yêu, anh buồn lắm”. Bà nghe thấy gã nói thế và bà kéo Meme đứng dậy, lôi ra khỏi rạp phim mà không nói một lời. Bà làm cho cô ngượng chết người khi dẫn cô đi qua đường Thổ Nhĩ Kỳ vốn ồn ĩ. Rồi bà giam cô trong phòng ngủ. Vào lúc sáu giờ chiều ngày hôm sau, Fernanda nhận ra giọng nói của kẻ đến thăm Meme. Đó là một thanh niên trẻ, da xanh xao vàng vọt, đôi mắt sẫm tối và mơ màng không làm bà ngạc nhiên nhiều như thể bà quen thấy ở những người digan, và cái vẻ mơ màng này đã khiến cho người đàn bà có trái tim ít khe khắt biết ngay những lý do làm thay đổi tính tình con gái mình.

Anh ta vận quần áo vải lanh thông dụng, đi đôi giày ánh xi trắng nom đến thâm hại, tay cầm chiếc mũ rơm mua ngày thứ bảy gần đây. Trong đời mình, anh chưa từng hoảng hốt như trong lúc này, nhưng anh lại có lòng tự trọng và tự chủ, những đức tính quý giá đã cứu anh khỏi rơi vào thế phải quy lụy và anh có một cơ thể cân đối, nhưng chỉ phải đôi tay sần tù và móng tay long tróc vì công việc nặng nhọc. Đối với Fernanda, chỉ thoáng nhìn một lần, cũng đã đủ để bà nhận ra nghề thợ máy của anh. Bà nhận ra rằng anh vẫn mặc bộ quần áo duy nhất ngày chủ nhật và bên trong áo sơ mi hiện ra một lớp da bị bệnh ngứa của Công ty chuối làm cho loang lổ, bong vảy. Bà không cho phép anh nói, không cho phép anh bước chân qua cửa mà sau đó bà phải đóng lại ngay vì nhà đã đầy bướm vàng...

Xéo ngay, – bà đuổi anh, – không việc gì đến anh mà phải tới đây tìm người nào cả. Ở đây toàn là người đứng đắn thôi.

Anh ta tên là Mauricio Babilonia. Anh đã sinh ra và lớn lên thị trấn Macondo và là thợ học nghề cơ khí trong các xưởng ủa Công ty chuối. Chỉ nhờ có một buổi chiều cùng với Patricia Brown đi tìm ô tô để dạo chơi quanh các đồng chuối mà Meme quen biết anh một cách ngẫu nhiên. Vì người tài xế ốm nên người ta giao cho anh lái xe đưa các cô đi chơi, và Meme đã thỏa ước ao ước của mình là ngồi gần tay lái để được tận mắt nhìn anh lái ô tô. Khác với người tài xế thực thụ, Mauricio Babilonia biểu diễn cho cô xem. Đó là thời kỳ Meme thường có mặt ở nhà ngài Brown và cũng là thời người ta còn khinh thị đàn bà lái ô tô. Vậy mà Meme chỉ bằng lòng với việc học lý

thuyết và trong vài tháng liền cô không tới thăm Mauricio Babilonia. Nhưng sau đó ít lâu có thể cô đã nhớ rằng trong lúc đi chơi cái thân thể cường tráng rất đẹp ngoại trừ đôi bàn tay thô kệch của anh đã làm cô phải chú ý, nhưng sau đó cô lại bình phẩm với Patricia Brown về sự khó chịu của mình do lòng tự tin có phần kiêu hãnh của anh gây ra. Ngày thứ bảy đầu tiên đi xem phim cùng cha mình, cô lại thấy Mauricio Babilonia vẫn mặc bộ quần áo lạnh ngời cách không xa họ lắm, và cô cảm thấy anh không hào hứng theo dõi phim để quay đầu lại nhìn mình, không chỉ để nhìn cô mà còn để cho cô biết rằng anh đang nhìn cô. Meme khó chịu trước kiểu chơi thô lỗ ấy. Đến cuối buổi xem phim, Mauricio Babilonia đến gần để chào Aureliano Segundo và chỉ đến lúc này Meme mới biết rằng họ quen nhau, bởi vì anh từng làm việc trong nhà

máy phát điện đầu tiên ở thị trấn Macondo của Aureliano Triste và anh cư xử với cha cô với thái độ của kẻ bề dưới. Chính việc mắt thấy tai nghe này đã xoa dịu nỗi khó chịu mà thái độ tự kiêu của anh đã gây ra cho cô. Họ đã không gặp riêng nhau, cũng chẳng trao đổi với nhau lời nào ngoài những lời chào hỏi xã giao, nhưng cái đêm cô mơ thấy anh cứu mình thoát khỏi chết đuối thì cô không biết ơn mà còn nổi cáu với anh. Vì giấc mơ ấy cho thấy cứ như là cô đã cho anh cơ hội mà anh hằng ao ước, trong khi Meme ao ước điều ngược lại, không chỉ với Mauricio Babilonia mà còn với bất kỳ người con trai nào yêu mến cô. Vì vậy mà cô giận anh quá tới mức sau giấc mơ đáng lẽ ghét bỏ anh thì cô lại thấy cần phải đi gặp anh ngay. Sự háo hức muốn gặp lại anh ngày một da diết hơn trong suốt tuần lễ. Và ngày thứ bảy đã đến quá

ư gấp gáp tới mức cô phải cố gắng lắm để cho Mauricio Babilonia, vào lúc chào mình ở rạp phim, không nhận thấy trái tim như muốn nhảy ra khỏi lồng ngực cô. Do mất bình tĩnh trước cảm giác lộn xộn giữa vui và giận, lần đầu tiên cô chìa bàn tay cho anh và chỉ lúc này Mauricio Babilonia mới tự cho phép xiết chặt tay cô. Trong một tích tắc Meme bắt đầu cảm thấy ân hận vì sự dẫn thân của mình, nhưng nỗi ân hận ngay lập tức chuyển thành một tình cảm mãnh liệt khi biết rằng bàn tay anh cũng nhơm nhớp mồ hôi và lạnh buốt. Đêm ấy cô hiểu rằng mình sẽ chẳng có lấy một phút thanh thản nếu như chưa chứng tỏ cho Mauricio Babilonia sự trống trải của tâm hồn mình và thế là suốt tuần cô cứ quần quanh vợ vẫn trong nỗi khát khao ấy. Cô tìm mọi thủ đoạn để nhờ Patricia Brown đưa mình đi tìm chiếc ô tô nhưng vô ích.

Cuối cùng cô phải nhờ đến chàng thanh niên người Mỹ tóc đỏ, người tới Macondo nghỉ hè cùng gia đình, và lấy cớ xem những kiểu ô tô mới cô buộc anh chàng dẫn mình tới xưởng cơ khí. Kể từ lúc nhìn thấy anh, Meme không còn tự lừa dối mình nữa và hiểu rằng trong thực tế cô không thể ghìm nổi nhưng ao ước được ở một mình bên cạnh Mauricio Babilonia, nhưng cái điều chắc tin rằng anh đã hiểu được lòng mình khi vừa nhìn thấy mình đã làm cho cô nổi cáu.

Tôi đến để xem các kiểu ô tô mới, – Meme nói.

Đó cũng là một lý do nghe được đấy, – anh nói.

Meme biết rằng mình đang bị rang nóng lên trong ngọn lửa kiêu hãnh của anh và cô vội tìm cách làm nhục anh.

Nhưng anh đã không để cho cô có thời gian.

“Cô đừng giật thốt nhé”, anh nói nhỏ nhẹ: “Chẳng phải là lần đầu tiên một người đàn bà phát điên lên vì một người đàn ông đâu”.

Cô cảm thấy bị xúc phạm quá mức đến nỗi cô bỏ xưởng cơ khí ra đi không thèm xem các kiểu ô tô mới và đêm ấy cô cứ trần trọc giở mình trên giường để mà khóc vì nỗi tấm tức trong lòng. Chàng thanh niên Mỹ tóc đỏ, mà thực ra lúc này đã bắt đầu thích cô, cảm thấy cô là một đứa con nít. Đó là thời kỳ cô bắt đầu nhận ra những con bướm vàng báo hiệu sự có mặt của Mauricio Babilonia. Trước đó cô đã nhìn thấy chúng, đặc biệt là ở xưởng cơ khí, và cô nghĩ rằng chúng bị mùi sơn kích thích mà bay tới. Có một vài lần cô cảm thấy chúng bay lượn ngay

trên đầu mình ở trong rạp phim. Nhưng khi Mauricio Babilonia bắt đầu theo đuổi cô giống như một bóng ma mà chỉ một mình cô nhận ra giữa đám đông, thì cô hiểu rằng những con bướm vàng này có mối liên hệ mật thiết với anh. Mauricio Babilonia luôn luôn có mặt ở giữa đám đông trong các buổi hòa nhạc, trong rạp phim, trong lễ mixa và cô chẳng cần phải nhìn thấy anh mới phát hiện ra anh vì những con bướm vàng đã chỉ chỗ anh đứng. Có một lần, Aureliano Segundo cảm thấy khó chịu lắm trước cánh bay rộn ràng đến ngạt thở của những con bướm vàng, do đó cô cảm thấy náo nức muốn bộc lộ với ông chuyện thâm kín của mình như đã hứa, nhưng bản năng lại mách cho cô biết rằng lần này— ông sẽ không cười như mọi bận. “Mẹ con sẽ nói gì khi bà ấy biết mặt hẳn”. Có một buổi sáng, trong lúc hai mẹ con đang tĩa

cành các khóm hồng, Fernanda bỗng hoảng hốt gào toáng lên và vội vàng kéo Meme đi khỏi chỗ đang đứng vì đó chính là vườn hoa mà Remedios – Người đẹp đã bay lên trời. Bà thoáng có cảm giác rằng phép màu nhiệm lại sẽ xảy ra với con mình vì tiếng bay vù vù bỗng chốc xuất hiện làm bà giật thót. Đó là tiếng bay của những con bướm vàng. Meme nhìn thấy chúng như thể kháng vừa sinh ra trong ánh sáng, và trái tim cô đập rộn ràng. Vừa lúc đó Mauricio Babilonia xuất hiện, tay bưng một cái hộp, mà theo lời anh nói, là quà tặng của cô Patriciacá Brown. Meme cố lấy vẻ tự nhiên, kìm bớt cho mặt mình khỏi đỏ ửng, nén bớt cơn bão lòng, cho đến khi nhoẻn được một nụ cười điềm nhiên để nhờ anh làm ơn đặt hộp nó lên bao lơn hiên nhà vì tay mình lấm đất. Điều duy nhất Fernanda ghi nhận người đàn ông mà mấy tháng

sau này bà không cho bước vào nhà, và không hề nhận ra đã có lần nhìn thấy anh ta rồi, là nước da xanh xao vàng vọt của anh. – Đó là một người đàn ông quái dị, – bà nói. Nhìn mặt là biết ngay anh ta sẽ chết. Meme nghĩ rằng mẹ mình thích thú những con bướm ấy. Khi hai mẹ con tắm hồng xong, cô đi rửa tay rồi mang hộp quà vào phòng riêng để mở. Đó là một thứ đồ chơi của Tàu, gồm năm cái hộp đồng tâm, và ở hộp trong cùng có một thiệp được một người hầu như vừa biết viết vẽ chữ rất nắn nót: “Chúng ta sẽ gặp nhau vào ngày thứ bảy ở rạp phim”. Meme cảm thấy mình thật ngớ ngẩn đã để hộp quà quá lâu ở bao lơn ngay trước con mắt tò mò của Fernanda, dù cho lúc này cô đang mẫn nguyện trước đức tính khôn khéo và mạnh bạo của Mauricio Babilonia, trước tính ngây thơ của anh đang khích lệ cô thực hiện lời hẹn hò.

Kể từ đó Meme biết rằng Aureliano Segundo đã có lời hẹn hò với nhân tình vào đêm ngày thứ bảy. Tuy nhiên, ngọn lửa thèm khát đang như nung đốt cô suốt cả tuần lễ và do đó ngày thứ bảy cô đã thuyết phục được cha mình hãy để cô một mình ở rạp phim và sẽ đến đón cô khi buổi chiếu kết thúc. Một con bướm bay bay trên đầu cô trong lúc đèn đang chiếu sáng. Thế là câu chuyện bắt đầu từ đây. Khi đèn tắt hết, Mauricio Babilonia ngồi xuống bên cạnh cô. Meme cảm thấy mình đang lặn ngụp trong một đầm lầy đau khổ và chỉ một người đàn ông nồng nặc mùi dầu máy mới có thể giải thoát cô khỏi nó.

Nếu em không đến, – anh nói, – sẽ chẳng bao giờ em còn được thấy anh nữa.

Meme cảm nhận sức nặng của bàn tay anh đặt lên đầu gối mình và cô biết rằng trong lúc ấy cả hai cùng đi đến bờ bên kia của nỗi trống trải.

Ghét anh lắm cơ, – cô mỉm cười, – vì lúc nào anh cũng nói điều không nên nói.

Cô lại phát điên phát cuồng vì anh. Cô mất ngủ, mất ăn và ngày một chìm sâu trong nỗi cô đơn đến mức cha cô đã trở thành một vật chướng ngại cho cô. Cô bày đặt cả một mạng nhện chằng chịt những lời hứa suông để đánh lừa Fernanda, không đến thăm các bạn gái, vượt qua mọi lệ tục để đến gặp Mauricio Babilonia vào bất cứ lúc nào và bất kỳ ở đâu. Thoạt đầu vẻ thô thiển của anh làm cô khó chịu. Lần đầu tiên gặp riêng nhau, ngay ở ngoài bãi trống ở sau xưởng cơ khí, anh đã vắn cho cô một lữ mà không

chút thương hại. Phải mất một thời gian cô mới vỡ lẽ rằng đó cũng là một hình thức mơn trớn, và vì nó mà cô nôn nóng được gặp anh. Cô sống chỉ vì anh, chỉ vì nỗi khát khao muốn đắm mình trong hơi thở nồng nặc mùi dầu của anh.

Trước khi Amaranta chết ít lâu, trong lúc đang yêu cuồng say, cô bỗng bắt gặp một tia sáng trí tuệ và cô đâm run sợ trước tương lai của mình. Lúc ấy cô nghe nói về một người đàn bà có tài bói bài và cô đã bí mật tìm đến người ấy. Đó là Pilar Ternera. Ngay từ lúc nhìn thấy cô bước vào nhà, bà lão này đã biết ngay lý do xem bói của Meme. “Nào, ngồi xuống nào”, bà lão nói: “Ta chẳng cần đến các quân bài mới xem được tương lai của một người thuộc dòng họ Buendía”. Meme không biết, và mãi mãi không biết, rằng cái cô đồng một trăm tuổi kia

lại chính là cụ cố của mình. Cô cũng đã không tin vào thực tế khủng khiếp mà cô đồng đã chứng minh cho cô biết: nỗi thèm khát yêu đương chỉ được giải quyết ở trên giường. Đó chính là quan điểm của Mauricio Babilonia, nhưng Meme cố không cho phép anh, bởi trong thâm tâm cô đoán rằng nỗi thèm khát của mình đã được nảy nở bởi ý nghĩ tồi tệ của người công nhân cơ khí ấy. Lúc này cô nghĩ rằng một tình yêu kiểu này sẽ đánh đổ tình yêu kiểu kia, bởi vì cô biết tổng tư chất của những người đàn ông sẽ hết đời một khi được ăn thỏa mãn. Pilar Ternera không những chỉ an ủi cô mà còn cho cô mượn chiếc giường cũ nơi bà lão hoài thai Arcadio, người ông nội của Meme, và sau đó hoài thai Aureliano José. Ngoài ra bà lão còn dạy cô tránh thụ thai bằng cách ngửi hơi thuốc cao lá mù tạc như thế nào và cho cô những bài thuốc uống

mà trong những trường hợp gay cấn nhất chúng cũng tổng ra “cả những nỗi dằn vặt của lương tri”. Cuộc trao đổi tâm tình ấy đã truyền cho Meme chính tình cảm mạnh bạo mà cô đã thể hiện trong đêm say rượu. Tuy nhiên, cái chết của Amara đã buộc cô phải trì hoãn thực hiện quyết định táo bạo của mình. Trong khi lễ tang kéo dài suốt chín ngày, cô không phút nào chịu rời khỏi Mauricio Babilonia, người thường trà trộn trong đám đông ủa vào nhà. Sau đó vì thời gian để tang kéo dài và vì bắt buộc phải ở nhà, hai người không gặp nhau ít lâu Đó là những ngày của lòng nôn nao, của những thèm khát không thể kìm được, của những ước muốn bị dồn nén quá mức đến nỗi ngay buổi chiều mà Meme được phép ra khỏi nhà cô đã đến thẳng nhà Pilar Ternera. Cô đã hiến thân cho Mauricio Babilonia, hiến thân mà không hề kháng cự, không

xấu hổ, không kiểu cách và hiến thân với một thiên hướng quá dễ dãi và một trực giác quá thông hiểu đến mức một người đàn ông đa nghi như người của cô hẳn sẽ phải nhầm lẫn chúng với một kinh nghiệm từng trải. Bọn họ làm tình với nhau mỗi tuần hai buổi trong hơn ba tháng trời. Các cuộc mây mưa vụng trộm này đã được Aureliano Segundo đồng tình che chở cốt để được thấy cô con gái thoát khỏi sự quản thúc ngặt nghèo của bà mẹ. Cái đêm Fernanda bắt quả tang bọn họ đang hôn nhau trong rạp thiếu phim, Aureliano Segundo cảm thấy ngọt ngào vì sức đề của lương tri mình và ông đã vào thăm Meme trong phòng, nơi cô bị Fernanda nhốt, và hy vọng rằng cô sẽ chia sẻ niềm tin mà ông đang còn chịu ơn cô. Nhưng Meme đã từ chối tất cả. Cô quá tin tưởng ở bản thân, quá bám chặt vào nỗi cô đơn của mình đến mức Aure-

liano Segundo có cảm giác giữa họ chẳng còn một mối liên hệ nào, rằng tình thân cha con cũng như sự đồng lõa của họ chỉ còn là một ảo ảnh của quá khứ. Ông nghĩ sẽ nói chuyện với Mauricio Babilonia và định ninh rằng quyền lực ông chủ cũ của mình sẽ buộc anh ta phải từ bỏ mọi ý định, nhưng Petra Cotes lại thuyết phục ông rằng đó là chuyện của bọn đàn bà con gái. Vì thế mà ông đâm ra lưỡng lự không biết sẽ quyết định như thế nào và hầu như ông chỉ còn hy vọng rằng việc nhốt kín Meme trong phòng sẽ chấm dứt được những nỗi khổ tâm của cô con gái. Meme không hề để lộ nỗi đau khổ của mình. Trái lại, từ phòng bên cạnh Úrsula cảm nhận hơi thở nhịp nhàng của cô trong khi ngủ, sự bình thản trong những công việc thường ngày cô làm, cái trật tự đều đặn của những bữa cô ăn và sức tiêu hóa khỏe mạnh của cô. Việc duy

nhất khiến Úrsula băn khoăn sau gần hai tháng cô bị phạt giam, là việc Meme không tắm vào buổi sáng như trước đây cô vẫn thường tắm mà cô lại tắm vào lúc bảy giờ tối. Có lần cụ nghĩ sẽ phải nhắc nhở Meme để phòng bộ cặp, nhưng vì cô rất khó chịu với cụ bởi tự nghĩ rằng cụ đã tố cáo cô nên cụ không muốn làm cho cô phải suy nghĩ lao lung trước những lời nói không đúng lúc của mình. Ngay từ chiều, bướm vàng lại vào đây nhà. Tối nào cũng vậy, cứ ra khỏi nhà tắm, Meme lại bắt gặp Fernanda đang hoảng hốt giết bướm vàng bằng ống bơm thuốc muỗi.

“Đây là một nỗi bất hạnh”, bà nói, “Cả đời ta chỉ nghe thấy người ta bảo bướm đêm gọi vận rủi tới nhà”.

Một tối nọ, trong lúc Meme đang ở trong nhà tắm, Fernanda ngẫu nhiên bước vào phòng cô và bà thấy trong

phòng đông đặc bướm vàng đến mức hầu như không còn không khí để thở nữa. Thế là bà vợ quàng lấy bất cứ tấm quần áo nào để xua đuổi chúng và trái tim bà bỗng nhói lạnh khi liên hệ những buổi tắm tối của con gái mình với những lá cao mù tạc nằm lẫn lóc trên sàn nhà. Bà không đợi dịp tốt như trước đây bà đã đợi. Ngày hôm sau, bà tức tối mời ngài thị trưởng mới đến nhà dùng cơm trưa với gia đình. cũng như bà, ông ta vừa từ vùng cao xuống sống ở miền duyên hải. Bà nhờ ngài cho lính đến gác đêm ở sân sau, bởi vì ít lâu nay kẻ trộm đang rình ăn trộm gà. Ngay đêm ấy, lính gác đã bắn trúng Mauricio Babilonia khi anh lật ngói để chui vào nhà tắm nơi Meme đang đợi anh. Nàng khóa thân và đang run lên vì tình giữa những con bọ cạp và đàn bướm vàng như nàng vẫn làm vào hầu hết các buổi tối trong những tháng

gần đây. Một viên đạn găm vào cột sống buộc anh suốt đời nằm liệt trên giường. Anh chết già trong nỗi cô đơn, không một tiếng rên rĩ, không một lời chửi bới, không một âm mưu bội phản. Anh mòn mỏi sống trong hoàn cảnh bị những kỷ niệm dằn vặt và đàn bướm vàng không để cho anh có lấy một phút yên tĩnh. Anh bị xã hội bỏ rơi vì là một tên ăn trộm gà.

CHƯƠNG 15

Những sự kiện từng đánh đòn chí tử vào thị trấn Macondo đã bắt đầu lộ rõ khi người ta mang đứa con trai của Meme Buendía tới nhà. Hoàn cảnh chung lúc ấy hết sức mơ hồ đến mức chẳng một ai quan tâm tới những chuyện rắc rối của riêng từng gia đình, vì thế mà Fernanda có điều kiện thuận lợi để giấu kín thằng bé đi, làm như thể chẳng bao giờ có nó cả. Bà phải nhận nó bởi khi người ta mang nó về nhà hoàn cảnh không cho phép bà từ

chối. Bà đành phải chịu đựng việc nuôi nấng nó trong suốt những năm còn lại của đời mình bởi vì vào lúc cần phải ra tay thì bà đã không có đủ dũng cảm để thực hiện ý định thâm kín là sẽ dìm ngập nó ngay trong bể nước nhà tắm. Bà nhốt nó ở trong xưởng kim hoàn cũ của đại tá Aureliano Buendía. Bà làm cho Santa Sofía de la Piedad tin rằng bà đã bắt được thằng bé nằm trong chiếc làn bênh bồng nổi trên mặt nước. Có lẽ Úrsula đến khi chết vẫn không biết được gốc gác của thằng bé. Cô bé Amaranta Úrsula có lần vào xưởng đúng lúc Fernanda đang cho cháu ăn, và cũng tin vào câu chuyện chiếc làn trôi trên sông kia. Do hoàn toàn xa lánh vợ nhằm phản đối cái lối vô lí mà bà đã áp dụng để xử lí tấn bi kịch của Meme, tận ba năm sau khi người ta mang nó đến nhà, Aureliano Segundo mới biết có sự tồn tại của thằng cháu ngoại. Ông biết

được do có một hôm Fernanda sơ suất, để thằng bé thoát khỏi sự giam cầm, bước ra ngoài hành lang trong khoảnh khắc thôi. Nó để truồng, với mớ tóc xoắn và “con chim” có cái mỏ như mỏ gà tây, như thể nó không phải là trẻ em mà là một kẻ ăn thịt đồng loại theo đúng như bộ từ điển bách khoa toàn thư đã miêu tả. Fernanda không đếm xỉa đến số phận phũ phàng không cách nào sửa đổi của mình. Thằng nhỏ cứ như là sự trở về của một nỗi nhục nhã mà bà ta muốn mãi mãi tống khứ nó khỏi nhà mình. Hầu như người ta vừa khiêng Mauricio Babilonia bị gãy cột sống đi khỏi nhà thì Fernanda đã thai nghén đến từng chi tiết nhỏ một kế hoạch nhằm xóa sạch mọi dấu vết nhuốc nhơ này. Không hỏi ý kiến chồng, ngay ngày hôm sau bà bắt tay chuẩn bị hành lí, nhét vào va-li nhỏ ba bộ quần áo mà cô con gái cần dùng để

thay đổi rồi trước khi tàu tới ga độ nửa giờ bà đến phòng ngủ tìm con gái: – Đi thôi, Renata, – bà bảo cô con gái. Bà không hề giải thích cho cô gái. Về phần mình Meme không đợi và cũng không muốn có lời giải thích. Không những cô không biết mình và mẹ mình đi đâu mà nếu người ta dẫn mình đến lò sát sinh cô cũng chẳng phản đối. Cô cầm bật và cũng sẽ không mở miệng trong phần đời còn lại của mình kể từ lúc nghe thấy tiếng súng nổ ở sân sau, đồng thời tiếp đó là tiếng kêu đau đớn của Mauricio Babilonia. Khi mẹ cô ra lệnh cho cô ra khỏi giường ngủ, cô không chải đầu cũng không rửa mặt và cô vọt vờ bước lên tàu hỏa như một kẻ mộng du mà không hề biết ngay đến cả đàn bướm vàng vẫn bay theo cô. Fernanda không bao giờ hiểu, và cũng không chịu tìm hiểu xem sự im lặng như đá của cô có phải là do cô tự

nguyện quyết định như vậy hay là cô bị
câm do ảnh hưởng tai hại của tấn bi kịch.
Meme dường như không hay biết con
tàu đang chạy qua cái vùng mình thích
thú nhất trước đây. Cô không nhìn
những đồng chuối um tùm và ngút ngàn
ở hai bên đường ray. Cô không nhìn
những ngôi nhà sơn trắng của người Mỹ,
cũng không nhìn những vườn hoa héo
úa vì bụi và hơi nóng, cũng không nhìn
những người đàn bà mặc quần đùi và áo
sơ mi kẻ sọc xanh đang đánh bài ở ngoài
cửa. Cô không nhìn những chiếc xe bò
chở chuối trên những con đường lầy
bụi. Cô không nhìn những cô gái trẻ như
những chú cá măng nhảy tung tăng trong
dòng sông trong vắt đã khiến du khách
trên tàu tê tái lòng trước những bộ ngực
căng mọng lộng lẫy của họ, cũng không
nhìn những túp lều tồi tàn của người lao
động nơi những con bướm vàng của

Mauricio Babilonia đang bay lượn, cũng không nhìn những em nhỏ xanh tái và bẩn thỉu, cả những người đàn bà chửa đang gào lên những lời tục tĩu mỗi khi đoàn tàu chạy qua. Cái quang cảnh thoáng qua ấy đối với cô là quang cảnh vui như hội mỗi bận từ trường về nhà thì nay nó không hề làm cô rung động. Cô không thèm nhìn ra cửa sổ ngay cả khi con tàu đang qua vùng đồng bằng trồng thuốc phiện nơi vẫn còn mạn chiếc tàu thủy Tây Ban Nha đã hóa thành than, để rồi ngay sau đó nó chạy tới vùng không khí thoáng đặng kể ngay bên cái biển ngâu bọt và bắn tóe, nơi cách đây gần đúng một thế kỉ những ý tưởng đẹp đẽ của cụ José Arcadio Buendía đã phá sản. Vào lúc năm giờ chiều, khi con tàu đến ga cuối cùng thuộc miền đầm lầy, cô theo mẹ xuống tàu hỏa. Hai mẹ con trèo lên một chiếc xe giống như một con dơi

khổng lồ, được một chú ngựa hen kéo, và bọn họ đi qua một thành phố hiu quạnh, nơi trên những con đường dài vô tận, nứt nẻ vì hơi diêm sinh, vẫn vang lên bản nhạc tập đàn dương cầm y hệt bản nhạc tập mà Fernanda từng nghe vào giờ ngủ trưa trong thời xuân trẻ. Họ lại lên một chiếc tàu thủy chạy trên sông có chiếc bánh lái bằng gỗ kêu ầm ầm như tiếng động một đám cháy lớn, và những tấm sắt bị gỉ thủng lỗ chỗ phản chiếu ánh mặt trời như miệng những chiếc lò nấu. Meme tự giam mình trong một phòng ngủ riêng trên tàu. Một ngày hai lần, Fernanda đặt ở cạnh giường cô một khay thức ăn và một ngày hai lần bà lại mang nguyên xi nó ra, không phải vì Meme đã quyết chí chết đói mà chỉ hơi cơm thôi cũng đã đủ làm cô phát sợ và khiến cho cái dạ dày của cô cứ thắt lại nôn ra những nước là nước. Chính bản thân cô cũng

không biết rằng mùi thuốc cao lá mù tạc không còn tác dụng ngừa thai nữa và Fernanda không biết điều này mãi cho đến một năm sau khi người ta mang đến cho bà một thằng bé. Vì ở trong phòng ngủ riêng ngọt ngào, lại bị tiếng rung của thành tàu và mùi bùn nồng nặc khó chịu do bánh lái khuấy lên, Meme nằm mê man không còn biết đến ngày giờ đang trôi đi. Đã qua đi lâu rồi khi Meme nhìn thấy con bướm vàng cuối cùng bị cánh quạt nghiền nát và cô cảm thấy nó như một sự thật hiển nhiên: Mauricio Babilonia đã chết rồi. Tuy nhiên cô không chịu để cho sự cam chịu thắng mình. Cô vẫn nghĩ tới anh trong suốt cuộc hành trình qua thảo nguyên mênh mông nơi trước đây Aureliano Segundo bị lạc khi ông đi tìm người con gái đẹp nhất trần gian, và khi họ trèo lên đỉnh đèo men theo những lối mòn của người Anh-

điêng để rồi vào một thành phố buồn tẻ, nơi trên những con đường đá chật hẹp của nó vẫn vang lên tiếng chuông đồng rè rè buồn bã của ba mươi hai nhà thờ. Đêm ấy mẹ con cô ngủ lại trong một ngôi nhà thờ thời thuộc địa bị bỏ hoang, nằm trên những tấm ván mà Fernanda bắc trên sàn một căn buồng bị cỏ dại mọc um tùm, và họ đắp lên người những mẩu rèm cửa sổ mà cứ mỗi bận cửa mình chúng rách toang toạc. Meme biết rõ cô đang ở đâu rồi bởi vì trong cơn mất ngủ đầy sợ hãi cô đã nhìn thấy đi qua đây một công tử vận đồ đen mà trong đêm trước lễ Noel xa xưa người ta mang ngài tới nhà trong một chiếc hòm bằng chì. Sang ngày hôm sau, sau khi làm lễ mixa, Fernanda dẫn cô tới một tòa lâu đài rợp bóng cây và Meme nhận ra nó ngay lập tức nhờ những hồi ức mẹ cô thường kể về tu viện nơi bà được giáo dưỡng để trở

thành hoàng hậu và thế là Meme hiểu mình đã đi hết cuộc hành trình. Trong lúc Fernanda nói chuyện với một người nào đó ở trong phòng bên, cô ở lại trong phòng khách treo những bức tranh sơn dầu vẽ các đức giám mục thời thuộc địa, mà người cứ run lên vì rét, bởi vì cô vẫn chỉ mặc một bộ quần áo bằng vải da thêu hoa đen, và đi đôi ủng ướt trương lên vì ngấm băng tuyết vùng thảo nguyên. Cô đứng ngay ở giữa phòng khách dưới luồng ánh sáng vàng lọt qua những tấm kính màu để mà nghĩ tới Mauricio Babilonia, cho đến khi một nữ tu trẻ rất đẹp mang theo chiếc va-li nhỏ của cô cùng ba bộ quần áo từ trong phòng bên bước ra. Khi đi qua trước mặt Meme, không dừng bước, cô ta chìa tay cho cô. – Chúng ta đi thôi, Renata, – cô nữ tu nói. Meme cầm lấy tay cô ta và để cô ta đưa mình đi. Lần cuối cùng Fernanda nhìn thấy cô

đang lúc cô sánh bước với người nữ tu, ấy là lúc phía sau cô cánh cửa sắt của nhà tu kín cũng vừa từ từ đóng lại. Cô vẫn nghĩ tới Mauricio Babilonia, tới mùi dầu mỡ và những con bướm vàng hóa thân, nghĩ tới anh trong suốt cả cuộc đời cô, một cuộc đời với những tên luôn luôn bị thay đổi và không hề hé răng nói lấy một lời cho đến buổi sáng sớm một mùa thu cô chết

già trong một bệnh viện ở Cracovia [Kraków]. Fernanda trở về Macondo trên một chuyến tàu được lính cảnh sát có vũ trang bảo vệ: Trong suốt chuyến đi bà nhận ra nỗi lo lắng căng thẳng của hành khách, nhận ra những biện pháp quân sự được áp dụng ở các làng dọc đường xe lửa và cái không khí sợ hãi do tin rằng sẽ xảy ra một sự kiện nghiêm trọng, nhưng bà hoàn toàn không được biết tin tức gì

trong lúc chưa về đến Macondo. Về tới nhà, bà được người ta kể cho biết rằng José Arcadio Segundo đang xúi giục những người lao động thuộc Công ty chuối biểu tình.

“Ôi, đây là cái duy nhất mà chúng ta còn thiếu, Fernanda nói với cánh mình, “Một tên vô chính phủ ở ngay trong nhà”.

Hai tuần lễ sau đó, cuộc đình công đã nổ ra và không gây ra những hậu quả bi thương như người ta đã sợ. Những người lao động chỉ đòi không phải chặt chuối và chở chuối vào ngày chủ nhật, và yêu sách này rất hợp tình hợp lý đến mức ngay cả cha Antonio Isabel cũng đã tham gia vì cha thấy nó hợp với luật lệ của Thượng đế. Thắng lợi của cuộc đình công này cũng như một số hoạt động khác xảy ra trong những tháng sau đã khiến cho José Arcadio Segundo, một

người vô danh tiểu tốt mà thiên hạ vẫn thường bảo rằng chẳng được tích sự gì ngoài việc làm cho làng đông nghịt bọn gái điếm tân thời, trở nên nổi tiếng. Cũng với chính cái quyết tâm dứt khoát mà ông đã có để giết hết bầy gà chọi của mình nhằm xây dựng một kế hoạch mở đường thủy từ Macondo ăn thông với thế giới, ông đã cáo từ chức đốc công của Công ty chuối để đứng về phía những người lao động. Ngay lập tức ông bị tình nghi là phản tử thuộc một tổ chức quốc tế chống lại trật tự công cộng. Trong cái tuần lễ buồn bã trước những lời đồn bi quan, có một đêm ông đã thoát chết một cách tài tình trước bốn viên đạn súng lục do một kẻ lạ mặt nhắm bắn vào ông lúc ông vừa từ một cuộc họp kín bước ra. Không khí chính trị những tháng sau đó rất căng thẳng, đến mức Úrsula ngồi trong bóng tối cũng cảm nhận được nó

và cụ có cảm giác mình đang sống lại những ngày tháng bất hạnh trong đó con trai cụ, đại tá Aureliano Buendía luôn luôn mang trong túi áo những viên thuốc vi lượng đồng căn của một tổ chức nổi loạn. Cụ muốn nói chuyện với José Arcadio Segundo để hiểu chuyện xảy ra trước đây nhưng Aureliano Segundo báo cho cụ biết rằng kể từ đêm bị bắn chết hụt ấy không ai biết ông ngụ lại ở đâu. Nó y hệt cái thằng Aureliano Buendía, – cụ thốt lên. – Cứ như thể thời gian đang quay vòng ấy. Trong những ngày mơ hồ ấy, Fernanda thường xuyên sống cách ly với cuộc đời bên ngoài. Bà để mất liên hệ với thế giới bên ngoài kể từ vụ cãi lộn kịch liệt với ông chồng vì đã tự ý quyết định số phận của Meme mà không có sự đồng tình của ông. Aureliano Segundo đã sẵn sàng đi tìm cho được cô con gái, nếu cần phải nhờ đến cảnh sát ông cũng

sẵn sàng nhờ, nhưng Fernanda cho ông xem những giấy tờ xác nhận rằng con gái ông đã tự nguyện vào tu trong nhà tu kín. Quả là như thế, Meme đã kí vào những tờ giấy ấy khi cô đã ở bên trong cửa sắt của tu viện và cô đã kí với chính sự hững hờ mà cô để cho bà đưa mình đi. Trong thâm tâm, Aureliano Segundo không tin rằng những giấy tờ này hợp pháp cũng như không bao giờ ông tin rằng Mauricio Babilonia đã lẻn vào sân sau để ăn trộm gà, nhưng những giấy tờ này đã giúp ông yên lòng và do đó lúc này ông có thể thanh thoi trở lại núp dưới bóng Petra Cotes. Ông lại tổ chức các cuộc vui ồn ã và ăn nhậu xả láng. Vì sống xa lạ với nỗi lo lắng của dân chúng, và cố tình không nghe những lời tiên đoán khủng khiếp của Úrsula, Fernanda xiết lại lần cuối cùng các ốc vít của kế hoạch đã được mình hoàn chỉnh. Bà viết một bức thư dài

cho cậu con trai José Arcadio, người lúc này sẽ nhận phẩm trật nhỏ mọn, và trong bức thư này bà còn báo cho cậu biết cô em gái Meme của cậu đã về hầu Chúa do bị thổ ra máu đen. Sau đó, bà để bé Amaranta Úrsula cho Santa Sofía de la Piedad chăm nom và quyết tâm nối lại quan hệ thư từ với các thầy thuốc không thể nhìn thấy được, mà lòng tự dằn vặt trước nỗi bất hạnh của Meme. Việc đầu tiên mà bà làm là định ngày chắc chắn cho việc điều trị bằng thần giao cách cảm. Nhưng các thầy thuốc không thể nhìn thấy ấy đã trả lời bà rằng trong lúc Macondo đang loạn thì việc làm đó là không phải lúc. Bà đang quá bối rối và không nắm được tình hình thực tế nên trong một bức thư khác bà giải thích cho họ rằng ở Macondo không hề có tình trạng mất ổn định xã hội, rằng tất cả những việc ấy là kết quả của công việc điên rồ do người anh

chồng mình gây nên, cũng như trước đây ông ấy đã dùng dùng giết hết lũ gà chọi và học tốc đi mở đường sông từ Macondo ra thế giới. Thế là họ vẫn chưa thỏa thuận được với nhau. Ngày thứ tư nóng nực, có một nữ tu sĩ già tay khoác một chiếc làn đã đến nhà gọi cửa. Vào lúc mở cửa, Santa Sofía de la Piedad đã nghĩ rằng đó là một món quà và bà định ôm lấy chiếc làn có phủ một chiếc khăn lụa quý giá. Nhưng nữ tu sĩ đã kịp ngăn bà lại bởi vì bà ta đã được dặn trước là phải trao nó tận tay cho người nhận là bà Fernanda del Carpio de Buendía. Đó là đứa con trai của Meme. Vị cha linh hồn cũ của Fernanda trong một bức thư dài đã giải thích cho bà rằng thằng bé đã chào đời hai tháng trước đây và rằng nó được đặt tên là Aureliano như tên gọi của ông ngoại nó vì bà mẹ không chịu hé môi nói nguyện vọng cuối cùng của mình. Fer-

nanda bực mình lắm trước sự nhạo báng ấy của số phận nhưng bà vẫn còn đủ sức lực để chống chế trước mặt nữ tu sĩ:

Chúng ta sẽ loan tin rằng chúng ta bắt được thằng bé này nằm trong một chiếc làn trôi trên sông nhé.

Chẳng ai tin điều đó đâu, bà ạ, – nữ tu sĩ nói.

Nếu đã tin vào Kinh thánh, – Fernanda cãi lại, – thì tại sao lại không tin tôi nói điều đó nhỉ!

Nữ tu sĩ ăn cơm trưa tại nhà trong lúc đợi con tàu trở lại và đồng ý giữ một lời hứa mà mọi người đòi hỏi ở bà ta là sẽ không bao giờ nhắc đến thằng nhỏ nữa, nhưng Fernanda đã khẳng định rằng nữ tu sĩ là một nhân chứng không mong đợi của nỗi tủi hổ của bà và lấy làm tiếc tục

lệ thời Trung cổ thường treo cổ những người đưa tin dữ đã bị bãi bỏ. Đó cũng là lúc bà quyết định sẽ dìm thẳng bé vào bể nước trong nhà tắm ngay sau khi nữ tu sĩ ra khỏi nhà mình, nhưng trái tim đã không cho phép bà làm và bà đành phải kiên nhẫn đợi cho đến lúc lòng lạnh vô biên của Thượng đế sẽ giải thoát bà khỏi cái tai ách này. Cậu nhóc Aureliano vừa đầy tuổi tôi, tình hình xã hội bỗng trở nên căng thẳng. José Arcadio Segundo và một số cán bộ công đoàn, thường vẫn hoạt động bí mật cho đến tận lúc này, đã xuất đầu lộ diện một cách không đúng lúc, để tổ chức nhiều cuộc biểu tình tại các làng thuộc Công ty chuối. Cảnh sát tuân lệnh trên, ngày ngày theo dõi chặt chẽ bọn họ. Nhưng đêm hôm thứ hai các cán bộ công đoàn đã bị bắt ngay tại nhà mình, bị cùm chân bằng chiếc cùm nặng năm ki lô, rồi bị tổng giam trong nhà

lao của tỉnh. Trong số những người bị bắt có José Arcadio Segundo và Lorenzo Gavilán, một đại tá của cuộc cách mạng Mêhicô hiện đang lưu vong ở Macondo, người vẫn thường tự hào nói rằng ông là chứng nhân của chủ nghĩa anh hùng của Artemio Cruz, một người bạn thân của ông. Tuy vậy, trong khoảng thời gian chưa đầy ba tháng, bọn họ đã được tự do; bởi chính phủ và Công ty chuối đã không thể thống nhất với nhau xem ai là người phải nuôi bọn họ trong nhà tù. Lần này sự phản đối của những người lao động đã dựa trên những yếu tố sau đây: nhà ở không bảo đảm sức khỏe cho công nhân, ngành phục vụ y tế thì giả nhân giả nghĩa, điều kiện lao động thì rất bất công. Ngoài ra những người công nhân còn khẳng định rằng Công ty đã không trả lương cho họ bằng tiền mặt mà trả bằng bông (tem phiếu) chỉ dùng để mua

giảm-bông Virginia trong những cửa hàng ủy thác của Công ty. José Arcadio Segundo bị bắt vì anh đã chứng minh được rằng chế độ trả lương bằng bông chẳng qua chỉ là một thủ đoạn kinh tế của Công ty nhằm nuôi những con tàu chở hoa quả của nó. Giả sử không có hàng cho các cửa hàng ủy thác, những con tàu ấy đã phải chạy không tải từ New Orleans đến các cảng để nhận chuối. Còn những tội trạng khác mọi người đều biết. Thầy thuốc của công ty không khám bệnh cho người ốm mà chỉ bắt họ xếp hàng một ngay trước bệnh xá và một nữ y tá đặt vào lưỡi họ một viên thuốc có màu sun phát đồng bất kể họ bị bệnh sốt rét, bệnh lậu hay mắc chứng táo bón. Đó là phương pháp trị bệnh hết sức phổ biến đến mức bọn trẻ con có khi xếp hàng vài ba lượt và đáng lẽ phải uống những viên thuốc ấy thì chúng lại mang

về nhà để chơi. Công nhân sống chui rúc trong những căn lán tồi tàn. Lẽ ra phải làm cầu tiêu công cộng thì vào những dịp lễ chúa giáng sinh bọn kỹ thuật của Công ty mang tới đây những chiếc cầu tiêu di động dùng cho năm mươi người và còn hướng dẫn cách sử dụng như thế nào để dùng được lâu.

Những luật sư già lụ khụ mặc đồ đen, những kẻ trong thời gian trước đây cứ bám lấy đại tá Aureliano Buendía để làm phiên ngài giờ đây là đại diện cho Công ty chuối, bằng những lời phán xử đổi trắng thay đen y như trò ảo thuật đang tìm cách gỡ bí cho Công ty chuối. Khi những người lao động thống nhất chỉ thảo ra một lá đơn gồm những yêu sách chung thì trong suốt thời gian dài những yêu sách này vẫn không được chính thức đệ trình lên Công ty chuối.

Khi ngài Brown biết tin có lá đơn mới của công nhân, lập tức ngài mặc ngay toa xe lộng lẫy mái lợp thủy tinh của mình vào đoàn tàu rồi cùng với các vị đại diện thường trực của Công ty vôi vàng biến mất tăm khỏi Macondo. Tuy vậy, công nhân đã tóm được một trong số những vị đại diện ấy ngay tại một nhà thổ nọ và buộc ông ta phải kí vào tờ sao của lá đơn khi ông này còn đang trần như nhộng với một phụ nữ. Người này tự nguyện làm mĩ nhân kế để dẫn ông ta vào bẫy. Trong một buổi phán xử, các luật sư buồn thảm nọ liền cãi rằng cái con người ấy không hề có liên quan gì với Công ty chuối, và để cho mọi người không nghi ngờ luận điệu của mình, bọn luật sư liền ra lệnh tống giam hẳn vì tội mạo nhận. Sau đó ít lâu, ngài Brown đã bị thộp ngực trong một chuyến vi hành trên toa xe loại ba, và những người công nhân bắt ngài kí vào

một tờ sao khác của lá đơn. Ngày hôm sau, ngài xuất hiện trước các vị quan tòa với mái tóc nhuộm đen và nói tiếng Tây Ban Nha rất lưu loát. Các luật sư liền giải thích rằng người này không phải là ngài Jack Brown, Tổng quản trị của Công ty chuối, sinh tại Prattville, bang Alabama mà chỉ là một người bán thuốc hiền lành, sinh tại Macondo, và cũng hành tại đây ông được đặt tên là Dagoberto Fonseca. Sau đó ít lâu để đối phó với những hành động mới của công nhân, tại các địa điểm công cộng, các luật sư đã trưng lên một tờ cáo phó được viên lãnh sự và các nhà ngoại giao Mỹ chứng thực nói rằng ngài Brown đã bị xe cứu hỏa cán chết trên một đường phố ở Chicago vào ngày mồng chín tháng sáu vừa qua. Vì ngán ngẩm trước những trò giải thích quàng xiên ấy, những người lao động phớt lờ các nhà chức trách ở Macondo,

và họ kiện lên tòa án tối cao. Chính tại đây, các quan tòa giỏi múa ba tấc lưỡi và biến báo pháp luật cứ như những kẻ làm xiếc đã tuyên bố rằng những lời khiếu tố của công nhân là hoàn toàn không có giá trị, bởi rất đơn giản rằng Công ty chuối không có, chưa bao giờ có, cũng chẳng bao giờ sẽ có công nhân mà chỉ thuê người làm với tính cách tạm bợ thôi. Vậy là bằng cách đó, bọn luật sư đã đánh đổ lá đơn của công nhân tố giác cái trò lừa phỉnh về giảm-bông Virginia, về những viên thuốc quái quỷ và những chuồng tiêu di động chỉ xuất hiện vào dịp lễ Chúa giáng sinh, còn Tòa án thì đã phán quyết và công bố trong những thông báo trang trọng khẳng định sự không tồn tại của những người lao động. Tổng bãi công bùng nổ. Việc trồng chuối bị bỏ dở, chuối quả nằm ngay tại gốc và những đoàn xe lửa dài một trăm hai mươi toa

dừng lại ngay giữa đường... Công nhân nghỉ việc tràn ra thị trấn. Phố Thổ Nhĩ Kỳ trở nên nhộn nhịp khác thường. Phòng chơi bi-a trong khách sạn Jacob mở cửa suốt hơn bốn giờ liên tục để đón khách.

José Arcadio Segundo có mặt tại đây vào đúng cái ngày có tin nói rằng quân đội đã được lệnh lập lại trật tự công cộng. Dầu không phải là người có linh cảm nhưng cái tin đó đối với ông là điềm báo trước của cái chết mà ông từng chờ đợi từ cái buổi sáng xa xưa khi đại tá Gerineldo Márquez cho đi xem một cuộc hành hình. Tuy nhiên cái điềm gở ấy đã không làm ông lúng túng. Ông chơi bi-a và không hề bắn chệch một cú bắn trúng nhiều viên. Sau đó, tiếng trống cà rinh, tiếng kèn đồng, tiếng la hét và sự náo động của đám đông báo cho ông biết rằng cuối cùng mọi chuyện

đã kết thúc, kể cả trò chơi bi-a lẫn cái trò chơi đơn độc và thâm lặng mà ông từng chơi với chính mình, kể từ buổi mai có cuộc hành hình. Ông bước ra đường và nhìn thấy bọn lính. Đó là một đoàn quân gồm ba trung đoàn, theo nhịp trống cà rình, đang hành tiến làm rung chuyển cả mặt đất. Luồng xú khí toát ra từ đoàn quân ấy giống như hơi thở của con rồng nhiều khúc đã làm vẩn đục cả bầu trời trong sáng lúc đang trưa. Cả đám lính ấy, đứa nào cũng thấp lùn, ục ịch và thô lỗ. Chúng nhể nhại mồm hôi ngựa, hôi hám như mùi thịt ôi phơi ngoài nắng, và dữ tợn như những người vùng thảo nguyên. Dù đã diễu hành qua đây mất hơn một giờ, song người ta vẫn nghĩ rằng cái đoàn quân ấy chỉ vền vện vài đại đội đi theo kiểu đèn cù, bởi bọn lính giống nhau như tạc, chúng như những đứa con cùng một mẹ, với một vẻ ngu dại như nhau.

Chúng mang ba lô và bi đông nặng trĩu, mang những khẩu súng cầm lê trần trơ tráo, mang nỗi bức dọc chỉ biết có tuân lệnh một cách mù quáng và cái mặc cảm về lòng danh dự. Từ trên chiếc giường tối mù mịt của mình, Úrsula nghe thấy bọn lính đi qua và cụ giờ tay làm dấu thánh. Bà Santa Sofía de la Piedad đứng im hồi lâu, cúi mình xuống chiếc khăn vừa là, bà nghĩ tới con trai bà, José Arcadio Segundo, người mà bà vừa nhìn thấy đi qua cửa khách sạn Jacob không hề run sợ trước những tên lính cuối cùng của đoàn quân ấy...

Lệnh thiết quân luật đã trao quyền cho quân đội thực hiện chức năng trọng tài trong vụ tranh chấp này, nhưng quân đội vẫn không hề tỏ ra có ý định giải hòa. Quân đội nhanh chóng triển khai khắp Macondo. Bọn lính đặt súng xuống một

chỗ, rồi tỏa đi chặt chuối, xếp chuối lên toa và xô dịch các đoàn tàu. Những người lao động, mà cho đến tận lúc này vẫn yên lặng chờ đợi, đã ào lên núi không mang theo một thứ vũ khí nào khác ngoài con dao rửa, công cụ lao động của họ, và họ bắt đầu cướp lại những cái họ đã bị cướp. Họ đốt cháy các dây nhà kho, các cửa hàng ủy thác của Công ty, phá các đường ray để chặn đứng việc qua lại của những đoàn tàu đã bắt đầu mở đường bằng hỏa lực súng máy, họ chặt đứt tung các đường dây điện và dây điện thoại. Các nương rãnh của đồng chuối đã thấm máu. Ngài Brown vốn sống trong một khu chung cư giống trại nuôi gà có mắc điện, cùng với gia quyến và một số đồng bào của ngài đã được bí mật đưa đi khỏi Macondo để đến nơi an toàn dưới sự che chở của quân đội. Tình hình chung căng thẳng đang đe dọa sẽ phát triển thành một cuộc

chiến tranh không cân sức và đẫm máu, nhất là khi các nhà cầm quyền ra một lời kêu gọi những người lao động tập trung tại Macondo. Lời kêu gọi cho biết rằng Quan tỉnh trưởng sẽ tới đây vào ngày thứ sáu, sẵn sàng giải quyết vụ xung đột này. José Arcadio Segundo đứng trong đám đông đã tụ tập trên sân ga ngay từ sáng ngày thứ sáu. Ông đã tham dự cuộc họp của cán bộ công đoàn và được phân công cùng với đại tá Gavilán trà trộn vào khối quần chúng đông đảo để lãnh đạo họ tùy theo hoàn cảnh cụ thể. Ông không được khỏe lắm và hơn nữa, miệng ông đắng như ngậm bồ hòn khi biết rằng quân đội đã đặt những ụ súng máy ở chung quanh sân ga, và ông còn biết rằng khu nhà lầu có rào thép gai của công ty cũng đã được các khẩu pháo bảo vệ. Đã gần mười hai giờ trưa, do phải chờ đoàn xe lửa không tới, hơn ba nghìn người, bên cạnh những

người lao động còn có cả trẻ em và phụ nữ, đã đứng chật ních cả sân ga và đám đông ấy còn tràn xuống cả những con đường kế cận bị súng máy bịt mất lối ra. Quang cảnh ấy giống một hội chợ đông vui hơn là một đám tiệc tùng. Các quầy hàng ăn cũng như các quán giải khát trên đường phố Thổ Nhĩ Kỳ đã được chuyển đi nơi khác và đám công chúng vẫn nhẫn nại và vui vẻ chịu đựng nỗi phiền toái do phải chầu chực dưới trời nắng như đổ lửa. Lúc ba giờ kém một chút, có tin đồn rằng cho đến tận ngày mai chuyến xe lửa chính thức vẫn chưa chắc tới. Đám đông mệt mỏi thở dài ngao ngán. Giữa lúc ấy, có một trung úy quân đội trèo lên nóc nhà ga là nơi đã đặt bốn khẩu súng máy xếp thành hàng hướng nòng ra phía đám đông. Một hồi kèn đồng rúc lên báo cho đám đông yên lặng. Đứng bên cạnh José Arcadio Segundo là một bà béo phì đi

chân đất, mang theo hai đứa trẻ, một lên bốn và một lên bảy. Bà ta bế đứa nhỏ và mặc dù không quen biết, bà nhờ ông bế đứa lớn để nó có thể nghe được cái điều người ta sắp nói. José Arcadio Segundo công kênh cậu bé trên vai. Qua nhiều năm sau này, cậu bé ấy đã kể đi kể lại, dù không ai tin, rằng cậu đã nhìn thấy một trung úy qua chiếc loa máy tăng âm đọc bản Sắc lệnh số bốn của Quan Tỉnh trưởng do tướng Carlos Cortes Vargas và Thiếu tá Enrique García Isaza, thư ký của ngài, đã cùng ngài ký. Với ba điều khoản gồm khoảng tám mươi từ, bản Sắc lệnh số bốn đã gọi những người đình công là một ổ cướp và do đó đã ra lệnh cho quân đội bắn giết họ. Bản sắc lệnh đã được đọc xong. Giữa tiếng huýt sáo và la ó phản đối của đám đông, một đại úy bước ra thay thế trung úy nọ. Hắn đứng trên nóc nhà ga, cầm lấy loa máy tăng âm ra hiệu

muốn nói. Đám đông trở lại im lặng.

Thưa các ông, các bà, – viên đại úy nói với một giọng trầm trầm, chậm chạp, có vẻ hơi mệt mỏi.

Tôi ra lệnh cho các người phải giải tán sau năm phút.

Tiếng huýt sáo, tiếng la hét lại nổi lên inh ỏi dìm ngay tiếng kèn đồng được dùng để tính khoảng thời gian năm phút ấy. Tuy nhiên không một ai động đậy.

Đã quá năm phút. – hấn nói với chính cái giọng ban nãy.

Gia hạn thêm một phút nữa, và nếu các người không giải tán quân đội sẽ xả súng. José Arcadio Segundo toát mồ hôi lạnh. Ông thôi không kiêu cạo bé trên vai nữa và đưa trả nó cho bà mẹ, “Cái đám dê cù này dám bắn lăm chứ chả

chơi”, bà mẹ nói nhỏ”. José Arcadio Segundo không kịp nói gì, vì vào lúc ấy ông nhận ra tiếng nói của đại tá Gavilán đang khích lệ mọi người đồng thanh hô phản đối với chính những lời mà người phụ nữ vừa thốt ra xong. Vì xúc động mạnh trước tình huống căng thẳng, trước cái sâu lắng kì diệu của sự im lặng và nhất là khi thấy rằng không một sức mạnh nào có thể lay chuyển được cái khối quần chúng đông đảo sẵn sàng đón nhận cái chết này, José Arcadio Segundo đã kiễng chân đứng cao hơn hẳn những cái đầu ở phía trước, và lần đầu tiên trong đời ông cất tiếng:

Bớ bọn dê cù! Chúng ta cóc cần cái phút ấy đâu!

Vào lúc ông thét xong, một sự kiện đã xảy ra và cái sự kiện này đã không làm ông sợ mà chỉ mang đến cho ông một

ảo giác. Tên đại úy ra lệnh phát hỏa và thế là cả mười bốn ụ súng máy nổ súng đáp lời ông. Song ông cảm thấy tất cả những cái ấy chỉ là một trò hề. Hình như những khẩu súng kia đều bắn ra những viên đạn pháo hoa, bởi mặc dù những tiếng nổ rền vang nghe đến đứt hơi đã được mọi người nghe thấy, mặc dù những viên đạn nóng bỏng đỏ lù tới tấp bay ra đã được mọi người trông thấy, ấy thế mà vẫn không thấy đám đông có lấy một phản ứng dù chỉ là hơi thở dài hay tiếng kêu la, đám đông cứ trơ ra như đá. Bỗng nhiên, ở bên cạnh nhà ga có một tiếng kêu tắt thở “Ôi, mẹ ơi” đã làm mất đi cái hào khí ấy. Một sức sục sôi của trận động đất, một hơi thở hùng hục của núi lửa, một tiếng gầm rú của bão tố đã bùng nổ ngay ở trung tâm đám đông với sức triển khai nhanh chóng thần kì. José Arcadio Segundo hầu như chỉ còn kịp

bế phốc cậu bé, trong khi đó bà mẹ và em nó đã bị đám đông nhốn nháo chạy nuốt chừng mất. Nhiều năm sau, dù cho những người hàng xóm vẫn tin cậu chỉ là một thằng hề, cậu bé ấy vẫn cứ tiếp tục kể rằng José Arcadio Segundo đã nâng bổng cậu trên đầu và cú thể cho cậu lướt đi, như thể trên không trung ấy, trên nỗi kinh hoàng của đám đông đổ về phía một trong những đường phố cạnh đó. Với cái vị trí cao ấy, cậu bé đã nhìn thấy đám công chúng nhốn nháo bắt đầu ủa về một góc phố và chính ở phố này, vào đúng cái thời điểm này, hàng súng máy cũng bắt đầu phát hỏa. Rồi những người đứng ở hàng đầu cùng ngã gục xuống trước làn đạn liên thanh quét. Những người sống sót, đáng lẽ phải nằm xuống thì họ lại vội vàng xô đẩy nhau chạy trở lại sân ga. Lúc ấy nỗi khủng khiếp đã chụp lên đầu họ bằng những làn đạn súng máy giống

như đuôi con rồng đang quất vào họ, dồn họ vào một dòng người đông nghịt đối nghịch với dòng người đông nghịt khác cũng đang xô đẩy nhau về một con đường ở hướng khác. Cái dòng người này cũng đang bị súng máy đặt đối diện nhả đạn lại như mưa y như một cú quất đuôi khác của con rồng. Những người đình công bị vây tròn lại, cứ xoay tít mù như con ốc khổng lồ đang ngày một thu hẹp chấn tâm lại bởi những vòng người ở ngoài của con ốc này đang bị lưỡi dao sắc ngọt của nghệ thuật bắn súng máy gọt chung quanh như thể bóc củ hành vậy. Cậu bé nhìn thấy một người đàn bà quỳ gối, chắp hai cánh tay lại theo hình cây thánh giá đứng trong một bãi đất sạch được giữ gìn một cách kì ảo không cho đám người tràn vào. Trước khi đám đông lấp bằng cái bãi đất trống ấy, José Arcadio Segundo đã đặt cậu bé xuống

đấy và cũng ngay tại nơi ấy, với khuôn mặt đầm đìa máu ông ngã xuống bên cạnh người đàn bà đang quỳ gối, dưới ánh sáng chói chang từ trên vòm trời cao đang mùa nắng rọi xuống, với thể giới huyền bí nơi Úrsula Iguarán từng bán những chiếc kẹo tuyệt vời nặn hình con giống.

Khi tỉnh dậy, José Arcadio Segundo đang nằm ngửa trong bóng tối. Ông nhận ra rằng mình đang nằm trên một đoàn tàu dài dằng dặc và im lìm, rằng tóc mình bê bết máu khô và khắp mình ông, xương hóc đau như dằm. Ông cảm thấy buồn ngủ không chịu được. Định bụng ngủ một giấc rõ dài để qua nỗi kinh hoàng và khủng khiếp, ông liền xoay người về bên ít đau hơn, và chỉ lúc ấy ông mới phát hiện ra là mình đang nằm trên những người chết. Trong toa

không có lấy một chỗ hở, ngoài lối đi chính giữa. Có thể vụ thảm sát đã xảy ra cách đây được vài giờ rồi, bởi những thi thể này đều đã lạnh cóng như cao lanh mùa thu, và những ai xếp những tử thi này lên toa xe hủn đã có thời gian để xếp chúng theo thứ tự chẳng khác gì những buồng chuối được chở trên xe lửa. Vốn định chạy trốn cái âm khí nặng nề đó, José Arcadio Segundo bò lết hết toa này sang toa khác theo hướng con tàu đang chạy, và nhờ ánh đèn lọt qua các khe hở giữa những tấm ván ghép khi con tàu vượt những xóm làng đang ngủ rọi vào, ông đã nhìn thấy những thi thể của đàn ông, những thi thể của đàn bà, những thi thể của trẻ em mà rồi đây sẽ bị người ta đổ xuống biển như chuối bị vứt đi, ông chỉ nhận ra một người đàn bà bán giải khát ở sân ga và đại tá Gavilán, người này còn mang trong tay chiếc thắt lưng

có khóa bằng bạc xứ Morelia được cuộn lại, nó là cái mà đại tá dùng để mở đường vượt qua nỗi khủng khiếp. Khi đến toa thứ nhất, ông liền nhảy một cú từ trên tàu xuống đất, lẩn vào bóng tối, rồi nằm im hồi lâu dưới luồng nước đợi cho đoàn tàu đi khỏi. Đó là một đoàn tàu dài chưa từng thấy gồm khoảng hai trăm toa hàng, mỗi đầu móc một đầu máy và ở chính giữa móc thêm một chiếc nữa. Nó không thấp đèn, ngay cả đèn hiệu xanh đỏ cũng không thấp nốt, và cứ vun vút lao đi trong đêm khuya vắng lặng. Trên nóc toa nổi lên những hình thù tối sẫm của bọn lính với những khẩu súng máy sẵn sàng nhả đạn. Nửa đêm về sáng một trận mưa rào đổ xuống. José Arcadio Segundo không biết mình nhảy xuống ở nơi nào nhưng ông biết chắc rằng cứ đi ngược hướng đi của đoàn tàu là sẽ về tới Macondo. Sau hơn ba giờ đi bộ, nhờ ánh

bình minh ông nhận ra những mái nhà đầu tiên, khi ấy ông đã bị ngấm nước mưa tới tận xương và đau đầu kinh khủng. Bị hương cà phê lôi cuốn ông bước vào một căn bếp; ông thấy có một người đàn bà tay bế con khom lưng bên bếp lửa.

Chào bà, – ông nói. – Tôi là José Arcadio Segundo Buendía đây ạ? Ông xưng tên họ đầy đủ, rõ ràng từng chữ một để người nghe nhận ra rằng ông vẫn sống. Ông đã làm một việc rất phải lúc bởi bà mẹ suýt nữa thì tưởng ông là ma khi nhìn thấy ngay trước cửa nhà mình một thân hình tiều tụy, đầu tóc và áo quần bê bết những máu và chắc rằng cái thân hình ấy vừa chạm phải oai phong của thần chết. Bà mẹ nhận ra ông, mang cho ông một tấm áo khoác để ông mặc tạm trong khi đợi cho quần áo ướt hong trên bếp khô hẳn. Rồi bà đưa nước nóng cho

ông rửa vết thương, và cái vết thương ấy thực ra chỉ là một vết sây sát ngoài da, và còn cho ông một mảnh vải để ông băng đầu. Sau đó bà cho ông uống một tách cà phê đen không đường, như người ta vẫn thường nói với bà: những người thuộc dòng họ Buendía chỉ uống thứ cà phê đó. José Arcadio Segundo lặng lẽ uống hết cà phê.

Có lẽ đến ba nghìn người chứ không ít, – ông nói lẩm nhẩm.

Cái gì vậy? – Những người chết, – ông nói. – Có lẽ tất cả những ai có mặt tại sân ga đều bị bắn chết hết.

Với ánh mắt thương hại bà mẹ nhìn ông vẻ dò hỏi.

“Ở đây, không có nhiều người chết như thế”, bà nói, “Kể từ thời mồ ma ngài

đại tá, cái ông trẻ của ông ấy mà, ở Macondo không có chuyện gì xảy ra cả”.

Trước khi về tới nhà mình, José Arcadio Segundo đã ghé thăm ba gia đình, gia đình nào cũng nói với ông một điều duy nhất: “Không có nhiều người chết như thế”. Ông vượt qua sân ga, nhìn thấy những bàn bán thức ăn chồng chất lên nhau và ngay tại đây ông cũng không thấy một dấu vết nào của vụ thảm sát. Dưới trời mưa nặng hạt, phố xá im lìm vắng ngắt, các nhà đều đóng cửa im ỉm, không hề có một biểu hiện nhỏ của cuộc sống ở bên trong. Chỉ có tiếng chuông nhà thờ gọi con chiên đi lễ là hoạt động duy nhất của con người. Dừng ngay ở cửa nhà đại tá Gavilán, ông gọi. Một phụ nữ có thai, người ông từng gặp gỡ nhiều lần, khi nhìn thấy ông liền đóng sập ngay cửa lại. “Đi vắng”, bà ta trả lời với vẻ đầy

sợ hãi: “về quê rồi”. Cửa chính dẫn vào khu nhà hộp được rào dây thép gai xung quanh, như thường lệ, đã được những tên dân vệ mặc áo khoác đội mũ cối lợp vải nhựa, như những tượng đá đứng gác dưới trời mưa. Trên những phố nhỏ của mình, bọn người da đen vùng Antidat đang đồng thanh hát thánh ca. José Arcadio Segundo nhảy qua hàng rào trước sân nhà rồi theo lối nhà bếp vào nhà. Bà Santa Sofía de la Piedad chỉ kịp thốt lên “Chớ để Fernanda nhìn thấy con”. Bà bảo: “Nó vừa mới dậy xong”. Như một thỏa thuận hiển nhiên, bà đưa con trai mình vào phòng để những cái xô, sửa lại chiếc giường khắp khênh của cụ Melquíades để cho con mình dùng rồi vào lúc hai giờ chiều trong khi Fernanda đang ngủ trưa bà đưa qua cửa sổ vào cho con trai mình một đĩa cơm. Aureliano Segundo ngủ lại ở nhà vì cơn mưa bất thành

lĩnh đồ xuống đã giữ ông lại, và đến tận ba giờ chiều ông vẫn đợi trời tạnh. Vì được Santa Sofía de la Piedad bí mật báo cho biết nên cũng vào giờ này ông đến thăm người anh em sinh đôi của mình ở phòng cụ Melquíades. Ông cũng không tin vào câu chuyện về vụ thảm sát cũng như con tàu chở người chết nặng nề bỏ về phía biển. Đêm trước người ta đã đọc một bản thông cáo đặc biệt để báo cho mọi người biết rằng những người công nhân đã tuân lệnh giải tán khỏi nhà ga và họ đã lập thành từng đoàn người hiền lành rồi đi về nhà mình. Bản thông cáo còn cho biết rằng các nhà lãnh đạo công đoàn, với một tinh thần yêu nước cao, đã rút bớt các yêu sách của mình lại thành hai điểm: cải tiến cách phục vụ y tế và xây dựng chuồng tiêu ở các khu lán trại cho công nhân. Sau đó người ta còn thông báo thêm rằng khi các quan chức

quân đội nhận được lá đơn của những người lao động bèn vội vàng cấp báo cho ngài Brown biết, và rằng ngài không chỉ chấp thuận những yêu sách mới mà còn xuất tiền chi ba ngày hội để mừng cuộc xung đột đã được giải quyết ổn thoả... Chỉ phiền nỗi rằng khi các quân nhân hỏi ngài liệu ngày nào có thể thông báo việc lá đơn đã được ký thì ngài nhìn bầu trời nhè nhằng những tia chớp hiện qua khung cửa sổ, và ngài làm một động tác không dứt khoát: – Khi nào trời tạnh đã, – ngài nói. – Chúng tôi sẽ đình chỉ mọi hoạt động khi trời còn mưa.

Đã ba tháng trời không mưa và lúc này đang ở mùa khô. Nhưng khi ngài Brown tuyên bố quyết định của mình thì trận mưa rào đã đổ xuống khắp vùng Công ty chuối và José Arcadio Segundo đã bị mưa trên đường trở về Macondo.

Một tuần lễ sau trời vẫn mưa. Lời giải thích chính thức, vốn được lặp đi lặp lại hàng ngàn lần và được lan truyền nằm trong tay chinh phủ, đã làm cho mọi người tin rằng không có người chết, những người lao động thỏa lòng thỏa dạ đã trở về với gia đình mình và Công ty chuối đã ngừng mọi hoạt động trong lúc trời mưa. Luật giới nghiêm vẫn tiếp tục được thi hành để đề phòng khi cần phải áp dụng những biện pháp khẩn cấp nhằm tránh những thiệt hại chung do mưa dai dẳng không dứt cơn gây ra, quân đội vẫn đóng đồn ở Macondo. Ban ngày bốn lính, quần xắn tới bẹn, đi lại ngoài đường nước chảy như thác để chơi trò vớt người chết đuối với trẻ em. Ban đêm, sau khi lệnh báo giới nghiêm vang lên, chúng sục sạo mọi nhà, dùng bóng súng nện tung cửa, bắt những người bị tình nghi đang nằm trên giường rồi lôi họ đi

biệt tích. Đó là thời kì truy lùng và tiêu diệt nốt “những tên gây rắc rối”, “những tên giết người, đốt nhà”, bị Sắc luật số bốn trừng trị, nhưng bọn quân nhân lại chối phắt những hành động bắt bớ, giết chóc của chính mình trước những thân nhân của những người bị nạn, khi những người này tới văn phòng các sở chỉ huy để hỏi tin tức. “Chắc chắn đó chỉ là một giấc mơ thôi”, các sĩ quan nói. “Ở Macondo đã không xảy ra, hiện thời không xảy ra và sẽ không bao giờ xảy ra những chuyện giết chóc bắt bớ khủng khiếp cả. Đây là một thị trấn hạnh phúc mà”. Họ đã kết thúc việc tiêu diệt các nhà lãnh đạo công đoàn như thế đấy.

Người sống sót duy nhất là José Arcadio Segundo. Có một đêm tháng hai, tiếng súng nổ vào cửa không thể nhầm lẫn được bỗng vang lên ở ngoài

hiên. Aureliano Segundo, người vẫn đợi cho trời tạnh để ra đi, đã mở cửa cho sáu tên lính dưới sự chỉ huy của một sĩ quan. Người ướt sũng nước mưa, lấm lì không nói lấy một lời, chúng lục soát rất kỹ ngôi nhà: lần lượt từng phòng một, lần lượt từng chiếc tủ một, lục từ các phòng khách đến tận kho lương thực. Úrsula thức dậy khi đèn phòng bật sáng, và cụ không thở dài nào nuốt trong khi bọn lính lục soát, nhưng cụ vẫn giữ những ngón tay làm dấu thánh giá hướng nó về phía bọn lính đang làm việc. Santa Sofía de la Piedad đã kịp báo trước cho José Aureliano Segundo đang ngủ trong phòng cụ Melquíades, nhưng ông hiểu rằng nếu định chạy trốn lúc này thì quá chậm mất rồi. Vậy là Santa Sofía de la Piedad lại khóa cửa phòng lại, và ông mặc áo, đi giày, ngồi trên giường đợi chúng đến. Trong lúc ấy, bọn lính đang lục soát

ở xưởng kim hoàn. Viên sĩ quan ra lệnh mở then cài và với luồng sáng ngọn đèn pin lia nhanh loang loáng y đã nhìn thấy chiếc bàn làm việc, chiếc tủ kính với các chai lọ đựng a-xít cùng những dụng cụ làm việc vẫn nguyên chỗ do chủ chúng đã sắp đặt, và hình như y hiểu rằng ở phòng ấy không có ai ở. Tuy nhiên, y ranh mãnh hỏi Aureliano Segundo rằng có phải ông là thợ kim hoàn không, và ông này đã trả lời y rằng phòng ấy từng là xưởng kim hoàn của đại tá Aureliano Buendía. “A hử” viên sĩ quan đằng hắng, rồi y bật đèn và ra lệnh lục soát thật cẩn thận căn phòng đến mức mười tám chú cá vàng chưa tôi và được đựng trong một hộp sắt tây giấu ở đằng sau các chai a-xít không thể thoát khỏi mắt chúng. Viên sĩ quan kiểm tra kỹ từng con một ở trên chiếc bàn làm việc, và lúc này y hoàn toàn nhân hậu. “Tôi muốn lấy một

con, nếu ông đồng ý cho”, y nói: “Có một thời những con cá vàng này là ám hiệu của những kẻ nổi loạn, nhưng giờ đây chúng là một di tích đấy”. Y trẻ măng, gần như hãy còn trong tuổi thiếu niên, hồn nhiên với cái vẻ thân mật tự nhiên cho đến lúc này mới lộ rõ. Aureliano Segundo tặng y một con cá vàng. Viên sĩ quan cất nó vào túi áo sơ mi, còn những con khác y lại để vào hộp sắt tây rồi cất hộp vào đúng chỗ cũ. – Đó là một kỉ vật vô giá, – y nói. Đại tá Aureliano Buendía là một trong những vĩ nhân của chúng ta. Tuy nhiên, cái tia chớp nhân bản vừa lóe sáng ấy không làm thay đổi cách xử sự vốn có của y. Trước cửa buồng cụ Melquíades, vừa mới được cài then lại, Santa Sofía de la Piedad lại cầu cứu tới niềm hi vọng cuối cùng. “Thưa, gần một thế kỉ nay, không ai sống trong phòng này cả ạ”, bà nói. Viên sĩ quan vẫn ra

lệnh mở cửa, y lia đèn pin khắp phòng, Aureliano Segundo và Santa Sofía de la Piedad nhìn thấy đôi mắt Ả-rập của José Arcadio Segundo vào lúc ánh đèn pin rọi thẳng vào mặt ông và họ hiểu rằng đó là điểm kết thúc của một nỗi đau khổ, đồng thời là điểm mở đầu của một nỗi đau khổ khác mà chỉ có thể được an ủi trong sự nhẫn nhục chịu đựng. Nhưng viên sĩ quan vẫn tiếp tục chiếu đèn pin lục tìm khắp phòng và không để lộ một dấu hiệu thích thú nào cho đến khi nhìn thấy bảy mươi hai cái bô úp trên các giá kệ. Thế là y bật đèn. José Arcadio Segundo đã ngồi ở mép giường, sẵn sàng ra đi với vẻ nghiêm trang và suy tư hơn bao giờ hết. Ở phía trong nữa là các, kệ sách với những cuốn sách bong gáy, những cuộn giấy da thuộc, và chiếc bàn viết vẫn gọn gàng và sạch sẽ, mực trong lọ vẫn tươi màu. Căn phòng vẫn giữ nguyên không

khí trong lành và thoáng đãng, vẫn giữ nguyên vinh dự chống trả bụi bặm và sự phá phách mà Aureliano Segundo từng nhìn thấy ở tuổi thiếu thời và chỉ một mình đại tá Aureliano Buendía là người không thể nhìn thấy. Nhưng viên sĩ quan chỉ để ý tới những cái bô.

Có bao nhiêu người sống ở trong ngôi nhà này? – y hỏi.

Năm người.

Rõ ràng viên sĩ quan không hiểu được. Y dừng mắt ở nơi mà lúc này Aureliano Segundo và Santa Sofía de la Piedad đang chăm chú nhìn vào. Đó là nơi José Arcadio Segundo đang ngồi và ông này cũng hiểu rằng viên sĩ quan đang nhìn mình mà không thấy mình. Sau đó y tắt đèn và khép cửa buồng lại. Khi y nói chuyện với bọn lính, Aureliano Se-

gundo hiểu rằng viên sĩ quan đã nhìn căn buồng với chính đôi mắt mà đại tá Aureliano Buendía từng nhìn.

Quả là không có ai sống trong căn phòng ấy ít ra cũng đã một thế kỉ này – viên sĩ quan nói với bọn lính. – Trong đó có lẽ chỉ có rắn độc ở thôi.

Vào lúc cánh cửa buồng đóng lại, José Arcadio Segundo nhận thức rõ ràng rằng cuộc chiến tranh của ông đã kết thúc. Những năm trước đây, đại tá Aureliano Buendía đã nói với ông về niềm vui chiến tranh và ngài định chứng minh nó bằng những ví dụ nhiều vô kể được rút từ chính kinh nghiệm sống của ngài. Ông đã tin ngài. Nhưng cái đêm bọn lính nhìn ông mà không thấy ông, trong lúc nghĩ đến tình hình căng thẳng những tháng gần đây, đến nỗi cực khổ trong nhà tù, đến nỗi kinh hoàng

ở ngoài sân ga, đến con tàu chở người chết, José Arcadio Segundo đã đi đến kết luận rằng đại tá Aureliano Buendía chỉ là một thằng hề hoặc một thằng hèn không hơn không kém. Ngài đã không hiểu rằng ngài đã phải dùng quá nhiều lời lẽ để diễn tả cái ngài cảm nhận được trong chiến tranh mà không biết rằng chỉ cần một từ thôi đã đủ để diễn đạt nó rồi. Từ đó là nỗi sợ hãi. Trái lại, trong căn phòng của Melquíades, được bảo vệ bởi ánh sáng siêu tự nhiên, bởi tiếng mưa rơi rầm rì và bởi cảm giác mình là người không thể bị nhìn thấy, José Arcadio Segundo đã được sống trong sự nghỉ ngơi mà ông không có nổi trong quãng đời trước đây với một nỗi sợ hãi lớn vờn đây đó trong ông, đó là nỗi sợ bị người ta chôn sống mình. Ông đem điều đó nói lại với Santa Sofía de la Piedad, người vẫn mang cơm đều đặn một ngày hai lần

vào cho ông, và bà hứa với ông rằng bà sẽ cố sống cho tới khi sức tàn lực kiệt để đảm bảo chắc chắn rằng ông sẽ được chôn khi đã chết thật rồi. Nhờ thoát khỏi mọi sợ hãi, José Arcadio Segundo lại cúi đầu đọc những tờ giấy da thuộc của cụ Melquíades, và càng hào hứng đọc bao nhiêu thì ông hiểu chúng càng ít hơn. Do đã quen với tiếng mưa rả rích mà khi kéo dài được hai tháng nó đã trở thành một hình thức yên tĩnh mới, cái duy nhất khuấy động nỗi cô đơn của ông lại là việc ra vào của Santa Sofía de la Piedad. Bởi vậy ông đã xin bà hãy để cơm cho mình ở ngoài bậc cửa sổ và hãy khóa trái cửa buồng lại. Những người khác trong gia đình đã quên ông, kể cả Fernanda vốn không tán thành để ông sống ở trong ấy khi bà ta biết rằng bọn lính đã nhìn ông mà không thấy ông. Khi José Arcadio Segundo tự giam mình ở trong phòng

được sáu tháng rồi, và bây giờ là lúc bọn lính đã rút khỏi Macondo, Aureliano Segundo tháo then cửa buồng để tìm người nói chuyện trong lúc đợi trời tạnh mưa. Kể từ khi mở cửa, ông cảm thấy ngọt ngào bởi mùi hôi bốc lên từ những chiếc xô đầy ứa phân và nước giải đặt ở dưới sàn nhà. José Arcadio Segundo bị nước ăn da, không hề biết đến cái khung cảnh buồn bã do mưa gây nên, vẫn mãi mê đọc đi đọc lại thứ văn chương khó hiểu viết trên những tấm da thuộc. Ông được một luồng ánh sáng thiên thần soi sáng. Hầu như ông vừa ngược mắt lên khi nghe thấy cánh cửa mở thì ánh mắt ấy cũng đã đủ để người anh em sinh đôi của ông nhìn thấy số phận cố hữu của cụ cố nội đã được lặp lại trong nó.

Hơn ba ngàn người, – đó là tất cả những gì José Arcadio Segundo nói. –

Bây giờ thì tôi đã hiểu chắc như đinh đóng cột rằng đó là tất cả những người có mặt ở ngoài sân ga.

CHƯƠNG 16

Mưa suốt bốn năm mười một tháng hai ngày. Có dạo mưa phùn rả rích đến nỗi hết thấy mọi người ai ai cũng mặc đồ tế lễ và làm ra mặt nghiêm trang để cầu khẩn cho trời tạnh, nhưng chẳng bao lâu người ta đã làm quen với cảnh tạnh ráo tạm bợ báo trước những trận mưa dai dẳng hơn sẽ tới. Bầu trời như vỡ ra trong cơn bão táp sầm sập và từ phương Bắc, những trận cuồng phong ập tới lật tung các mái nhà, quật

đổ các bức tường và cuốn phăng những dây nho cuối cùng còn lại trên các cánh đồng. Giống như hồi xảy ra dịch mất ngủ mà lúc này Úrsula đang nhớ lại, dường như tai họa này xảy ra là để trừng phạt họ bằng lối sống nhàm chán. Aureliano Segundo là một trong số những người chịu làm việc hơn cả để không chịu rơi vào cảnh ăn không ngồi rồi. Ông đã trở về nhà nhận một vài việc vặt trong cái đêm ngài Brown hô phong hoán vũ gây ra cảnh mưa gió và Fernanda đã tìm giúp cho ông chiếc ô cũ trong một chiếc tủ. “Không cần”, ông nói: “Anh ở lại đây cho đến khi tạnh mưa”. Tất nhiên đó không phải là một lời hứa chắc như đinh đóng cột, nhưng ông đã thực hiện đúng như vậy. Vì quần áo ông để cả ở nhà Petra Cotes, nên cứ ba ngày ông thay quần áo ngoài một lần, và mặc quần đùi cho đến khi quần áo giặt khô. Để khỏi buồn chán,

ông lao vào việc sửa chữa vô số những thứ hư hỏng trong nhà: lúc thì gắn lại cái bản lề, tra dầu vào ổ khóa, lúc thì vặn lại những chiếc đinh ốc, nắn lại những chiếc đinh khuy. Trong vài tháng liền, người ta thấy ông lượn lờ đây đó khắp nhà với bộ đồ nghề của người digan bỏ quên từ lúc sinh thời cụ cố José Arcadio Buendía, và không một ai biết rằng ông làm như vậy là do miễn cưỡng phải hoạt động hay vì mùa đông khiến ông buồn chán, hoặc vì ông tự buộc mình phải ăn chơi có điều độ. Ông đam mê làm việc tới mức cái bụng phệ của ông ngày một teo tóp đi, nó cứ nhăn nhúm lại như một tấm da, và khuôn mặt bầu bĩnh rất đẹp như mu rùa của ông dần dần kém sắc, cái cằm sệ của ông cũng ngày một bớt sệ xuống cho đến khi ông đỡ phì nộn hơn và lại có thể cúi xuống buộc được giày giày. Trong lúc nhìn ông gắn lại các bản lề, tháo những

chiếc đồng hồ, Fernanda tự hỏi lòng phải chẳng ông chồng mình cũng đang mắc cái bệnh làm để rồi phá như đại tá Aureliano Buendía làm những con cá vàng, như Amaranta đơm cúc và may tấm vải liệm, như José Arcadio Segundo đọc những chữ ghi trên tấm da thuộc và như Úrsula nhớ lại những kí ức đời mình. Nhưng không hẳn là như vậy. Điều tệ hại hơn cả là mưa đã làm thay đổi tất cả, ngay đến những chiếc máy vốn khô là thế cũng lên meo lồm đồm nếu ba ngày không tra dầu, những sợi dây thép và những tấm lưới đồng han rỉ hết, quần áo ướt mọc rêu xanh. Không khí quá ư ẩm ướt đến mức cá có thể bơi lội trong đó để qua cửa chính vào nhà và khi ra thì qua các cửa sổ. Có một buổi sáng nọ, Úrsula thức dậy cảm thấy mình đang xỉu đi, đã đòi đưa cụ đến cha xứ Antonio Isabel dù phải đi bằng cang cũng được, thì cũng

lúc ấy Santa Sofía de la Piedad thấy trên lưng cụ đầy những đĩa bằm. Người ta phải lấy những mẩu con cháy đỏ than chàm vào chúng để gỡ từng con một trước khi chúng hút hết máu cụ. Phải đào nhiều mương rãnh để tiêu nước trong nhà và quét cho sạch những con cóc, những con ốc, để có thể lau khô sàn nhà, vứt bỏ những viên gạch kê dưới chân giường và một lần nữa được đi giày trong nhà. Mãi mê vui thú với biết bao nhiêu công việc nhỏ nhặt đang hấp dẫn mình, Aureliano Segundo không biết rằng mình đang già đi cho đến một chiều nọ, ông đã nhận ra mình trong lúc ngồi trên chiếc ghế xích đu ngắm nhìn buổi chiều đến sớm mà lòng dửng dưng nhớ tới Petra Cotes. Không hề có gì cản trở ông trong việc trở về với tình yêu nhạt nhẽo của Fernanda, mà sắc đẹp của bà lúc này đã lặn đi sau vẻ chín chắn của

tuổi tác, nhưng mưa đã giải thoát ông khỏi tất cả những cơn hứng tình đột ngột và nó đã truyền cho ông tình yêu điềm tĩnh không háo hức. Ông vui với cơn mưa dầm dề đã gần được một nạm mà nghĩ đến các việc ông có thể làm trong những ngày tháng trước đây ông từng là một trong số những người đầu tiên mang tôn lá về Macondo, trước khi Công ty chuối biến việc dùng tôn lá thành một cái mốt, và ông chỉ dùng chúng để lợp phòng ngủ cho Petra Cotes và thích thú nằm nghỉ dưới mái tôn trong cảm hứng thân thiết sâu sắc mà thời kì đó mưa rơi gõ lanh canh lên chúng đã gọi cho ông. Nhưng ngay cả đến những kỉ niệm điên rồ của thời thanh niên thác loạn ấy cũng không làm cho ông vui lên được. Trong bữa chè chén gần đây nhất, ông đã để mất đi cái hứng thú dâm bôn của mình. Ở ông chỉ còn lại niềm vui duy nhất là

với một thái độ dửng dưng, tổ chức các bữa ăn nhậu. Có thể nghĩ rằng mưa lụt đã tạo điều kiện cho ông ngồi mà ngâm nghĩ, và công việc lật vật với kim và lọ dầu nhòn đã đánh thức những nỗi tiếc muộn màng trong ông về các nghề nghiệp thiết thực ông có thể làm nhưng đã không hề làm trong cuộc đời mình, tiếc rằng không một nghề nào là cụ thể, bởi vì nguyện vọng muốn được ngồi yên và công việc gia đình từng kích thích ông không phải là kết quả của một sự suy nghĩ cũng chẳng phải là một bài học kinh nghiệm đã được ông rút ra. Nỗi hoài nhớ ấy được đào lên bởi mùa mưa đến với ông từ rất xa, từ những ngày ông ngồi đọc ở trong phòng cụ Melquíades những câu chuyện huyền thoại về chiếc thảm bay và chú cá voi khổng lồ nuốt chửng cả tàu thuyền. Đó cũng là những ngày thẳng bé Aureliano xuất hiện ở ngoài hành lang

do một sự sơ suất của Fernanda và nhờ đó ông ngoại đã biết được nguồn gốc của nó. Ông cắt tóc, mặc quần áo cho nó, dạy nó làm quen với đám đông, rồi chẳng bao lâu thằng bé đã có diện mạo của một Aureliano Buendía đích thực: cũng hai gò má cao, cũng ánh mắt nhìn thẳng thốt, cũng vẻ cô đơn của mình. Đối với Fernanda đó là một sự nghỉ ngơi. Đã có lần bà suy tính tới danh dự to lớn của mình nhưng bà vẫn chưa tìm được cách nên lí giải như thế nào, bởi vì càng nghĩ tới các giải pháp bà càng cảm thấy chúng ít thuyết phục hơn. Do biết rằng Aureliano Segundo sẽ xử mọi việc như đã xử sự, nghĩa là với tất cả sự thích thú của người ông ngoại, bà đã không theo dõi và ngăn cấm cậu bé khắt khe như trước nữa mà trái lại kể từ năm ngoái bà đã giải thoát nó khỏi nỗi nhục nhã. Đối với Amaranta Úrsula lúc này đã thay rằng

sữa, thằng cháu như một thứ đồ chơi biết chạy nhảy sẽ mua vui cho mình trước cảnh mưa dầm dễ buồn bã. Lúc này Aureliano Segundo nhớ tới bộ bách khoa bằng tiếng Anh để trong phòng ngủ của Meme. Trước tiên ông cho bọn nhóc xem tranh ảnh, đặc biệt là tranh ảnh vẽ con vật, sau đó cho chúng xem các bản đồ và ảnh các nước xa xôi và cổ xưa, các vĩ nhân. Vì ông không biết tiếng Anh và vì hầu như ông chỉ biết các thành phố quen thuộc nhất và các nhân vật hay được nói đến nhiều nhất, ông liền phịa ra các tên và chuyện huyền thoại để thỏa trí tò mò của đám trẻ. Fernanda thật dạn tin rằng chồng bà đợi cho trời tạnh để rồi trở về nhà nhân tình. Trong những tháng mưa đầu tiên bà sợ rằng ông ta sẽ lần mò tới phòng ngủ của mình và rằng bà sẽ xấu hổ chết được khi phải cho ông biết rằng mình hoàn toàn không còn khả

năng để chiều theo ý ông ngay từ khi sinh bé Amaranta Úrsula. Đó là nguyên nhân của mối quan hệ thư từ tha thiết với các thầy thuốc không thể nhìn thấy, một quan hệ đã bị đường thư thường xuyên thất thường làm cho gián đoạn. Trong những tháng đầu, khi được biết rằng tàu hỏa bị lật bánh vì mưa bão, một bức thư của các thầy thuốc không thể nhìn thấy đã báo cho bà biết rằng thư của bà bị thất lạc hết đã không đến tay họ. Sau đó, khi các quan hệ với những người nhận thư xa lạ bị gián đoạn hoàn toàn, bà nghiêm chỉnh nghĩ đến cách phải đeo tấm mặt nạ con hổ mà chồng mình đã đeo trong vũ hội Carnival đầm máu ấy, với một cái tên mạo xưng để nhờ các thầy thuốc Công ty chuối khám bệnh cho. Nhưng một trong số những người vẫn thường mang đến nhà này đủ mọi tin tức bất hạnh về trận mưa lụt đã báo

cho bà biết rằng Công ty chuối bãi bỏ mọi hoạt động của các cơ sở phúc lợi của nó ở Macondo để chuyển tới vùng đất tạnh ráo. Thế là bà mất hết mọi hi vọng. Bà quyết chí ngồi chờ cho đến khi tạnh ráo và đường thư được lập lại bình thường, và trong lúc đó bằng cách an ủi, bà xoa dịu những cơn đau thâm lặng của mình, bởi vì bà đã thề rằng thà chết chứ không chịu rơi vào tay viên thầy thuốc duy nhất hành nghề ở Macondo, một người Pháp quái dị chuyên sống bằng các thứ rau cỏ vốn dùng để nuôi lừa. Bà lân la đến gần Úrsula vì tin rằng cụ già trăm tuổi này có thể biết phương thuốc nào đó ngõ hầu làm giảm những cơn đau đến lả người của mình. Nhưng thói quen không gọi tên sự vật bằng chính tên nó đã đưa bà đến việc dùng tráo các khái niệm để đỡ thẹn thò hơn; đáng lẽ nói đằng trước bà lại nói đằng sau, đáng lẽ

nói về việc chữa đẻ bà lại nói về việc bài tiết, đáng lẽ nói đến cảm giác choáng váng bà lại nói đến cảm giác nóng rát. Vậy là việc đánh tráo khái niệm trong lúc miêu tả các triệu chứng lâm sàng của bà đã làm cho Úrsula đi đến kết luận đáng tin rằng những cơn đau ấy không phải là đau tử cung mà là đau đường ruột và cụ khuyên bà nhịn ăn để dùng thuốc tẩy. Nếu không phải là thứ bệnh chẳng có gì đáng phải xấu hổ ấy và nếu thư từ của bà không bị thất lạc, thì mùa đối với Fernanda chẳng có ý nghĩa quan trọng gì vì rằng cuối cùng cuộc đời đối với bà cũng buồn bã chẳng khác gì trời đang dầm dề mưa. Bà không thay đổi giờ giấc cũng không bỏ bê các buổi cầu kinh. Khi chiếc bàn ăn còn phải kê chân trên những viên gạch xếp chồng lên nhau, và những chiếc ghế ngồi vẫn phải đặt trên những tấm ván để khách ăn khỏi ướt chân, bà vẫn

trải những tấm vải lanh và đặt lên bàn bộ đồ ăn bằng sứ Tàu và đến bữa ăn tối bà vẫn thấp sáng những cây đèn cắm nến, bởi vì bà cho rằng không thể lấy tai họa để làm cớ cho việc buông lỏng các tập quán. Không một ai thò mặt nhìn ra đường. Nếu bị phụ thuộc vào Fernanda thì họ sẽ chẳng bao giờ thò đầu nhìn ra đường, không chỉ từ khi trời bắt đầu mưa mà từ trước đó rất lâu, bởi bà ta cho rằng cửa rá được làm ra là để đóng kín nhà lại, và thói tò mò về những chuyện xảy ra ngoài đường là thói xấu của bọn ở điểm. Tuy nhiên, chính bà lại là người đầu tiên trong gia đình đã thò đầu nhìn ra đường khi người ta loan báo đám tang của đại tá Gerineldo Márquez đang đi qua, dấu rằng cái điều bà nhìn thấy qua cửa sổ hé mở đã đưa bà đến tình trạng xấu hổ mà đã từ lâu bà ân hận vì sự hèn yếu của mình. Chưa hề thấy một đám tang nào

buồn bã hơn đám tang này. Người ta đặt cỗ quan tài trong túp lều lá chuối dựng trên một chiếc xe bò, nhưng vì mưa quá nặng hạt và đường sá lầy lội bùn, đến mức cứ mỗi bước đi các bánh xe lại bị sa lầy và cái túp lều ấy xiêu vẹo suýt nữa thì đổ. Những giọt nước buồn bã rơi trên cỗ quan tài dần dần làm ướt sũng lá cờ phủ bên trên, và thực tế đó là lá cờ vấy bẩn máu và bụi trường chinh, và nó đã từng bị các cựu chiến binh danh dự nhất từ chối. Trên nắp cỗ quan người ta còn đặt cả thanh kiếm với các tua ngù bằng lụa, chính là thanh kiếm mà đại tá Gerineldo Márquez treo lên giá mắc áo ở phòng khách để bước vào phòng máy may của Amaranta. Đằng sau chiếc xe bò là những người sống sót cuối cùng sau khi ký hiệp định Neerlandia, có một số đi chân đất còn tất cả mọi người đều xắn quần ngang bẹn, bì bõm lội trong bùn, một tay mang

chiếc ba-toong, tay kia mang vòng hoa giấy bị nước mưa làm cho phai màu. Bọn họ xuất hiện như hình ảnh không có thực trên con đường vẫn mang tên đại tá Aureliano Buendía và tất cả đều nhìn vào nhà Buendía khi họ đi qua, rồi họ rẽ ngoặt qua quảng trường, ở đây họ phải cầu cứu mọi người giúp tay vì xe bị sa lầy. Úrsula đã được Santa Sofía de la Piedad dìu ra tới cửa. Cụ chăm chú theo dõi mọi diễn biến của đám tang đến mức không một ai nghi ngờ rằng cụ đang nhìn, nhất là vì cái cánh tay thánh của cụ cứ chỉ trở theo đám tang.

Tạm biệt nhé, Gerineldo con trai ta, – cụ gào. – Hãy thay ta chào những người thân của ta và bảo với họ rằng chúng ta sẽ gặp nhau khi trời tạnh ráo.

Aureliano Segundo giúp cụ đi về giường và với thái độ trêu chọc thường

có, ông hỏi cụ ý nghĩa của lời từ biệt ban này.

Thật đấy cụ nói. – Ta chỉ đợi cho trời tạnh ráo để chết mà.

Quang cảnh trên các đường phố khiến Aureliano Segundo phải tỉnh ngộ. Vì lo lắng quá muộn màng cho số phận của đàn gia súc, nên ông đã đội tấm vải sơn và vôi vàng đi đến nhà Petra Cotes. Ông gặp ả ở ngoài sân, ngâm nước tới ngang lưng đang cố đẩy xác chết một con ngựa đi nơi khác. Aureliano Segundo cầm lấy một cái thang chèn cửa giúp ả đẩy xác con vật và cái xác chết trương khổng lồ này xoay trong một vòng rồi bị dòng nước ngẫu bùn cuốn phăng đi. Kể từ khi trời bắt đầu mưa, Petra Cotes không làm việc gì khác hơn là lùa xác những con vật chết cho nước cuốn đi khỏi sân nhà mình. Trong các tuần đầu, ả nhắn tin cho

Aureliano Segundo để ông lấy làm trọng mà về, và ông đã trả lời rằng chưa vội gì, rằng tình huống chưa đáng phải lo lắng lắm, rằng khi nào trời tạnh sẽ nghĩ cách khác. Ả nhấn đến tai ông rằng các ruộng cỏ cho ngựa ăn đã bị ngập nước, rằng đàn gia súc đã chạy ráo lên các miền đất cao, và ở đấy chúng đang không có cái ăn và phải làm mồi cho hổ và dịch bệnh. “Không cần phải làm gì cả”, Aureliano Segundo trả lời ả: “Khi nào trời tạnh ráo chúng lại đẻ ra vô khối, lo gì”. Petra Cotes đã nhìn thấy gia súc chết hàng đàn hàng đàn và hầu như ả không đủ sức để xả xác những con còn mắc cạn. Với thái độ bất lực, ả hậm hực nhìn nạn lụt đã phá không thương tiếc cả một gia sản như thế nào, một gia sản từng có thời được coi là lớn nhất và đảm bảo nhất ở Macondo và giờ đây nó chỉ còn lại một mùi thối khản khản. Khi Aureliano Se-

gundo quyết định trở về để xem điều gì đã xảy ra, ông chỉ còn thấy xác chết một con ngựa đực và một con lừa cái gầy còm còn sống đang bị nhốt trong cái chuồng ngựa đổ nát. Petra Cotes nhìn ông trở về mà không hề thảng thốt, không hề mừng vui, cũng chẳng rầu rĩ, và hơn nữa, hầu như ả còn nhoẻn một nụ cười khẩy: – Về đúng lúc nhỉ,

ả nói. ả đã già khòm đi, xương hóc bày ra, đôi mắt xanh như mắt mèo, vì nhìn mưa mà trở nên ủ dột và hiền lành hơn. Aureliano Segundo ở lại nhà ả ba tháng liền, không phải vì ở đây ông thấy dễ chịu hơn ở nhà mình mà vì ông phải cần tới ngân ấy tháng mới quyết định đội lại tấm vải sơn để trở về nhà. “Không có gì phải vội vã”, ông nói như trước đây đã nói khi ở nhà mình, “chúng ta đợi trời tạnh trong những giờ tới”. Trong suốt

tuần đầu ông dần dần làm quen với cái vẻ tàn tạ mà thời gian và cơn mưa dầm dề đã gây nên cho sức khỏe của người tình và dần dần ông lại thấy ả như xưa, qua cách nhớ lại những niềm vui buồn thả của ả cũng như tính chất mẫn cảm như điên mà tình yêu của ả đã kích thích đàn gia súc, rồi một tối nọ trong tuần lễ thứ hai, phần vì tình, phần vì thích thú, ông đã cò kè để đánh thức ả dậy. Petra Cotes vẫn thờ ơ, không hào hứng. “Hãy ngủ yên nào”, ả nói thầm thì, “Những ngày này chẳng phải là lúc để chúng ta hú hí nữa đâu”. Aureliano Segundo nhìn mình trong tấm gương gắn trên trần nhà, nhìn sống lưng Petra Cotes giờ những chiếc xương sườn thiếu nảo, ông hiểu rằng ả có lí, và không phải vì thời gian mà chính vì họ lúc này đã quá thì rồi. Aureliano Segundo xách hòm xiềng của mình trở về nhà mà lòng đinh ninh tin chắc

rằng không chỉ một mình Úrsula, mà tất cả dân chúng Macondo, đang đợi cho trời tạnh ráo để chết. Khi đi ngang qua nhà ông đã nhìn thấy họ ngồi trong các phòng khách với ánh mắt đờ đẫn, hai tay ôm lấy đầu mà lắng nghe thời gian đang qua đi, đó là một thời gian trọn vẹn, một thời gian không hề hao phí, bởi vì thật là vô ích việc chia nó thành năm, tháng và chia ngày thành giờ khi người ta không thể làm gì khác hơn là ngồi ngắm mưa rơi. Bọn trẻ reo mừng đón Aureliano Segundo vì ông sẽ chơi cây đàn phong cầm đã long phím cho chúng nghe. Nhưng buổi hòa nhạc không lôi cuốn bọn trẻ như các buổi xem tử điển bách khoa, vậy là cha con, ông cháu họ lại kéo nhau tụ họp tại phòng ngủ của Meme, và ở đây trí tưởng tượng của Aureliano Segundo đã biến khinh khí cầu thành con voi bay đang tìm chỗ ngủ giữa các đám mây.

Có lần ông bắt gặp hình ảnh một người đàn ông cưỡi ngựa mà bất chấp bộ quần áo rất lạ ông ta mặc, ông vẫn nhận thấy cái dáng vẻ thân thuộc và sau khi kiểm tra kĩ ông đã đi đến kết luận đó là chân dung của đại tá Aureliano Buendía. Ông đem nó cho Fernanda xem, và bà ta cũng nhận thấy dáng vẻ bên ngoài của chàng kị sĩ không những chỉ giống đại tá mà còn giống tất cả các thành viên của gia đình này, mặc dù đây thực ra là chân dung một chiến binh người Tắc-ta. Rồi cứ thế ông để cho thời gian trôi đi trong lúc xem tượng đài

Roda² và những bức tranh kì thú về loài rắn, cho đến khi bà vợ báo cho ông hay rằng trong kho lương thực chỉ còn lại sáu kilô thit ướp và một tải gạo.

2 Tượng đài bề mặt trắng được dựng ngay ở cửa vào của Roda (thuộc Hy Lạp) là một trong bảy kì quan thế giới, đã bị động đất làm sập đổ.

Bây giờ em muốn anh làm gì nào? – ông hỏi.

Em không biết, – bà trả lời. – Cái đó là chuyện của đàn ông.

Thôi được, – Aureliano Segundo nói. – Sẽ làm một cái gì đó khi nào trời tạnh.

Ông vẫn mãi mê xem từ điển bách khoa hơn là lo lắng cho cái ăn hàng ngày, ngay cả khi buộc phải bằng lòng ăn thịt cày và một ít cơm vào bữa trưa. “Quả thật là lúc này không thể làm gì được”, ông nói: “Nhưng mưa không thể mưa suốt cả đời được”. Và trong lúc ông càng chậm trễ lo lắng cái ăn đang thúc bách bao nhiêu thì Fernanda càng nổi cơn tam bành kịch liệt hơn, kể cả những lời chửi bới, những câu văng tục ít thấy của bà cứ tuôn ra trong một cái thác không thể nào kìm được, nó bắt đầu từ sáng

sớm như một khúc dạo đầu đơn điệu của một cây đàn ghita, và nó tiến triển theo kiểu ngày cứ trôi đi thì nó càng cao giọng hơn, mỗi lúc một du dương hơn và hấp dẫn hơn. Aureliano Segundo vẫn chưa ý thức được những lời chửi bới như hát hay ấy mãi cho đến ngày hôm sau, sau bữa điểm tâm, khi ông cảm thấy khó chịu bởi tiếng vo ve mà lúc này nghe át cả tiếng mưa rơi và đó là Fernanda, người đang đi lại khắp nhà để ta thán rằng cha mẹ bà đã nuôi dạy bà như một bà hoàng để đến nỗi giờ đây bà là con ở trong một cái nhà toàn những người điên, với một ông chồng lười chảnh thây, lại trai lơ và buông tuồng, rằng ông ta lúc nào cũng nằm ngửa há miệng chờ sung rơi trong lúc bà phải thẳng da lưng trùng da bụng làm lụng để duy trì một gia đình sắp khánh kiệt, nơi phải làm việc nhiều, phải chịu đựng và phải chinh đốn lại kể từ khi

trời sáng cho đến khi đi nằm mà lúc lên giường mắt đã cộm lên nhức nhối, thế mà chẳng một ai hỏi đêm qua có ngủ ngon không Fernanda lấy một lời, cũng chẳng ai hỏi bà dù chỉ là xã giao thôi vì sao dạo này lại xanh xao thế, vì sao đôi mắt lại thâm quầng thế mặc dù rằng bà không đợi, dĩ nhiên rồi, rằng điều đó lại được thốt lên từ miệng một người nào trong cái gia đình vốn lúc nào cũng coi bà là một trở ngại, là một cái bã lau, là một con khỉ vẽ trên tường, và rằng cả nhà họ thi nhau lên tiếng nói xấu bà ở khắp nơi khắp chốn, để mà gọi bà nào là kẻ làm ra vẻ mộ đạo, là kẻ giả dối, là con thạch sùng, và ngay đến Amaranta, mà lúc này đã yên nghỉ, gay gắt bảo bà là kẻ tôm đội cút lên đầu, lạy Chúa tha tội cho, ôi ngôn từ gì mà quá thể thế, và bà đã cố gắng chịu đựng hết với sự nhẫn nhục vì ý định của Cha thánh thần, nhưng bà đã

không thể chịu đựng được hơn khi José Arcadio Segundo đều cáng nói rằng gia đình này khánh kiệt là do đã mở cửa rước mù gián điệp về, hãy tưởng tượng mà xem, ôi lạy Chúa, một mù gián điệp độc đoán, ôi lạy Chúa, một mù gián điệp mang dòng máu hạ đẳng, cùng một bản chất với những tên mật vụ được chính phủ phái tới để bắn giết những người lao động, hãy nói cho bà biết, và điều đó ám chỉ ai nếu không phải là ám chỉ bà, con gái nuôi của nữ công tước Alba, một mệnh phụ trâm anh thế phiệt từng đẻ ra các phu nhân tổng thống, một tiểu thư quý tộc đích thực như bà có quyền kí với mười một tên họ lưng lầy ở Tây Ban Nha, và rằng bà là người duy nhất ở cái làng của những đứa con hoang cảm thấy hãnh diện trước mười sáu bộ đồ ăn bày trên bàn để cho ngay sau đó con ở thông dâm với chồng bà cười như nắc nẻ nói rằng

nhiều thìa đĩa, dao ăn thế. kia chẳng phải là đồ ăn của các con chiên của Chúa mà là đồ ăn của loài rắn, và bà là người duy nhất nhắm mắt lại đã có thể khẳng định được khi nào thì phục vụ rượu màu, rót ở phía nào, vào cốc nào, chứ không như thói quen mùa của Amaranta, người đã yên nghĩ, lại cứ tưởng rằng rượu trắng uống vào buổi ban ngày còn rượu màu vào ban đêm, và bà là người duy nhất ở cả vùng duyên hải này khi ỉa đái thì ngồi vào bô vàng chứ không ngồi chồm hổm như những kẻ khác, để đến nỗi sau này đại tá Aureliano Buendía, người đã ngủ giấc ngàn thu, với buồng mật tẻ hại của bọn Tam điểm đã dám hỏi bà thói kiêu kì ấy khởi sự từ đâu, làm như thể bà không ỉa ra cứt mà ỉa ra hoa Astromelia³, các ông các bà hãy nghĩ mà xem, ngài lại

3 Một thứ hoa màu vàng có nhiều ở vùng đất Trung Mỹ quanh biển Ca-ri-bê.

nói những từ như thế đấy, và để cho Renata, chính con gái bà, mà do vô tình đã nhìn thấy phân của bà ở ngay trong phòng ngủ, đã trả lời rằng sự thật cái bó ấy bằng vàng có khảm gia huy nhưng cái có ở bên trong lại là cứt thật, nhưng còn tồi tệ hơn các thứ cứt đá khác, đó là cứt của con mụ gián điệp, các ngài hãy tưởng tượng mà xem, chính là con gái bà đấy, vậy là bà sẽ chẳng bao giờ còn trông mong vào một người nào của cái gia đình này, nhưng dù sao bà vẫn có quyền chờ đợi một chút coi trọng nào đó của chồng mình, bởi vì dù tất dù xấu thế nào đi nữa, ông là chồng bà, là tác giả của bà, là người phán định hợp pháp của bà, là người đã tự nguyện quàng lên cổ mình cái trọng trách dẫn bà ra khỏi nhà bố mẹ bà, vốn là nơi bà đan những chiếc mũ tang bằng lá cây palma, bởi vì cha đỡ đầu của bà đã gửi cho Aureliano Segundo một bức thư

tự tay người viết có in dấu chiếc nhẫn, chỉ để bảo ông rằng đôi tay cô con nuôi của người được tạo ra không phải để làm những công việc tầm thường ở cõi thế tục này, mà chỉ để đánh đàn tiểu phong cầm thôi, nhưng tuy nhiên, ông chồng gàn dở đã lôi bà ra khỏi nhà cùng với những lời dặn dò ấy nhưng đã đẩy ả bà vào xứ sở địa ngục nơi không thể thở được vì nóng bức, và trước khi bà làm xong việc kiêng kị trong lễ Hạ trần thì ông chồng đã xách va li và cây đàn phong cầm của những kẻ bợm nghịch đến chung chạ với một ả bất hạnh, người mà người ta đã nói chỉ cần nhìn bộ lông, đúng thôi, chỉ cần nhìn ả ngoáy bộ lông ngựa cái non là đã đoán được rằng ả là một, là một người đàn bà hoàn toàn trái ngược với bà – vốn là một mệnh phụ, – dù ở trong dinh phủ hay trong chuồng ngựa, dù ở trên bàn hay trên giường, ở

đâu cũng vậy vẫn cứ là một mệnh phụ quốc gia, vốn kính nể Thượng đế và là nô lệ của Người và vâng theo Người, và là người không thể đem so sánh, dĩ nhiên rồi, với các vũ nữ leo dây và cái bọn đàn bà lang thang lêu lổng hiển thân cho người khác, dĩ nhiên, đã hiển thân cho tất cả đàn ông, như những mục tử bà hành nghề theo mất Pháp, hoặc giả lại còn tồi tệ hơn, xin các ngài hãy nghĩ kĩ mà xem, bởi vì những con điểm theo mất Pháp này còn chút danh giá đã biết thấp ngọn đèn hồng ngay trước cửa để rước khách, ít ra là như thế, bọn đàn bà ấy không còn thiếu một thứ xấu xa nào, xin hãy tưởng tượng xem, và không thể đem họ so sánh với bà, vốn là người con gái duy nhất và được cưng chiều của Doña Renata Argote và Don Fernando del Carpio, trước hết là cụ bởi vì cụ là một ông thánh, một con chiên của những con chiên vĩ đại, là công

tử được tặng Huân chương Mộ chúa Giêsu, cụ thuộc vào lớp người trực tiếp nhận từ tay Thượng đế đặc ân khi chết thì thi hài được bảo tồn nguyên vẹn trong phần mộ với nước da mịn màng như nước da mỡ màng của cô gái đang thì yêu đương và đôi mắt tươi và sáng như màu ngọc lục bảo. – Điều đó không đúng, – Aureliano Segundo cắt ngang lời bà, – Khi được mang tới đây cụ đã thối ra rồi. Ông đã đủ kiên tâm nghe bà chửi suốt một ngày cho tới khi tóm được một chỗ nói sai làm bà giật mình. Fernanda không nghe lời ông, nhưng cũng phải chịu hạ giọng. Đêm ấy, trong lúc ăn tối, tiếng chửi đanh tai nhức óc của Fernanda đã bị tiếng mưa rơi át đi. Aureliano Segundo ăn rất ít, đầu cúi gằm xuống và ông đứng dậy lui về phòng ngủ sớm. Trong bữa điểm tâm ngày hôm sau, Fernanda run lẩy bẩy với dáng vẻ mệt mỏi

vì đêm qua kém ngủ và dường như bà hoàn toàn lơ đãng vì bức tức. Tuy nhiên, khi chồng bà hỏi liệu có thể được ăn trứng nóng không, thì bà không đơn giản trả lời rằng kể từ tuần trước nhà đã hết trứng rồi, mà lại nói rằng bà đã làm một bài văn tế đả kích kịch liệt đám đàn ông suốt ngày chỉ biết ngắm vuốt cái bụng thể mà lại dám đòi ăn gan chim chiến chiến đấy. Như thường lệ, Aureliano Segundo dẫn bọn trẻ đi xem tử điển bách khoa, và Fernanda vờ vịt vào phòng Meme dọn dẹp đồ đạc để chỉ thăm thì nói cho một mình ông nghe thôi: rõ ràng cái mặt thốt dám bảo bọn trẻ là đại tá Aureliano Buendía được in ảnh trong tử điển bách khoa đấy. Buổi chiều ngày hôm đó, trong lúc bọn trẻ ngủ, Aureliano Segundo ngồi ở ngoài hành lang thì Fernanda đã theo ông ra tận đấy, bằng lời chửi bới lầm rầm như tiếng nặng

xanh để mà khiêu khích ông, để mà xỉ vả ông, bảo ông rằng trong lúc nhà chẳng còn gì ngay đến cả đá để mà ăn thì chồng bà ngồi như một ông vua Ba Tư để ngắm mưa rơi, chỉ quen sống bám bọn đàn bà và sẵn lòng cười mụ vợ của thánh Jonah, người ngồi lặng yên nghe câu chuyện cá voi. Aureliano Segundo không nhúc nhích, cứ như một thằng điếc nghe bà chửi liên trong hai giờ. Ông không ngắt lời bà, cứ để bà chửi cho đến chiều tà, khi ông không thể chịu đựng hơn nữa cái tiếng kêu bong bong làm nhúc nhối đầu ông.

Làm ơn, có im đi không nào?

Ngược lại Fernanda càng cao giọng hơn. “Tôi chẳng việc gì phải im mồm cả”, bà nói: “Ai không muốn nghe tôi thì cứ việc cút đi”.

Thế là Aureliano Segundo không tự chủ được nữa. Ông từ từ đứng dậy, làm như thể để giãn gân giãn cốt thôi, rồi với cơn giận dữ nhưng lại rất bình tĩnh và có phương pháp, ông đã bung hết chậu thu hải đường này đến chậu khác, hết chậu dương xỉ này đến chậu khác, rồi hết chậu kinh giới ô này đến chậu khác, cứ thế ông ném từng chậu một xuống sàn nhà. Fernanda hoảng hốt; bởi vì thực ra bà vẫn chưa ý thức được sức mạnh bên trong của những lời chửi bới ấy, nhưng khi nhận ra thì đã muộn, không thể nào sửa đổi được tình huống nữa. Vì điên tiết trước lời chửi bới không ngớt ấy, Aureliano Segundo đập vỡ tấm gương của chiếc tủ kính, rồi ông thông thả gỡ từng bộ phận tủ một đập vụn ra, sau đó theo thứ tự, vẫn với vẻ điềm tĩnh và hài hòa mà trước đây ông đã có khi dán những đồng tiền giấy lên tường, ông đập vỡ bộ

đồ thủy tinh Bohemia, những bông hoa giả, những bức tranh vẽ các cô gái đồng trinh đứng trên những con thuyền chở đầy hoa hồng, những tấm gương ghép trong khung thép vàng, ông đập hết cả những gì có thể đập được từ trong nhà cho đến kho lương thực, cuối cùng ông kết thúc với việc đập vỡ chum nước trong tiếng nổ vang vọng sâu lắng. Sau đó ông lau tay, quàng tấm vải sơn rồi ra đi, và trước lúc nửa đêm ông mang về một số vại thịt ướp, vài tải gạo và ngô cùng mấy buồng chuối. Kể từ lúc ấy, nhà lại không thiếu cái ăn. Có lẽ Amaranta Úrsula và chú bé Aureliano sẽ nhớ trận mưa lụt này như một thời kì đầy hạnh phúc. Mặc dù Fernanda luôn khắt khe đe nẹt, bọn trẻ vẫn bì bõm lội ở ngoài sân, săn bắt những chú thằn lằn để mổ bụng chúng và chơi trò đầu độc nôi xúp bằng cách bỏ vào đó phần cánh bướm nếu Santa Sofía

de la Piedad không trông nom cẩn thận. Úrsula là một thứ đồ chơi lí thú hơn cả của bọn trẻ. Chúng nó coi cụ như một con búp bê cũ kĩ để trang điểm cho cụ: lấy nhọ nôi và phẩm đỏ bôi lên mặt cụ, buộc các mảnh vải đủ màu sắc lên người cụ rồi khiêng cụ đi lại khắp các xó xỉnh trong phòng, và suýt nữa chúng lấy mũi kéo làm vườn để móc mắt cụ như từng móc mắt những con cóc. Không có gì làm cho chúng thích thú bằng những câu nói lảm nhảm của cụ. Quả thế thật, kể từ năm thứ ba của trận mưa lụt này đã có cái gì đó không bình thường xảy ra trong tâm trí cụ, bởi vì cụ đã dần dần đánh mất ý niệm về thực tại đang sống, và nhầm lẫn thời đang sống với các thời kì xa xưa của cuộc đời mình, cho đến lúc cụ khóc lóc thảm thiết ba ngày liền cho cái chết của Petronila Iguarán, bà cố nội của cụ, từng được chôn cất gần một thế kỉ nay.

Cụ chìm sâu trong trạng thái nhâm lẫn hết sức kì quặc đến mức cụ tin rằng chú bé Aureliano này là con trai mình, ngài đại tá ấy, vào lúc chàng được cha dẫn đi xem nước đá và anh chàng José Arcadio đang theo học chuyên để để trở thành Giáo hoàng ấy là đứa con trai đầu lòng của cụ, kẻ đã bỏ nhà để đi theo bọn di-gan. Cụ nói đi nói lại về gia đình mình quá nhiều đến mức bọn trẻ thuộc lòng tên người để tổ chức cho cụ những chuyến du chơi tưởng tượng với những người không những là những người đã chết từ lâu rồi mà còn là những người sống ở các thời kì khác nhau. Ngồi trên giường với mái tóc đã xám như tro và một chiếc khăn đỏ che lấy mặt, Úrsula thật là hạnh phúc sống giữa những người thân trong gia đình được bọn trẻ tưởng tượng và miêu tả lại không thiếu một chi tiết, làm như thể chúng thực sự có quen

biết họ. Úrsula nói chuyện với các bậc bề trên của mình về những sự kiện từng xảy ra trước khi cụ chào đời, cụ vui sướng trước những tin tức họ cho cụ biết rồi cụ cùng họ khóc lóc cho những người chết gần đây hơn so với những người chết đang nói chuyện với cụ. Không lâu bọn trẻ biết được rằng trong suốt các buổi đi chơi tưởng tượng ấy, Úrsula luôn luôn nêu một câu hỏi nhằm xác định xem ai là người trong lúc chiến tranh đã mang tới nhà này một bức tượng thánh José bằng thạch cao to bằng người thực để gia đình trông nom hộ cho qua mùa mưa bão. Nhờ thế Aureliano Segundo nhớ lại kho của được chôn ở một nơi nào đó mà chỉ một mình Úrsula biết, nhưng tất cả các câu hỏi cũng như mọi thủ đoạn ranh ma mà ông nghĩ ra được để dò hỏi Úrsula đều trở nên vô ích, bởi vì trong lúc lang thang trong các ngõ ngách bí hiểm

của cơn mê muội, lúc nào Úrsula cũng giữ một điểm sáng trí tuệ để bảo vệ điều bí mật mà cụ vốn rắp tâm sẽ chỉ nói cho một ai đó biết nếu người này chứng minh được rằng mình là người chủ đích thực của số vàng được chôn giấu kĩ càng. Cụ quá ư lạnh lợi và khôn khéo đến mức khi Aureliano Segundo đạo diễn cho một trong số những người bạn nhậ nhệ của mình đóng vai người chủ của số của cải bị chôn giấu ấy và đưa y tới gặp cụ cố mình, thì y đã phải thất bại trước hàng loạt câu hỏi tỉ mỉ có gài bẫy sẵn của cụ. Do đã tin rằng Úrsula sẽ mang điều bí mật này xuống mồ nên Aureliano Segundo thuê một đội thợ đào với lí do để đào các mương rãnh thoát nước cho sân trước và sân sau và chính bản thân ông dùng cuốc chim và các dụng cụ dò tìm kim loại đã đào bới khắp nơi mà vẫn không thấy gì chứng tỏ có vàng trong ba

tháng khai quật vô vọng. Sau đó, tin rằng quân bài nhìn rõ hơn mắt những người thợ đào, ông vội tìm đến Pilar Ternera; nhưng bà lão lại cũng báo trước cho ông biết rằng sẽ không tìm thấy nó trước khi trời tạnh mưa và hạn hán liên tục ba năm liền biến bùn lầy thành bụi đất. Những số liệu có vẻ thâm thúy và không xác thực của lời tiên đoán ấy đã khiến cho Aureliano Segundo có cảm giác nó giống như truyện ngụ ngôn có tính chất thông minh muốn buộc ông dừng công việc của mình lại và phải chờ ít nhất là ba năm nữa để thỏa mãn những dữ kiện của lời đoán. Điều đầu tiên khiến ông ngạc nhiên đồng thời khiến ông càng thêm bối rối là sự thực này: từ giường Úrsula đến hàng rào ở sân sau rộng một trăm hai mươi hai mét, đúng hệt như lời đoán của Pilar Ternera. Fernanda sợ rằng ông chồng mình lại điên rồ như

người anh em sinh đôi khi bà nhìn ông đắm chiêu tính toán, và còn tệ hại hơn thế nữa, khi ông ra lệnh cho bọn thợ đào đào sâu thêm một mét nữa ở những lòng mương đã đào. Vì đam mê trong các cuộc đào bới đầy hào hứng – sự đam mê này hoàn toàn có thể so sánh với sự đam mê của cụ cố nội khi cụ đi tìm con đường của những phát minh lớn – Aureliano Segundo gây tộp đi và do đó sự giống nhau như đúc với người anh em sinh đôi trước đây lại càng thêm đậm nét hơn, không chỉ do hình hài ông hao gầy đi mà còn do cái vẻ xa lạ và thái độ trầm tư của ông nữa. Ông không lo lắng quan tâm đến bọn trẻ. Ông ăn vào bất cứ lúc nào, ngay cả khi người ông lấm lem bùn đất từ chân lên tận đầu, ông ngồi ăn ngay trong xó bếp và hầu như không trả lời những câu hỏi băng quơ của Santa Sofía de la Piedad. Vì thấy ông làm lụng trong

hình thức khổ cực ấy, mà chưa bao giờ bà dám mơ rằng ông sẽ làm việc hăng say như vậy Fernanda tin rằng sự rụt rè của ông lại là sự cẩn thận, rằng tính hám của ông lại là đức hy sinh, rằng tính ương ngạnh của ông lại là đức kiên trì và tự đáy lòng mình bà ân hận Á-rập thuộc thế hệ thứ ba vẫn ngồi ở chính nơi đây và với thái độ của cha ông mình, nghĩa là vẫn trầm tư, hiên ngang, không hề đau đớn trước thời gian và hoạn nạn, vẫn sống và chết như họ đã từng trải qua dịch mất ngủ và ba mươi hai cuộc nội chiến của đại tá Aureliano Buendía. Tâm hồn khỏe mạnh và kiên trinh của họ trước sự đổ nát của những bàn cờ, những quán ăn, những quán chơi trò bắn súng, và cái ngõ hẻm nơi người ta vẫn đến để xem số và đoán mộng, là hết sức đáng ngạc nhiên đến mức Aureliano Segundo với thái độ bông lơn vốn có đã phải hỏi rằng bằng

những thủ thuật thần bí nào mà họ không bị chết đuối trong trận mưa lụt vừa qua, cứ y như có bàn tay ma quỷ nào đã giúp cho họ không bị chết chìm, và hết người này đến người khác, từ cửa nhà này sang cửa nhà khác họ đều trả lời ông bằng cái nhìn mơ màng và một nụ cười ranh mãnh, và tất cả không ai bảo ai, đều nói với ông một câu trả lời như sau: Bằng cách bơi. – Có lẽ Petra Cotes là người địa phương duy nhất có trái tim Ả-rập. Ả tận mắt nhìn thấy những mảnh gỗ cuối cùng của các chuồng gia súc của mình bị nước lụt cuốn đi, nhưng chính ả đã giữ cho ngôi nhà của mình vẫn đứng vững trước mưa sa bão táp Trong năm cuối cùng của thời kì mưa lụt, ả đã nhắc Aureliano Segundo phải mau mau trở về, và ông này đã trả lời rằng sẽ không trở về nhà ả đâu, rằng ả hãy quên câu hỏi đến bao giờ ông sẽ trở về nhà ả đi, nhưng

thế nào ông cũng mang một hòm tiền vàng về để lát nền buồng ngủ của ả. Thế là ả trần trọc suy nghĩ tự đào bới lòng mình để tìm một sức mạnh ngõ hầu giúp ả sống qua cái đận khó khăn này, và ả đã tìm thấy một tình cảm hờn giận được nung nấu suy nghĩ kĩ, vừa là thứ hờn giận chân chính và với chính tình cảm hờn giận này ả đã thề với lòng mình là sẽ giành lấy bằng được số tài sản đã bị người tình xài phí và bị mưa lụt làm cho khánh kiệt. Đó là một quyết tâm không gì phá vỡ nổi đến mức tám tháng sau khi ả nhả lời cuối cùng, Aureliano Segundo trở về nhà và thấy ả xanh rớt, tóc tai bù xù, mắt sâu trũng và da mẩn đỏ loang lổ vì ngứa, thế mà vẫn đang cặm cụi ngồi viết sổ trên những tờ giấy nhỏ để mở sổ số. Aureliano Segundo đứng chết lặng, và vì lúc này ông cũng gầy nhom với dáng vẻ trang nghiêm nên Petra Cotes không thể tưởng

được rằng người trở lại tìm ả là người tình suốt đời mà lại tưởng rằng người ấy là người anh em sinh đôi của ông. – Mình điên rồi sao, – ông nói. – Mình định lấy xương trắng ra mà trả thưởng sao? ả vội bảo ông nhìn vào buồng ngủ và Aureliano Segundo nhìn thấy một con la cái. Nó gầy guộc, chỉ còn da bọc xương như chủ nhân của nó, nhưng nó linh lợi và kiên quyết như bà chủ. Petra Cotes đã nuôi nó bằng chính nổi hờn giận của mình và khi hết nhả cỏ, ngô, rế cây, ả đã dắt nó vào buồng ngủ của mình, cho nó ăn những tấm ga trải giường bằng phin nôn, những tấm thảm Ba Tư, những chiếc chăn dạ, những tấm rèm nỉ, tấm áo thụng thêu chỉ kim tuyến rồi đến cả những chiếc tua bằng lụa trang trí quanh chiếc giường đức Giáo chủ của ả.

CHƯƠNG 17

Úrsula phải cố gắng lắm để thực hiện lời thề nguyện là sẽ chết khi nào trời tạnh ráo. Những tia chớp minh mẫn vốn rất hiếm thấy ở cụ trong những ngày mưa lụt, bắt đầu từ tháng tám lại thường xuyên xuất hiện, đó là khi những cơn gió khô thổi tới làm những khóm hoa hồng nghệt thở và bùn lầy đông cứng lại, gió tung bụi nóng trên vùng Macondo, bao phủ mãi những mái tôn hoen gỉ và những cây hạnh đào trăm

tuổi. Úrsula khóc vì buồn tủi khi biết rằng đã hơn ba năm qua mình chỉ là trò đùa của lũ trẻ nhỏ. Cọ rửa bộ mặt bôi bác nhòe nhoẹt, vứt bỏ những sợi dây sặc sỡ, những xác thằn lằn và cóc nhái ướp khô cùng những chiếc dây chuyền Ả-rập giả và cổ xư mà người ta đã đeo quăn trên mình cụ; và lần đầu tiên từ khi Amaranta chết, cụ ra khỏi chiếc giường mà không cần người giúp đỡ, để lại một lần nữa hòa nhập với cuộc sống gia đình. Ý chí của trái tim bất khuất đã dẫn dắt Úrsula trong cảnh mịt mù. Những ai đã từng dừng lại nhường cho cụ chệnh choạng bước đi và chạm phải cánh tay như tay thánh của cụ thường giơ cao ngang tầm đầu, đều nghĩ rằng cụ khó mà gượng nổi tấm thân nặng nhọc, nhưng vẫn chưa tin rằng cụ đã bị mù. Chẳng cần nhìn, Úrsula cũng biết những bồn hoa được trồng rất cẩn thận từ lần đầu

tiên xây dựng lại ngôi nhà đã bị mưa và các cuộc đào bới tìm vàng của Aureliano Segundo hủy hoại hết, các bức tường và sàn xi măng đã rạn nứt, đồ dùng trong nhà đã bạc màu và rêu rã, các cửa đã lung lay và cả gia đình bị đe dọa bởi một tinh thần yếu đuối mang tính khuất phục và nỗi buồn chán không thể nào có trong những ngày cụ còn chắc chắn mạnh tay: Dò dẫm trong những phòng ngủ trống trơn, Úrsula nhận ra tiếng một kèn kẹt nghiêng gỗ liên tục, tiếng mỗi rào rào xông hòm quần áo và tiếng âm âm khùng khiếp của những con kiến đỏ to sụ, từng sinh sôi nảy nở rất nhanh trong nạn hồng thủy, đang đào bới nền móng của ngôi nhà. Một hôm Úrsula mở chiếc hòm đựng đồ lễ thánh và cụ đã phải nhờ Santa Sofía de la Piedad đuổi những con gián vừa từ trong hòm nhảy tung lên khắp người, những con gián ấy đã cắn

nát vụn quần áo trong hòm. “Không thể sống trong tình trạng đổ hoang tàn như thế này được”, Úrsula nói: “Cứ đà này thì chúng ta đến bị những con vật kia nhai sống nuốt tươi mất thôi”. Từ dạo ấy Úrsula chẳng có phút nào được nghỉ ngơi yên tĩnh. Cụ dậy từ sớm tinh mơ, đòi một người nào đó giúp đỡ, kể cả trẻ nhỏ. Cụ đem so xống áo còn rất ít ỏi nhưng có thể dùng được ra phơi nắng, dùng thuốc trừ sâu để xua đuổi lũ gián, miết chặt những lô mọt ở cửa ra vào và cửa sổ, dùng vôi sống làm nghẹt thở lũ kiến ở trong hang. Cái bệnh muốn sửa sang nhà cửa khiến Úrsula tìm đến những căn phòng nơi cụ José Arcadio Buendía đã vất óc để chế tạo đá giả kim, sắp xếp lại xưởng kim hoàn đã bị bọn lính xáo trộn lung tung và sau cùng cụ đòi lấy chìa khóa phòng của Melquíades để vào xem tình hình ở đó ra sao. Trung thành với ý muốn của

José Arcadio Segundo là không để ai vào phòng một khi chưa có dấu hiệu là mình đã chết, Santa Sofía de la Piedad đã dùng mọi mưu mẹo để đánh lừa Úrsula. Nhưng quyết định của Úrsula không buông tha lũ sâu mọt ngay cả ở những xó kín và những phần vô dụng của ngôi nhà là quyết định không thể thay đổi, nó chiến thắng mọi sự ngăn trở. Và, sau ba ngày kiên quyết đòi hỏi, Úrsula đã buộc mọi người phải mở cửa phòng cho mình. Úrsula phải vịn vào khung cửa để khỏi bị ngã vì mùi tanh hôi, nhưng chưa đầy hai giây sau cụ đã lại nhớ rằng ở đó người ta còn giữ bảy mươi hai cái bô của các nữ sinh, và nhớ rằng vào một trong những đêm mưa đầu tiên một toán lính tuần đã sục sạo ngôi nhà tìm kiếm José Arcadio Segundo mà chẳng thấy đâu. – Cầu chúa phù hộ! – Úrsula nói oang oang như thể cụ nhìn thấy tất cả ấy. – Anh cứ khứ khứ

giữ những thói quen tốt đẹp của mình để đến nỗi sống chẳng khác gì một con lợn. José Arcadio Segundo tiếp tục xem lại những thứ được ghi chép trên các tấm da thuộc. Chỉ có thể nhìn thấy ở cái đám râu tóc bù xù kia của ông những chiếc răng đầy những vết mốc rêu xanh và đôi mắt đờ đẫn. Nhận ra tiếng cụng cổ nội của mình, José Arcadio Segundo quay đầu về phía cửa sổ, cố mỉm cười và vô tình nhắc lại câu nói xa xưa của Úrsula :

Cần quái gì kia chứ, – José Arcadio Segundo lẩm bẩm, – thời gian qua đi mà!

Đúng thế đấy, – Úrsula nói, – nhưng không đến mức như vậy đâu?

Khi nói thế, Úrsula nhận ra rằng mình đang nhắc lại lời đối đáp của đại tá Aureliano Buendía trong xà lim tử tù, và một lần nữa cụng run lên bởi điều mình

cảm nhận được là thời gian không qua đi mà nó quay vòng. Nhưng ngay lúc đó cụ cũng không chịu nhân nhượng. Úrsula gắt gỏng với José Arcadio Segundo như với một đứa trẻ và khẳng khẳng bắt ông phải tắm gội, cạo mặt và góp sức mình vào việc sửa sang nhà cửa. José Arcadio Segundo bị giày vò. Cái ý nghĩ giản đơn về việc phải rời bỏ căn phòng từng đem lại cho mình sự yên tĩnh làm cho José Arcadio Segundo sợ hãi. Ông gào lên rằng chẳng ai có thể làm cho ông ra khỏi căn phòng này, vì ông không muốn nhìn thấy đoàn xe lửa hai trăm toa chở người chết mà cứ chiều đến lại chạy từ Macondo về phía biển. “Đó là tất cả những người ở ngoài nhà ga”, José Arcadio Segundo gào lên như vậy, “ba ngàn bốn trăm lẻ tám người”. Đến lúc ấy Úrsula mới biết rằng José Arcadio Segundo ở trong một thế giới mờ mịt sương mù còn khó hiểu hơn

cả thế giới của cụ, nó đơn độc và khó phá vỡ như cái thế giới của José Arcadio Buendía, cụ cố nội ông. Úrsula để José Arcadio Segundo ở lại căn phòng đó, nhưng không cho những người khác chốt cửa lại như trước, bắt phải dọn dẹp hàng ngày, vứt những chiếc bô kia vào đồng rác, chỉ để lại một chiếc mà thôi, và phải giữ cho José Arcadio Segundo luôn luôn sạch sẽ, đàng hoàng như cụ cố nội trong lúc bị trói dưới gốc cây dẻ. Thoạt tiên, Fernanda coi trạng thái hưng phấn đó là sự lảm cẩm do tuổi già đưa lại, và vất vả lắm bà mới kiềm chế nổi sự cáu bẳn. Nhưng giữa lúc ấy, từ Roma, José Arcadio báo cho bà biết là anh ta dự định về Macondo trước khi phát lời thề nguyện tu hành trọn kiếp, và tin vui đó đã khiến Fernanda phấn chấn quá nhiều đến mức hàng ngày, từ tối đến sáng bà tưới hoa bốn lần để con trai mình không có

ấn tượng xấu về ngôi nhà. Chính sự kích thích đó đã khiến Fernanda vội vàng viết thư liên hệ với các thầy thuốc không thể nhìn thấy, bày lại các chậu cảnh trồng cây dương xỉ, cây kinh giới dại và cây thu hải đường ở ngoài hành lang, trước khi Úrsula biết rằng tất cả những thứ đó đã bị Aureliano Segundo đập phá tan tành trong một cơn giận dữ khủng khiếp. Sau đó Fernanda bán những bộ đồ ăn bằng bạc rồi mua cốc chén bằng hợp kim; thế là với những đồ dùng này bà đã khiến cho những chiếc tủ vốn đựng đồ sứ của Công ty Ấn Độ và đồ thủy tinh Bohemia mỗi ngày một trở nên nghèo nàn. Úrsula luôn luôn cố đi thật xa.

“Hãy mở tất cả các cửa ra!”, cụ gào lên như vậy. “Hãy làm các món ăn bằng thịt và cá, hãy mua những con rùa to nhất; hỏi các vị khách lạ, hãy tới đây bày biện

hành lí của mình ở các xó xỉnh, và cứ việc đái vào những bồn hồng, hãy ngồi vào bàn ăn và ăn bao nhiêu bữa tùy ý, xin cứ nôn mửa và nói năng không ngớt lời, cứ việc đi ủng làm bẩn tất cả, muốn làm gì chúng ta thì cứ làm, bởi vì đó là cách duy nhất để tránh khỏi sự khảnh kiệt”.

Nhưng đây chỉ là một ảo tưởng. Cụ đã quá già rồi, và đã sống một cách quá thừa để nhắc lại những chuyện thần kì về những chiếc kẹo nặn hình con giống, và chẳng có người nào trong đám con cháu kế thừa được nghị lực của cụ. Ngôi nhà tiếp tục đóng kín cửa theo lệnh của Fernanda. Sau khi chuyển các hòm xiềng của mình tới nhà Petra Cotes, Aureliano Segundo tìm ngay cách cứu gia đình khỏi chết đói. Với kết quả của việc mang con la ra để đánh bạc, họ đã mua được một số con vật khác và từ đó họ lập được

một sòng xổ số đơn giản. Aureliano Segundo đi hết nhà này đến nhà khác để bán những chiếc vé xổ số do chính tay mình vẽ bằng cái loại mực màu để có sức hấp dẫn và thuyết phục, và không hay biết rằng rất nhiều người mua những chiếc vé đó là để cho không mà thôi, và phần lớn mua là vì thương hại. Nhưng cũng có những người mua vé để hòng được cơ may: chỉ mất có hai mươi xu mà được một con lợn hoặc ba mươi hai xu mà được một con bê, những người này phần chần với niềm hi vọng, và vào đêm hôm thứ ba họ xúm đông xúm đò trong sân nhà Petra Cotes chờ đợi cái giây phút một đứa trẻ nào đó được chỉ định một cách ngẫu nhiên, rút từ trong túi ra con số trúng thưởng.

Chẳng bao lâu sau, trò xổ số đó trở thành một chợ phiên hàng tuần, vì ngay

từ buổi chiều những chỗ ăn nhậu đã được tổ chức trong sân và nhiều người trong số những người may mắn trúng giải lại mất những con vật được thưởng đó để được nghe nhạc và uống rượu, vì thế, mặc dù bản thân chẳng muốn, Aureliano Segundo lại một lần nữa chơi phong cầm và tham gia những cuộc chè chén nho nhỏ. Những bữa ăn nhậu xoàng xĩnh này so với những ngày hội hè trước đây khiến cho Aureliano Segundo nhận ra rằng tinh thần của mình đã suy sụp khá nhiều và cái tài nhảy nhót hát hò xuất chúng của mình cũng đã giảm sút biết bao. Ông là người đã thay đổi hoàn toàn. Cái hồi mà Aureliano Segundo bị “Voi cái” đánh bại, ông nặng đến một trăm hai chục kí lô, bây giờ chỉ còn bảy mươi tám kí thôi; khuôn mặt ông trước đây đầy đặn như mu rùa bây giờ trông hốc hác như mặt kì nhông, và ông luôn luôn có vẻ chán

chường mệt mỏi. Nhưng Petra Cotes lại thấy chưa bao giờ Aureliano Segundo khá được như lúc này, có thể là bà lẫn lộn giữa tình yêu và lòng thương đối với ông, và cảnh khốn khó đã làm nảy sinh tình cảm gắn bó giữa hai người. Lúc này chiếc giường mất rèm che không còn là nơi diễn ra các cuộc truy hoan nữa, mà là nơi họ bàn bạc, tâm sự. Chẳng còn những tấm gương phản chiếu vì chúng đã bị bán đi để lấy tiền mua các con vật treo giải xổ số, và cũng hết những thứ lượm là khơi gợi sắc dục vì đã bị con la ăn hết, họ thức rất khuya với sự trong sáng của hai ông bà già mất ngủ để tính toán tiền nong, khoảng thời gian ấy trước đây thường bị họ phung phí vào việc tiêu hao sức lực. Đôi khi, tiếng gà gáy canh một làm họ giật mình giữa lúc đang bỏ vào bát ra những chồng tiền nho nhỏ, họ lấy ở chỗ này ra một ít rồi đập vào chỗ

kia một ít sao cho khoản này đủ làm vui lòng Fernanda, khoản kia để mua giày cho Amaranta Úrsula, khoản khác dành cho Santa Sofía de la Piedad vì từ ngày bị phá sản đến nay bà chưa hề có một bộ quần áo mới, khoản nữa để đóng quan tài cho Úrsula khi cụ chết, khoản này để mua cà phê với giá mỗi libra⁴ cứ ba tháng lại tăng một xu, khoản kia để mua thứ đường mỗi ngày một kém ngọt, khoản khác để mua củi vẫn còn đẫm nước lụt, khoản nọ để mua giấy mực làm vé xổ số, khoản nữa thừa đủ để bù lỗ về cái chết của con bò hồi tháng tư bởi vì nó mắc dịch khi tất cả các vé xổ số đã được bán hết, mà thật may mắn làm sao là họ vẫn còn gỡ lại được bộ da. Những buổi “tụng niệm” ấy thật trong sạch, ở đó luôn luôn dành cho Fernanda phần ưu tiên số một, và họ làm như vậy không phải vì sự ăn

4 Đơn vị đo trọng lượng, mỗi libra bằng 0.445kg

nần hối hận hay vì lòng bác ái, mà vì tài sản của Fernanda đối với họ còn quan trọng hơn tài sản của chính họ nữa kia. Điều có thật xảy ra với hai người mặc dù chẳng ai trong số họ hay biết là cả hai đều nghĩ về Fernanda như nghĩ về đứa con gái mà họ hằng ao ước mà không có được, đến nỗi một lần họ đã đành chịu ăn bánh ngô ba ngày liền để có tiền cho Fernanda mua một chiếc khăn phủ bàn của Hà Lan. Nhưng, mặc dù họ làm việc cật lực, xoay xở lừa lọc được nhiều tiền và có lắm mưu mô, các vị thần hộ mệnh đã ngủ thiếp đi vì mệt mỏi, trong khi đó họ đang thêm vào bớt ra các khoản tiền ấy, cố gắng tính sao để chỉ ít cũng có đủ tiền mà sống. Trong lúc mất ngủ vì những tính toán khổ sở, họ tự hỏi rằng điều gì đã xảy ra trên thế gian khiến cho các loài gia súc không mắn đẻ như trước đây, tại sao đồng tiền trong tay cứ mất dần đi, tại

sao cách đây không lâu người ta đốt hàng năm tiền trong cuộc khiêu vũ dân gian còn bây giờ thì lại coi việc mua mười hai xu một chiếc vé xổ số hồng được thưởng sáu con gà mái là một sự bạt mạng. Aureliano Segundo thậm nghĩ rằng nổi bất hạnh chẳng phải ở nơi nào khác trên thế gian này mà ở một nơi sâu kín trong trái tim bí ẩn của Petra Cotes, nơi đã xảy ra chuyện gì đó trong những ngày mưa lụt khiến cho gia súc không sinh đẻ được và tiền cứ cạn dần đi. Bản khoản về điều bí hiểm này, Aureliano Segundo thâm nhập quá sâu vào tình cảm của Petra Cotes đến mức độ vì đi tìm lợi lộc mà lại gặp tình yêu, vì trong khi cố gắng làm cho Petra Cotes yêu mình thì chính Aureliano Segundo lại yêu người đàn bà đó. Về phía Petra Cotes, bà ta yêu Aureliano Segundo vì càng ngày càng thấy ông ta âu yếm mình hơn, và thế là giữa mùa

thu của cuộc đời, Petra Cotes lại tin vào điều mê tín của thời trẻ cho rằng sự nghèo khó chính là kẻ hỗ trợ cho tình yêu. Lúc ấy họ coi những cuộc hội hè thác loạn, coi sự giàu có xa hoa phù phiếm và sự dâm bôn vô độ là một chướng ngại của cuộc đời, và họ tiếc rằng đã bỏ phí mất bao nhiêu phần đời rồi mới tìm thấy thiên đường của nỗi cô đơn được chia sẻ. Họ yêu nhau như điên như dại sau bao nhiêu năm chung đụng mà không sinh đẻ, họ hưởng thụ tình yêu một cách lạ kì: yêu nhau trong khi ăn cũng như trong khi ngủ, và họ thật hạnh phúc, cho đến khi già nua kiệt sức họ vẫn đùa giỡn như bấy thỏ và trêu chọc nhau như lũ chó. Các cuộc xô số không bao giờ làm cho họ khá hơn. Thoạt đầu, Aureliano Segundo để ra ba ngày trong tuần giam mình trong căn phòng trước đây là nơi làm việc của người chăn nuôi gia súc để

vẽ hết tờ phiếu này đến tờ phiếu khác, tô cẩn thận một con bò màu đỏ, một con lợn màu xanh lá cây hoặc một đàn gà màu xanh nước biển, đó là những con vật được treo làm giải thưởng, và bắt chước rất khéo những con chữ của nhà in để làm khuôn in tên vé xổ số, cái tên mà Petra Cotes rất thích “Xổ số của đấng Toàn năng thiêng liêng”... Nhưng rồi Aureliano Segundo cảm thấy quá mệt mỏi sau khi đã vẽ hai ngàn vé số trong một tuần lễ nên đã làm khuôn bằng cao su để in hình các con vật, tên vé xổ số và các con số, và từ ấy chỉ còn phải làm mỗi một việc nhuộm màu nữa thôi. Trong những năm cuối, họ nghĩ ra cách thay thế các con số bằng những câu đố và như vậy là giải thưởng được đem chia cho tất cả những người đoán đúng, nhưng cách làm đó rất phức tạp và gây nhiều ngờ vực nên sau đó bị họ bỏ đi. Aureliano Segundo

mãi lo củng cố tín nhiệm cho xổ số của mình, nên không còn thời gian để quan tâm đến lũ trẻ. Fernanda đưa Amaranta Úrsula đến một trường tư nhỏ, nơi người ta không nhận quá sáu học trò, nhưng lại không cho Aureliano đi học trường công. Fernanda cho rằng để Aureliano ra khỏi phòng đã là nhân nhượng lắm rồi. Hơn nữa, thời ấy các trường học chỉ nhận những em bé là con hợp pháp của các cặp vợ chồng theo đạo Cơ đốc, mà trên tờ giấy khai sinh được buộc ở áo của Aureliano khi người tá mang chú về nhà có xác nhận rõ ràng chú là đứa trẻ vô thừa nhận. Vậy là chú bé chỉ sống quần quanh ở trong phòng. Do sự chăm sóc nhân hậu của Santa Sofía de la Piedad và do sự mất thăng bằng về thần kinh của Úrsula, Aureliano nhận thức thế giới nhỏ hẹp của ngôi nhà này theo sự giảng giải của những cụ cố này.

Aureliano là một chú bé mảnh mai, kiêu kì, tò mò, một thứ tò mò dễ làm người lớn nổi giận nhưng ánh mắt chú long lanh mà lại lơ đãng chứ không như ánh mắt dữ dằn và nhiều khi rực sáng của đại tá khi ngài ở độ tuổi chú. Trong khi Amaranta ở nhà trẻ thì Aureliano tìm bắt giun và hành hạ lũ sâu bọ ngoài vườn. Nhưng có một lần Fernanda bắt gặp chú đang nhét bọ cạp vào hộp để bỏ vào chiếu của Úrsula, bà liền bắt chú về phòng ngủ cũ của Meme. Ở đó, để rút ngắn những giờ phút đơn độc, chú xem đi xem lại các tờ tranh ảnh minh họa trong cuốn bách khoa toàn thư. Một buổi chiều, khi Úrsula cầm bó cây tầm ma rảy nước mát cho căn nhà thì gặp Aureliano ở đấy, và mặc dù đã ở bên cạnh chú nhiều lần, cụ vẫn hỏi chú là ai.

Cháu là Aureliano Buendía, – chú nói.

Ờ phải rồi, – cụ nói, – đã đến lúc cháu bắt đầu học nghề kim hoàn rồi đấy.

Úrsula lại lẫn chú với con trai mình bởi vì những cơn gió nóng tiếp theo những ngày mưa lụt từng đem lại cho cụ những tia chớp minh mẫn bất ngờ, nay đã thôi không thổi nữa. Lý tính của cụ không hồi phục được. Khi vào phòng ngủ, Úrsula gặp Petronila Iguarán mặc chiếc váy xòe vương vীu và đeo chiếc túi nhỏ đang chờ khách đến chơi theo lời hẹn, gặp bà của mình là Tranquilina Maria Miniata Alacoque Buendía đang ngồi trên chiếc ghế dành cho người bại liệt và quạt bằng một chiếc lông công, gặp cụ ông của mình là Aureliano Arcadio Buendía với chiếc áo khoác bắt chước theo kiểu áo của những người lính gác của

Phó vương, gặp cha mình là Aureliano Iguarán, người đã nghĩ ra câu niệm chú khiến cho các loại sâu bọ hại bò bị chết thiêu, gặp bà mẹ nhút nhát của mình, gặp người anh họ có đuôi lợn, gặp José Arcadio Buendía với những người con đã chết của ông, tất cả đều ngồi trên những chiếc ghế đặt dựa vào tường, cứ như họ đang ở trong một đám viếng người chết chứ không phải trong một cuộc gặp gỡ thăm hỏi. Úrsula vừa khâu vội khâu vàng chiếc áo màu sắc sỡ vừa bàn luận về các sự kiện xảy ra ở những nơi khác nhau và ở những thời điểm khác nhau; vậy là khi Amaranta Úrsula từ trường về và Aureliano đã mệt mỏi với bộ bách khoa toàn thư, thì họ thấy cụ đang ngồi nói chuyện một mình trên giường và chìm đắm trong một trận đồ bát quái của những người đã chết. “Cháy!”, có một lần Úrsula hét lên khủng khiếp khiến cả nhà

được một phen hoảng hồn, nhưng đó là cụ đang nói về đám cháy ở một trại ngựa bốn mươi năm về trước. Cứ như vậy, Úrsula lẫn lộn giữa quá khứ và hiện tại, cho đến trước lúc chết tuy hai hoặc ba lần những tia chớp minh mẫn xuất hiện ở cụ, nhưng những lúc đó cũng chẳng ai biết chắc chắn rằng cụ nói về điều mình đang cảm nhận hay là nói về điều mình đang nhớ lại. Mỗi ngày Úrsula một choắt lại, một gày nhom, một khô đét thêm đến mức vài tháng trước khi chết cụ chỉ như một trái mận lọt thỏm trong chiếc áo rộng, và cánh tay trước kia thường giơ cao lúc đó chỉ giống như tay khỉ. Úrsula không động đậy trong vài ngày. Santa Sofía de la Piedad phải đến tận nơi để xem cụ còn sống hay không và đặt cụ lên đùi để cho uống vài thìa nhỏ nước đường. Lúc ấy Úrsula giống như một bà lão vừa mới chào đời. Amaranta Úrsula

và Aureliano ẵm cụ từ chỗ này đến chỗ khác trống phòng ngủ và đặt cụ lên bàn thờ để xem cụ có lớn hơn Chúa hài đồng hay không, và một buổi chiều chúng đem giấu cụ vào trong một chiếc hòm đựng thóc, nơi lũ chuột có thể ăn thịt cụ. Một ngày chủ nhật, trong khi Fernanda đang cầu kinh, Amaranta Úrsula và Aureliano vào phòng ngủ, túm lấy gáy và cổ chân Úrsula, khiêng cụ đi.

Cụ cố thật tội nghiệp, – Amaranta Úrsula nói, – cụ đã chết vì tuổi già! Úrsula giãy lên: – Ta còn sống đây! – Thấy chưa,

Amaranta Úrsula nín cười và nói, – ngay cả hơi thở cũng chẳng còn.

Ta đang nói đây! – Úrsula gào lên.

Nói đầu mà nói, – Aureliano bảo – Cụ cố chết như một con dế nhỏ ấy.

Lúc đó Úrsula đành chịu. “Trời ơi!”, Úrsula thầm kêu: “Vậy ra đây là cái chết”.

Úrsula bắt đầu đọc lời cầu nguyện không dứt, vội vã và sâu sắc, lời nguyện cầu kéo dài tới hơn hai ngày, và hôm thứ ba thì biến thành sét pha tạp giữa lời cầu Chúa với những lời chỉ bảo thiết thực để cho những con kiến đỏ không làm đổ ngôi nhà, để ngọn đèn ở trước tấm ảnh của Remedios không bao giờ tắt, để mọi người hãy giữ gìn không để bất kì người nào trong dòng họ Buendía lấy người cùng chung huyết thống, bởi vì những cuộc hôn nhân như vậy sẽ cho ra đời những đứa con có đuôi lợn. Aureliano Segundo cố lợi dụng tình trạng mê sảng của Úrsula để cụ nói cho biết nơi chôn cất vàng, nhưng lại một lần nữa những lời van nài ấy không có kết quả. “Khi nào chủ của số vàng ấy xuất hiện, – Úrsula

nói, – thì trời sẽ chiếu sáng để người ấy nhìn thấy”. Santa Sofía de la Piedad thì tin chắc rằng chỉ một sớm một chiều là Úrsula sẽ chết thôi, vì trong những ngày đó bà đã nhìn thấy điềm gở của trời đất: những bông hồng lại có mùi hương của loài rau muối, một quả bí đựng hạt đậu xanh rơi xuống đầu bà và những hạt đậu ở trên nền nhà nằm theo một trật tự hình học hoàn chỉnh và có hình con sao biển, rồi một đêm bà thấy có một hàng đĩa màu da cam rực sáng bay ngang trời. Úrsula chết vào sáng sớm ngày thứ năm lễ thánh. Lần cuối cùng mà người ta giúp cụ tính tuổi thọ, dựa vào những năm tháng của Công ty chuối, đã ước tính rằng cụ đã sống khoảng từ một trăm mười lăm đến một trăm hai mươi hai năm. Người ta đặt Úrsula trong một chiếc hộp nhỏ để đưa đi chôn cất, cái hộp ấy có lẽ không lớn hơn cái làn mà người ta đã xách Au-

reliano về nhà thuở chú mới sinh; và có rất ít người đưa đám Úrsula, một phần vì chẳng mấy ai nhớ đến cụ, phần nữa vì trưa hôm ấy trời nóng quá, nóng đến mức những con chim lạc đường bay bổ nhào cả vào tường, làm rách các tấm lưới kim loại ở cửa sổ, chui tọt vào phòng ngủ và chết trong đó. Thoạt tiên, người ta tin rằng đó là một nạn dịch hạch. Những bà nội trợ mệt nhoài vì phải quét dọn xác chim, nhất là vào lúc giữa trưa, còn đàn ông thì đem hàng xe bò những xác chim ấy quẳng xuống sông. Trong ngày chủ nhật lễ phục sinh, từ trên bục lễ vị cha cố trăm tuổi Antonio Isabel quả quyết rằng những con chim kia chết do ảnh hưởng xấu xa của quỷ dữ Judío Errante [Nghĩa là: tên Do Thái lang thang.] mà chính cha đã nhìn thấy đêm hôm trước. Vị cha cố ấy miêu tả nó như là đứa con lai giữa một con dê đực với một người đàn bà phản đạo,

đó là một con quỷ sứ mà hơi thở của nó thiêu đốt không khí, nó đi đến nơi nào thì những cô gái mới lấy chồng ở nơi ấy sẽ mất khả năng thai nghén. Chẳng mấy ai chú ý đến bài thuyết giảng về ngày khải huyền của cha, vì dân làng tin rằng tuổi tác già nua đã khiến cha nói năng nhảm nhí. Nhưng sáng sớm hôm thứ tư một phụ nữ đã đánh thức mọi người dậy, vì bà ta đã thấy những dấu vết của một con vật hai chân có móng guốc. Những dấu vết quá ư rõ ràng và không thể nhầm lẫn được, đến mức những người tới xem chúng không nghi ngờ gì về sự tồn tại của một con vật đáng sợ giống hệt như vị cha cố miêu tả, và họ cùng nhau đặt bẫy trong các sân vườn nhà mình. Thế rồi họ bắt được nó.

Hai tuần lễ sau khi Úrsula chết, Petra Cotes và Aureliano Segundo giết mình

tỉnh thức khi nghe thấy tiếng gào khóc của một con bê từ gần đó vẳng lại. Khi họ dậy thì đã thấy một đám người đang gỡ con quái vật khỏi những chiếc chông nhọn cắm dưới đáy một cái hố được phủ lá khô ở trên. Con vật không còn kêu được nữa rồi. Tuy nó không cao hơn một đứa trẻ, nhưng nặng như một con bò, và từ các vết thương, một chất máu nhờn màu xanh chảy ra. Trên mình con vật ấy phủ kín một lớp lông thô cứng mà rậm rạp, da nó đã hóa đá bởi một lớp vảy cá ép; nhưng khác với sự miêu tả của cha cố, các bộ phận của cơ thể con vật ấy giống các bộ phận cơ thể của một vị thần gầy yếu hơn là của con người, vì đôi tay nó nhẵn nhụi và khéo léo, đôi mắt mở to và mờ ảo, và trên bả vai có những vết chai sẹo là dấu vết của một đôi cánh to khỏe đã bị rìu chặt đi. Người ta cột chân nó vào một cây hạnh đào ở bãi đất rộng

để mọi người đều được nhìn thấy, và đến khi nó bắt đầu thối rữa thì họ đem thiêu trên giàn lửa bởi lẽ không thể xác định được bản chất của nó thuộc loài vật hay thuộc một con chiên của đạo Cơ đốc, để có cách xử lí thích hợp: quẳng xác nó xuống sông hay là đem mai táng. Chẳng bao giờ biết chắc rằng có phải đúng nó đã làm những con chim kia chết hay không, nhưng số người đàn bà vừa mới lấy chồng đã không có thai và cái nóng cũng chẳng giảm đi. Cuối năm đó Rebeca chết. Argénida, người suốt đời ở cho Rebeca, nhờ nhà đương cục giúp đỡ để phá cửa phòng ngủ, nơi thấy Rebeca nằm trên một chiếc giường đơn độc, mình co quắp trong miệng. Aureliano Segundo mai táng cho Rebeca và cố gắng tu sửa nhà cửa để bán đi, nhưng ngôi nhà đã bị hư hại quá nặng đến mức các bức tường đã hỉ lở vỡ ngay sau khi sơn những cây

vạn niên thanh làm hỏng các cột trụ. Tất cả sự phá sản đã diễn ra như vậy từ khi mưa lại. Sự lười biếng của mọi người được chứng nghiệm bằng sự lãng quên gặm nhấm dần những kỉ niệm một cách không thương tiếc, đến mức độ cao nhất là trong thời gian ấy, vào dịp kỉ niệm ngày kí hiệp định Neerlandia, mấy vị đại diện của Tổng thống nước cộng hòa đến Macondo để trao tặng tám huân chương từng nhiều lần bị đại tá Aureliano Buendía khước từ đã phải mất trọn một buổi chiều kiếm người chỉ cho biết nơi có thể tìm thấy một người nào đó thuộc dòng dõi của đại tá. Aureliano Segundo háo hức nhận tám huân chương đó vì tin rằng nó bằng vàng, nhưng trong khi các vị đại diện của Tổng thống chuẩn bị dàn nhạc và diễn văn cho buổi lễ, Petra Cotes đã thuyết phục ông rằng làm như vậy là nhục nhã. Cũng vào thời gian ấy,

những người digan trở lại, đó là những người cuối cùng kế thừa được khoa học của Melquíades, họ thấy thôn xóm quá xơ xác và dân làng quá biệt lập với thế giới bên ngoài, đến mức họ lại vào từng nhà và kéo theo những thỏi sắt đã nhiễm từ, cứ như thể những thỏi sắt ấy thật sự là phát hiện mới nhất của các nhà thông thái xứ Babilon, họ lại dùng thấu kính hội tụ khổng lồ để tập trung ánh sáng mặt trời; và chẳng phải là không có người há hốc mồm nhìn những chiếc xoong bị đổ và những chiếc chảo lăn lông lốc, cũng chẳng thiếu gì kẻ bỏ ra năm mươi xu để kinh ngạc trước việc một cô gái digan tháo hàm răng giả ra rồi lại lắp vào. Một đoàn xe lửa xộc xệch màu vàng chẳng chở ai đến cũng chẳng chở ai đi và hầu như không dừng lại ở một nhà ga vắng vẻ, đó là hình ảnh duy nhất còn lại của một đoàn tàu đông người – ở đó, ngài

Brown giữ một toa có mái che bằng kính và những chiếc ghế bành như ghế của Giáo chủ – và của những đoàn tàu chở hoa quả gồm một trăm hai chục toa mà chiều nào cũng chậm chạp chạy qua đây hết đúng một buổi chiều. Các vị đại diện của tòa án đi xác minh tin tức về cái chết lạ lùng của những con chim và cái chết của con quỷ Judío Errante đã gặp cha cố Antonio Isabel đang chơi trò bịt mắt bắt dê với lũ trẻ nhỏ, họ cho rằng thông báo của cha là sản phẩm của sự lảm cẩm của tuổi già, nên đã đưa cha về một trại an dưỡng. Sau đó không lâu người ta phái cha Augusto Angel về. Đó là một người lính thập tự chinh mới được đào luyện, một người kiên quyết, dũng cảm và liêu lĩnh, mỗi ngày tự tay kéo chuông vài lần để tinh thần khỏi trì trệ, đi từ nhà này qua nhà khác để đánh thức những kẻ ngủ quá nhiều dậy đi lễ; nhưng chưa

được một năm thì cha cũng bị gục vì đã hít thở phải những uế tạp trong không khí, vì bụi nóng đã làm cha già xạm và đi đứng khó khăn, vì món thịt băm viên của những bữa cơm trưa trong cái nóng không thể chịu nổi đã làm cha mắc chứng ngủ gà ngủ gật.

Từ khi Úrsula chết, ngôi nhà lại rơi vào tình trạng bị bỏ hoang không gì có thể khắc phục được, kể cả một ý chí rất kiên trì và mạnh mẽ như của Amaranta Úrsula, người mà nhiều năm sau đó, vì là một phụ nữ cởi mở, vui tươi, và thời thượng, gắn bó với xã hội bên ngoài, đã mở rộng cửa để tránh sự suy sụp, sửa sang lại vườn hoa, diệt lũ kiến đỏ giữa ban ngày ban mặt dám bò ra tận hành lang, và cố gắng làm thức dậy tinh thần hồ hởi hiếu khách đã bị lãng quên. Nỗi đam mê mang màu sắc tu viện của Fer-

nanda đã dựng cả một con đê vững chắc trước cuộc đời trăm năm sôi động ào ạt như thác nước của Úrsula. Fernanda chẳng những không mở cửa ra vào khi cơn gió nóng đã qua mà còn lấy then gỗ cài chặt cửa sổ lại, làm theo lời dặn của cha thánh thần, tức là bà đã tự chôn mình giữa cuộc đời. Việc thư từ liên lạc đầy tốn kém với các thầy thuốc không thể nhìn thấy đã thất bại. Sau rất nhiều lần trì hoãn, vào một ngày giờ thích hợp, Fernanda đã tự giam mình trong phòng ngủ, chỉ đắp một chiếc khăn trắng, quay đầu về hướng bắc, và lúc một giờ sáng bà cảm thấy người ta phủ lên mặt mình một chiếc khăn thấm nước lạnh. Khi Fernanda thức dậy mặt trời đã chiếu sáng cửa sổ, và trên mình bà có một đường khâu chạy suốt từ bẹn lên đến chỗ xương mổ ác. Nhưng trước khi thực hiện sự yên nghỉ theo dự kiến, Fernanda đã nhận

được một bức thư khó hiểu của các thầy thuốc không thể nhìn thấy, trong thư họ nói rằng đã khám nghiệm bà trong suốt sáu giờ đồng hồ nhưng chẳng thấy những triệu chứng mà nhiều lần bà đã miêu tả tỉ mỉ. Quả thật, thói quen không gọi sự vật bằng cái tên của nó của Fernanda là một thói quen có hại, nó chính là nguồn gốc của một sự lầm lẫn mới, bởi vì các nhà giải phẫu viên cảm chỉ thấy bà bị sa tử cung thôi và có thể chữa bằng một chiếc vòng treo. Fernanda muốn có một thông báo cụ thể, nhưng những người viết thư không quen biết kia không viết thêm cho bà nữa. Quá băn khoăn về một tử lạ, Fernanda đã vượt qua sự ngượng ngùng, đánh bạo hỏi xem vòng treo tử cung là cái gì, nhưng cho đến lúc ấy bà mới biết rằng ba tháng về trước ông thầy thuốc người Pháp đã treo cổ trên xà nhà và được một chiến hữu cũ của đại tá Au-

reliano Buendía mai táng, trái với ý muốn của dân làng. Fernanda đành phải trông cây anh con trai mình, José Arcadio, và anh ta đã gửi từ Roma về cho bà những chiếc vòng kèm tờ chỉ dẫn mà bà đã giấu biệt sau khi học thuộc lòng để không ai biết thực trạng bệnh tật của mình. Cẩn thận như vậy là vô ích, bởi vì những người sống trong ngôi nhà này hình như chẳng hề quan tâm đến điều ấy. Santa Sofía de la Piedad sống trong tuổi già cô quạnh, bà nấu nướng thức ăn cho cả nhà, và dường như dành tất cả sức lực cho việc chăm sóc José Arcadio Segundo. Amaranta Úrsula, người thừa kế những vẻ quyến rũ của Remedios – Người đẹp lo dành toàn bộ thời gian cho việc học hành mà trước đây cô thường lãng phí vào việc trêu chọc Úrsula, bắt đầu tỏ ra có ý thức tốt và cố gắng trong học tập, điều đó làm hồi sinh những hi vọng tốt

đẹp mà Meme đã khơi gợi lên ở Aureliano Segundo. Aureliano Segundo đã hứa là sẽ gửi cô sang Brussels để học tiếp, theo tập quán của thời kì Công ty chuối, và mộng ước đó đã khiến ông cố công phục hóa số ruộng đất từng bị mưa lụt tàn phá. Hồi ấy, rất ít khi người ta thấy Aureliano Segundo ở nhà. Ông đi làm việc vì Amaranta Úrsula, vậy nên đối với Fernanda ông đã trở thành một người khác lạ. Còn Aureliano càng đến tuổi phát dục càng xa lánh mọi người và đắm chìm suy tư hơn. Aureliano Segundo tin rằng tuổi già sẽ làm mềm dịu trái tim của Fernanda, để Aureliano có thể hòa mình vào cuộc sống của một làng mà ở đó chắc chắn sẽ không có ai mất công tìm hiểu gốc gác của chú. Nhưng chính Aureliano lại thích sống tự giam mình trong nỗi cô đơn và chẳng tỏ ra có một chút thích thú nào với việc làm quen thế giới bên ngoài

khung cửa. Khi Úrsula mở cửa phòng Melquíades, Aureliano cứ lượn lờ xung quanh, tò mò nhìn cánh cửa khép hờ, và chẳng ai biết rằng quan hệ thân mật qua lại giữa chú và José Arcadio Segundo đã nảy sinh từ lúc nào. Mãi về sau, khi nghe Aureliano nói về vụ thám sát ở nhà ga xe lửa, Aureliano Segundo mới phát hiện ra quan hệ đó. Số là, một hôm trong bữa ăn, có người nào đó than vãn về sự suy sụp và chìm đắm của làng xóm khi bị Công ty chuối bỏ rơi, và Aureliano đã bác bỏ ý kiến đó với sự chín chắn và cách nói năng của người lớn. Theo quan điểm của chú đối lập với cách hiểu của mọi người nói chung, thì trước khi bị Công ty chuối làm cho điêu đứng, suy thoái và sau đó bị áp bức, Macondo là một vùng giàu có và đang đi lên, và chính các kĩ sư của Công ty chuối đã gây nên nạn lụt để lấy cớ hủy bỏ hợp đồng với những người

lao động. Khi miêu tả với những chi tiết chính xác và có tính thuyết phục việc quân đội bắn chết hơn ba ngàn người bị vây chặt ở nhà ga rồi dùng một đoàn xe lửa hai trăm toa chở xác họ quăng xuống biển, Aureliano đã nói rõ ràng đến mức làm cho Fernanda có cảm tưởng như chú đang bắt chước Chúa Giêsu một cách vô lễ khi Chúa nói với các tông đồ của mình. Cũng như phần lớn những người khác, tin vào lẽ phải chính thống cho rằng không có chuyện ấy, Fernanda dùng dùng nổi giận và bắt Aureliano phải ngừng lời vì nghĩ rằng chú đã kế thừa những thói xấu vô chính phủ của đại tá Aureliano Buendía. Ngược lại, Aureliano Segundo chấp nhận ý kiến của người anh em sinh đôi José Arcadio Segundo. Trên thực tế, mặc dù bị coi là điên dại, José Arcadio Segundo là người sáng láng nhất nhà. José Arcadio Segundo đã dạy

chú bé Aureliano biết đọc biết viết, hướng dẫn chú bắt đầu nghiên cứu những thứ được ghi chép trên các tấm da thuộc và in sâu vào chú những cách lí giải rất riêng về ý nghĩa của Công ty chuối đối với Macondo mà nhiều năm sau này, khi đã hòa mình vào cuộc sống chung, Aureliano vẫn còn nghĩ rằng José Arcadio Segundo đã kể chuyện huyền thoại, bởi vì nó khác hẳn với sự giảng giải lừa bịp mà các nhà sử học đã thừa nhận và đưa vào các bài giảng ở trường học. Trong căn phòng nhỏ hẹp, nơi không bao giờ có gió khô, bụi đỏ và sự nóng nực, Aureliano và José Arcadio Segundo nhớ lại hình ảnh cha truyền con nối về một ông già đội chiếc mũ cánh quạ đang nói về thế giới ở đằng sau cánh cửa có từ rất nhiều năm trước khi họ ra đời. Cả hai cùng nhận ra rằng ở đó luôn luôn là tháng ba và luôn luôn là ngày thứ hai, cũng khi đó, họ hiểu rằng

cụ cố José Arcadio Buendía không phải điên dại như những người trong gia đình kể lại, mà là người duy nhất trong gia đình, với trí tuệ khá minh mẫn, đã thấy mơ hồ một chân lí là thời gian cũng bị vấp vấp và bị tai nạn, bởi vậy nó có thể tự tan vỡ ra, và để lại trong phòng một mảnh đã được vĩnh cửu hóa. Ngoài ra, José Arcadio Segundo còn phân loại được những mã chữ ghi trên các tấm da thuộc. José Arcadio Segundo quả quyết rằng những mã chữ đó thuộc một loại hình văn tự có từ bốn mươi bảy đến năm mươi hai nét chữ cái, khi tách rời ra chúng như những con nhện và những con bọ, và với cách viết nắn nót của Melquíades chúng lại giống như những mảnh quần áo phơi trên dây. Aureliano nhớ lại rằng chú đã thấy một bảng chữ như vậy trong bộ bách khoa toàn thư của Anh, và thế là chú mang bảng của mình

đến phòng để đối chiếu giới bảng của José Arcadio Segundo. Hai bảng ấy hoàn toàn giống nhau. Trong thời kì mở xổ số với các câu đố, Aureliano Segundo thường thức dậy khi bị nghẹn cứng ở cổ họng như thể phải cố nín khóc vậy. Petra Cotes coi đó như là một trong những sự trắc trở do hoàn cảnh xấu đưa lại, và trong suốt thời gian hơn một năm, sáng nào cũng bôi vào vòm họng Aureliano Segundo một ít mật ong và cho uống nước củ cải. Khi cái cổ họng sưng tấy lên đến mức gây khó thở, Aureliano Segundo tìm đến Pilar Ternera xem bà lão có biết dùng thứ cỏ gì để chữa hay không. Người bà nội có tính cách cứng rắn ấy, người đã sống đến trăm tuổi ngay trước một nhà chứa bí mật, không tin ở thuốc thang, mà chữa bằng cách bói bài tây. Bà lão thấy một con ngựa vàng bị thương ở cổ họng vì mũi gươm của con “J” và bói

rằng Fernanda đang cố lôi chồng trở về nhà bằng một thuật chẳng linh nghiệm gì là đóng đinh ghim lên ảnh chồng, nhưng do một sự hiểu biết ngu dốt về cái thuật xấu xa ấy mà làm cho chồng bị mọc mụn nhọt ở bên trong. Vì không có tấm chân dung nào khác ngoài những tấm hình chụp ngày cưới mà tất cả vẫn nằm trong tập ảnh gia đình, nên nhân những lúc vợ không để ý, Aureliano Segundo tiếp tục lục lọi khắp nơi trong nhà, cuối cùng ông tìm thấy ở dưới đáy hòm quần áo nửa tá vòng treo tử cung vẫn còn nằm nguyên trong hộp. Tin rằng những chiếc vòng đó là bùa chú, Aureliano Segundo bỏ một chiếc vào túi rồi mang đến cho Pilar Ternera xem. Pilar Ternera không thể xác định được bản chất của nó, nhưng đầy nghi ngờ, bà lão bảo Aureliano Segundo đưa cả nửa tá vòng ấy đến, rồi đem đốt trên một đồng lửa nhóm ở trong

sân. Để giải bùa của Fernanda, bà lão bảo Aureliano Segundo đem con gà mái đang ấp nhúng ướn rồi chôn ở dưới gốc cây dẻ; Aureliano Segundo làm theo lời bà lão với lòng đầy tin tưởng, đến mức ngay sau khi lấy lá khô che phủ chỗ đất mới đào, ông đã cảm thấy dễ thở rồi. Fernanda thì coi việc những chiếc vòng treo tử cung kia bị biến mất là sự báo thù của các thầy thuốc không thể nhìn thấy bởi vậy bà khâu một chiếc túi nhỏ ở bên trong chiếc áo khoác để đựng những chiếc vòng mới mà con trai bà gửi về. Sáu tháng sau khi chôn con gà, một hôm giữa đêm Aureliano Segundo thức dậy vì một cơn ho và cảm thấy như có những chiếc còng cua đang kẹp xé ở bên trong. Lúc đó Aureliano Segundo hiểu rằng dù có đất nhiều vòng cao su và nhúng ướn nhiều gà mái đang ấp để giải bùa thì vẫn không tránh khỏi cái sự thật đau buồn

cuối cùng là ông đang chết dần. Aureliano Segundo không nói điều ấy với ai. Day dứt vì lo rằng chết mà vẫn không kịp gửi Amaranta Úrsula sang học ở Brussels, Aureliano Segundo làm việc nhiều hơn bao giờ hết, và nếu trước đây mỗi tuần ông chỉ mở một kì xổ số thì bây giờ mở đến ba kì. Mới sáng sớm đã thấy Aureliano Segundo đi khắp nơi trong làng, và còn đến tận những xóm hẻo lánh và nghèo nàn nhất, cố gắng bán các vé xổ số, với một khát vọng mà chỉ có thể thấy ở một người hấp hối: “Vé số Đấng Toàn năng linh thiêng đây!”, Aureliano Segundo rao, “đừng bỏ qua vận may trăm năm có một”. Aureliano Segundo cố gắng một cách đầy cảm động, làm ra vẻ vui tươi, hồ hởi và cởi mở, nhưng chỉ nhìn mồ hôi và sắc mặt tái nhợt của ông, cũng biết rằng ông không thể thực hiện được điều mong muốn. Đôi khi Aureliano Segun-

do rẽ vào các khu ruộng hoang, ở đó không ai nhìn thấy, ông nghỉ ngơi chốc lát để giảm bớt cơn đau như kim bóp kẹp ở bên trong. Đến nửa đêm, Aureliano Segundo vẫn còn ở trong khu gái điếm, cố an ủi những người đàn bà cô đơn đang sùi sụt khóc bên cạnh những chiếc máy hát quay tay, bằng những lời diễn thuyết về vận may: “Số này bốn tháng nay chưa về đấy!”. Aureliano Segundo nói và chìa các vé số ra: “Đừng để vận may đi mất, vì cuộc đời còn ngắn hơn là người ta tưởng!”. Aureliano Segundo không còn được coi trọng nữa, người ta nhạo báng ông, và những tháng sau cùng người ta không gọi ông là Ngài Aureliano nữa mà gọi thẳng vào mặt ông là “Đấng Toàn năng linh thiêng”. Giọng nói của Aureliano Segundo ngày một lạc đi và cuối cùng, sau một cơn rống lên như tiếng chó, thì mất hẳn giọng, nhưng Aureliano

Segundo vẫn mong rằng niềm hi vọng của ông không bị tiêu tan trong cuộc mở xổ số ở sân nhà Petra Cotes. Nhưng vì mất tiếng nói nên Aureliano Segundo biết rằng chẳng bao lâu nữa ông sẽ không còn chịu đựng nổi cơn đau, và ông thấy không thể bằng cách mở xổ số với những con lợn, con dê mà con gái ông có thể đi Brussels, vậy nên ông nảy ra ý định mở xổ số với giải thưởng là miền đất đã bị nạn lụt lội tàn phá, đất đai ấy sẽ được phục hồi do người bỏ nhiều vốn. Đó là một sáng kiến đầy hấp dẫn, đến mức khiến cho ông thị trưởng đã đích thân cùng với một dàn nhạc đi quảng cáo, và người ta đã vào hội với nhau để mua xổ số với giá mỗi vé một trăm peso, do đó vé đã được bán hết trong thời gian chưa đầy một tuần. Trong đêm mở xổ số những người trúng thưởng tổ chức một cuộc vui linh đình có thể so sánh với những

cuộc hội hè trong thời kì tốt đẹp nhất của Công ty chuối, và đêm ấy là lần cuối cùng Aureliano Segundo biểu diễn những bài hát bị lãng quên của cụ Francisco – Con Người bằng đàn phong cầm, ông không thể hát được nữa rồi.

Hai tháng sau đó, Amaranta Úrsula sang Brussels, Aureliano Segundo chẳng những đưa cho con gái số tiền thu được trong cuộc xổ số đặc biệt mà còn đưa cả tiền tiết kiệm trong mấy tháng trước đó cùng một ít tiền bán đàn dương cầm tự động, đàn tiểu phong cầm, và một vài đồ vật cũ. Theo Aureliano Segundo tính toán thì số vốn đó đủ để Amaranta Úrsula ăn học, vậy là chỉ còn thiếu tiền mua vé trở về nữa thôi. Fernanda chống lại chuyến đi đó, bà bực bội vì nghĩ rằng Brussels ở quá gần cái thành phố Pariss đòi trụ, nhưng cuối cùng, bà đã yên

lòng khi xem bức thư của cha Angel gửi một nhà trọ dành cho những thanh niên theo đạo Thiên chúa, nhà trọ ấy do những người phụ nữ có đạo trông nom, và Amaranta Úrsula đã hứa là sẽ ở đó cho đến khi học xong. Hơn nữa, vị cha cố còn tạo cơ hội cho Amaranta Úrsula đi cùng một nhóm nữ tu sĩ dòng Francisco, những người này đến Tôlêđô, ở đó họ hi vọng gặp được người có thể tin tưởng để gửi gắm cô ta sang Bỉ. Trong khi sự liên hệ được gấp rút thực hiện để có thể phối hợp được như vậy thì Aureliano Segundo, với sự giúp đỡ của Petra Cotes, lo sắp xếp hành trang cho Amaranta Úrsula. Vào buổi tối mà họ sắp xếp một trong những chiếc rương đựng đồ cưới của Fernanda, mọi chuyện đã được chuẩn bị kĩ càng đến mức cô học sinh Amaranta Úrsula nhớ như in chỗ nào để bộ lễ phục và đôi dép nhung dùng khi

qua Đại Tây Dương, chỗ nào để chiếc áo khoác bằng len dày màu xanh có khuy đồng cùng đôi giày da dê dùng khi cập bến. Amaranta Úrsula còn biết cách đi như thế nào để khỏi ngã xuống nước khi leo lên bờ, rằng không lúc nào được rời các nữ tu sĩ hoặc ra khỏi phòng ngủ trên tàu nếu không phải là đi ăn, rằng khi ở ngoài biển khơi không được trả lời bất kì câu hỏi nào của bất kì ai, kể cả đàn ông và đàn bà. Cô mang theo một lọ thuốc để chống say sóng và một cuốn sổ có sáu câu cầu nguyện để tránh bão tố, do chính cha Angel viết. Fernanda may cho cô một chiếc thắt lưng bằng vải bạt để đựng tiền và chỉ dẫn cho cô cách dùng, dặn cô luôn luôn buộc nó vào người, không lúc nào được tháo ra, kể cả khi ngủ cũng vậy. Fernanda còn định cho cô một chiếc bờm nhỏ bằng vàng đã được tráng kiềem và tẩy rửa bằng cồn, nhưng

Amaranta Úrsula không nhận vì sợ rằng các bạn gái ở trường sẽ chế nhạo. Vài tháng sau, vào lúc sắp qua đời, Aureliano Segundo còn nhớ lại lần cuối cùng ông nhìn thấy Amaranta Úrsula khi cô đang cố hạ tấm kính cửa sổ bám đầy bụi ở một toa hạng hai để nghe những lời căn dặn cuối cùng của Fernanda, nhưng không hạ được. Hôm đi, Amaranta Úrsula mặc bộ lễ phục bằng lụa hồng với một chùm hoa giả nho nhỏ cài trên cầu vai bên trái, đi đôi giày da dê gót thấp có dây thắt, đôi bít tất với những dây nịt bằng cao su nổi bật trên bắp chân. Amaranta Úrsula có thân hình thon thả, mái tóc dài buông tỏa và đôi mắt linh lợi như mắt Úrsula khi bà ở tuổi cô. Lúc từ biệt, Amaranta Úrsula không khóc cũng không cười, điều đó cũng biểu lộ tính vững vàng như tính cách của Úrsula. Đi bên cạnh toa lúc tàu chuyển bánh, vịn vào cánh

tay Fernanda để khỏi vấp ngã, Aureliano Segundo vẫn còn có thể giơ một tay lên chào lại khi con gái ông đưa ngón tay lên miệng gửi cha chiếc hôn già từ. Vợ chồng Aureliano Segundo ngồi yên dưới ánh nắng gay gắt và nhìn theo đoàn tàu cho đến khi nó chỉ còn như một chấm nhỏ ở phía chân trời, và lúc ấy, lần đầu tiên kể từ ngày cưới, họ ôm lấy cánh tay nhau. Ngày mồng chín tháng tám, trước khi có thư từ Brussels gửi về, José Arcadio Segundo trò chuyện với Aureliano trong phòng của Melquíades và bỗng nói băng quơ:

Hãy luôn luôn nhớ rằng họ, hơn ba ngàn người, đã bị quăng xuống biển đấy!

Sau đó José Arcadio Segundo gục xuống những tấm da thuộc đầy chữ và chết với đôi mắt vẫn mở to. Cùng lúc đó, trên giường của Fernanda, người anh em

sinh đôi của ông đã không còn phải chịu đựng nỗi đau kéo dài như thế do những chiếc còng của bằng thép kẹp chặt một cách khủng khiếp trong cổ họng gây nên nữa. Một tuần trước đó, để thực hiện lời nguyện là sẽ chết bên cạnh vợ, Aureliano Segundo đã trở về nhà, nói không được, thở không được, dường như chỉ còn da bọc xương, mang theo về những chiếc hòm của kẻ lang thang nay đây mai đó và chiếc phong cầm cũ kĩ. Petra Cotes đã giúp ông thu dọn quần áo để mang về, và đã đưa tiễn ông mà không hề nhỏ một giọt nước mắt, nhưng lại quên không đưa cho Aureliano Segundo đôi ủng da mà ông muốn được bỏ vào quan tài của mình. Đến khi biết rằng Aureliano Segundo đã chết, Petra Cotes liền mặc một bộ đồ đen và lấy báo gói đôi ủng lại, đến xin phép Fernanda vào viếng người

quá cố. Fernanda không cho Petra Cotes bước qua cửa.

Bà hãy đặt mình vào địa vị tôi, – Petra Cotes nói, – và bà hãy tưởng tượng xem tôi yêu ông ấy như thế nào để đến nỗi phải chịu sự khổ nhục này.

Chẳng có sự khổ nhục nào mà lại không xứng với một con ở, – Fernanda nói. – Hãy chờ đến khi có một kẻ nào khác trong đám đàn ông ấy chết đi, để mà đặt đôi ủng đó vào quan tài!

Thực hiện lời hứa của mình, Santa Sofía de la Piedad dùng một con dao làm bếp cắt cổ họng José Arcadio Segundo để đảm bảo chắc chắn rằng ông ta không bị chôn khi vẫn còn sống. Hai tử thi được đặt trong hai chiếc quan tài giống nhau, và ở đó người ta thấy họ trở lại giống nhau như đúc cũng như họ từng giống nhau từ

thuở lọt lòng đến khi thành niên. Những người trong đám bạn ăn chơi ngày trước của Aureliano Segundo đặt lên quan tài của ông một vòng hoa đính một dải băng đen mang dòng chữ: “Những con bò cái hãy dặng háng ra, kéo cuộc đời ngắn lắm!”. Fernanda rất bức bối với sự bất kính đó và sai quăng vòng hoa vào đồng rác. Trong sự lộn xộn của những giờ phút cuối cùng, khi đưa thi hài hai người ra khỏi nhà, đám thanh niên say rượu và buồn bã đã lầm lẫn quan tài và do đó chôn quan tài người nợ vào huyệt người kia.

CHƯƠNG 18

Trong suốt một thời gian dài Aureliano không ra khỏi phòng của Melquíades. Chú học thuộc lòng các truyện cổ hoang đường trong cuốn sách đã rách rời, các bản tóm tắt những công trình nghiên cứu của Hermann, một người bại liệt, các chỉ dẫn về khoa quĩ thần học, các điểm mấu chốt của loại đá giả kim, và cuốn Những lời sấm truyền... của Nostradamus và những nghiên cứu của ông về bệnh dịch hạch, bởi vậy, khi

đến tuổi trưởng thành chú không hề hiểu biết gì về thời đại mình, nhưng lại có những kiến thức cơ bản của người thời Trung cổ. Lúc nào bước vào căn phòng đó, Santa Sofía de la Piedad cũng thấy chú vùi đầu vào sách vở. Cụ mang cho chú một tách cà phê không đường vào buổi sáng và một đĩa cơm với vài lát chuối rán vào buổi trưa, đó là món ăn duy nhất ở nhà này kể từ khi Aureliano Segundo mất. Santa Sofía de la Piedad lo việc cắt tóc bắt chấy rận cho Aureliano, sửa quần áo cũ trong những chiếc rương đã bị lãng quên cho chú mặc, khi thấy râu ria chú nhú ra, cụ mang dao cạo và chổi bôi xà phòng của đại tá Aureliano Buendía đến cho chú. Chẳng ai trong số những người con của đại tá, kể cả Aureliano José, lại giống ngài đến như Aureliano, nhất là ở đôi gò má cao và đường nét cương nghị có chút vẻ tàn nhẫn của khóe

miệng. Trước đây Úrsula tin rằng Aureliano Segundo thường nói một mình trong khi ngồi học ở trong phòng, bây giờ Santa Sofía de la Piedad cũng nghĩ như vậy. Thực ra, Aureliano nói chuyện với Melquíades. Sau cái chết của hai anh em sinh đôi kia, vào một buổi trưa oi ả, qua sự phản chiếu của cánh cửa sổ, Aureliano nhìn thấy ông già tang thương với cái mũ cánh quạ, như đó là sự hiện hình cụ thể của một ký ức đã hình thành trong đầu óc chú từ rất lâu trước khi chú ra đời. Trước đó Aureliano đã hoàn thành việc phân loại thứ chữ cái viết trên các tấm da thuộc. Khi Melquíades hỏi Aureliano rằng chú đã biết người ta ghi thứ ngôn ngữ nào trên đó chưa, chú trả lời không chút do dự: – Tiếng Phạn. Melquíades hé cho Aureliano biết rằng mình chẳng còn nhiều dịp trở lại căn phòng này. Nhưng Melquíades bình tâm

đi đến cái chết vĩnh hằng, bởi vì Aureliano có thời gian để học tiếng Phạn trong những năm tháng trước khi các tấm da thuộc kia tròn trăm tuổi và người ta có thể đọc được chúng. Chính Melquíades đã chỉ cho Aureliano biết rằng ở trên con đường chạy đến bờ sông, nơi ở thời kỳ Công ty chuối người ta thường xem hậu vận và đoán mệnh,

trong cửa hàng sách của một nhà thông thái người xứ Catalunya có cuốn Sanskrit Primer⁵ mà nếu Aureliano không mua vội thì chỉ sáu năm sau sẽ bị gián nhấm hết. Lần đầu tiên trong rất nhiều năm tháng đã qua của đời mình, Santa Sofía de la Piedad để lộ một tình cảm, và đó là một tình cảm sùng sờ, khi Aureliano đòi hỏi cụ mang về cho chú cái cuốn sách nằm giữa tập Jerusalem

5 Tiếng Anh, “Giáo trình cơ sở về tiếng Phạn”.

giải phóng⁶ và tập thơ của Milton⁷, phía bên phải cùng thuộc hàng thứ hai của giá sách. Vì không biết chữ nên Santa Sofía de la Piedad học thuộc lòng những lời hướng dẫn đó và cạy chạy tiền bằng cách đem bán một trong mười bảy con cá vàng còn lại ở xưởng kim hoàn mà chỉ có cụ và Aureliano biết chúng đã được cất giấu ở chỗ nào trong đêm bọn lính lục soát ngôi nhà. Aureliano tiến bộ trong việc học tiếng Phạn, trong khi đó Melquíades ngày một thưa nhạt và xa vời, lần dần vào ánh sáng ban trưa rực rỡ.

Lần cuối cùng Aureliano cảm thấy cụ là lúc Melquíades dường như chỉ còn

6 Tập anh hùng ca gồm 20 chương của Torquato Tasso (1544 – 1595).

7 John Milton (1608-1674): nhà thơ và nhà viết kịch người Anh. Một trong những tác phẩm nổi tiếng của ông là tập anh hùng ca mang nội dung tôn giáo Thiên đường đã mất, viết về sự ra đời và sự suy vong của nhân loại. Ông bị mù từ năm 1652. Tác phẩm trên được ông đọc để vợ và các con gái ghi chép lại.

là một cái bóng không thể nhìn thấy đang lăm râm “Ta đã chết vì bị siết trên những cồn cát ở bờ biển Singapore”. Căn phòng lúc đó bỗng trở nên thiếu sức đề kháng trước sự tấn công của bụi bặm và nóng bức, của một và kiến, của mỗi và gián, những con vật từng biến kiến thức trong sách vở và các tấm da thuộc kia thành bụi. Trong nhà không thiếu thức ăn, Aureliano Segundo chết hôm trước thì hôm sau một trong những người bạn của ông từng đem tới chiếc vòng hoa với dòng chữ bất kính kia đã trả cho Fernanda một khoản tiền mà ông ta nợ chồng bà. Cũng từ hôm ấy một người làm nghề chuyển hàng cứ vào ngày thứ tư lại mang tới một lần thức ăn đủ cho cả một tuần lễ. Chẳng bao giờ có ai biết rằng những thức ăn đó là do Petra Cotes gửi tới với ý nghĩ: bằng cách tỏ lòng thương hại kéo dài, bà sẽ làm khổ nhục người đã từng

làm mình khổ nhục. Nhưng sự thù hận đã tan biến nhanh hơn cả chính Petra Cotes tưởng, và khi ấy bà vẫn tiếp tục gửi thực phẩm tới vì kiêu hãnh, và sau đó vì cảm thương. Có những lần khi Petra Cotes không muốn đi bán vé xổ số nữa và dân chúng cũng đã mất hứng thú với trò cờ bạc ấy, bà đã nhịn để nhường thức ăn cho Fernanda, và Petra Cotes luôn luôn thực hiện trách nhiệm gửi thực phẩm chừng nào Fernanda chưa qua đời. Đối với Santa Sofía de la Piedad, việc giảm số người trong nhà có lẽ cho cụ một sự nghỉ ngơi mà cụ được quyền hưởng sau hơn nửa thế kỷ làm việc. Không bao giờ người ta nghe thấy một tiếng thở than của người đàn bà kín đáo và khó hiểu ấy, người đã gieo vào gia đình này những mầm mống thần thánh của Remedios – Người đẹp và sự trịnh trọng bí ẩn của José Arcadio Segundo, người đã

dành cả cuộc đời cô đơn và thầm lặng của mình vào việc nuôi nấng lũ trẻ mà chúng không nhớ rõ bằng mình là con hay cháu của cụ. Cụ chăm sóc Aureliano như thể chú ra đời từ sự mang nặng đẻ đau của mình, và chính cụ cũng không biết rằng mình là cố của chú nữa. Phải ở trong một gia đình như vậy mới có thể nghĩ được rằng Santa Sofía de la Piedad thường ngủ trên một tấm thảm dệt bằng lá cọ trải trên nền nhà kho chứa ngũ cốc, giữa tiếng ếch nhái kêu đêm, và cụ cũng không kể với ai rằng có một đêm cụ đã thức dậy bởi một cảm giác hãi hùng là có ai đó đang nhìn mình trong bóng tối, thì ra đó là một con rắn độc trườn trên bụng cụ. Santa Sofía de la Piedad biết rằng nếu thuở trước cụ kể với Úrsula chuyện đó thì thế nào Úrsula cũng bắt cụ phải ngủ trên giường của mình, nhưng ở thời buổi này chẳng ai để ý đến điều gì nếu cụ không

kêu lên ở ngoài hành lang, bởi vì công việc chân tay ở lò bánh, những nỗi hãi hùng về chiến tranh, việc chăm sóc con cháu khiến cho người ta không còn thời gian để nghĩ đến hạnh phúc của người khác nữa. Chỉ có Petra Cotes, người mà Santa Sofía de la Piedad chưa từng biết mặt, là nhớ đến cụ thôi. Sắm cho cụ một đôi giày đẹp và một bộ lễ phục, đó là món nợ mà Petra Cotes vẫn chưa trả được ngay cả trong những ngày tháng tuyệt vời với khoản tiền do các cuộc xổ số đưa lại. Thuở mới đặt chân đến nhà này Fernanda có nhiều lý do để tin rằng Santa Sofía de la Piedad là một người làm đầy tớ suốt đời, và nếu có một vài lần Fernanda nghe nói đó là mẹ chồng mình thì đó cũng là điều rất khó tin, đến mức bà phải mất rất nhiều thời gian mới biết rằng quả đúng như vậy, nhưng chẳng bao lâu bà lại quên đi. Santa Sofía

de la Piedad không bao giờ thấy khó chịu với cái vị trí thấp kém đó. Ngược lại, cụ cảm thấy thích thú với việc đi hết từ xó xỉnh này đến xó xỉnh khác, không kêu ca một lời, luôn chân luôn tay sắp xếp và dọn dẹp lại ngôi nhà rộng thênh thang nơi mình đã sống từ khi còn trẻ, và riêng trong thời kỳ còn Công ty chuối ngôi nhà ấy giống một trại lính hơn là một cư xá. Nhưng khi Úrsula qua đời, tính cẩn thận đến mức khắc nghiệt và khả năng làm việc phi thường của Santa Sofía de la Piedad cũng bắt đầu suy giảm. Không phải chỉ vì cụ đã tuổi cao sức kiệt, mà còn vì ngôi nhà đã nhanh chóng rơi vào tình trạng ọp ẹp. Một lớp rêu non xanh rờn phủ các bức tường. Khi ngoài vườn không còn chỗ đất nào trống, các loại cỏ dại liền đội võ nển xi măng ở hành lang như thể đội võ một tấm kính, và từ các kẽ nứt đã mọc lên chính những bông hoa

nhỏ màu vàng mà trước đó đến gần một thế kỷ Úrsula từng nhìn thấy trong chiếc cốc đựng hàm răng giả của Melquíades. Chẳng có thời giờ và cũng chẳng có cách gì ngăn chặn những cuộc tấn công tàn bạo đó của thiên nhiên, suốt ngày Santa Sofía de la Piedad xua đuổi những con thằn lằn đã chui vào phòng hồi đêm. Một buổi sáng cụ trông thấy những con kiến đỏ rời bỏ những chỗ xi măng đã bị đào thủng, bò qua vườn, leo lên những bờ thành của thang gác, nơi có những cây thu hải đường đã úa màu đất, và vào đến tận chỗ trong cùng của ngôi nhà. Thoạt đầu cụ dùng chổi, sau đó dùng thuốc sâu và cuối cùng dùng vôi để giết lũ kiến ấy, nhưng ngày hôm sau chúng lại xuất hiện ở đúng chỗ cũ, thường xuyên qua lại, bên bĩ và bất khả chiến thắng. Lúc đó, vì đang viết thư cho các con mình nên Fernanda không hay biết gì về cuộc tấn công

không thể ngăn chặn ấy của đám cỏ dại và lũ sâu bọ đang phá hoại. Một mình Santa Sofía de la Piedad tiếp tục chiến đấu, chống chọi với cỏ dại để không thể tràn vào nhà bếp, xua những búi mạng nhện sinh sôi nảy nở rất nhanh ở trên tường và miết xát lũ mọt. Nhưng khi thấy căn phòng của Melquíades cũng bị mạng nhện chằng và bụi phủ, thì Santa Sofía de la Piedad bèn mỗi ngày quét dọn ba lần và khi thấy rằng, bất chấp sự dọn dẹp cần mẫn của mình, căn phòng vẫn bị đe dọa bởi những đồng gạch ngói đổ vỡ và bầu không khí hôi hám mà chỉ có đại tá Aureliano Buendía và viên sĩ quan trẻ xưa kia tiên đoán được thì cụ hiểu rằng mình đã thất bại. Lúc ấy Santa Sofía de la Piedad mặc bộ lễ phục ngày chủ nhật đã sờn, đi đôi giày cũ của Úrsula và một đôi tất sợi bông mà Amaranta Úrsula đã tặng mình, rồi gói hai hoặc ba

bộ quần áo còn lại thành một bọc. – Ta chịu rồi, – cụ bảo Aureliano, – cái nhà này thật là quá rộng, và cái thân còm này không thể nào kham nổi việc thu dọn cho nó thơm tất được. Aureliano hỏi Santa Sofía de la Piedad định đi đâu thì cụ trả lời bằng một cử chỉ mập mờ như thể chẳng hề có một chút ý thức nào về số phận của mình. Tuy vậy, cụ cũng cố xác định rằng sẽ sống những ngày cuối của đời mình với một bà em họ ở Riohacha. Điều ấy cũng không lấy gì làm chắc. Vì từ khi các vị thân sinh của Santa Sofía de la Piedad qua đời, cụ không có quan hệ với ai trong làng, không hề có thư từ hoặc lời nhắn hẹn, và cũng chẳng ai nghe thấy cụ nói về một người họ hàng nào cả. Aureliano đưa cho Santa Sofía de la Piedad mười bốn con cá vàng, bởi vì cụ đã quyết ra đi khi trong túi chỉ còn một peso và hai mươi lăm xu. Qua cửa

sổ, Aureliano nhìn thấy Santa Sofía de la Piedad, với tấm thân còng vì tuổi tác, lê bước qua vườn mang theo một gói nhỏ quần áo, và nhìn thấy cụ thò tay vào lỗ cửa để cài then lại sau khi đã ra khỏi nhà. Từ ấy không ai hay biết gì về cụ nữa.

Sau khi biết rằng Santa Sofía de la Piedad đã bỏ chạy, Fernanda nói làm nhảm suốt một ngày rờn trong khi xem lại từng chiếc rương một, từng chiếc tủ một để yên tâm rằng cụ đã không lấy một thứ gì mang đi. Lần đầu tiên trong đời Fernanda nhóm bếp và bà bị bỏng tay, rồi bà phải nhờ Aureliano bày cho cách thức pha cà phê. Từ đó về sau, chính Aureliano là người làm việc bếp núc. Khi Fernanda thức dậy thì thức ăn đã được Aureliano chuẩn bị sẵn và ủ trong tro nóng, bà chỉ cần ra khỏi phòng ngủ mang về ăn trên một chiếc bàn phủ khăn bằng

vải gai, bên trên có đặt những cây đèn nến; khi ăn, bà ngồi trên chiếc ghế trong cùng của mười lăm chiếc ghế trống. Trong khung cảnh đó Aureliano và Fernanda không chia sẻ với nhau nỗi cô đơn, mà ai lo việc người nấy. Họ quét dọn phòng mình; trong khi mạng nhện giăng trên các khóm hồng, phủ trên xà nhà và dẹt trên các bức tường. Đó là thời kỳ Fernanda có ấn tượng rằng ngôi nhà này đầy ma quái. Chẳng thế mà các đồ vật, nhất là những thứ hàng ngày thường dùng, luôn luôn tự nó thay đổi vị trí. Fernanda mất thời gian tìm kiếm chiếc kéo mà bà cứ đinh ninh rằng mình để trên giường, và sau khi lục lọi khắp nơi lại thấy nó trong chiếc tủ ở nhà bếp, nơi bà tin rằng đã bốn ngày rồi mình không đặt chân đến. Đột nhiên trong tủ đựng các bộ đồ ăn không còn lấy một chiếc đĩa, thế rồi lại thấy sáu chiếc trên bàn thờ và

ba chiếc ở chậu rửa bát. Khi Fernanda ngồi viết lại càng thấy các đồ vật di chuyển bất ngờ hơn. Lọ mực đặt ở bên phải sau lại thấy ở bên trái, bàn thảm giấy biến mất và hai ngày sau bà lại thấy nằm ở dưới gối, những trang viết cho José Arcadio lẫn với những trang viết cho Amaranta Úrsula, và bà luôn luôn băn khoăn là đã bỏ thư nọ vào bì kia như nhiều lần từng xảy ra trên thực tế. Có lần bà mất bút. Mười lăm ngày sau người đưa thư mang trả lại. Ông ta thấy ở trong túi của mình và đã đi khắp các nhà hỏi xem ai có cây bút đó. Thoạt đầu, Fernanda tin rằng những chuyện đó là do các thầy thuốc không thể nhìn thấy gây ra, giống như việc mất những chiếc vòng treo tử cung dạo trước, và bà bắt đầu viết một bức thư cầu xin họ để cho mình yên, nhưng rồi bà phải ngừng lại để làm một việc khác, và khi trở về phòng chẳng

những bà không thấy lá thư bắt đầu viết ấy đâu, mà ngay cả mục đích của việc viết thư là gì bà cũng quên nốt. Có một dạo bà nghĩ là tại Aureliano. Bà theo dõi Aureliano, đặt các đồ vật ở lối đi với ý định sẽ bắt quả tang khi chú đang mang chúng từ chỗ nọ bỏ vào chỗ kia, nhưng ngay sau đó bà lại yên trí rằng Aureliano không ra khỏi phòng của Melquíades nếu không cần đến nhà bếp hoặc nhà vệ sinh, và chú còn không phải là người thích đùa nữa. Thế rồi cuối cùng Fernanda tin rằng đó là sự quấy nhiễu của ma quái và bà chọn cách đối phó là để vật nào cần sử dụng vào đúng chỗ ấy thật chắc chắn. Bà buộc chiếc kéo vào đầu giường bằng một sợi dây dài, buộc ống bút và bàn thấm giấy vào chân bàn; dùng keo gắn lọ mực vào mặt bàn, ở phía bên phải chỗ bà thường ngồi viết. Nhưng rồi chẳng phải mọi chuyện êm đẹp ngay, bởi

vì vừa ngồi may được một lúc lại không thể lười cái kéo ra chỗ cần phải cắt, vì sợi dây buộc ngắn quá như thể ma quỷ đã cắt bớt đi. Sợi dây buộc ống bút cũng vậy và đến cả cánh tay Fernanda cũng ngắn đi, vì vừa ngồi viết một lúc bà đã không với tới lọ mực nữa rồi. Cả Amaranta Úrsula ở Brussels và José Arcadio ở Roma, cả hai chẳng bao giờ biết những điều bất hạnh này. Fernanda viết cho các con rằng bà sống hạnh phúc, và quả có thể thực, chính là vì bà thấy mình thoát khỏi mọi sự ràng buộc, như thể một lần nữa cuộc đời đang kéo bà về thế giới của cha mẹ mình, ở đó bà sẽ không phải khổ sở về những chuyện hàng ngày bởi vì chúng đã được giải quyết ngay trong tưởng tượng. Việc trao đổi thư từ với con cái làm cho Fernanda quên mất khái niệm về thời gian, nhất là từ khi Santa Sofía de la Piedad bỏ đi. Trước kia bà có thói quen

tính ngày, tính tháng và tính năm xem còn bao lâu nữa thì các con bà trở về theo dự định. Nhưng khi hết lần này đến lần khác họ báo thay đổi thời hạn thì bà thấy ngày tháng lẫn lộn, và thời gian dường như không trôi đi. Lẽ ra phải sốt ruột lắm thì bà lại thấy hài lòng với sự chậm trễ. Fernanda không nóng lòng với chuyện nhiều năm sau khi José Arcadio thông báo với bà rằng sắp làm lễ tuyên thệ tu hành suốt đời, rồi sau đó lại nói rằng anh ta đang chờ kết thúc chương trình thần học cao cấp để học về ngoại giao, bởi vì bà nghĩ rằng có biết bao khó khăn trắc trở trên chiếc thang ốc rất dài dẫn đến chiếc ghế của Thánh Peter⁸. Ngược lại, bà xốn xang bởi những tin tức

8 Thánh Peter là vị thánh tông đồ số một của Chúa Giêsu. Sinh khoảng năm thứ 10 trước Công nguyên và mất khoảng năm 67 sau Công nguyên, dưới triều đại Nero. Trên khu đất mai táng ông người ta đã xây dựng thánh đường Vatican. Ngày lễ 29 tháng 6.

mà đối với người khác chẳng có nghĩa gì, ví dụ như chuyện con trai bà đã nhìn thấy Giáo hoàng. Bà cũng sung sướng như vậy khi Amaranta Úrsula cho biết rằng chương trình học của cô sẽ kéo dài thêm, vì cô được xếp loại ưu nên được ưu đãi, đó là điều cha cô không nghĩ đến trong khi tính toán. Ba năm đã trôi qua kể từ khi Santa Sofía de la Piedad mang về cho Aureliano cuốn sách ngữ pháp tới khi chú dịch được trang đầu tiên. Việc làm của chú chẳng phải vô ích, nhưng cũng mới chỉ là bước đầu trên con đường dài như chẳng thể nào lường hết, bởi vì văn bản bằng tiếng Tây Ban Nha chẳng có ý nghĩa gì: đó chỉ là những bài thơ được mã hóa, Aureliano không còn các phương tiện để tạo cơ sở cho mình đi sâu vào các bài thơ đó, nhưng vì Melquíades đã từng nói với chú rằng ở cửa hàng sách của nhà thông thái xứ

Catalunya có những cuốn sách sẽ giúp chú hiểu hết các tấm da thuộc nên chú quyết định xin phép Fernanda đi kiếm những cuốn sách đó. Trong căn phòng đầy gạch ngói đổ vỡ – mà sự gia tăng của những mảnh gạch ngói này sẽ dẫn đến cái kết cục là làm đổ căn phòng – Aureliano suy nghĩ tìm kiếm cách trình bày thích đáng yêu cầu của mình, chú dự đoán khung cảnh và cơ hội thích hợp, nhưng khi thấy Fernanda lấy thức ăn ủ trong tro nóng – cơ hội duy nhất để nói với bà – thì những lời yêu cầu đã chuẩn bị rất kỹ càng bị ứ lại trong cổ, không thể nói thành lời. Đó là lần duy nhất mà Aureliano theo dõi Fernanda. Chú lắng nghe tiếng chân Fernanda đi lại trong phòng ngủ. Chú nghe thấy tiếng bà bước ra cửa để nhận thư của con cái và gửi người đưa thư những lá thư bà viết cho họ; đến rất khuya chú còn nghe thấy

tiếng bút dần mạnh trên mặt giấy trước khi nghe thấy tiếng tắt đèn và tiếng cầu kinh lầm rầm trong bóng tối. Cho đến tận lúc ấy Aureliano mới ngủ và chú tin rằng ngày mai cơ hội mình mong mỗi sẽ đến. Aureliano có ảo tưởng rằng điều yêu cầu của mình sẽ không bị chối từ, nên một buổi sáng chú đã cắt đi mái tóc dài chấm vai, cạo đi bộ râu tua tủa, mặc chiếc quần chên và chiếc áo có cổ giả mà chẳng biết là đã được thừa hưởng của ai, rồi chú đến nhà bếp chờ Fernanda đi ăn. Nhưng không đến người đàn bà ngày ngày vẫn sống ở đây, người đàn bà đầu ngẩng cao, người đàn bà đi lại rần rỏi ấy, mà chỉ đến một bà lão đẹp tuyệt vời mặc chiếc áo khoác lông điếu thủ màu vàng, đội chiếc miện bằng bìa cứng mạ vàng và có dáng vẻ yếu đuối của một người thường khóc thầm. Thực ra, từ khi thấy bộ trang phục hoa hậu đã bị gián nhăm

ở trong rường của Aureliano Segundo, Fernanda đã mặc nó nhiều lần. Nếu có ai đó thấy bà đứng trước gương làm dáng với cử chỉ có vẻ đài các đế vương chắc hẳn sẽ cho rằng bà bị điên. Nhưng không phải thế. Fernanda chỉ biến bộ áo hoa hậu ấy thành một cái máy nhớ mà thôi. lần đầu tiên mặc nó vào người, Fernanda đã không tránh khỏi cảm giác ứ nghẹn trong tim và mắt bà đầm lệ, vì lúc ấy Fernanda như cảm thấy mùi xi trên đôi ủng của một quân nhân đã đến tận nhà tìm mình để cho mình làm hoa hậu, và tâm hồn bà trở nên trong suốt với sự tiếc nuối những giấc mơ đã qua. Bà cảm thấy mình đã già yếu và cằn cỗi lắm rồi, đã khác xa biết bao nhiêu với Fernanda của những giờ phút đẹp đẽ nhất trong đời, đến mức bà cũng nhớ tiếc cả những giờ phút mà bà coi là tồi tệ nhất, và chỉ khi đó Fernanda mới thấy rằng những chùm hoa

kinh giới ở ngoài hành lang và hơi nước bốc lên từ những khóm hồng vào lúc chiều về, thậm chí cả bản chất hung dữ của những kẻ đến từ nơi xa lạ, là cần thiết biết bao đối với mình. Trái tim nguội lạnh của bà, từng chống đỡ vững vàng với những miếng đòn rất chính xác của đời sống thường ngày, giờ đây bị rạn vỡ bởi cuộc tấn công đầu tiên của nỗi hoài nhớ. Cảm giác đau buồn đã trở thành một nhu cầu của bà, nó tăng lên theo năm tháng và dần dần trở thành một thói xấu. Bà làm cho mình trở thành một người nhân từ trong nỗi cô đơn. Nhưng buổi sớm ấy khi bà vào bếp và thấy tách cà phê mà chàng trai trẻ gầy gò, xanh xao và có ánh mắt mơ màng kia pha cho mình, thì bà cảm thấy như bị một cái gì đó rất kỳ quặc đập vào mình. Chẳng những Fernanda đã không cho phép Aureliano đi, mà từ đó bà còn cất kỹ chìa

khóa nhà trong chiếc túi đựng những chiếc vòng treo tử cung không dùng đến. Sự cẩn thận ấy là vô ích, bởi vì nếu như Aureliano muốn thì chú có thể ra đi rồi lại trở về mà bà không thể nhìn thấy. Nhưng sự giam hãm lâu ngày, sự mơ hồ về thế giới bên ngoài và thói quen phục tùng đã làm khô héo những mầm mống bướng bỉnh trong Aureliano. Thế là chú trở về phòng mình, xem đi xem lại những tấm da thuộc và đến tận đêm khuya vẫn nghe tiếng khóc sụt sùi của Fernanda ở phòng ngủ của bà. Một buổi sáng, như thường lệ, Aureliano đi nhóm bếp, chú thấy trong đồng tro lạnh vẫn còn nguyên những thức ăn để cho Fernanda từ hôm trước. Aureliano vội ngó vào phòng và thấy Fernanda nằm trên giường, đắp chiếc áo khoác lông điếu thủ, bà đẹp hơn bao giờ hết, và da bà trắng như ngà. Bốn tháng sau đó, khi José Arcadio trở về thì

đã thấy bà bất động. Không thể thấy ai giống mẹ hơn José Arcadio. Anh chàng mặc một bộ lễ phục bằng lụa màu đen, chiếc áo cổ tròn và cứng, và thắt một dải lụa mềm thay cà vạt. Đó là một chàng trai xanh xao, suy nhược, ánh mắt mệt mỏi và khóe miệng yếu đuối. Mái tóc đen, bóng và mượt, được phân đôi bởi một đường ngôi thẳng tắp và trắng bệch chạy giữa đầu, giống như tóc của các thánh mà người ta thường thấy qua tranh tượng. Bóng mờ của bộ râu đã được cạo trên khuôn mặt như được làm bằng nến là dấu hiệu của người đã trưởng thành. Đôi tay trắng nhợt với những đường gân xanh, những ngón tay như những con giun, trên ngón trỏ ở bàn tay trái có một chiếc nhẫn to bằng vàng gắn mặt đá quý. Khi mở cổng cho José Arcadio, Aureliano chẳng cần đoán xem là ai cũng biết rằng đây là người từ xa đến.

Khi José Arcadio vào, ngôi nhà ngào ngạt mùi nước hoa mà Úrsula đã rải lên đầu khi anh chàng còn nhỏ để bà cụ trong cảnh mịt mù có thể nhận ra thẳng chúi. Không thể hiểu được vì sao mà sau rất nhiều năm đi xa, José Arcadio vẫn là một chú bé già trước tuổi, buồn và cô đơn ghê gớm. José Arcadio đến thẳng phòng của mẹ anh, ở đó Aureliano đã làm theo cách của Melquíades: cho thủy ngân bốc hơi bốn tháng trong cái ống của cụ tổ sáu đời, để giữ gìn thi thể. José Arcadio không hỏi một điều gì. Anh chàng hôn lên trán tử thi, rồi lấy từ dưới váy ra một chiếc túi nhỏ trong có ba chiếc vòng treo tử cung chưa dùng và chiếc khóa hòm quần áo Anh ta làm tất cả những việc đó một cách dứt khoát, khác hẳn với sự mềm yếu của mình. José Arcadio lấy từ hòm quần áo ra một chiếc hộp nhỏ có nạm gia huy và trong chiếc hộp ngào

ngạt hương gỗ trắc bá ấy, anh ta thấy một bức thư rất dài, ở đó Fernanda như rút ruột rút gan kể biết bao nhiêu sự thật mà bà đã giấu kín. Anh chàng đứng đọc lá thư ấy một cách đầy khao khát nhưng không hề bắn khoăn, đến trang thứ ba thì dừng lại nhìn Aureliano với vẻ hơi hồ hững.

Vậy ra, – José Arcadio nói với giọng sắc ngọt như dao cạo, – Mày là một đứa con hoang.

Cháu là Aureliano Buendía mà!

Cút về phòng của mày đi – José Arcadio nói.

Aureliano về phòng và không ra khỏi đấy nữa, kể cả khi nghe thấy tiếng ồn ào của đám tang cô đơn chú cũng không vì tò mò mà bước ra. Thỉnh thoảng, từ nhà

bếp Aureliano nhìn thấy José Arcadio đi đi lại lại quanh nhà để mà lịm đi trong nhịp thở đầy khao khát dự vọng của mình, và đến quá nửa đêm chú vẫn còn dõi theo tiếng bước của José Arcadio trong các phòng ngủ đổ nát. Trong nhiều tháng Aureliano không nghe thấy tiếng nói của José Arcadio, chẳng phải chỉ vì anh ta không nói với chú, mà còn vì chú chẳng muốn có chuyện gì xảy ra và chẳng muốn mất thời gian suy nghĩ về bất cứ việc gì ngoài những tấm da thuộc kia. Khi Fernanda chết, Aureliano đã lấy đến con cá vàng gần như là con cuối cùng và đã đến hiệu sách của nhà thông thái xứ Catalunya để mua những cuốn sách mà chú cần. Trên đường đi, Aureliano chẳng hề quan tâm tới những gì mà mắt mình nhìn thấy, có lẽ vì chú không có những ký ức về chúng để so sánh, và những con đường vắng vẻ, những ngôi nhà buồn tẻ

cũng chẳng khác gì những con đường và những ngôi nhà chú đã từng tưởng tượng thấy trước đây, khi chú còn khao khát làm quen với chúng. Aureliano đã tự cho phép mình làm điều mà Fernanda cấm, đó là lần duy nhất với mục đích duy nhất và trong một khoảng thời gian vô cùng ngắn ngủi, chú đi một mạch qua mười một ô phố ngăn cách nhà mình với con đường mà ở đó trước đây người ta thường đoán mộng, rồi khó khăn lắm mới vào đến một nơi nhem nhuốc, tối tăm và chật chội đến mức dường như không thể xoay trở được thân mình. Ngôi nhà chẳng giống một hiệu sách mà giống như một nơi chứa rác với những cuốn sách cũ để lộn xộn trên những chiếc giá đã bị mọt, trong các xó xỉnh đầy mạng nhện, và ngay cả ở những chỗ lẽ ra là lối đi. Trên một chiếc bàn dài cũng chất đầy sách, chủ nhà đang viết một bài văn dài

dằng dặc với những chữ bay bướm và hơi rối rắm trên những tờ giấy rời xé từ cuốn vở học trò. Ông ta có một mái tóc bạc rất đẹp và nhô ra trước trán, trông giống chiếc mào của con chim dẻ cùi; đôi mắt màu xanh, linh lợi và hẹp toát ra sự nhân từ của một người đã từng đọc tất cả các thứ sách. Ông ta mặc một quần cộc đẫm mồ hôi, và không ngừng viết để xem ai đến. Aureliano dễ dàng thấy năm cuốn sách mình cần giữa đống sách hỗn độn đó, bởi vì nó nằm đúng ở chỗ Melquíades đã bảo cho chú biết. Không nói một lời nào, Aureliano đưa cho ông già thông thái người xứ Catalunya năm cuốn ấy và con cá vàng; ông già ngắm nghía những thứ đó, đôi lông mày ông nhú lại như hai con sâu róm.

“Có lẽ mày điên chắc”, ông già vừa nói bằng ngôn ngữ địa phương của mình

vừa nhún vai, rồi đưa lại cho Aureliano năm cuốn sách và con cá vàng. – Hãy mang chúng đi, – ông già nói tiếng Catalan⁹ – Người duy nhất đọc những cuốn sách này là cụ Isaac, Người MÙ¹⁰. Vậy chú mày hãy nghĩ kỹ về việc mình làm. José Arcadio sửa chữa lại phòng ngủ của Meme, anh sai quét dọn, sửa lại các tấm rèm cửa bằng nhung và tấm trướng gấm trước chiếc giường phò vương, và sử dụng lại phòng tắm đã bị bỏ mà cái bồn chứa nước bằng xi măng ở đó bị váng nước đặc và bẩn làm cho đen lại. Trong hai căn phòng ấy, sự cao ngạo của các loại vật dụng, của những thứ hàng ngoại lai, của các thứ nước hoa rởm và của các loại đá trang sức rẻ tiền đã giảm hẳn đi. Thứ duy nhất ở trong phần còn

⁹ Một thứ tiếng địa phương được dùng ở Catalunya, thuộc Tây Ban Nha.

¹⁰ Nhân vật trong Cựu ước, là con của Abraham và Sarah, và là cha của Jacob.

lại của ngôi nhà cản trở José Arcadio là những bức tượng thánh trên bàn thờ, do đó một buổi chiều anh ta đem chúng đất thành tro trên một đồng lửa nhóm ở sân. José Arcadio ngủ đến quá mười một giờ. Anh chàng vào nhà tắm với một chiếc áo rộng mặc trong nhà được trang điểm bằng cách rút chỉ và thêu hình con rồng màu đỏ, đi đôi dép có đường viền màu vàng; và ở đó, vừa cầu kinh chậm rãi và kéo dài, anh ta vừa nhớ đến Remedios – Người đẹp. Trước khi tắm, José Arcadio dùng các chất muối đựng trong ba chiếc lọ bằng đá vân vẩy thơm bốn đựng nước. Anh chàng không lấy gáo làm bằng vỏ quả bí để dội nước lên người mà lại ngâm mình trong nước thơm ngát, nằm ngửa ở đó đến hai giờ đồng hồ mơ màng với sự mát mẻ và với nỗi hoài nhớ Amaranta. Vài ngày sau khi trở về, José Arcadio đã bỏ bộ quần áo bằng lụa đen, không

những vì nóng mà còn vì ở đây bộ đồ ấy chỉ mình anh ta có thôi thay vào đó anh ta mặc quần chần, rất giống quần của Pietro Crespi mặc trong những buổi dạy khiêu vũ và chiếc áo bằng lụa tơ tằm có thêu những chữ viết tắt tên mình trên ngực. Mỗi tuần hai lần anh chàng giặt tất cả những quần áo thay ra, và trong khi chờ quần áo ấy kịp khi anh ta mặc bộ đồ rộng dùng trong nhà, vì chẳng còn bộ nào khác. Không bao giờ José Arcadio ăn ở nhà. Anh chàng đi khỏi nhà từ lúc cái nóng ban trưa bắt đầu dịu đi và khuya mới trở về. Khi ấy anh chàng tiếp tục đi đi lại lại buồn bã, thở hít như một con mèo, và nghĩ tới Amaranta. Bà ta và cái nhìn hết hoảng của cái vị thánh trong ánh sáng của ngọn đèn đêm là hai kỷ niệm còn lại trong anh chàng về ngôi nhà này. Rất nhiều lần, vào cái tháng tám kỳ lạ ở Roma, giữa giấc mơ José Ar-

cadio mở mắt trừng trừng và nhìn thấy Amaranta từ trong bể nước xây bằng đá vôi chui lên, với chiếc váy mỏng và chiếc băng đen băng trên tay, bà đã được lý tưởng hóa bởi nỗi buồn khổ của kẻ sống biệt xứ. Nếu như Aureliano José cố gắng dim nhạt hình ảnh đó trong bùn máu của chiến tranh, thì ngược lại, José Arcadio lại cố gắng lưu giữ nó sống động trong bùn lầy của dục vọng, trong khi làm vui lòng bà mẹ với sự dối trá về lòng ước muốn trở thành Giáo hoàng. Cả José Arcadio và Fernanda đều không bao giờ nghĩ rằng những thư từ họ viết cho nhau là sự trao đổi về những điều bịa đặt hoang đường. José Arcadio, từng bỏ lớp học chuyên đề ngay sau khi đến Roma, vẫn tiếp tục đọc sách về thần học và luật tu hành để tránh nguy hiểm cho việc thừa kế tài sản lớn lao mà mẹ anh ta thường nói đến trong những bức thư đầy cảm

dỗ, và nó có thể giải thoát cho anh ta khỏi cảnh sống nghèo khó và bẩn thỉu mà anh ta đang chung đụng với hai người bạn trên một chiếc gác xép ở Trastevere. Khi José Arcadio nhận được lá thư cuối cùng của Fernanda, lá thư được viết theo dự cảm về cái chết đang đến gần, anh chàng liền nhặt những mảnh cuối cùng của đồ trang sức giả của mình bỏ vào va-li, rồi chui vào hầm một chiếc tàu thủy để vượt biển, tại đó những người di cư chen chúc như một lũ bò ở lò sát sinh, họ ăn mì ống và pho mát đã có giới.

Trước khi đọc bản chúc thư của Fernanda – bản chúc thư chỉ là một bản tóm tắt vụn vặt và muộn màng những sự bất hạnh – thì những thứ đồ đạc đã rệu rã và những đám cỏ dại ở hành lang đã chỉ cho José Arcadio biết rằng anh ta đã rơi vào một cạm bẫy không bao giờ có thể thoát

ra được, đã bị đẩy ra khỏi cái vầng sáng của kim cương và bầu không khí cổ kính của mùa xuân xứ Roma. Những lúc mất ngủ đầy mệt mỏi vì bệnh hen, José Arcadio đo đi đo lại chiều sâu nỗi bất hạnh của mình, và lục lọi ngôi nhà u tối, ở đó tiếng la hét già nua của Úrsula đã từng khiến cho José Arcadio khiếp sợ thế giới bên ngoài. Để chắc chắn là chú bé José Arcadio không lạc trong sự mịt mù, xưa kia cụ đã bắt chú phải ở cố định trong một góc phòng ngủ, đó là nơi duy nhất của chú, còn những người chết thì thường đi đi lại lại trong nhà từ lúc trời về chiều. “Bất cứ một việc làm xấu gì của mày các thánh cũng sẽ nói với ta”, Úrsula bảo chú thế. Những đêm hải hùng thuở ấu thơ của José Arcadio đã thu lại trong góc nhà, ở đó chú bé phải ngồi yên như bất động trên một chiếc ghế cho đến giờ đi ngủ, toát mồ hôi vì khiếp sợ, dưới cái

nhìn cảnh giác và lạnh lùng của các vị thánh mách lẻo. Cái hình phạt ấy thật là vô ích, bởi vì thuở ấy José Arcadio đã sợ hãi tất cả những gì ở quanh mình và đã được chuẩn bị sẵn sàng để giết mình kinh sợ trước bất cứ cái gì sẽ gặp trong cuộc đời: những người đàn bà ngoài xã hội nếu không nghe lời cha mẹ sẽ bị băng huyết; những người đàn bà trong gia đình này nếu không cẩn thận sẽ đẻ ra những đứa con có đuôi lợn, những con gà chọi đưa lại cái chết cho những người đàn ông và sự giày vò lương tâm cho những người khác; những khẩu súng mà chỉ sờ vào thôi cũng bị người ta kết án ra trận hai mươi năm; những công trình sai lệch chỉ đưa đến nỗi thất vọng và sự điên loạn, tất cả, tất cả những thứ mà Chúa trời đã sáng tạo nên với lòng từ thiện vô biên thì quỷ sứ đã làm cho hư hại. Ánh sáng nơi cửa sổ cùng tiếng kỳ cọ của

Amaranta ở trong bốn tấm và cảm giác thú vị do “củ khoai bằng lụa” đưa lại cứ lan lan trên đôi chân, tất cả đều đã giải thoát José Arcadio khỏi nỗi kinh hoàng từng khiến chú thần thờ sợ sệt khi thức dậy. Khi ấy, đến cả Úrsula cũng khác hẳn đi dưới ánh sáng rực rỡ rạng tỏa trên vườn, bởi vì ở đó cụ không nói với chú những chuyện khủng khiếp mà lại dùng bột than đánh bóng hàm răng cho chú để chú có nụ cười rạng rỡ của một Giáo hoàng, cắt và mài nhẵn móng tay cho chú để cho những người hành hương đến Roma từ mọi nơi trên trái đất sẽ phải kinh ngạc trước sự thanh khiết của đôi tay Giáo hoàng khi ngài ban phước lành cho họ, và chải cho chú kiểu tóc của một Giáo hoàng, phun nước hoa vào chú để thân thể và quần áo chú tỏa hương thơm của một Giáo hoàng. Ở sân Castel Gandolfo, José Arcadio đã nhìn thấy Giáo

hoàng trên ban công khi ngài đọc một bài diễn văn bằng bảy thứ tiếng trước một đám đông khách hành hương, và quả thật là José Arcadio chỉ chú ý đến màu trắng ngần trên đôi tay như được nhúng bột của Giáo hoàng, sự rực sáng của bộ áo quần mùa hè ngài mặc và mùi hương bí ẩn của thứ nước thơm ngài dùng. Khoảng một năm sau khi trở về nhà, để có tiền ăn, José Arcadio đã bán hết những cây đèn nến bằng bạc và chiếc bờ vàng có khảm gia huy mà đến phút cuối cùng anh chàng mới biết rằng thật ra chỉ có những đường khảm mới bằng vàng thôi, thì sự giải trí duy nhất của José Arcadio là tụ tập bọn trẻ trong làng lại để chơi đùa ở nhà mình. Anh chàng chơi với chúng từ trưa, bảo chúng nhảy dây ở vườn, hát ở hành lang và nhào lộn trên những chiếc ghế ở phòng khách, trong khi đó anh chàng đi đến từng nhóm dạy

chung những bài học về cách cư xử tốt đẹp. Khi ấy, những chiếc quần chèn và áo lụa chẳng còn, José Arcadio vận bộ đồ cũ xoàng xĩnh mua ở một kho của những người Ả-rập, nhưng anh chàng vẫn giữ vẻ trịnh trọng yếu đuối và phong thái giáo hoàng của mình. Bọn trẻ con xâm chiếm ngôi nhà giống như trước đây đám bạn gái của Meme từng làm. Đến tận đêm khuya vẫn còn thấy tiếng chúng hò reo nhảy múa, khiến cho ngôi nhà giống như một nhà trẻ không có kỷ luật. Aureliano không bận tâm về sự xâm lấn ấy khi bọn trẻ con chưa quấy rầy đến chú ở trong phòng của Melquíades. Một buổi sáng hai đứa nhỏ đẩy cửa và chúng kinh ngạc khi nhìn thấy một người đàn ông trần truồng, râu tóc bù xù đang dịch những tấm da thuộc trên bàn làm việc. Chúng không dám vào nhưng vẫn tiếp tục lượn quanh căn phòng, chúng lấp ló và xì xào

qua những kẽ hở, ném sâu bọ vào những ô cửa sổ tròn, và có lần chúng đóng đinh vít cửa ra vào và cửa sổ, khiến cho Aureliano tốn nửa ngày mới mở được. Khoái trá vì những trò nghịch ngợm của mình không bị trừng trị, một buổi sáng khác bốn đứa nhỏ đã vào phòng trong khi Aureliano đang ở bếp, chúng quyết định phá hủy những tấm da thuộc. Nhưng ngay khi chúng vừa mới tóm lấy những tấm da ngả màu vàng ấỵ thì một sức mạnh thần linh đã nâng chúng lên khỏi mặt đất, giữ chúng lơ lửng trong không trung cho đến khi Aureliano quay trở về và giằng lại những tấm da thuộc đó. Từ ấy, bọn trẻ không còn đến quấy rầy Aureliano nữa. Bốn đứa trẻ lớn nhất, những đứa vẫn còn mặc quần cộc mặc dù đã chớm bước vào tuổi thành niên, quan tâm đến dáng vẻ bên ngoài của José Arcadio. Chúng đến sớm hơn những đứa

khác, dành cả buổi sáng để cạo râu, dùng khăn nóng xoa bóp, sửa sang móng tay móng chân và xúc nước hoa cho anh ta. Có vài lần chúng vào bồn tắm, xát xà phòng từ chân tới đầu José Arcadio, trong khi đó anh chàng nằm ngửa trong nước nghĩ đến Amaranta. Sau đó chúng lau người, thoa phấn khắp người và mặc quần áo cho anh chàng. Trong đám trẻ ấy có một đứa tóc nâu và quăn, đôi mắt như thủy tinh nâu hồng giống mắt thói thường ngủ trong nhà. Nó gắn bó rất chặt chẽ với José Arcadio, thường ở bên cạnh anh chàng trong những đêm mất ngủ vì bệnh hen, im lặng và theo anh chàng đi đi lại lại trong ngôi nhà u tối. Một đêm, qua lớp xi măng trong, José Arcadio và đứa bé kia nhìn thấy trong phòng ngủ của Úrsula một thứ ánh sáng màu vàng, như thể mặt trời vừa từ trong lòng đất chiếu hắt ánh sáng lên đã biến

nền nhà thành một tấm kính mờ. Họ không cần phải tìm tâm điểm nguồn sáng đó. Chỉ cần nâng những tấm kính vẽ hình đã vỡ ở góc nhà, nơi thường xuyên đặt chiếc giường của Úrsula và là nơi ánh sáng tập trung nhất, là thấy ngay cái hầm bí mật mà Aureliano Segundo đã tìm kiếm khổ sở trong những cuộc đào bới phát sốt lên mà không thấy. Trong hầm có ba chiếc túi tải được chằng buộc bằng dây đồng đựng bảy ngàn hai trăm mười bốn đồng Doblón và mỗi đồng Doblón trị giá bốn đồng Dobra¹¹, những đồng tiền vàng ấy đang tiếp tục phát sáng như than hồng. Việc tìm thấy kho báu giống như một cú bùng cháy vậy. Đáng lẽ trở lại Roma với vận may trái mùa – đó là giấc mơ ấp ủ từ lâu trong cảnh nghèo khó – thì José Arcadio lại biến

11 Doblón và Dobra: tiền vàng Tây Ban Nha từ thời Trung cổ.

ngôi nhà thành thiên đường ở mặt đất. Anh chàng thay các rèm cửa sổ và tấm trướng ở phòng ngủ bằng nhung mới, sai lát gạch nền nhà tắm và ốp gạch men màu lên các bức tường. Chiếc tủ ở phòng ăn chất đầy các loại quả ngọt, giấm-bông và hoa quả ướp vang nho; căn nhà kho chứa ngũ cốc bấy lâu nay bỏ không, nay lại được mở cửa để chứa các loại rượu mà chính José Arcadio lấy ở nhà ga xe lửa, đựng trong những chiếc hộp có ghi tên anh ta. Một đêm, José Arcadio và bốn đứa trẻ lớn nhất kia mở một cuộc liên hoan kéo dài đến tận sáng. Ngay từ sáu giờ sáng chúng trần truồng ra khỏi phòng ngủ, trút hết nước trong bốn tắm và đổ đầy rượu sâm banh vào đấy. Chúng đàn đúm lặn ngụp bơi lội trong đó giống như những con chim bay trên một bầu trời màu vàng đầy những bọt bong bóng thơm ngát, trong khi José Arcadio không

đùa vui với chúng mà nằm ngửa thả nổi mình, đôi mắt mở to, đang tưởng nhớ tới Amaranta. José Arcadio nằm như vậy, suy tư và nhăm nháp lại vị đắng của những thú vui lầm lỗi của thành, cho đến khi bọn trẻ đã mệt và nháo nhác ủa vào trong phòng ngủ, ở đó chúng giật những tấm rèm nhung để lau người, trong cảnh nhốn nháo chúng làm tấm gương rạn vỡ làm bốn, chen nhau ngủ làm rách cả khăn trải giường. José Arcadio từ phòng tắm trở về thì thấy chúng đang trần truồng nằm ngủ chen chúc trong căn phòng ngột ngạt. Anh ta bực bội, vì sự phá hoại của chúng thì ít mà vì cảm giác ghê tởm và thương hại đối với chính bản thân mình trong cảnh trống rỗng buồn tẻ do cuộc trác táng gây nên thì nhiều, liền túm vội lấy chiếc gậy đuổi chó của linh mục vẫn để ở dưới đáy hòm cùng những công cụ trừng phạt khoe mà giáo

hội vẫn dùng, rồi đuổi chúng ra khỏi nhà, anh ta la hét như điên và quát vào chúng không thương xót. José Arcadio suy sụp vì một cơn hen kéo dài hàng mấy ngày, và trông như người hấp hối. Đến đêm thứ ba, vì không chịu nổi sự tức thở, José Arcadio đành tới phòng Aureliano nhờ đến một hiệu thuốc gần đấy mua giúp một ít thuốc bột để về xông đường hô hấp. Thế là Aureliano ra khỏi nhà lần thứ hai. Chú chỉ cần qua hai ô phố là đã đến một hiệu thuốc có những tủ kính đầy bụi bặm đựng những lọ sành nhãn ghi tên thuốc bằng tiếng Latinh; ở đó, một cô gái có sắc đẹp bí ẩn của một con rắn vùng sông Nil, bán cho chú thứ thuốc mà José Arcadio đã ghi trên giấy. Lần thứ hai nhìn thấy phố xá hoang vắng, lúc này đang nằm trong ánh sáng vàng vọt của những ngọn đèn đường, Aureliano cũng chẳng tò mò hơn lần trước. Khi José

Arcadio tưởng rằng Aureliano đã trốn đi mất rồi thì thấy chú trở về, lúc ấy Aureliano hơi tức thở một chút vì vội vàng, vì cổ lê đôi chân mềm yếu và chậm chạp do bị tù túng và thiếu hoạt động. Thái độ dửng dưng với thế giới bên ngoài của chú được thể hiện quá rõ ràng cho nên sau đó vài ngày, khi José Arcadio không thực hiện lời hứa với mẹ mình, đã cho phép Aureliano tự do đi đến nơi mà chú muốn, Aureliano đã trả lời: – Cháu chẳng có việc gì làm ở ngoài đường cả.

Aureliano tiếp tục tự giam mình trong phòng và vùi đầu vào những tấm da thuộc, dần dần chú đọc được những điều ghi trên đó nhưng vẫn chưa diễn giải được nội dung của chúng. José Arcadio mang đến phòng cho Aureliano những lát giảm-bông và những hoa trái ngọt ngào để lại trên miệng dư vị của

mùa xuân, và có hai lần còn cho cả rượu ngon nữa. José Arcadio không quan tâm đến những tấm da thuộc mà anh ta coi là một trò tiêu khiển bí ẩn, nhưng lại chú ý đến sự thông thái kỳ lạ và kiến thức về thế giới không hiểu vì sao có được ở thằng cháu ưu sầu ấy của mình. Anh ta biết rằng Aureliano có khả năng đọc được tiếng Anh và trong khi nghiên cứu những tấm da thuộc Aureliano còn đọc từ đầu chí cuối sáu tập bách khoa toàn thư như đọc tiểu thuyết. Thoạt đầu anh ta cho là như vậy khi thấy Aureliano có thể nói về Roma như là đã từng sống ở đó nhiều năm, nhưng ngay sau đó anh ta biết rằng Aureliano còn biết nhiều thứ không có trong bách khoa toàn thư, ví dụ như giá hàng chẳng hạn. “Người ta biết tất”, đó là câu trả lời duy nhất của Aureliano khi José Arcadio hỏi chú rằng làm thế nào mà có được hiểu biết đó.

Về phần mình, Aureliano ngạc nhiên vì thấy khi nhìn gần José Arcadio rất khác với hình ảnh mà mình ghi nhận khi nhìn anh ta đi đi lại lại trong nhà: José Arcadio là người có thể cười, thỉnh thoảng có thể tự cho phép mình nuối tiếc quá khứ của gia đình, và có thể bắn khoản về cảnh nghèo nàn trong căn phòng của Melquíades. Việc nhích lại gần nhau ấy giữa hai người cô đơn cùng dòng máu còn xa mới đạt đến một tình hữu nghị, nhưng nó cho phép họ chịu đựng được nỗi cô đơn sâu lắng không thể nào đo, nỗi cô đơn ấy vừa làm cho họ xa nhau vừa làm cho họ gần nhau. Khi ấy, José Arcadio có thể nhờ Aureliano giải quyết giúp những khó khăn nhất định trong những việc nhà mỗi ngày một nặng nề thêm. Aureliano thì đã có thể ngồi đọc ở ngoài hành lang, nhận những bức thư thường xuyên đến đúng hạn của Amaranta Úr-

sula và có thể sử dụng cái phòng tắm mà khi mới về José Arcadio đã không cho chú bén mảng tới.

Một sớm nóng nực cả hai người bị đánh thức bởi những tiếng gõ cổng khẩn cấp. Người đến nhà là một ông già đen đui có đôi mắt to và xanh đem lại cho gương mặt ông ta một thứ ánh lân tinh ma quái, trên trán in hình chữ thập tro thánh. Bộ quần áo mạt hạng, đôi giày rách, chiếc ba lô cũ đeo trên vai là hành trang duy nhất, những thứ đó khiến ông ta có vẻ một người hành khất, nhưng tư thế của ông ta lại đỉnh đặc khác hẳn với cái vẻ ngoài ấy. Chỉ cần nhìn qua ông ta một lần, dù là ở trong phòng khách tối mờ, cũng đủ nhận biết rằng sức mạnh huyền bí đã cho phép ông ta sống được không phải là bản năng sinh tồn mà là thói quen sợ sệt. Đó là Aureliano Bu-

endía Amador, người duy nhất trong số mười bảy người con của đại tá Aureliano Buendía còn sống sót, đang đi tìm một chút nghỉ ngơi trong cuộc sống trốn tránh rất dài và đầy mạo hiểm của mình. Ông ta tự giới thiệu rồi cầu xin cho phép ẩn náu trong ngôi nhà này, ngôi nhà mà trong những đêm khốn khổ ông ta vẫn hằng nghĩ tới và coi là nơi trú ẩn an toàn cuối cùng còn lại trong đời mình. Nhưng José Arcadio và Aureliano không nhận ra ông ta. Họ nghĩ rằng ông ta là một kẻ du thủ du thực nên đã đẩy ông ta ra đường. Đến lúc ấy, từ cổng hai người chứng kiến cái cảnh chót của tấn thảm kịch mở màn từ trước khi José Arcadio biết nhận xét. Hai nhân viên cảnh sát, từng truy nã Aureliano Amador trong nhiều năm và như chó bám theo ông khắp nửa trái đất, bỗng nhô lên giữa đám những cây hạnh đào phía hàng rào đối diện, bắn ông hai

phát súng mô-de, đạn xuyên thẳng vào đầu chú thập tro thánh.

Thực ra, từ khi đuổi bọn trẻ con khỏi nhà, José Arcadio thường đợi tin tức về một con tàu vượt Đại Tây Dương sẽ rời bến trước lễ Noel để đi Napoli. José Arcadio đã nói với Aureliano điều đó, anh ta còn vạch kế hoạch để Aureliano tiến hành một cuộc kinh doanh lấy tiền sinh sống, vì từ sau đám tang Fernanda những chiếc làn thực phẩm không được chuyển tới nữa. Nhưng, cái giấc mơ cuối cùng ấy của José Arcadio cũng không được thực hiện. Một buổi sáng tháng chín, sau khi uống cà phê với Aureliano ở nhà bếp, José Arcadio đi tắm theo lệ thường và khi anh ta sắp tắm xong, thì bốn đứa trẻ đã bị đuổi ra khỏi nhà bỗng ập vào theo lối những lỗ hổng trên mái

ngói. Không để cho José Arcadio có thời gian tự vệ, chúng mặc nguyên cả quần áo nhảy vào bốn tấm, túm tóc và dìm đầu anh ta xuống nước, cho tới khi trên mặt nước không còn nổi lên một chút bọt nào của hơi thở hấp hối nữa, tấm thân như cá heo của José Arcadio bất động và tái nhợt nằm duỗi dài dưới đáy nước thơm. Sau đó chúng mang đi ba túi tiền vàng mà chỉ có chúng và nạn nhân của chúng mới biết nơi cất giấu. Đó là một việc làm nhanh chóng, có phương pháp và tàn bạo, giống như một cuộc tấn công của những nhà quân sự. Aureliano ở trong phòng kín nên không hay biết gì. Buổi chiều hôm ấy, khi ở bếp, Aureliano nhớ José Arcadio nên đi tìm anh ta khắp nhà và thấy anh ta nổi trên mặt nước thơm trong bốn tấm, đã trương phình, nhưng

lòng vẫn còn nghĩ đến Amaranta. Đến lúc ấy Aureliano mới biết mình đã bắt đầu yêu mến anh ta như thế nào.

CHƯƠNG 19

Amaranta Úrsula trở về vào đầu tháng mười hai, vui tươi và hớn hờ, dắt theo một anh chồng ngoan ngoãn bằng sợi thừng tơ buộc ở cổ. Cô trở về đột ngột, không hề báo trước mặc bộ đồ trắng ngà, đeo chuỗi ngọc dài đến tận đầu gối, cùng những chiếc nhẫn bằng ngọc bích và đá quý, mái tóc uốn tròn mượt mà, hai bên tóc mai uốn cong được cài mỏ chim én. Người đàn ông đã kết hôn với cô sáu tháng trước là một

người Phần Lan, đã cứng tuổi, khỏe đẹp và có dáng dấp của một thủy thủ. Chưa cần đẩy cửa phòng ngoài, Amaranta Úrsula đã nhận ngay ra rằng so với dự định, mình vắng mặt đã quá lâu và trở về quá chậm. – Trời đất ơi, – cô kêu lên với vẻ vui sướng nhiều hơn là sợ hãi, – sao lại chẳng có một người đàn bà nào ở đây thế này! Hành lý của Amaranta Úrsula xếp ở hành lang không xuể. Ngoài chiếc rương cũ của Fernanda mà cha mẹ đã gửi tới trường cho, Amaranta Úrsula còn mang về hai tủ đựng quần áo bốn va li lớn, một bao tải đầy những chiếc ô che nắng, tám thùng mũ nan với chiếc lồng to đựng nhất năm chục chim yến, chiếc xe đạp ấy chân của chồng đã được tháo rời và đựng trong một bọc có thể xách như xách một cây đàn vi-ô-lông-xen. Sau chuyến đi dài, cô không nghỉ ngơi dù chỉ một ngày. Amaranta Úrsula vận

chiếc quần bảo hộ lao động bằng vải dày đã sờn mà chồng mang về cùng một vài thứ áo quần của các tay đua mô tô, rồi bắt tay vào việc sửa sang ngôi nhà. Cô xua đuổi lũ kiến đỏ đã ngự trị hành lang, chăm sóc cho các khóm hồng tươi lại, nhổ sạch đến tận rễ các loại cỏ dại, trồng lại các chậu cây dương xỉ, kinh giới và thu hải đường ở cạnh cầu thang. Amaranta Úrsula chỉ huy một đội thợ mộc, thợ khóa và thợ nề tiến hành việc trát lại những chỗ nứt nẻ trên nền nhà, chữa lại các cửa, sửa các loại bàn ghế, giường tủ và quét vôi trắng các bức tường cả bên trong lẫn bên ngoài, cho nên chỉ ba tháng sau khi cô trở về, không khí tươi trẻ và hội hè của thời kỳ có chiếc đàn dương cầm tự động xưa kia đã trở lại với ngôi nhà. Ở nhà này chưa hề có ai luôn luôn vui vẻ, vào bất kỳ lúc nào và bất kỳ hoàn cảnh nào như Amaranta Úrsula, chưa có

ai sẵn sàng nhảy múa, ca hát và sẵn sàng vứt bỏ mọi đồ vật và các tập tục khô khan vào đồng rác như cô. Amaranta Úrsula chỉ quét một nhát chổi là hết sạch các kỷ niệm tang thương cùng các vật vô dụng và các thứ đồ tế lễ mê tín dị đoan xếp đồng trong góc nhà, và cô chỉ giữ lại – để tỏ lòng biết ơn Úrsula – tấm hình của Remedios ở phòng ngoài: “Đẹp quá này” – cô kêu lên và cười ngặt nghẽo – “Một bà cụ mười bốn tuổi!”. Khi một người thợ nề bảo rằng trong nhà này có rất nhiều ma quái và chỉ có thể đuổi chúng đi bằng cách tìm ra những báu vật mà người ta đã chôn cất, thì Amaranta Úrsula cười khanh khách và nói rằng cô không tin vào những chuyện dị đoan. Amaranta Úrsula rất tự nhiên, thoải mái, có tinh thần mới mẻ và phóng khoáng đến mức khi nhìn thấy cô Aureliano đâm ra lúng túng. “Thật tuyệt vời”, – Amaranta Úr-

sula reo lên sung sướng, với đôi tay rộng mở. – “Người ăn thịt đồng loại đáng kính của tôi đã trưởng thành biết bao”! Trước khi Aureliano kịp phản ứng, Amaranta Úrsula đã đặt đĩa hát vào chiếc máy hát xách tay mà cô mang theo và dạy anh những điệu nhảy tân thời. Cô bắt Aureliano bỏ những chiếc quần bẩn thỉu thừa kế của đại tá Aureliano Buendía, cô tặng Aureliano những chiếc áo kiểu trẻ trung và đôi giày hai màu, rồi bắt anh ra đường mỗi khi anh ở quá lâu trong căn phòng của Melquíades. Amaranta Úrsula hoạt bát, mảnh mai và bướng bỉnh như Úrsula, xinh đẹp và kêu gọi như Remedios – Người đẹp, cô có một bản năng bẩm sinh rất lạ lùng về khả năng đi trước thời thượng. Khi qua đường bưu điện nhận hình vẽ các mốt mới nhất, ngay lập tức Amaranta Úrsula biết rằng cô đã không nhầm khi nghĩ ra những kiểu mẫu đó, và

đó chính là những mẫu được cô may trên chiếc máy quay tay thô sơ của Amaranta. Cô đã đặt mua nhiều tạp chí về mốt thời trang và tờ thông tin về nghệ thuật và âm nhạc dân gian xuất bản ở châu Âu, và chỉ thoáng qua Amaranta Úrsula đã biết ngay rằng mọi chuyện diễn ra đúng như cô tưởng tượng từ trước. Không thể hiểu nổi vì sao một người đàn bà có đời sống tinh thần như vậy lại trở về lệt thệ trấn lặng như chết và chìm đắm trong bụi bặm và nóng nực này, nhất là lại về với một người chồng có thừa tiền để sống ở bất kỳ nơi nào khác trên thế giới và yêu vợ đến mức để cho vợ dùng thùng tơ buộc cổ lôi đi. Nhưng, càng ngày càng thấy rõ rằng Amaranta Úrsula có ý định ở hẳn lại đây bởi vì cô chỉ chấp nhận những chương trình lâu dài, và chỉ làm những gì phục vụ việc chuẩn bị cho một cuộc sống thuận tiện và một tuổi già yên

tĩnh ở Macondo. Chiếc lồng chim yến cho thấy những ý định ấy không phải là ngẫu nhiên. Khi Amaranta Úrsula nhớ lại rằng mẹ cô có viết trong một bức thư về chuyện chim chóc bị hủy diệt, cô liền hoãn ngay lại một vài tháng chờ đến khi có một chiếc tàu từng ghé qua vùng đảo Fortunate và trên chiếc tàu đó cô đã chọn được hai mươi lăm đôi chim yến đẹp nhất để mang về gây lại giống trên bầu trời Macondo. Trong rất nhiều sáng kiến không thực hiện được của Amaranta Úrsula, đây là điều đáng tiếc nhất. Cô đã thả từng đôi chim yến ra với ý định để cho chúng sinh sôi nảy nở, nhưng chúng đã vụt bay khỏi Macondo trước khi nhận ra rằng chúng được tự do. Cô đã cố gắng giữ chúng lại một cách vô ích bằng chiếc lồng mà Úrsula đóng trong lần sửa sang nhà cửa đầu tiên. Cô đã làm những chiếc tổ giả bằng cối ở trên cây hạnh đào, rắc

hạt kê lên mái ngói và dùng tiếng hót của những con chim trong lồng để gọi những con chim kia quay lại, nhưng tất cả đều vô ích, vì chúng càng có ý định bỏ đi, chúng chỉ bay một vòng trên trời để tìm đường trở về vùng đảo Fortunate.

Một năm sau khi trở về, mặc dù chưa có một quan hệ bạn bè thân mật và chưa mở một hội vui nào, nhưng Amaranta Úrsula vẫn tin rằng có thể khôi phục được cái cộng đồng đang ở trong tình trạng bất hạnh đó. Gaston, chồng cô, luôn luôn giữ ý để không va chạm với vợ, mặc dù ngay từ buổi trưa nhớ đời ấy khi từ tàu hỏa bước xuống, ông ta đã cho rằng quyết định của vợ mình là do ảo giác của sự nhớ nhung quê hương gây nên. Tin chắc rằng quyết định đó sẽ bị thực tế làm thay đổi, nên ngay cả việc lắp lại chiếc xe đạp ông ta cũng chẳng làm, mà

chỉ đi kiếm những trứng nhện đẹp nhất trong các mạng nhện mà dám thợ nề hất xuống, lấy móng tay xé ra rồi để hàng giờ dùng kính lúp xem những con nhện bé li ti từ trong đó chui ra. Sau đó, cho rằng Amaranta Úrsula tiếp tục làm các công việc cải tạo kia vì không muốn cánh tay trở nên vụng về và biến dạng, Gaston liền lắp lại chiếc xe đạp bánh trước lớn gấp bội bánh sau, rồi lại tìm bắt và mổ xẻ những con sâu bọ lạ mà ông ta thấy ở quanh nhà bỏ vào các lọ đựng mứt hoa quả rồi gửi cho người thầy cũ dạy lịch sử tự nhiên ở trường đại học Liège, ở đó ông đã học rất tốt môn sinh vật mặc dù luôn luôn có ý muốn trở thành người lái máy bay. Khi đi xe đạp, Gaston mặc loại quần của người làm xiếc trên dây, đi đôi tất sặc sỡ và đội chiếc mũ kiểu thám tử, nhưng khi đi bộ ông lại mặc một bộ đồ đẹp hết ý bằng vải gai thô, đi giày trắng,

thắt cà vạt nhỏ bằng lụa, đội mũ nan vành phẳng và tay cầm gậy song. Gaston có đôi mắt màu xám nhạt làm nổi thêm phong độ của một thủy thủ, bộ ria hung hung màu lông sóc. Mặc dù Gaston hơn vợ chỉ ít là mười lăm tuổi, nhưng ông có những ý thích rất trẻ trung, luôn luôn muốn làm cho vợ được hạnh phúc và có những phẩm chất của một người tình tốt tất cả những điều đó bù đắp cho sự cách biệt về tuổi tác giữa hai người. Thực ra những ai nhìn thấy người đàn ông ngoại tứ tuần, có những thói quen rất thận trọng, luôn luôn phục tùng vợ ấy và thấy chiếc xe đạp ấy chân – kiểu xe trong rạp xiếc – của ông ta, đều không thể nghĩ rằng giữa ông ta và người vợ trẻ có sự hòa hợp trong một tình yêu phóng túng, rằng ở những nơi không thuận tiện nhất, bất ngờ nhất, họ luôn luôn thỏa mãn với nhau như thuở ban đầu gặp gỡ và có một

cảm hứng yêu đương mỗi ngày một sâu sắc hơn, phong phú hơn. Gaston không chỉ là một người tình mãnh liệt, có sự hiểu biết và trí tưởng tượng không bao giờ cạn, mà có lẽ là người đầu tiên trong lịch sử yêu đương đã làm một cuộc hạ cánh khẩn cấp để đến nỗi suýt nữa thì toi mạng cùng với người yêu, chỉ bởi vì muốn làm chuyện ái ân bên trên một cánh đồng hoa violet.

Gaston và Amaranta Úrsula quen nhau từ ba năm trước ngày cưới, khi chiếc máy bay thể thao cánh kép có vỏ bằng vải dày và nhôm dát mỏng của Gaston đã bay một đường bay dũng cảm để tránh đâm vào cột cờ và phần đuôi của nó bị mắc chặt vào dây điện nên Gaston đã phải nhảy xuống sân trường của Amaranta Úrsula. Thế là từ đấy, mặc dù chân bị nẹp, cứ cuối tuần Gaston lại

đến nhà trọ của những người phụ nữ theo đạo, nơi Amaranta cư trú thường xuyên – ở đó nội qui cũng chẳng ngặt nghèo lắm như Fernanda mong muốn – để đón cô đến câu lạc bộ thể thao của anh. Họ bắt đầu yêu nhau trên độ cao năm trăm mét, trong ngày chủ nhật khi bay trên những cánh đồng hoang, và họ càng thấy gần bó với nhau hơn khi thấy mình là những con người quá nhỏ bé trên trái đất. Amaranta Úrsula nói về Macondo như thể đó là một xóm làng rục rờ và thanh bình nhất trên thế giới, nói về ngôi nhà lớn luôn ngào ngạt mùi hoa kinh giới, cô muốn sống ở đó đến già với người chồng chung thủy và hai đứa con trai bướng bỉnh mà sẽ có tên là Rodrigo và Gonzalo chứ không bao giờ chúng là Aureliano hoặc José Arcadio và một đứa con gái sẽ có tên là Virginia chứ nhất định không là Remedios. Amaranta

Úrsula nhắc nhở thường xuyên đến làng quê đã được lý tưởng hóa bằng nỗi nhớ nhung, khiến cho Gaston hiểu rằng cô sẽ không lấy chồng nếu như không được đưa về sống ở Macondo. Gaston chấp thuận cũng như sau này chấp thuận theo ý thích của vợ, bởi vì tin rằng đó chỉ là một khát vọng nhất thời mà rồi nó sẽ bị thời gian xóa đi. Nhưng khi đã qua hai năm sống ở Macondo mà thấy Amaranta Úrsula vẫn hoan hỷ như ngày mới về thì Gaston bắt đầu thấy dấu hiệu báo động. Cho đến lúc ấy, ông đã mỗ xẻ biết bao nhiêu sâu bọ ở vùng này, đã nói tiếng Tây Ban Nha như người địa phương và đã điền kín các ô đố chữ trên những tờ tạp chí mà họ nhận được qua đường bưu điện. Gaston không thể lấy cớ về khí hậu để sớm trở về, vì thiên nhiên đã phú cho ông một buồng gan có thể thích nghi dễ dàng với những miền đất xa lạ, có thể

chịu đựng được cái nóng ngột ngạt ban trưa và thứ nước có bọt gầy ở bên trong. Anh rất thích món ăn đặc sản của địa phương, có lần đã ăn hết tám mươi hai quả trứng thần lẩn. Ngược lại, Amaranta Úrsula mang theo cá và các loại hải sản ướp trong các thùng nước đá, thịt hộp và mứt hoa quả, vì cô chỉ ăn được những thứ đó thôi; cô vẫn mặc theo kiểu châu Âu và nhận hình vẽ các loại mốt ăn vận qua đường bưu điện dù chẳng đi đâu và chẳng thăm ai, và mặc dù anh chồng đã chẳng còn hào hứng lắm với việc khen ngợi những bộ đồ ngắn, những chiếc mũ len đội lệch và những dây trang sức quấn đến bảy vòng mới hết của cô. Có lẽ điều bí ẩn của Amaranta Úrsula là ở việc cô luôn luôn tìm cách để bận rộn, cô làm những việc trong nhà do mình nghĩ ra, làm ẩu một số việc để rồi ngày hôm sau lại sửa chữa, với một sự vội vàng nguy

hiếm từng khiến Fernanda nghĩ đến cái tật xấu di truyền ở trong cái nhà này là làm đổ rồi phá. Amaranta Úrsula vẫn giữ tính vui nhộn, cho nên khi nhận được đĩa hát mới cô lại bảo Gaston ở lại trong phòng ngoài rất lâu để tập những điệu nhảy mà các bạn học của cô đã minh họa bằng hình vẽ, và sau đó họ thường kết thúc bằng những cuộc mây mưa trên những chiếc ghế xích đu sản xuất ở thành phố Wien hoặc trên nền nhà không trải thảm. Chỉ cần có con nữa thôi là Amaranta Úrsula hạnh phúc hoàn toàn, nhưng cô tôn trọng điều đã cam kết với chồng là chưa sinh đẻ trước khi chung sống được đủ năm năm. Để khỏi trống trải trong những giờ nhàn rỗi, Gaston đến phòng Melquíades với anh chàng Aureliano lánh đời. Gaston rất thích thú kể với Aureliano về những nơi thân thuộc nhất trên quê hương mình mà Aureliano

hiếu biết tường tận như thể từng sống ở đó nhiều năm. Khi Gaston hỏi làm thế nào để biết được những điều không ghi trong bộ bách khoa toàn thư, ông nhận được chính câu mà Aureliano đã trả lời José Arcadio: “Người ta biết tất cả”. Ngoài tiếng Phạn, Aureliano đã biết tiếng Anh, tiếng Pháp, chút ít tiếng Latinh và tiếng Hy Lạp. Vì trong thời gian đó Aureliano ra khỏi nhà vào các buổi chiều và được Amaranta Úrsula dành cho khoản tiền chi tiêu hàng tuần lên phòng anh giống một bộ phận của hiệu sách ông già thông thái xứ Catalunya. Aureliano đọc một cách tham lam cho đến tận khuỷa, mặc dù qua cách đọc của Aureliano, Gaston nghĩ rằng không phải Aureliano mua sách để tìm các thông tin mà là để kiểm nghiệm xem những kiến thức của mình có chính xác không, và chẳng thích cuốn sách nào hơn những bản viết

trên tấm da thuộc mà anh đã dành cho chúng những khoảng thời gian tốt nhất của buổi sớm mai. Cả Gaston và vợ đều muốn hòa mình vào cuộc sống gia đình, nhưng Aureliano là một người trầm kín, trong anh có một lớp mây mù bí ẩn mỗi ngày một dày đặc thêm. Gaston không thể nào thân mật với Aureliano được, và ông phải tìm trò tiêu khiển khác để giải buồn trong những lúc rỗi rãi. Lúc ấy ông nảy ra ý định lập một đường bưu điện hàng không. Đó không phải là một đề án mới mẻ. Thực ra, Gaston đã có ý định ấy ngay từ khi quen biết Amaranta Úrsula, có điều là khi xưa không phải ông định thiết lập cho Macondo mà cho xứ Congo thuộc Bỉ, nơi gia đình ông có những khoản vốn đầu tư vào việc sản xuất dầu cọ. Đến khi lấy Amaranta Úrsula rồi, ông quyết định sẽ sống ở Macondo một vài tháng để chiều lòng vợ nên đành hủy

bỏ dự kiến trên. Nhưng khi Gaston thấy Amaranta Úrsula kiên trì tổ chức những cải cách công cộng và thậm chí còn cười khi ông nói bóng nói gió đến khả năng trở về quê hương, khi ông hiểu rằng mọi chuyện đã đi quá xa, và thế là Gaston lại nối đường liên hệ với những người bạn thân ở Brussels mà lâu nay ông quên lãng, và ông nghĩ rằng để trở thành một người hướng đạo thì vùng Ca-ri-bê hay là châu Phi cũng như nhau mà thôi. Trong khi mọi việc đang tiến triển, Gaston chuẩn bị một bãi hạ cánh trên khu đất rộng hoang vu giống như một cánh đồng khô cứng nứt nẻ, và ông nghiên cứu hướng gió, nghiên cứu địa lý vùng duyên hải và những đường bay thích hợp, mà không hề biết rằng việc làm cẩn thận của mình – rất giống với việc làm của ngài Herbert đã gây nên một sự nghi ngờ rất nguy hiểm trong dân làng, họ nghĩ

rằng mục đích của ông không phải là mở đường mà là trồng chuối. Phấn khởi với cái điều bất chợt nghĩ ra mà cuối cùng dầu sao cũng xác định lý do của việc ông dứt khoát ở lại Macondo, Gaston đã đến tỉnh lỵ vài lần, gặp các nhà chức trách, lấy được giấy phép và ký được những hợp đồng độc quyền. Trong khi đó, ông tiếp tục trao đổi thư từ với những người bạn thân ở Brussels, giống như quan hệ thư tín giữa Fernanda và các thầy thuốc không nhìn thấy được, thuyết phục họ rằng hãy gửi chiếc máy bay đầu tiên đến cùng với một tổ thợ máy lão luyện để lắp ráp nó ở hải cảng gần nhất rồi từ đó bay đến Macondo. Một năm sau khi bắt đầu đo lường và tính toán về khí tượng, tin tưởng vào những lời hứa hẹn được nhắc đi nhắc lại của những người trao đổi thư từ với mình, Gaston đã có thói quen vừa đi đường vừa nhìn lên trời, lắng nghe

tiếng gió, chờ mong máy bay xuất hiện.

Việc Amaranta Úrsula trở về đã đưa đến sự thay đổi căn bản trong cuộc sống của Aureliano mặc dù cô không để ý thấy điều đó. Sau khi José Arcadio chết, Aureliano trở thành một khách hàng thường xuyên của ông già thông thái người xứ Catalunya. Hơn nữa, lúc này Aureliano được tự do và có thời gian. Những điều ấy khơi dậy trong anh một sự tò mò nhất định đối với cái thị trấn mà anh chẳng hề lạ lẫm. Trên những con đường vắng vẻ và bụi mù, với sự quan tâm mang tính khoa học hơn là tính nhân đạo, Aureliano vừa đi vừa xem xét phía bên trong của những ngôi nhà đổ nát, những tấm lưới sắt ở các cửa sổ đã bị gỉ, và các bầy chim hấp hối cùng những con người đã bị kỷ niệm làm cho nhu nhược đi. Với trí tưởng tượng, anh định khôi phục lại

vẻ rực rỡ đã bị hủy hoại của thành phố thời Công ty chuối mà lúc này chiếc bể bơi ở đó đã khô cạn, chất đầy giày đàn ông và dép đàn bà, trong những ngôi nhà hoang tàn Aureliano thấy bộ xương của một con chó Đức còn bị cột vào một chiếc vòng bằng sợi xích sắt, và một máy điện thoại chuông cứ réo liên hồi, khi Aureliano nhắc ống nghe lên, anh hiểu được điều mà một người đàn bà đau khổ và cổ xưa hỏi bằng tiếng Anh trong máy, anh trả lời rằng đúng như vậy, cuộc đình công đã kết thúc, ba ngàn xác người chết đã bị đổ xuống biển, Công ty chuối đã bỏ đi và đã từ nhiều năm nay Macondo trở lại thanh bình. Những cuộc đi dạo đó đã đưa Aureliano đến xóm lầu xanh điêu tàn, ở đó xưa kia người ta đốt hàng năm tiền để mua vui cho các cuộc sống nhảy nhót, bây giờ đó là khu vực của những đường phố tang thương nhất,

với một vài ngọn đèn đỏ còn đang thấp, những phòng nhảy vắng tanh được trang trí bằng những chiếc miện bỏ đi, ở đó những người vợ góa chẳng của ai cả, xanh rớt và béo ị, những bà lão người Pháp và những chủ chứa người Babilon vẫn tiếp tục đợi chờ bên cạnh những chiếc máy hát quay tay. Aureliano không thấy ai nhớ gì đến gia đình anh, ngay cả đến đại tá Aureliano Buendía cũng không được nhớ tới nữa, trừ một người đàn ông già nhất trong số những người da đen ở vùng Antidat, một ông già có mái tóc trắng như bông trông giống hình người trong tấm phim âm bản, đang tiếp tục hát ở dưới mái hiên những khúc ca thê thảm về buổi chiều tàn. Aureliano nói chuyện với ông già bằng thứ thổ ngữ của vùng Curaçao anh đã học được trong có vài tuần, và thỉnh thoảng cùng ăn với ông món canh đầu gà do cô gái gọi ông

ta bằng cổ nấu cho. Đó là một cô gái da đen to lớn, xương cốt cứng cỏi, háng như háng ngựa, cặp vú như hai quả dưa tươi, mái đầu tròn và đẹp có chụp một chiếc lưới giữ tóc bằng dây đồng trông giống như chiếc mũ bịt đầu của một chiến binh thời Trung cổ. Cô ta tên là Nigromanta. Đạo ấy Aureliano bán những bộ đồ ăn, giá cầm nền và những thứ đồ cũ khác của nhà để lấy tiền ăn. Khi không có một xu dính túi, và thường là như vậy, Aureliano đến các quán ăn trong chợ, ở đó người ta cho anh những đầu gà lẽ ra vứt vào đồng rác, Aureliano mang về cho Nigromanta nấu canh, cô ta còn bỏ rau thơm vào cho thêm ngon lành. Khi ông cụ chết rồi, Aureliano không năng lui tới nhà Nigromanta như trước nữa, nhưng vẫn gặp cô ta dưới bóng tối những cây hạnh đào ở ngoài quảng trường khi cô ta đang gạ gẫm những khách chơi đêm

hiếm hoi bằng tiếng huýt gió như tiếng thú rừng. Nhiều lần Aureliano cặp kè bên cạnh Nigromanta và nói với cô, bằng thứ tiếng của xứ Curaçao về món canh đầu gà và những thứ ngon lành thú vị khác của cảnh nghèo hèn, và chắc là Aureliano cứ tiếp tục như vậy nếu như Nigromanta không bảo cho anh biết rằng việc anh đi với cô sẽ làm cho cô mất khách. Mặc dù có những lần Aureliano cảm thấy thèm khát và chính Nigromanta cũng đồng cảm và muốn chia sẻ với anh, nhưng hai người vẫn chưa ăn nằm với nhau. Bởi vậy cho đến khi Amaranta Úrsula trở về Macondo và ôm hôn anh một cách thân tình khiến anh lạng người đi, thì Aureliano vẫn còn là một chàng trai chưa biết mùi đời. Mỗi lần Aureliano nhìn thấy Amaranta Úrsula, và tệ nhất là những lúc cô dạy anh những điệu nhảy mới mẻ, Aureliano lại có cảm giác đê

mê trong xương cốt, đó chính là cái cảm giác đã từng làm cho cụ tổ năm đời của anh mù người đi khi Pilar Ternera kiểm cố xem bói bài cho cụ ở kho ngô. Cố nén nỗi đau khổ trong lòng, Aureliano vùi đầu vào những dòng chữ trên tấm da thuộc và tránh sự khêu gợi ngây thơ của người đàn bà đã từng làm anh mất ngủ nhiều đêm vì bị sự thèm khát không được thỏa mãn giày vò; nhưng càng tránh Amaranta Úrsula thì anh lại càng khao khát chờ nghe tiếng cười khanh khách, tiếng rên như tiếng mèo gừ của cô cất lên trong khi đang sung sướng thỏa mãn tình dục vào bất kỳ lúc nào và ở những chỗ bất ngờ nhất trong nhà. Một đêm, trên chiếc bàn lớn ở xưởng kim hoàn, chỉ cách giường của Aureliano mười mét, vợ chồng Amaranta Úrsula đã diễn các trò ái ân một cách cuồng nhiệt, không còn biết trời đất là gì nữa.

Đêm ấy, chẳng những Aureliano không thể chợp mắt, mà ngay hôm sau anh vẫn còn hầm hập như sốt và bực tức đến phát khóc lên. Với Aureliano, sẽ chẳng bao giờ mất đi cái đêm đầu tiên anh chờ đợi Nigromanta trong bóng tối những cây hạnh đào, cố vượt lên nỗi lo lắng, do dự, tay nắm chặt một đồng ruồi peso mà anh đã xin của Amaranta Úrsula, không phải anh xin tiền vì cần tiêu, mà là để trả thù Amaranta Úrsula, làm nhục cô bằng việc dùng số tiền đó đi mua dâm ở người con gái khác. Nigromanta dẫn Aureliano vào căn buồng có ánh sáng mờ ảo của những ngọn nến mặt hạn, đến chiếc giường ngủ là tấm ván kê trên đôi mề và có trải tấm vải đã nhàu bẩn sau những cuộc truy hoan, tiếp đón Aureliano bằng tấm thân đã dày dạn, trơ trẽn và không hề bộc lộ một chút tình cảm, cô chuẩn bị tư thế để vắt cổ Aureliano như vắt cổ

một chú bé còn nhút nhát, nhưng ngay lập tức Nigromanta đã nhận thấy ở anh ta một người đàn ông dữ dội khiến cô phải quặn quại toàn thân. Aureliano và Nigromanta cặp bồ với nhau.

Aureliano dành buổi sáng để đọc các ký hiệu trên những tấm da thuộc, buổi trưa anh đến cái phòng ngủ đầy kích thích kia, ở đó Nigromanta chờ đợi để bày cho anh hết ngón chơi này đến ngón chơi khác, cho đến khi cô ta phải rời Aureliano ra để đi rình bắt những “con bò lạc” khác. Cứ như vậy đến vài tuần sau Aureliano mới phát hiện ra rằng ở thắt lưng Nigromanta có một sợi dây nhỏ như được làm bằng dây đàn vi-ô-lông-xen nhưng rắn như thép và không có chỗ nối vì nó sinh ra và lớn lên cùng với cô ta. Gần như lần nào cũng vậy, giữa các đợt mây mưa, họ trần truồng và ăn

ngay trên giường, trong cái nóng khủng khiếp và dưới những ngôi sao ban ngày có thể nhìn thấy qua các lỗ thủng trên mái tôn bị gỉ. Lần đầu tiên Nigromanta có một người đàn ông thường trực, một “cái cọc” như chính cô gọi trong khi cười ngất, điều đó khiến cho Nigromanta đã bắt đầu có ảo tưởng ở tình yêu và ảo tưởng đó chỉ chấm dứt khi Aureliano thú thật nỗi khát khao không được thỏa mãn với Amaranta Úrsula mà sự thay thế của Nigromanta không thể làm nguôi đi, ngược lại, lòng anh lại càng bị giày vò hơn khi kinh nghiệm khiến cho chân trời tình ái rộng mở thêm. Thế là, tuy vẫn tiếp Aureliano nồng nàn như trước, nhưng Nigromanta đòi thù lao một cách gay gắt, đến mức khi Aureliano không có tiền trả, cô đã ghi nợ, không phải ghi bằng chữ số mà bằng những vạch móng tay ở mặt sau cánh cửa. Tối đến, khi Ni-

gromanta đi lang thang trong bóng tối ở quảng trường thì Aureliano đi đi lại lại ở hành lang như một người khán lạ trong nhà, anh chào hỏi qua loa Amaranta Úrsula và Gaston – hàng ngày vợ chồng họ ăn tối vào giờ này – rồi quay về phòng, đóng cửa lại, anh không thể đọc, không thể viết và thậm chí không thể nghĩ ngợi được gì, cứ nôn nao vì những tiếng cười đùa bốn cột đạo đầu và sự bùng nổ sau đó của việc tận hưởng lạc thú diễn ra suốt đêm của đôi vợ chồng kia. Đó là cuộc sống của Aureliano trong hai năm trước khi Gaston bắt đầu chờ máy bay đến, và cứ như vậy cho tới một buổi chiều Aureliano đến quán sách của ông già thông thái người xứ Catalunya và gặp bốn chàng trai lăm mồm đang cãi nhau gay gắt về các biện pháp diệt gián ở thời Trung cổ. Ông chủ quán sách biết rằng

Aureliano thích những chốn mà trước kia chỉ có thánh Beda Đấng chí tôn [Nhà sử học và tiến sĩ thần học người Anh, sinh năm 672 hoặc 573 và mất năm 735. Lễ thánh là ngày 27 tháng Năm.] đọc thôi, đã khôn khéo mời anh tham gia cuộc tranh luận, và Aureliano nói một thôi một hồi rằng gián, theo sách Cựu ước là loài vật cánh xuất hiện sớm nhất trên trái đất đã chết nhiều nhất do bị đập bằng dép, nhưng là loài vật hoàn toàn bất trị với bất cứ biện pháp tiêu diệt nào, từ cà chua trộn muối bột-rắc đến bột mì trộn đường, bởi vì ngay từ thời rất xa xưa một ngàn sáu trăm lẻ ba loại gián đã chống đỡ lại sự truy đuổi rất bền bỉ và không thương xót của loài người đối với bất kỳ loài vật nào, kể cả đối với chính bản thân loài người nữa, đến mức độ cùng với việc có bản năng sinh đẻ, loài người còn có bản năng giết gián, và nếu như loài gián thoát khỏi sự cuồng nộ của

loài người thì chính là vì chúng đã ẩn nấp trong bóng tối, ở đó chúng không bị tổn thất, bởi loài người có nỗi sợ hãi bẩm sinh đối với bóng tối, nhưng ngược lại, chúng lại rất sợ ánh sáng giữa trưa, do vậy ở thời kỳ Trung cổ, hiện nay và mãi mãi sau này, biện pháp hữu hiệu duy nhất để diệt gián là dùng ánh sáng mặt trời. Cái thuyết định mệnh mang tính chất bách khoa ấy là cơ sở cho một quan hệ thân hữu sâu sắc giữa những người trẻ tuổi này. Từ ấy, chiều nào Aureliano cũng gặp bốn chàng trai hay tranh biện kia, đó là Álvaro, Germán, Alfonso và Gabriel, những người bạn đầu tiên và cũng là cuối cùng trong cuộc đời anh. Đối với một người đàn ông từng giam mình trong sách vở như Aureliano, những buổi học bão táp, bắt đầu ở hiệu sách từ lúc sáu giờ chiều và kết thúc ở các nhà chữa vào lúc sớm mai, là một sự

khám phá. Cho đến lúc ấy, Aureliano vẫn chưa nghĩ rằng văn chương là một trò chơi được bày đặt ra để bốn cọt người khác, như Álvaro đã cho anh thấy trong một đêm chè chén. Phải một thời gian sau Aureliano mới nhận ra rằng rất nhiều sự kỳ cục đã bắt nguồn từ tấm gương của ông già thông thái người xứ Catalunya. Đối với ông ta, sự hiểu biết chẳng có giá trị gì nếu như nó không được sử dụng để phát minh ra một phương pháp thổi làm sữa đậu. Buổi chiều mà Aureliano giảng giải về loài gián, cuộc tranh luận được kết thúc ở ngôi nhà của những cô gái bán thân nuôi miệng, đó là một nhà chứa ma quái ở ngoại ô Macondo. Chủ nhà là một người đàn bà tươi cười, luôn lo lắng về chuyện đóng cửa và mở cửa. Nụ cười vĩnh cửu của mẹ dường như được tạo nên bởi sự nhẹ dạ của khách chơi, những người này cứ tin chắc rằng cái nhà chứa

này là có thật, là chắc chắn, mặc dù thực ra nó chỉ tồn tại trong tưởng tượng mà thôi, bởi vì ở đây ngay cả những đồ vật có thể sờ thấy được cũng là không có thực: những chiếc ghế sẽ rời ra khi người ta ngồi xuống, tròng chiếc máy hát quay tay có con gà mái đang ấp trứng, vườn hoa gồm những bông hoa bằng giấy, lịch là lịch của những năm xa xưa, thuở Công ty chuối mới đến, những bức tranh là tranh cắt từ những tạp chí chưa in bao giờ. Đến cả những cô gái làm tiền nhút nhát từ những nhà bên chạy đến khi mục ta thông báo là có khách đến cũng hoàn toàn không phải là người thật. Những cô gái ấy xuất hiện không chào hỏi ai, họ mặc những chiếc áo hoa của cái thuở lên năm tuổi hoặc ít hơn, họ cười ra với cử chỉ ngây thơ như khi mặc vào, và trong lúc sự ân ái lên đến đỉnh cao thì họ lại kêu lên một cách kinh ngạc rằng sao mà dữ

dội thế, rằng hãy nhìn xem trần nhà đang sập xuống kia kìa, và ngày sau khi nhận một đồng rưỡi peso họ liền đem tất cả số tiền đó mua một chiếc bánh và một mẩu pho-mát mà mụ chủ bán cho, lúc đó mụ ta vui vẻ hơn bất kỳ lúc nào khác vì chỉ có mụ mới biết rằng ngay cả những thứ đó cũng chẳng phải là thức ăn thật. Aureliano, mà lúc đó thế giới của anh chỉ bắt đầu ở những tấm da thuộc chi chít chữ và kết thúc ở chiếc phản của Nigromanta, tìm thấy ở cái nhà chứa ma quái ấy một phương thuốc gốc ghêch cho sự nhút nhát của mình. Thoạt đầu Aureliano không dám đến một căn phòng mà mụ chủ thường bước vào giữa những thời điểm tốt nhất của việc ân ái, ở đó mụ ta bình luận mọi kiểu về sự khoái lạc của những người trong cuộc mây mưa. Nhưng dần dần anh ta trở nên quen thuộc với những bóng lộc ấy của trái đất,

đến mức một đêm buông tuồng nhất anh ta đã trút bỏ quần áo ở ngoài phòng tiếp đón, vừa đi khắp nơi trong nhà vừa giữ thăng bằng một chai bia đặt trên các bộ phận thuộc giống đực rất khác thường của mình. Chính Aureliano là người đã bày đặt ra những kiểu chơi kỳ quái mà mục chủ hưởng ứng với nụ cười không biết tắt trên môi, mục không phản đối cũng phòng tin những trò đó là có thật, cũng như thái độ của mục khi Germán định đốt ngôi nhà này để chứng minh rằng nó không tồn tại, hay là khi Alfonso vặn cổ con vẹt và ném nó vào cái thảo nước đang sôi bắt đầu luộc gà. Dù Aureliano thấy gắn bó với cả nhóm bằng những tình thân thiện và yêu mến duy nhất, đến mức anh nghĩ rằng bốn người kia chỉ là một, anh vẫn gần gũi với Gabriel hơn với ba người kia. Sự gắn bó ấy nảy sinh trong cái đêm mà vô tình Aureliano

nhắc tới đại tá Aureliano Buendía, và Gabriel là người duy nhất không tin rằng Aureliano đang giấu cọt ai. Đến cả mục chủ, thường không xen vào những cuộc chuyện trò, lúc ấy cũng gân cổ lên mà cãi rằng đại tá Aureliano Buendía, người mà quả thật mục có nghe nói tới một vài lần, chỉ là một nhân vật mà chính phủ bịa ra để kiếm cớ giết những người Tự do. Ngược lại, Gabriel không hề tỏ ra nghi ngờ đối với sự thật về đại tá Aureliano Buendía, vì đại tá là chiến hữu và là người bạn nối khố của cụ tổ anh ta, đại tá Gerineldo Márquez. Những sự gợi nhớ không hẳn là cố ý càng sâu sắc hơn khi họ nói về vụ tàn sát những người lao động. Mỗi khi Aureliano đụng đến chuyện đó, không chỉ mục chủ mà cả một số người lớn tuổi hơn mục đều phủ nhận những lời đồn đại về những người lao động bị vây chặt ở nhà ga, về đoàn tàu

hai trăm toa chở xác chết, thậm chí họ còn khẳng khẳng tin vào những điều đã được ghi trong những hồ sơ pháp lý và trong sách của trường tiểu học là Công ty chuối không hề tồn tại bao giờ cả. Aureliano và Gabriel gắn bó với nhau bằng một sự đồng cảm được xây dựng trên những sự kiện có thật mà chẳng ai tin, những sự kiện tác động đến cuộc sống của hai người tới mức họ thấy mình lưu lạc trong sự chao đảo của một thế giới đã bị tàn phá, ở đó chỉ còn lại một sự nhớ nhung mà thôi. Gabriel ngủ ở bất kỳ chỗ nào khi anh ta buồn ngủ. Một vài lần Aureliano để anh ta ngủ ở xưởng kim hoàn, nhưng ở đó anh ta thức trắng đêm vì bị văng đầu nhức óc bởi những tiếng động mà những người chết đi lại suốt đêm ở trong các phòng ngủ gây nên. Sau đó Aureliano gửi gắm Gabriel cho Nigromanta. Những lúc rỗi rãi cô ta đưa

Gabriel về căn phòng tiếp khách làng chơi của mình và cô lại ghi nợ bằng những vạch dọc trên mặt sau cánh cửa, ở những chỗ trống còn lại rất ít ỏi sau khi đã ghi nợ của Aureliano. Mặc dù sống rất bừa bãi, cả nhóm cũng cố gắng làm một việc gì đó có ý nghĩa lâu bền, theo yêu cầu của nhà thông thái xứ Catalunya. Với kinh nghiệm của một cựu giáo viên văn học cổ điển và với kho sách lạ lùng, cụ là người đã tạo điều kiện cho họ dành cả một đêm để tìm tình huống kịch thứ ba mươi bảy, ở một nơi mà chẳng một ai có ý muốn và có điều kiện để học quá bậc tiểu học. Bị quyến rũ bởi việc phát hiện ra tình bạn, mê mẩn bởi sự thôi miên của một thế giới mà trước đó bị tính hẹp hòi của Fernanda che lấp, Aureliano từ bỏ việc khám phá những chữ ghi trên tấm da thuộc, ngay giữa lúc những câu thơ bí ẩn đã bắt đầu hiện ra

với anh. Nhưng sau khi biết chắc rằng vẫn còn đủ thời gian để làm tất cả mà vẫn không cần phải dứt bỏ những nhà chứa kia, Aureliano lại có ý chí để quay lại căn phòng của Melquíades, anh quyết định không nản lòng cho đến khi khám phá ra những khóa mã cuối cùng. Những điều đó xảy ra trong thời gian Gaston bắt đầu chờ đợi máy bay đến, và Amaranta Úrsula sống rất cô đơn. Một buổi sớm cô ta vào phòng của Melquíades: – Xin chào người ăn thịt đồng loại, – cô ta nói, – anh lại ở trong hang của mình rồi. Amaranta Úrsula đẹp không chịu được, cô mặc bộ đồ do cô may và đeo một trong những sợi dây chuyền dài cũng do chính cô làm bằng những đốt xương sống cá chằng. Amaranta Úrsula đã thả lỏng anh chồng, tin rằng chồng chung thủy, và đây là lần đầu tiên từ ngày về cô ta có vẻ thành thoi một chút. Aureliano chẳng cần nhìn

cũng biết rằng cô ta đến. Amaranta Úrsula chống khuỷu tay lên mặt bàn, rất gần và rất dịu dàng khiến Aureliano như cảm nhận được những tiếng lao xao trong xương cốt của cô, và Amaranta Úrsula hỏi về những tấm da thuộc có viết chữ. Aureliano cố gắng chế ngự sự bối rối, lấy lại tiếng nói, sức sống và trí nhớ như đã biến đâu mất và nói với cô về số phận của tiếng Phạn, về khả năng khoa học có thể nhìn thấy tương lai hiện rõ trong thời gian như có thể đọc được chữ viết qua mặt sau của tờ giấy khi giờ mặt trước có chữ viết về phía ánh sáng, về sự cần thiết phải giải mã được những lời tiên đoán để không tự mình làm mình thất bại, về Những lời sấm truyền của Nostradamus và về sự hủy diệt của xứ Cantabria mà thánh

Milanus¹² đã báo trước. Đột nhiên, trong khi vẫn tiếp tục nói, như bị kích thích bởi một sự thôi thúc im ngủ từ lâu trong mình, Aureliano đặt tay mình lên tay Amaranta Úrsula và tin rằng cái quyết định cuối cùng kia sẽ chấm dứt cơn sóng gió. Nhưng Amaranta Úrsula nắm lấy ngón tay trở của anh với một cử chỉ âu yếm thơ ngây mà cô từng đối xử với anh nhiều lần thuở thơ bé, và cô cứ giữ như vậy trong khi Aureliano tiếp tục trả lời các câu hỏi của mình. Cứ như vậy, họ liên hệ với nhau qua một ngón tay trở giá lạnh chẳng truyền cảm gì cả, cho đến khi Amaranta Úrsula như sức tỉnh khỏi một giấc mơ thoáng qua và vỗ tay lên trán. “Lũ kiến!”, cô ta kêu lên như vậy. Thế là Amaranta Úrsula quên những bản chữ viết trên tấm da thuộc và bước một bước nhẹ nhàng uyển chuyển

12 Người Tây Ban Nha, lễ thánh ngày 12 tháng Mười một.

ra đến cửa, và từ chỗ đó cô đưa ngón tay lên miệng gửi Aureliano một chiếc hôn gió, như chiếc hôn cô gửi cha mình trong buổi chiều xưa khi cô lên đường đi Brussels. – Anh sẽ giảng giải cho tôi sau nhé, – cô ta nói. – Tôi quên mất rằng hôm nay là ngày phải bỏ vôi vào các tổ kiến. Những khi có việc gì đó cần làm ở gần phòng Melquíades, Amaranta Úrsula vẫn vào phòng đó một cách ngẫu nhiên và ở lại một lát, trong khi chồng cô vẫn tiếp tục quan sát bầu trời. Sự thay đổi này làm nảy sinh ảo tưởng trong Aureliano, từ ấy anh ta cùng ăn với gia đình, đó là điều khác so với những tháng Amaranta Úrsula mới về. Anh làm cho Gaston thấy dễ chịu. Trong những câu chuyện quanh bàn sau bữa ăn, thường kéo dài đến hơn một giờ đồng hồ, Gaston tỏ ra đau khổ vì những người bạn thân đã lừa dối ông. Họ đã báo cho Gaston biết rằng chiếc máy

bay đã được chuyển xuống một chiếc tàu thủy chưa đến đây và mặc dù những người làm việc đường biển quen ông đã khẳng định rằng chẳng bao giờ chiếc tàu ấy tới vì nó không có tên trong danh sách những con tàu ở vùng biển Ca-ri-bê, nhưng người bạn thân của ông vẫn cứ khẳng khẳng rằng tin của họ chính xác, thậm chí họ còn nói bóng nói gió là Gaston đã lừa dối họ qua những bức thư của ông. Thư từ qua lại đã khiến họ nghi ngờ lẫn nhau tới mức Gaston quyết định không viết nữa và ông đã bắt đầu nghĩ đến khả năng đi ngay về Brussels để làm rõ mọi chuyện rồi sau đó sẽ quay lại đây với chiếc máy bay. Nhưng dự kiến ấy bị xẹp ngay, khi Amaranta Úrsula nhắc lại quyết định của mình là sẽ không đi khỏi Macondo cho dù phải sống không chồng. Những ngày đầu Aureliano cũng nghĩ như những người khác rằng Gas-

ton là một thằng ngốc trên chiếc xe làm xiếc, và điều đó khiến cho Aureliano thoáng có chút thương hại đối với ông ta. Sau đó, khi qua các nhà chứa, anh có được sự hiểu biết sâu sắc hơn về bản chất của những người đàn ông, thì anh nghĩ rằng tính hiền từ của Gaston bắt nguồn từ một sự đam mê ương bướng. Nhưng khi hiểu Gaston sâu sắc hơn, và khi biết rằng tính cách thực sự của Gaston đối lập với cách cư xử nhũn nhặn của ông, thì Aureliano ngờ rằng đến cả việc Gaston chờ máy bay cũng là chuyện dối trá. Từ ấy, Aureliano cho rằng Gaston chẳng ngờ nghếch như ông ta thể hiện, mà ngược lại đó là một người đàn ông cực kỳ kiên nhẫn, khôn khéo và bình tĩnh, người dự tính sẽ chiến thắng vợ mình bằng cách làm cho vợ mệt mỏi với sự mãn nguyện hoàn toàn, với việc mình luôn luôn đồng tình tuyệt đối, để mặc

cho vợ bối rối trong đám mạng nhện của cô ta, đến một ngày nào đó khi không chịu đựng nổi sự chán ngán của những ảo tưởng trong tầm tay nữa thì chính cô ta sẽ thu xếp va-li để quay lại châu Âu. Lòng thương hại trước đây của Aureliano chuyển thành một lòng căm ghét sâu sắc. Aureliano thấy những dự tính và việc làm của Gaston thật tồi tệ nhưng đồng thời cũng rất có hiệu quả, bởi vậy anh đã liều lĩnh nói điều đó cho Amaranta Úrsula biết. Nhưng Amaranta Úrsula đã cười giễu sự đa nghi của Aureliano, cô ta không hề bộc lộ một sự rạn nứt nhỏ của tình yêu, một chút dao động hoặc ghen tuông trong lòng. Amaranta Úrsula không hề nghĩ rằng cô ta đã làm nảy sinh ở Aureliano một điều gì đó ngoài tình cảm chân thành, cho đến một hôm cô ta bị đứt tay vì cố mở nắp hộp mút đào, và Aureliano vội chạy lại hút máu ở chỗ

ngón tay rớm máu ấy với một sự khao khát và thèm thuồng đến mức cô gai người lên. – Aureliano – cô ta cười, hồi hộp, – anh thật quá xấu, đến độ trở thành một con dơi ranh mãnh. Lúc ấy, Aureliano đẩy sung sướng. Anh đặt những chiếc hôn tội nghiệp lên bàn tay bị thương, anh bộc lộ những điều thâm kín nhất của trái tim, những nỗi niềm đau khổ và dằn vặt trong lòng mình. Aureliano kể với Amaranta Úrsula rằng nửa đêm anh đã thức dậy để khóc với sự cô đơn và thèm khát điên cuồng trên những chiếc quần áo lót mà cô phơi trong nhà tắm như thế nào. Anh kể rằng mình đã đòi hỏi da diết như thế nào để Nigromanta kêu lên những tiếng kêu gù gù như tiếng một con mèo cái và rên rĩ bên tai những tiếng “Gaston, Gaston, Gaston”, và cả chuyện anh đã ma lạnh cuồn nhẹ những lọ nước hoa của cô như thế nào để xoa lên cổ những cô

gái trẻ ăn nằm vì tiền với anh. Hoảng sợ trước dự vọng của anh chàng phóng đảng nọ, Amaranta Úrsula từ từ nắm tay lại, những ngón tay co dần như chú ốc thu mình, cho đến khi bàn tay bị thương của cô không còn thấy đau đớn, và mọi dấu vết của lòng thương hại biến thành một khối ngọc bích và thạch anh, biến thành những chiếc xương cứng vô tri vô giác.

Đồ ngu! – cô gái nói như thể đang nhổ cái gì đó... – Tôi sẽ đi Bỉ trên chuyến tàu đầu tiên rời bến.

Một buổi chiều nọ Álvaro đã đến hiệu sách của nhà thông thái xứ Catalunya rao tưởng lên điều phát hiện mới nhất của anh ta: một nhà thổ bách thú gọi là Cậu bé vàng, đây là căn phòng rộng không có mái, có đến vài trăm chú diệc nhớn nhơ cứ lâu lâu lại kêu quàng quạc

âm ỉ. Trong những chiếc lồng lưới thép đặt xung quanh sàn nhảy, giữa những bụi hoa trà lớn gốc vùng Amazon là những đàn cò lửa, những con cá sấu sùng sục rúc mõm vào chậu thức ăn như đàn lợn, những chú rắn mười hai chuông, và một con rùa mai vàng đang ngụp lặn dưới cái biển nhân tạo nho nhỏ. Có một con chó cái trắng, thuần, vừa làm nhiệm vụ của con đực chuyên đi tơ với những con chó cái khác, vừa phải làm cái việc của một con chó cái nuôi con để người ta cho ăn. Không khí dịu nhẹ, như vừa mới được sinh ra, và những cô gái lai xinh đẹp chờ đợi vô vọng giữa những cánh hoa rỉ máu và những đĩa hát lỗi thời, vốn hiểu rõ cái công việc làm tình mà con người đã để quên nơi thiên đường trần gian này. Đêm đầu tiên nhóm đến thăm căn nhà nghỉ đông tưởng tượng kia, bà cụ già rục rỏ và trầm lặng ngồi gác lối vào trên

một chiếc ghế mây, cảm thấy thời gian như trở lại cội nguồn của nó khi bà lão phát hiện thấy trong số năm người vừa tới có một người đàn ông xương xẩu, vàng bủng, gò má cao như người tác-ta, mang dấu ấn cô đơn vĩnh viễn từ thuở khai thiên lập địa.

Trời ơi! – bà lão kêu lên. – Aureliano!

Bà lão lại đang nhìn thấy đại tá Aureliano Buendía như đã nhìn thấy ánh sáng ngọn đèn từ rất lâu trước các cuộc chiến tranh, trước sự tiêu tan của vinh quang và sự tàn lụi của niềm vui, cái buổi đêm về sáng xa xăm kia khi ông bước vào phòng ngủ để ra cái lệnh đầu tiên trong cuộc đời: lệnh ban cho ông sự ân ái. Đấy là Pilar Ternera. Từ nhiều năm trước khi vào tuổi một trăm bốn lăm, bà lão đã từ bỏ cái thói quen có hại là tính tuổi của mình, và tiếp tục sống trong cái

thời gian tĩnh tại, bên lề của những kỷ niệm, và sống trong một tương lai hoàn toàn được xác định, vượt ra ngoài những tương lai bị xáo trộn bởi sự ràng buộc và những phỏng đoán xúc xiểm từ những quân bài. Từ đêm ấy trở đi, Aureliano ẩn náu trong sự dịu hiền và thông cảm của cụ tổ năm đời chưa bao giờ biết tới. Ngồi trên chiếc ghế xích đu mây, bà lão nghĩ về quá khứ, nhớ lại những gì là vĩ đại và nổi bật hạnh của gia đình và sự huy hoàng đã bị tàn phá của Macondo, trong khi Álvaro làm đám cá sấu hoảng sợ với những chuỗi cười âm ỉ, và Alfonso thì bịa ra những chuyện khủng khiếp về những con diệc đã mổ mắt người khách làng chơi cư xử không tốt vào tuần trước, còn Gabriel thì ngồi trong buồng của cô gái lai tư lự không lấy tiền của khách mà chỉ nhờ viết hộ những bức thư cho anh chàng người yêu buồn lậu

đang bị tù ở bên kia sông Orinoco vì bị đám lính biên phòng tóm được và bắt ngồi trên một chiếc bô buộc phải ỉa ra đây cứt và kim cương. Cái nhà thổ thực sự với bà chủ như một người mẹ kìa, chính là cái thế giới mà Aureliano hằng mơ ước trong sự kìm hãm kéo dài. Anh cảm thấy sung sướng, cảm thấy gần đạt tới sự gặp gỡ hoàn hảo, đến mức chẳng nghĩ đến sự trốn tránh nào khác vào cái buổi chiều mà Amaranta Úrsula làm tan vỡ ảo mộng của mình. Anh sẵn sàng van nài để ai đó phá bỏ hộ cái sự tức tối như nghẹn lại trong lồng ngực, nhưng anh chỉ có thể bật khóc nức nở trong lòng Pilar Ternera. Bà lão lấy tay xoa đầu anh, để cho anh khóc thỏa thích. Và dẫu anh không nói ra là đang khóc vì tình, bà lão đã nhận ra ngay cái tiếng khóc cổ sơ nhất trong lịch sử con người. – Nào thôi, chút bé bỏng của ta! – bà lão dỗ dành, – bây

giờ chút hay nói xem người ấy là ai. Khi Aureliano vừa nói, Pilar Ternera bật lên cái cười sâu thẳm, tiếng cười lan tỏa từ xa xưa chấm dứt để rồi sau đó dần dần chuyển thành tiếng cười giống tiếng cù rục cù rục của loài chim bồ câu. Không có điều bí mật nào trong trái tim của người trong dòng họ Buendía mà bà lão không hiểu được, bởi vì một thế kỷ ảo mộng và kinh nghiệm đã dạy cho bà lão biết lịch sử của gia đình giống như một chuỗi dài những điều lặp đi lặp lại không tránh khỏi, như một chiếc đĩa quay có thể cứ quay mãi, quay mãi đến vô tận, nếu không có sự hao mòn dần dà vô phương cứu chữa của chiếc trục. – Đừng lo chút ă, – bà lão cười. – Dù nó đang ở đâu, lúc này nó cũng đang đợi chút. Vào lúc bốn giờ rưỡi chiều, Amaranta Úrsula bước ra khỏi nhà tắm. Aureliano nhìn thấy cô bước qua cửa phòng mình trong chiếc

váy tắm nếp là phẳng phiu, đầu quần chiếc khăn. Anh liền nhón chân nhẹ nhẹ bước theo, ngất ngưỡng như người say và anh bước vào phòng tân hôn của vợ chồng Amaranta Úrsula đúng lúc cô mở khuy chiếc váy tắm và bỗng giật mình khép lại. Cô lặng lẽ chỉ tay về phía buồng bên cạnh cửa hé mở. Aureliano biết là Gaston đang bắt đầu viết thư ở đó. – Ra ngay đi, – cô nói rít không thành tiếng. Aureliano mỉm cười, hai tay bế thốc ngang lưng cô, như là bưng chậu thu hải đường, đặt ngửa lên giường. Phất một cái, anh kéo tuột chiếc váy tắm trước khi cô kịp ngăn lại, và anh như rơi xuống vực thẳm trước tấm thân trần truồng vừa tắm rửa xong, trắng ngần, nõn nà, mà trong bóng tối của những căn buồng bên cạnh hầu như anh đã tưởng tượng ra hết cả, kể từ những lỗ chân lông đến những nốt ruồi ẩn kín. Amaranta Úrsu-

la chống lại kịch liệt: với sự khôn khéo của giống cái thông minh, cô oản mình, xoay giở thân hình uyển chuyển và thơm tho như một con chồn, đồng thời thúc hai đầu gối vào bụng còn hai tay thì cào lên mặt chàng trai, nhưng cả hai không ai thở mạnh khác với nhịp thở của người đang ngắm nhìn buổi chiều tà thảng tư qua cửa sổ. Đây là một cuộc vật lộn dữ dội, một cuộc giành giật sống mái, tuy nhiên hầu như không có chút bạo lực nào, bởi vì đó là một cuộc vật lộn của những bóng ma, chậm rãi, thận trọng, trang nghiêm, nghĩa là khoảng thời gian hai bên giằng co nhau đủ để cho cây kh-iên ngư nở hoa và Gaston ở phòng bên thì quên hết ước mơ trở thành người lái máy bay, và họ như hai người yêu thù địch đang ra sức thỏa hiệp với nhau dưới đáy ao sáng ngời. Trong sự co kéo quyết liệt và trang nghiêm đó, Amaranta Úrsu-

la hiểu rằng sự im lặng thận trọng của cô thật là vô lý, nó có thể làm chồng mình ở buồng bên sinh nghi hơn cả những tiếng động mạnh mà cô đang ra sức tránh. Cô bèn cười nhẹ nhẹ, và vẫn không ngừng chống trả, nhưng cô đang tự vệ bằng những miếng cản giả tạo và dần dần thôi không oằn mình lẩn tránh nữa, cho đến lúc cả hai đều hiểu rằng họ vừa là địch thủ vừa là kẻ đồng lõa, và cuộc giằng co đã biến thành một trò chơi vuốt ve nhau. Bỗng nhiên, như là để thử chơi, thử mạo hiểm một lần nữa, Amaranta Úrsula thôi không chống đỡ, và khi hoảng sợ trước điều mà chính cô đã tạo điều kiện cho nó diễn ra, cô ra sức phản ứng lại nhưng đã quá muộn mất rồi. Một sự rung động kỳ lạ đã chôn chặt cô, giữ chặt lấy cô, và ý chí tự vệ của cô đã bị nghiền nát bởi khát vọng không thể kìm lại được là phát hiện xem những tiếng hú màu vàng và những

quả bóng vô hình đang đợi cô ở bên kia cái chết là gì. Cô chỉ còn kịp với tay quờ quạng tìm chiếc khăn nhét vào mồm và cắn chặt lấy để những tiếng gừ gừ của mèo cái đi tơ không bật ra từ trong sâu thẳm lòng mình.

CHƯƠNG KẾT

Một đêm vui nọ, trong lúc gác cổng ra vào thiên đường của mình, Pilar Ternera chết trên chiếc ghế xích đu mây. Người ta đã chôn bà lão không có quan tài theo đúng nguyện vọng cuối cùng của người quá cố. Tám người đàn ông lực lưỡng dùng thùng chảo từ từ hạ huyết chiếc ghế xích đu có bà lão ngồi xuống một cái huyết được đào ngay ở giữa sân khiêu vũ. Những cô gái mulata [Gái lai đen.] mặc đồ đen, khóc

lóc đến xanh xám cả mặt mày, làm vội lễ cầu nguyện cho bà lão trong lúc tháo các chuỗi hạt đeo cổ, những dải nơ buộc đầu, những vòng tay, rồi ném chúng xuống huyết, trước lúc người ta lấp kín mồ và dựng lên trên đó một bia mộ không tên tuổi, không năm tháng và phủ kín những vòng hoa trà xứ Amazon. Sau khi đầu độc cho chết hết những con vật cảnh, dùng gạch và vữa bịt kín các cửa ra vào và cửa sổ, bọn họ tản mát mỗi người một ngả đi khắp thế gian mang theo những chiếc hòm gỗ bên trong trang trí ảnh thánh, ảnh họa báo nhiều màu sắc, ảnh người yêu, những người tình chốc lát, những người tình cũ lâu năm, những người tình ma quái, đó là những tay ỉa ra kim cương, những tay ăn thịt đồng loại những tay được phong là vua cờ bạc ở ngoài khơi. Đó là sự phán xử cuối cùng. Trong phần mộ của Pilar Ternera, giữa

những bản nhũ ca và vòng hạt của gái điếm, những rác rưởi của quá khứ đang mục rữa, đó là những gì còn lại ít ỏi ở Macondo kể từ sau chuyến ra đi của nhà thương thái xứ Catalunya. Do nỗi nhớ một mùa xuân vĩnh viễn thôi thúc, ông già thông thái xứ Catalunya đã buộc phải đóng cửa hiệu sách và trở về làng quê ở ven bờ Địa Trung Hải. Không một ai cảm nhận được việc cụ quyết định hồi hương. Để chạy trốn các cuộc chiến tranh liên miên cụ đã đến Macondo vào đúng lúc Công ty chuối thịnh vượng, và cụ không nghĩ sẽ làm gì khác hơn là mở một hiệu sách chuyên bán sách cổ được in bằng vài ngoại ngữ, mà những khách hàng ngẫu nhiên đến đã sợ hãi lật giở chúng như lật giở những cuốn sách bản tước trong lúc chờ đến lượt mình vào đoán mộng hoặc xem số ở căn nhà đối diện. Cụ đã bỏ một nửa đời người ngồi ở ngoài

sân sau nóng bức, để miệt mài ghi lại thứ văn chương kiểu súc của mình bằng thứ mực màu violet trên những tờ giấy xé ra từ vở học trò mà không một ai biết đích xác cụ viết gì. Khi Aureliano biết cụ thì cụ đã có hai thùng to đựng đầy những trang viết như vẽ mà về một phương diện nào đó chúng khiến ta nghĩ đến những tấm da thuộc ghi chữ của Melquíades, và kể từ dạo ấy cho đến khi ra đi cụ lại viết đầy thùng thứ ba, do đó quả là có lý khi nghĩ rằng trong suốt thời kỳ ở Macondo cụ không làm gì khác ngoài việc chỉ ngồi viết mà thôi. Những người duy nhất cụ có quan hệ là bốn người bạn, những người vẫn đến đây đổi những con quay và điều giấy để lấy sách của cụ và cụ đã cho họ đọc Seneca¹³ và đọc Ovidio¹⁴ khi

13 Lucio Anneo Séneca (4 - 65): một triết gia Tây Ban Nha Latinh sinh tại Córdoba.

14 Publio Ovidio Nasón: nhà thơ Latinh sinh tại Sulmona (sinh năm 43 trước Công nguyên và chết năm 17 sau Công

bọn họ còn đang theo học bậc tiểu học. Với tình cảm triu mến thân thương cụ đối xử với các nhà cổ điển như đối với những người bạn cùng ngủ một phòng đã có trong đời mình. Và cụ thông hiểu nhiều điều đáng lẽ không nên biết, tỷ như Thánh Agustin bên trong chiếc áo khoác ngoài còn mặc thêm một chiếc áo gi-lê nỉ bó sát lấy người cho đến năm mười bốn tuổi và tỷ như cái ông Arnaldo de Villanova, một thầy đồng, vì bị bọ cạp cắn mà trở nên liệt dương ngay từ khi còn nhỏ tuổi. Nhiệt tình của cụ dành cho các trang viết là một bức tranh đan lẩn những lời kính trọng và những lời đàm tiếu của dân địa phương. Vì phải học tiếng Catalan để dịch chúng ra tiếng Tây Ban Nha, Alfonso đã đút vào túi quần vài trang viết ấy được cuộn lại cùng với

nguyên), tác giả của *Arte de Amor* (Nghệ thuật tình yêu) và *Metamorfosis* (Sự biến hình).

những mẫu báo và cả những trang sách giáo khoa, rồi một đêm nọ anh đánh mất tất cả ở nhà một trong những cô điểm làm tình cho qua cái đận đói khát này. Khi cụ già thông thái biết chuyện, đáng lẽ phải mắng chửi anh một trận nên thân, thì cụ đã cả cười mà bình luận rằng đó là số phận hợp lẽ tạo hóa của văn chương. Trái lại, không có một sức mạnh nhân văn nào đủ sức thuyết phục cụ không mang theo ba thùng to đựng đầy các trang viết này khi hồi hương, và cụ đã xô ra hàng tràng tiếng Carthago¹⁵ để đuổi bọn nhân viên kiểm soát trên tàu hỏa khi bọn này định chuyển các thùng bản thảo xuống toa hàng coi chúng như là hàng hóa, cho đến khi cụ buộc bọn họ phải để cho mình mang chúng đi theo trên toa hành khách. “Thế giới chẳng còn gì nực

15 Tiếng nói của cư dân sống ở thành Cartago, một thành phố cổ xưa của châu Phi.

cười hơn khi mà con người được ngồi ở toa khách còn văn chương phải nằm ở toa hàng”. Đó là điều duy nhất nghe cụ nói thành lời. Cụ đã trải qua một tuần vất vả với những công việc cuối cùng cho chuyến ra đi, bởi vì cứ càng đến gần giờ khởi hành cụ càng kém vui hơn, ý nghĩ thiếu mạch lạc bị xáo trộn lung tung hết, và các đồ vật được để chỗ này lại thấy ở chỗ khác, cụ bị ám ảnh bởi chính đám ma quái từng trêu chọc Fernanda. – Col-lons¹⁶ – cụ chửi. – Ta ngồi xồm lên điều luật hai mươi bảy của hội nghị Tôn giáo Luân Đôn. Germán và Aureliano khuôn vác giúp cụ. Họ giúp cụ như giúp một đứa trẻ, họ để vé và các giấy tờ di chuyển trong một cái túi rồi lấy ghim băng gài lại cho cụ, họ làm cho cụ cả một danh mục dài, tỉ mỉ ghi lại tất cả những việc làm từ khi rời khỏi Macondo cho tới khi

16 Có lẽ là tiếng cartago trong nguyên bản có nghĩa rất tục.

tàu cập bến ở Barcelona, nhưng họ lại vô ý ném vào bãi rác chiếc quần có để một nửa số tiền cụ ki cóp được. Đêm trước ngày khởi hành, sau khi đã đóng đinh các thùng đựng giấy má lại và nhét hết quần áo vào chính cái va-li cụ mang tới đây, neho đôi mi mắt hình con hến lại, với điệu bộ ban phước trơ trẽn, cụ chỉ vào những đồng sách đã theo mình trong suốt cuộc lưu vong, và nói với các chiến hữu: – Đấy ta để lại cho các bạn cái thứ cứt đáí ấy. Ba tháng sau, các bạn nhận được một bì thư to tướng gần hai mươi bức thư và hơn năm mươi bức ảnh, được tích lại trong suốt cuộc hành trình nhàn rỗi trên biển khơi. Mặc dù không đề ngày tháng nhưng thú tự của chúng đã nói rõ trình tự cụ ngồi viết các bức thư này. Trong những bức thư đầu với giọng điệu hài hước vốn có của mình, cụ kể cho bọn họ nghe về những chuyện lý thú xảy ra

trong chuyến vượt đại dương, về cơn bức tức muốn quật ngã lão áp tải hàng hóa không cho phép cụ đưa ba chiếc thùng đựng bản thảo vào phòng nằm trên hầm tàu, về sự yếu hèn mà thông thái của một mệnh phụ rất sợ hãi con số mười ba, không vì thói mê tín dị đoan mà vì hình như bà ta cảm thấy con số này báo trước bà ta sẽ ở lại mặc dù cuộc hành trình trên biển chưa được kết thúc, và về cuộc thi mà cụ giành được phần thắng ngay trong bữa tối đầu tiên trên tàu thủy, vì cụ nhận ra mùi củ cải mặc ban đêm trong các suối ở vùng Lérida¹⁷ ngay trong thú nước ăn mang trên tàu. Tuy nhiên, với ngày tháng tuần tự trôi, thực tại trên tàu ngày một ít khiến cụ phải để ý hơn; ngay cả những sự kiện xảy ra mới nhất, thông thường nhất cũng khiến cho cụ càng cảm thấy

17 Một tỉnh thuộc Tây Ban Nha nằm giữa sông Segre và sông Ebro.

chúng xa xưa hơn, vì con tàu càng bỏ xa bờ châu Mỹ bao nhiêu thì ký ức càng trở nên buồn bã bấy nhiêu. Cái quá trình hoài nhớ diễn tiến ấy dường như cũng bộc lộ trên những tấm ảnh. Trong những tấm ảnh đầu tiên, cụ hiện hình trong dáng vẻ hạnh phúc, mặc chiếc áo của thương binh, mái tóc bạc như tuyết trong ánh nắng tháng mười chói chang của vùng biển Ca-ri-bê. Trong những tấm ảnh sau, cụ hiện hình trong tấm áo khoác sẫm màu, cổ quàng một tấm khăn lụa, vẻ người buồn bã và trầm tư bởi sự trống vắng, ngồi trên sàn một chiếc tàu nặng nề đang chệnh choạng đi như kẻ mộng du trên mặt biển lúc đang thu. Germán và Aureliano viết thư trả lời cụ. Trong các tháng đầu cụ viết thư rất chăm chỉ đến mức lúc ấy họ cảm thấy gần gũi cụ hơn ngay cả khi cụ còn ở Macondo và họ cảm thấy như bớt đi nỗi bức dọc vì đã để

cụ ra đi Lúc đầu cụ viết thư cho họ, báo cho họ hay rằng tất cả vẫn bình thường, rằng ở ngôi nhà cụ chào đời vẫn còn nguyên con ốc sên màu hồng, rằng những con cá trích khô vẫn thơm nguyên mùi trong thùng bánh, rằng những thác nước của làng vẫn tỏa hương thơm khi chiều buông. Lại một lần nữa cụ gửi đến cho bọn họ những trang vở học trò được viết như vẽ bằng mực màu violet, trong đó cụ tặng cho mỗi người bạn một đoạn thơ đặc biệt. Tuy vậy mặc cho chính cụ đã không nhận ra, những bức thư đầy tâm huyết ấy đã dần dần chuyển thành những bài thơ điển viên mang đầy ý nghĩa của kẻ tỉnh mộng. Trong những đêm đông, trong lúc ngồi trông nồi xúp sô ở lò sưởi, cụ nhớ đến cái không khí oi nóng ở sân sau, nhớ tiếng kêu o o của ánh mặt trời trên những cây hạnh đào phủ đầy bụi, nhớ tiếng còi tàu trong không khí

nóng hầm hập lúc đang trưa, chính là nỗi hoài nhớ mà cụ ngồi ở Macondo nhớ nỗi xúp sôi trong lò sưởi, nhớ những tiếng rao của người bán cà phê và nhớ những cơn chiến chiến lạnh lện báo mùa xuân đến. Bị dẫn dắt bởi những nỗi hoài nhớ đối diện nhau như những tấm gương soi vào nhau, cụ đánh mất cảm giác diệu kỳ về thực tại phi thực tại, cho đến khi cụ kết thúc bằng việc khuyên tất cả bọn họ hãy chạy khỏi Macondo, hãy quên tất cả những gì cụ đã dạy họ về cuộc đời, về tình người, hãy ỉa vào Horacio và bất kỳ nơi nào họ tới, hãy nhớ rằng quá khứ là bịp bợm, rằng kí ức con người không có đường trở lại, rằng tất cả mùa xuân cổ kính là không thể khôi phục lại và rằng ái tình phóng đảng và cuồng say là một sự thật chốc lát mà thôi. Álvaro là người đầu tiên quan tâm đến lời khuyên hãy rời bỏ Macondo. Anh bán hết của cải, kể

cả con hổ bị nhốt trong sân nhà vẫn thường nhe nanh dọa những khách bộ hành ở ngoài đường, và mua một chiếc vé đi mãi mãi trên một đoàn tàu hỏa không bao giờ ngừng du lịch. Trên những tấm bưu ảnh mà anh gửi từ những nhà ga nghỉ lại dọc đường, anh miêu tả đầy thán phục những hình ảnh chốc lát mình nhìn thấy qua ô cửa sổ toa xe, như thể anh đang xé vụn và ném vào cõi lãng quên một bài thơ dài của sự chạy trốn: những người da đen mơ mộng trên những cánh đồng bông trắng xứ Louisiana, những chú ngựa có cánh trên thảm cỏ xanh xứ Kentucky, những đôi nhân tình Hy Lạp trong buổi hoàng hôn địa ngục xứ Arizona, cô gái mặc áo len đỏ vẽ tranh thủy mặc trên những hồ xứ Michigan đã lấy bút làm điệu bộ chào anh, nhưng đó không phải là lời chào từ biệt mà là lời chào chứa chan hy vọng được

gặp lại vì cô không biết rằng mình đang nhìn theo một đoàn tàu một đi không trở lại. Sau đó Alfonso và Germán cùng bỏ đi vào một ngày thứ bảy với ý định sẽ trở về vào ngày thứ hai nhưng chẳng bao giờ người ta được biết tin tức gì về họ. Một năm sau kể từ ngày cụ già thông thái người Catalunya ra đi, người bạn duy nhất còn ở lại Macondo là Gabriel, vẫn lêu lổng, hoàn toàn phụ thuộc vào lòng thương hại của Nigromanta, để trả lời những câu hỏi thi của một tờ tạp chí Pháp, mà phần thưởng lớn nhất của nó là chuyến đi thăm thủ đô Paris. Aureliano, vốn là người nhận đặt báo, đã giúp anh điền các câu hỏi, đôi lúc ở ngay tại nhà anh, còn hầu như lúc nào cũng ở bên những lọ sứ xinh xinh và mùi cây thuốc nữ lang của hiệu thuốc duy nhất ở Macondo, nơi ở của Mercedes, người yêu bí mật của Gabriel. Đó là cái duy

nhất sẽ còn lại của một thời quá khứ mà sự hủy diệt của nó không bao giờ trọn vẹn, bởi vì nó cứ tự hủy hoại một cách chậm chạp, tự hao kiệt ngay trong chính nó và từng phút từng phút một nó tự kết liễu mà sẽ không bao giờ chấm dứt sự tự kết liễu. Thị trấn đã bước tới những điểm nút ấy của sự đình trệ, do đó khi Gabriel trúng thưởng và đi Paris với hai bọc xống áo, một đôi giày và toàn tập tác phẩm của Rabelais, anh đã buộc phải ra hiệu cho người thợ máy để ông tể dừng tàu lại nhận mình lên. Đường phố Thổ Nhĩ Kỳ cũ lúc bấy giờ là một cái bãi hoang, nơi những người Ả-rập cuối cùng đã chịu để cho thần đói lôi mình đến côi chết theo tập quán ngàn đời ngồi trước cửa, bởi vì đã nhiều năm nay họ phải bán tới mét vải chéo go cuối cùng và trong những chiếc tủ kính tối om om chỉ còn lại những tượng người không đầu. Khu phố của

Công ty chuối, mà có lẽ Patricia Brown cố kể lại cho con cháu mình nghe về nó trong những đêm buồn nhớ có dừa gang ngâm giấm xứ Prattville, Alabama, đã là một đồng bằng đầy cỏ dại. Vị cha xứ già, người đến thay cha xứ Angel và tên của cụ chẳng ai thèm biết đến, đang chờ đợi Thượng đế rủ lòng thương, nằm tênh hênh trên chiếc võng, đau đớn vì bệnh viêm khớp và mất ngủ vì sự hoài nghi, trong khi đó thần lẩn và chuột cãi cộ nhau xem ai sẽ được thừa kế ngôi nhà thờ bên cạnh.

Ở thị trấn Macondo bị lãng quên ấy, nơi ngay tới cả chim chóc cũng lãng quên nó, nơi bụi và hơi nóng đã trở nên rất khó chịu đến mức thở cũng phải vất vả lắm, Aureliano và Amaranta Úrsula là hai người duy nhất hạnh phúc và là những người sung sướng nhất trên trái

đất này, mặc dù họ bị vây bọc bởi nỗi cô đơn và tình yêu, đặc biệt là nỗi cô đơn của tình yêu trong một ngôi nhà hầu như không tài nào ngủ được bởi tiếng động âm âm của bày kiến gây nên. Gaston đã trở về Brussels, vì đội máy bay chán chê mê mỗi vẫn không thấy nó đến nên có một ngày nọ ông đã nhét vào va-li những đồ dùng tùy thân và tài liệu thư tín của mình rồi ra đi với ý định trở về đây bằng máy bay trước khi những đặc ân của ông phải nhượng lại cho một nhóm phi công Đức, vốn đã trình lên các nhà chức trách tỉnh này một kế hoạch nhiều tham vọng hơn so với kế hoạch của ông. Kể từ buổi chiều hai người làm tình với nhau lần đầu tiên, Aureliano và Amaranta Úrsula vẫn tiếp tục tranh thủ những lúc vắng nhà hân hỷ của người chồng để mà yêu nhau cuồng nhiệt trong những phút giây gặp gỡ chốc lát và luôn luôn bị ngắt

quãng bởi người chồng bắt đồ trở về. Nhưng khi thấy chỉ còn lại hai người ở nhà thì họ liền mệt lử trong những giây phút ngây ngất của ái tình muộn mằn. Đó là một cơn đam mê buông thả, điên loạn, đến mức khiến cho xương cốt của Fernanda ở trong mồ phải run lên vì sợ và ở trong trạng thái nhảy múa liên tục. Những tiếng rên rỉ đầy sướng vui, những bài hát đầy thèm khát của Amaranta Úrsula đã âm vang bùng lên vào lúc hai giờ chiều ngay trên chiếc bàn trong nhà ăn cũng như vào lúc hai giờ sáng ở trong kho lương thực. “Điều làm em đau khổ, – cô cười, – là chúng mình đã để mất quá nhiều thời gian”. Và trong cơn cuồng nhiệt cho thỏa đam mê ấy, cô nhìn thấy đám kiến đang phá trụi vườn hoa rồi gặm gỗ nhà cho thỏa cơn đói lâu ngày, và cô nhìn thấy dòng kiến đỏ ấy lại một lần nữa chiếm cứ mất hành lang nhưng

cô chỉ bận tâm chiến đấu với kiến đỏ khi nhìn thấy chúng ở trong phòng ngủ của mình. Aureliano bỏ bê các trang văn viết trên những tấm da thuộc, lại ở lì trong nhà, trả lời cho xong chuyện những bức thư của cụ già thông thái xứ Catalunya. Bọn họ đánh mất cảm giác về thực tại, ý niệm về thời gian và nhịp điệu của những thói quen hàng ngày. Bọn họ lại đóng kín cửa ra vào và cửa sổ để khỏi mất thời gian cởi quần áo, và tổng ngồng đi lại ở trong nhà như Remedios – Người đẹp từng thường xuyên mong muốn, và cùng nhau lẫn lộn trên những vũng bùn ngoài sân trong khi thân thể không một mảnh vải che, rồi có một buổi chiều nọ bọn họ suýt bị chết ngạt khi làm tình với nhau ngay trong bồn tắm. Trong một thời gian ngắn bọn họ phá tan hoang nhà cửa hơn cả sự phá phách của lũ kiến đỏ: làm gãy hết bàn, ghế, tủ ở phòng khách, làm rách

bướm chiếc võng từng chịu đựng rất tốt những cuộc ái ân buồn tẻ nơi trại lính của đại tá Aureliano Buendía, xổ tung ruột chần, lấy bông lõi tung khắp sàn để làm nhau ngạt thở. Mặc dù Aureliano là một người tình cũng đủ ngón chơi dữ dẩn như tình địch của anh, nhưng Amaranata Úrsula lại là người đạo diễn anh các trò tiêu khiển trong thiên đường đố võ ấy và cô làm việc này rất nhiệt tình như thể cô đã tập trung trong tình yêu cái nghị lực cuồng nhiệt mà cụ tổ Úrsula đã hiến dâng cho nghề làm kẹo nặn hình con giống. Ngoài ra, trong lúc cô sung sướng hát và cười ngặt nghẽo trước những trò chơi của mình thì Aureliano ngày một trầm tư hơn, bởi nỗi niềm đam mê của anh vốn lạnh lẽ và nguội lạnh. Tuy nhiên cả hai người đi tới những đỉnh điểm của nghệ thuật chơi bởi, đến mức khi họ mệt lử trong lúc phê phờn thì họ

lại càng nghịch ngợm thú vị hơn trong lúc nghỉ ngơi. Bọn họ lại hiến dâng tâm sức cho sự sùng bái thần tượng đối với cơ thể mình, ấy là lúc họ phát hiện ra rằng những lúc nghỉ ngơi sau cơn hoan lạc có những khả năng không thể khai thác hết được, nó còn thích thú hơn nhiều so với những khả năng của dục tình. Trong lúc anh lấy lòng trắng trứng gà bôi lên bộ vú cứng đờng lên của Amaranta Úrsula để mà bóp, hoặc lấy dầu dừa bôi lên đôi vế săn chắc và bụng mềm mại của cô để mà mơn trớn thì cô coi cơ thể cường tráng của Aureliano như một con búp bê để nghịch ngợm, lấy son bôi môi để vẽ mắt hờ cho anh, dùng chì kẻ máy để vẽ cho anh bộ ria Thổ Nhĩ Kỳ, đeo cho anh chiếc cà vạt Organza và đội cho anh chiếc mũ làm bằng giấy bạc. Có một đêm, bọn họ lấy mút đào bôi khắp người từ chân đến đầu rồi như chó họ liếm cho nhau. Rồi

như một lũ điên rồ, họ ân ái với nhau ngay ở hành lang và họ bị đánh thức bởi đàn kiến ăn thịt sắp nuốt sống họ.

Trong lúc các cuộc truy hoan ngừng nghỉ, Amaranta Úrsula viết thư trả lời Gaston. Cô cảm thấy ông quá bận rộn và xa lắc đến độ với cô cuộc trở về của ông là không thể có được. Ở một trong những bức thư gửi về trước tiên, ông kể rằng các bạn hữu của mình quả thật có gửi chiếc máy bay đi, nhưng một hãng đường biển ở Brussels, vì nhầm lẫn, đã gửi nó đến Tangandika, và tại hải cảng này nó sẽ được chuyển đến cho cộng đồng của những người Macondo¹⁸. Sự nhầm lẫn ấy đã gây ra nhiều phiền phức đến mức chỉ cần thu hồi lại chiếc máy bay cũng phải mất hai năm. Thế là Amaranta Úrsula không phải đề phòng sự trở về

18 Macondo ở đây thuộc châu Phi.

bất thành linh của chồng mình. Về phần mình, Aureliano không có liên hệ với thế giới bên ngoài nào khác, ngoài những lá thư của cụ già thông thái xứ Catalunya và những tin tức về Gabriel qua miệng Mercedes, cô gái bán thuốc lạng lẽ. Lúc chầu đó là những liên hệ thực sự.

Để ở lại Paris, Gabriel đã trả lại chiếc vé khứ hồi để lấy tiền tiêu và sau đó anh sống bằng cách bán báo cũ và vỏ chai do các cô hầu phòng lôi ra từ trong một khách sạn buồn tẻ trên đường Rue Dauphine. Lúc ấy, Aureliano có thể mừng tượng thấy anh thường xuyên mặc chiếc áo len cổ to mà chỉ cởi ra khi các sân hiên Montparnasse đầy những cặp uyên ương mùa xuân đi dạo và trong căn buồng nồng nặc mùi súp lơ sôi, nơi Rocamadour đã chết đói, anh phải ngủ ngày và thức viết về ban đêm để khiến

cơn đói lòng nhăm giờ đỡ hành hạ mình. Tuy nhiên, những tin tức về Gabriel mà anh nhận được ngày một kém chính xác hơn và các bức thư của cụ già thông thái ngày một thưa thớt, buồn tẻ hơn, đến mức Aureliano đã quen nghĩ về họ như Amaranta Úrsula nghĩ đến chồng mình, và rồi cả hai người bỗng bẽ bàng sống trong một thế giới trống trải, nơi ái tình là thực tại duy nhất vừa có tính thường nhật lại vừa có tính vĩnh hằng.

Bỗng nhiên, tin Gaston sẽ trở về đến với họ như một tiếng sét đánh ngang tai ngay trong cái thế giới vô thức đầy hạnh phúc ấy. Aureliano và Amaranta Úrsula mở to hai con mắt, xem lại lòng mình, rồi tay đặt lên trái tim mình họ nhìn thẳng vào mặt nhau và hiểu rằng họ gắn bó với nhau đến mức sẽ nhận cái chết nếu phải xa nhau. Thế là cô viết cho chồng mình

một bức thư nói những sự thật trái ngược hẳn nhau, trong đó cô khấn khoản nói rằng cô vẫn yêu ông và khao khát được gặp lại ông, đồng thời cô cũng nói rõ rằng mình sẽ không thể sống được nếu không có Aureliano và coi đó như một tiền định không thể nào tránh được. Trái với điều bọn họ mong đợi, với thái độ điềm tĩnh, có thể nói là thái độ của người cha, qua một thư dài hai trang kín đặc chữ, Gaston đã trả lời họ, ông lưu ý bọn họ nên đề phòng những ý nguyện bùng nổ nảy sinh từ chỗ bọn họ đang đam mê và đoạn cuối lá thư ông hoàn toàn đồng ý sẽ không trở lại Macondo bởi vì ông tin rằng bọn họ sẽ hạnh phúc như ông đã hạnh phúc trong cuộc đời vợ chồng gần gũi của mình. Đó là một thái độ hết sức bất ngờ đến mức Amaranta Úrsula cảm thấy mình bị sỉ nhục với ý nghĩ rằng mình đã chuẩn bị cho chồng một

cái cơ mà ông ta từng mong đợi để phó mặc cô cho số phận. Sáu tháng sau, sự hận thù càng thêm sâu sắc hơn khi Gaston từ Léopoldville là nơi ông đã nhận lại chiếc máy bay, lại viết thư cho cô chỉ yêu cầu gửi cho mình chiếc xe đạp ấy chân mà theo ông nói nó là cái duy nhất trong số những gì ông để lại ở Macondo còn có giá trị tình cảm. Aureliano bình tĩnh chăm sóc phòng ngủ của Amaranta Úrsula, cố gắng chứng tỏ cho cô biết rằng anh là một người chồng xứng đáng trong lúc thuận lợi cũng như trong lúc khó khăn, và những túng bắn hàng ngày đang vây hãm họ khi những đồng tiền cuối cùng của Gaston để lại bị tiêu hủy đã tạo nên cho họ một sự ràng buộc của tình đoàn kết tuy không rực sáng và kiêu ngạo như nỗi đam mê nhưng đã giúp họ yêu nhau say đắm hơn và khiến họ rất hạnh phúc như đã từng hạnh phúc trong

chính cái thời kỳ họ sống cuộc sống đầy sắc dục.

Khi Pilar Ternera mất, bọn họ đang chờ đón đứa con sắp ra đời. Trong lúc có chữa, Amaranta Úrsula định hành nghề sản xuất những cái vòng làm từ xương sống cá. Nhưng ngoại trừ Mercedes, là người nhận mua của cô một tá, không có ai mua những chiếc vòng này. Lần đầu tiên trong đời, Aureliano ý thức được rằng cái tài ngoại ngữ, sự hiểu biết bách khoa, khả năng nhớ kỳ lạ không cần biết những chi tiết nhỏ nhất của các sự kiện và địa điểm xa xưa của anh, mọi thứ ấy đều vô dụng như cạnh cái hộp khảm ngọc của vợ anh, mà lúc này có lẽ trị giá bằng toàn bộ số tiền của tất cả những cư dân cuối cùng ở Macondo cộng lại. Họ sống nhờ phép màu. Mặc dù Amaranta Úrsula không để mất tính tình vui vẻ cũng

như những mảnh khốe của cô trong các cuộc thác loạn, cô đã làm quen với việc sau bữa cơm trưa ngồi ở hành lang để mà suy tư và mơ màng ngủ. Aureliano ở bên cạnh cô. Đôi lúc họ lặng lẽ ngồi cho đến khi màn đêm buông xuống, người nọ nhìn vào mắt người kia, để trong im lặng ân ái với nhau bằng tất cả tâm hồn như trước đây họ từng ân ái với nhau trong sự ồn ã. Một tương lai bấp bênh không xác định buộc họ phải hướng tình cảm về quá khứ. Họ nhìn vào nhau mà thấy chính mình trong cái thiên đường thời mưa lụt đã mất, bì bõm lội trong những vũng nước bùn ở ngoài sân, giết những con thằn lằn để đeo lên người Úrsula, chơi trò chôn sống cụ và chính những hình ảnh được hồi tưởng lại ấy đã làm cho họ thấy rõ sự thật là mình hạnh phúc ngay từ khi mới có trí nhớ. Do dỗi sâu vào quá khứ mà Amaranta Úrsula nhớ

ra một buổi chiều cô bước vào xưởng kim hoàn và mẹ cô đã kể cho cô biết rằng chú nhóc Aureliano là đứa con vô thừa nhận bởi vì bà đã bắt được nó nằm trong chiếc làn. Mặc dù cảm thấy lời giải thích ấy là không có căn cứ xác thực, nhưng bọn họ cũng không có nguồn tài liệu nào khác để thay lời giải thích này bằng một lời giải thích đúng đắn hơn. Sau khi suy đi tính lại tất cả các khả năng, điều duy nhất mà hai người chắc chắn hơn cả là Fernanda không phải là mẹ đẻ của Aureliano. Amaranta Úrsula thiên về ý nghĩ cho rằng Aureliano là con của Petra Cotes, người mà cô chỉ còn nhớ được những chuyện nhớ nhuốc hoang đường và chính lời đoán định đó đã gây nên trong tâm hồn họ nỗi kinh hoàng. Aureliano đau đớn trước ý nghĩ sáng tỏ rằng mình là em trai vợ mình nên anh đã trốn vào tu viện để tìm một dấu vết đáng tin

nào đó về nguồn gốc của mình trong cái đồng tài liệu bừa bộn đã bị gián nhấm. Lời ghi chú lễ đặt tên xa xưa nhất mà anh thấy là lời ghi chú về Amaranta Buendía, người được cha Nicanor làm lễ đặt tên cho ở tuổi thiếu nữ, đó là thời kỳ cha đi lại khắp làng, bằng cách lợi dụng sự kích thích của sô-cô-la, cố chứng minh cho sự hiện tồn của Thượng đế. Sau khi lật hết bốn cuốn danh bạ anh thấy những lời ghi chú và ngày sinh của mười bảy anh em Aureliano thì anh đã tưởng rằng mình là một trong số mười bảy người này nhưng các ngày làm lễ rửa tội ấy lại quá xa xưa so với tuổi của anh. Thấy anh đang lạc lối trong cái mê cung để tìm cho ra gốc gác ruột thịt của mình và run rẩy vì hoang mang, vị cha sứ mặc chứng tê thấp nằm trên võng quan sát anh và với giọng chậm chạp, hỏi anh tên là gì.

Aureliano Buendía, – anh trả lời.

Vậy con chớ mất công tìm kiếm. –
Với thái độ dứt khoát cha sử thốt lên. –
Tù lâu rồi, ở đây có một con đường được
gọi tên như thế, và bởi thế dân chúng lúc
ấy quen đặt tên cho con mình bằng tên
đường phố.

Aureliano run lên vì giận dữ: – Trời
ơ! – anh nói. – Vậy là cha cũng không
tin.

Tin cái gì kia?

Cha không tin rằng ngài đại tá Aureliano Buendía đã tiến hành ba mươi hai cuộc nội chiến và đã thất bại hoàn toàn. Cha cũng không tin rằng quân đội đã vây chặt rồi quét liên thanh giết chết ba ngàn người lao động và rằng chúng đã chất xác chết lên một đoàn tàu dài

hai trăm toa để ném xuống biển. Với cái nhìn thương hại, cha sứ nhìn anh:

Ôi! Con ơi? – cha thở dài, – với cha, chỉ cần biết chắc rằng con và cha đang tồn tại trong lúc này là đủ rồi, đủ lắm rồi!

Vậy là Aureliano và Amaranta Úrsula chấp nhận câu chuyện chiếc làn là một bằng chứng về nguồn gốc của Aureliano, không phải vì họ tin nó mà chỉ vì nó có tác dụng khiến tâm hồn họ thanh thản. Trong lúc cái bào thai ngày càng lớn lên, bọn họ càng khăng khít với nhau đến mức tuy hai mà là một, ngày càng hòa tan mình vào cái cô đơn trong một ngôi nhà ọp ẹp mà chỉ một làn gió thổi cũng sập. Bọn họ tự hạn chế trường hoạt động của mình vào một không gian thực sự cần thiết nghĩa là từ phòng ngủ của Fernanda, nơi bùng sáng những giờ hoan lạc tĩnh tại, cho đến hành lang, nơi

Amaranta Úrsula ngồi khâu giày và mũ cho trẻ sơ sinh, và là nơi Aureliano ngồi viết thư phúc đáp thư cụ già thông thái người xứ Catalunya mà thỉnh thoảng anh mới nhận được. Phần còn lại của ngôi nhà đã đầu hàng các lực lượng phá hủy của thiên nhiên đang ngày càng siết chặt vòng vây. Xưởng kim hoàn, căn phòng của Melquíades, những vương quốc nguyên thủy và trầm mặc của Santa Sofía de la Piedad, tất thảy đều chìm trong một khu rừng hoang hiện tồn ngay trong nhà mà chẳng một ai dám bước chân vào. Bị thiên nhiên hung bạo vây chặt, Aureliano và Amaranta Úrsula vẫn tiếp tục trồng các cây kinh giới và bảo vệ thế giới của mình bằng những vạch vôi để dựng lên những chiến lũy cuối cùng của cuộc chiến tranh tự ngàn xưa giữa con người và lũ kiến đỏ. Mái tóc dài không được chải chuốt, gương mặt thâm

tím những vết bầm máu, đôi chân xuống máu cứ nể ra vào buổi sáng, cái cơ thể son sẻ đầy yêu đương như thân con chồn của cô trước đây bây giờ đang xổ ra, tất cả những thứ đó đã khiến cho Amaran-ta Úrsula mất đi cái dáng vẻ trẻ trung hồi trở về nhà với lông chim bạch yến bất hạnh và người chồng ngoan ngoãn, nhưng đã không làm thay đổi được sức mạnh tinh thần của cô.

“Đồ cút đái”, cô vẫn thường cười cợt: “Ai mà dám nghĩ rằng thực ra chúng ta sẽ tự kết liễu mình bằng cách sống như những kẻ ăn thịt đồng loại”.

Sợ chỉ cuối cùng còn ràng buộc họ với thế giới bên ngoài bị đứt nốt vào lúc cái thai vừa được bảy tháng, khi bọn họ nhận được một lá thư, nhưng đó hiển nhiên không phải là thư của cụ già thông thái người xứ Catalunya. Phong thư được

gửi đi từ Barcelona bị rách mép, nhưng vì được viết với một nét chữ nắn nót bằng mực xanh nên nom ưa mắt. Nó có diện mạo đơn sơ và không đề tên người gửi, giống như những lá thư của kẻ thù. Aureliano giằng lấy lá thư từ tay Amaranta Úrsula khi cô sắp sửa bóc nó ra.

Anh không thích lá thư này, – Aureliano nói. – Anh không muốn biết trong thư nói gì.

Quả như điều anh dự cảm, cụ già thông thái người xứ Catalunya không viết thư cho anh. Cái bức thư xa lạ, vốn không một ai đọc, nằm trên chiếc giá kê nơi Fernanda đã có lần bỏ quên chiếc nhẫn cưới, mặc cho gián nhấm và tiếp tục nằm ở đấy để tự thiêu hủy trong ngọn lửa nội tại của tin tức không lành, trong khi đó những người tình cô đơn bơi ngược dòng thời gian của những

ngày cuối cùng ấy, những ngày không thay đổi và bất hạnh, trôi nhanh đi trong nỗ lực vô ích nhằm ném họ xuống cõi hư vô buồn chán và lãng quên. Vốn hiểu rõ sự đe dọa ấy, Aureliano và Amaranta Úrsula tay cầm tay cùng sống cho đến những tháng cuối cùng để bằng tình yêu chung thủy hoàn thiện việc hoài hai đứa con trai được bắt đầu bằng những cơn thác loạn gian dân. Về ban đêm, họ ôm nhau nằm trên giường không hề run sợ trước những tiếng động âm âm của bày kiến đang làm tổ, tiếng bay rào rào của bày gián cũng như tiếng thở rên rĩ và âm vang của cỏ dại thi nhau mọc tại các phòng bên. Rất nhiều lần bọn họ bị các bóng ma đi lại đánh thức dậy. Họ nghe thấy Úrsula đang chiến đấu với luật lệ của sự sáng thế để duy trì dòng dõi của mình, nghe thấy José Arcadio Buendía đang tìm kiếm chân lý hão huyền của

những phát minh vĩ đại, nghe thấy Fernanda đang lầm rầm cầu kinh, nghe thấy đại tá Aureliano Buendía đang ngây dại đi trước sự lừa phỉnh của chiến tranh và những con cá vàng, nghe thấy Aureliano Segundo đang kiệt sức vì cô đơn trong các cuộc vui nhậu nhẹt điên cuồng, và thế là họ hiểu rằng những ám ảnh chủ yếu ấy có giá trị chống lại cái chết và họ lại hạnh phúc với ý nghĩ sáng tỏ rằng bọn họ sẽ tiếp tục yêu nhau với tư chất của mình khi đã chết, khi ấy một số loại động vật tương lai sẽ giúp họ tiêu diệt những loài sâu bọ đang quét sạch những con người ở cái thiên đường khốn cùng này.

Vào lúc sáu giờ chiều một ngày chủ nhật, Amaranta Úrsula trở dạ đẻ. Bà đỡ vui vẻ của các cô gái làm tình nuôi miệng đã đặt cô nằm trên chiếc bàn ăn, rồi cưỡi

trên bụng cô, đâm thùm thụp lên người cô, cho đến khi những tiếng kêu của cô bị tiếng khóc oe oe của đứa hài nhi bụ bẫm lấn át. Qua làn nước mắt, Amaranta Úrsula nhìn thấy nó là một Buendía của những Buendía vĩ đại, khỏe mạnh và kiên quyết như José Arcadio, với đôi mắt mở to thao láo và rực sáng như mắt của những người có tên Aureliano, và đã sẵn sàng làm lại nòi giống mình từ đầu, sẵn sàng thanh lọc những thói xấu nguy kịch và thiên hướng thích cô đơn của dòng họ mình, bởi đứa hài nhi này là người duy nhất trong một thế kỷ đã được hoài thai bằng tình yêu.

Nó hoàn toàn là một kẻ ăn thịt đồng loại, – cô nói, – sẽ đặt tên cho nó là Rodrigo.

Không, – chồng cô phản đối, – sẽ đặt tên cho nó là Aureliano và nó sẽ thắng cả ba mươi hai cuộc chiến tranh.

Sau khi cắt rốn cho nó, bà đỡ liền lấy tấm giẻ lau thứ nước nhờn màu xanh bọc khắp cơ thể nó. Aureliano soi đèn cho bà làm. Chỉ đến khi lật sắp đứa hài nhi xuống, mọi người mới nhận thấy nó còn có một cái gì đó khác hẳn với mọi người đàn ông. Thế là họ cúi xuống nhìn cho kỹ. Đó là một cái đuôi lợn. Họ không hề lo lắng. Aureliano và Amaranta Úrsula không biết rõ lai lịch gia đình mình cũng như không nhớ những lời nhắc nhở tâm huyết của Úrsula, và bà đỡ đã an ủi họ với lời dự đoán rằng cái đuôi vô dụng ấy sẽ có thể rụng đi khi đứa trẻ thay răng sữa. Sau đó bọn họ không có dịp để nghĩ về cái đuôi lợn, bởi vì Amaranta Úrsula bị rong máu không thể nào

cầm được. Với việc dùng mạng nhện và tro đã ngào nước người ta định cứu cô nhưng vô hiệu, việc làm này cũng chẳng khác gì lấy tay bịt miệng vòi nước đang phun. Trong những giờ đầu, cô cố lấy sức giữ thái độ vui vẻ. Cô cầm tay Aureliano đang hoảng hốt để van nài anh đừng lo, rồi nói với anh rằng người như cô sinh ra đời không phải để chết trái với ý nguyện, rồi cô cười chế giễu những biện pháp ngô nghê của bà đỡ. Nhưng rồi trong lúc Aureliano ngày một mất hy vọng thì hình bóng cô ngày một nhòe dần như thể người ta đang xóa cô bằng ánh sáng, cho đến khi cô chìm đi trong cơn hôn mê. Buổi sáng ngày thứ hai người ta dẫn một người đàn bà đến bên giường cô nguyện cầu những bài kinh sôi nổi, đọc rõ tên người và tên con vật, nhưng bầu nhiệt huyết của Amaranta Úrsula vẫn lì trơ trước tất cả mọi trò nhân tạo

khác với tình yêu. Chiều ngày thứ hai, sau hai mươi bốn giờ lo âu và thất vọng, bọn họ biết rằng cô đã chết bởi vì lượng máu trong cô đã cạn không phương cứu chữa, và gương mặt nhìn nghiêng của cô đanh lại, những nếp nhăn trên mặt biến đi khiến khuôn mặt cô trở thành một vầng mặt trời trắng bệch, và cô lại cười.

Cho đến lúc này Aureliano chưa hiểu được anh yêu các bạn mình đến như thế nào, anh cần có họ đến như thế nào và anh mong được gặp họ đến như thế nào. Anh đặt đứa hài nhi vào chiếc làn do mẹ nó đã chuẩn bị sẵn, lấy tấm khăn choàng đắp cho tử thi, rồi lang thang không phương hướng trong cái làng hoang vắng để tìm một hẻm núi dẫn về thời quá khứ. Anh gọi cửa hiệu thuốc, là nơi thời gian gần đây anh không đến, và cái mà anh thấy lại là một xưởng mộc. Bà già mở cửa

cho anh, tay cầm một ngọn đèn dầu, tỏ lòng thương hại anh lạc đường và khẳng khẳng bảo anh rằng đây không phải là hiệu thuốc, rằng ở đây chưa bao giờ là hiệu thuốc, cũng không bao giờ quen một cô gái có cổ cao ba ngón với đôi mắt mơ huyền được gọi tên là Mercedes. Anh gục đầu vào cửa hiệu sách cũ của cụ già thông thái người xứ Catalunya để khóc lóc mà tin rằng bằng những tiếng khóc muộn màng, mình đang trả nợ một cái chết mà anh không muốn khóc đúng lúc để khỏi làm đứt quãng sự quyến rũ của tình yêu. Anh nắm tay lại dấm mạnh vào những bức tường gạch của cái nhà chứa Cậu bé vàng, cái tên do Pilar Ternera đặt, không hề để ý tới những chiếc đĩa vàng màu da cam đang rục rở bay ngang bầu trời mà trước đây trong một đêm hội, đứng ở sân những chú diệc, anh đã háo hức ngắm nhìn. Một đội đàn phong cầm

chơi những bài hát của Raphael Escalona, người cháu của đức giám mục, người kế thừa của cụ Francisco – Con Người ở quán nhậu ngoài trời thuộc xóm cờ bạc đã hoang vắng bóng người. Chủ quán, người có cánh tay khô quắt, như thể bị cháy sẹo vì đã dùng nó để làm hại đời mẹ mình, đã mời Aureliano cùng uống một chai rượu mạnh, rồi sau đó Aureliano lại mời ông ta cùng uống một chai nữa. Chủ quán kể cho Aureliano nghe nỗi bất hạnh của cánh tay mình. Aureliano kể cho ông ta nghe nỗi bất hạnh của trái tim mình, khô quắt và sẹo cháy vì đã dùng nó để làm hại đời chị gái mình. Kể xong bọn họ cùng khóc lóc bên nhau rồi Aureliano bỗng thấy nỗi đau của lòng mình vơi hẳn đi. Nhưng khi đơn độc một mình đứng trong buổi đêm về sáng cuối cùng ở Macondo, anh dang rộng hai cánh tay ngay giữa quảng trường, sẵn sàng đánh

thức cả thể gian tỉnh giấc, với tất cả tâm hồn, anh gào:

– Bạn bè là một lũ con hoang. Ni-gromanta lôi anh ra khỏi vũng bùn nhầy nhụa những thú nôn ra và nước mắt. Cô đưa anh về phòng, lau chùi cho anh và cho anh uống một ca nước mía. Cô lấy than xóa đi những vạch đánh dấu các khoản tiền anh còn nợ sau không biết bao nhiêu lần ngủ với cô mà nghĩ rằng bằng cách này cô sẽ an ủi anh và cô gọi lại những nỗi buồn cô đơn một cách thoải mái để anh khỏi phải khóc một mình. Khi tỉnh dậy, sau một giấc ngủ chập chờn và ngắn ngủi, Aureliano nhận ra mình đang đau đầu. Anh mở mắt và nhớ đến đứa hài nhi. Anh không thấy đứa hài nhi trong chiếc làn. Bỗng anh sững ngây ngất vì tin rằng Amaranta Úrsula từ cõi chết đã tỉnh lại để chăm nom đứa trẻ. Nhưng xác

chết như một tảng đá vẫn nằm nguyên dưới tấm khăn choàng. Vì nhớ rõ rằng khi về đến nhà đã thấy cửa buồng ngủ mở toang nên Aureliano liền rào bước đi qua hành lang sục nức mùi kinh giới mỗi buổi sáng, anh thò đầu vào phòng ăn nơi vẫn còn bừa bãi các thứ rác rưởi sau khi dỡ dẻ xong: cái chảo lớn, những tấm vải trải giường bê bết máu, những giành tro, và cả cái rốn quăn của đứa hài nhi nằm trong chiếc tã lót trải rộng trên mặt bàn bên cạnh chiếc kéo và cuộn chỉ. Ý nghĩ bà đỡ đã trở lại ôm ấp đứa bé trong suốt đêm qua đã mang lại cho anh một chút thanh thản trong lòng để suy nghĩ. Anh gieo mình trên chiếc ghế xích đu mây, vẫn chính là chiếc ghế xích đu mà Rebecca trong buổi đầu của gia đình này đã ngồi để dạy các bạn thù, sau đó Amaranta ngồi chơi cờ đam với đại tá Gerineldo Márquez, Amaranta Úrsula ngồi

may quần áo cho trẻ sơ sinh, và trong ánh chớp rực sáng của trí thông minh anh đã ý thức được rằng mình không thể chịu đựng nổi sức nặng của quá khứ đang đè lên tâm hồn mình. Vì bị nỗi hoài nhớ của chính mình và của người khác phóng những mũi lao tử thương làm cho mệt mỏi, Aureliano ngạc nhiên nhìn những tấm mạng nhện ương bướng phủ trên vườn hồng chết đứng, nhìn cỏ dại bên bờ mọc lên um tùm ở khắp nơi, nhìn không khí bình lặng ôm trùm trong buổi mai đỏ rực của tháng hai. Thế là anh nhìn ra đứa hài nhi. Lúc này nó chỉ còn là một bộ da phồng khô cứng mà loài kiến ở khắp trái đất đã kéo tới rồi nặng nhòe khiêng nó đi theo những lối mòn lởm chởm đá vế tổ. Aureliano không thể cự quậy được. Không cự quậy được không phải vì nỗi sợ hãi kinh hoàng khiến anh ngồi yên mà vì trong phút giây kỳ ảo đó những khóa

mã chính xác của cụ Melquíades đã hiện ra trước mắt anh và thứ văn tự viết trên những tấm da thuộc kia đã được sắp đặt một cách chính xác trong thời gian và không gian của những con người: Người đầu tiên của dòng họ bị trói vào một gốc cây và kiến đang ăn người cuối cùng của dòng họ. Ở bất kỳ một hành động nào trong cuộc đời mình, Aureliano chưa bao giờ minh mẫn như khi anh quên đi những người thân đã chết của mình và quên đi nỗi đau thương cho họ, anh lấy then chắn cửa của Fernanda đóng chặt các cửa lại để ở yên trong nhà vì lúc đó anh hiểu số phận của mình đã được viết trên những tấm da thuộc của cụ Melquíades. Anh thấy chúng mới nguyên nằm bên cạnh những cây cối thời tiền sử và những vũng bùn ẩm ướt cùng những côn trùng rực sáng từng ném ra khỏi phòng tất cả dấu ấn của con người

trên mặt đất, rồi anh không còn đủ bình tĩnh để đưa những tấm da thuộc ra chỗ sáng, trái lại anh đứng nguyên ở đấy, vẫn nhìn rất rõ chữ, như thể chúng được viết bằng tiếng Tây Ban Nha dưới ánh sáng rực rỡ lúc đang trưa. Anh bắt đầu đọc thành lời những trang viết đã được mã hóa ấy.

Đó là chuyện về gia đình được cụ Melquíades viết tỉ mỉ đến từng chi tiết nhỏ nhất nhất trước đây một trăm năm. Cụ đã viết nó bằng tiếng Phạn vốn là ngôn ngữ mẹ đẻ của mình, cụ đã mã hóa những bài thơ có vần của hoàng đế Augusto bằng mật mã riêng và những bài thơ không vần bằng mật mã của quân đội Hy Lạp. Ấn ý cuối cùng của cụ mà Aureliano bắt đầu nhận ra khi anh thôi không để cho tình yêu của Amaranta Úrsula làm cho lú lẫn, nằm ở ngay chỗ Melquíades không sắp

đặt các sự kiện theo thứ tự thời gian mà tập trung cả một thế kỷ những chuyện hàng ngày lại, làm cho chúng cùng tồn tại trong một lúc. Hào hứng trước thành tựu đạt được, Aureliano đọc to lên, không hề vấp vấp, những bài nhã ca mà chính cụ Melquíades đọc cho Arcadio nghe và thực ra đó là những lời tiên tri về sự hành hình của ông, rồi anh đọc lời tiên đoán trước về sự ra đời của người con gái đẹp nhất trần gian hoàn toàn bay lên trời, rồi đọc được cội nguồn của hai anh em sinh đôi sau khi đã từ bỏ việc giải mã thứ văn chương khó hiểu được viết trên những tấm da thuộc, họ phải từ bỏ không vì họ thiếu quyết tâm và nhẫn nại mà vì những ý định của họ đến quá sớm trước khi những tấm da thuộc được trăm tuổi. Trong lúc này, vì háo hức muốn biết nguồn gốc của mình, Aureliano liền bỏ cách một đoạn. Lúc đó bắt

đầu nổi gió, một thứ gió mới khởi phát, còn yếu ớt, mang theo nó những tiếng nói của quá khứ, những tiếng thì thảo của hoa phong lý cổ xưa, và những tiếng thở dài náo nuột của những ai đã tỉnh mộng trước những nổi hoài nhớ da diết nhất. Nhưng Aureliano không nhận ra nó vì cũng trong lúc đó anh đã phát hiện ra những dấu hiệu sẽ nói rõ con người mình ở trong một người ông hám của và háu gái từng để cho sự nhẹ dạ lòi mình đi qua hoang mạc để tìm một người đàn bà và đã không đem lại hạnh phúc cho bà. Aureliano nhận ra ông ngoại mình và tiếp tục dò tìm những con đường lẫn quất của cha mẹ mình, rồi anh bắt gặp cái giây phút hoài thai của mình giữa những con bọ cạp và đàn bướm vàng trong một nhà tắm lúc hoàng hôn, nơi một anh thợ cơ khí đang thỏa cơn thèm khát nhục dục của mình với một người đàn bà nổi

loạn đã hiến thân cho anh ta. Anh đang quá sùng siết đến mức không nhận ra sự chuyển mình rùng rùng lần thứ hai của cơn gió mà sức mạnh bão tố của nó đang giật đứt những bản lề cửa, lật tung mái hiên nhà phía đông, và làm rạn nứt sàn xi măng. Chỉ đến lúc ấy anh mới phát hiện ra rằng Amaranta Úrsula không phải là chị gái mình, mà là dì ruột của mình, và rằng tên cướp biển Francis Drake đã tấn công Riohacha nhằm làm cho họ tìm kiếm lẫn nhau hoài trong cái mê cung cùng huyết thống rắc rối nhất mãi cho đến khi đẻ ra một con vật huyền thoại sẽ kết thúc dòng họ mình. Lúc này Macondo chỉ còn là một cơn lốc dữ dội đầy bụi và rác rưởi cứ xoáy tít mù nhờ cơn dông bão từng được nói tới trong Kinh Thánh đang vần vũ, đó cũng là lúc Aureliano lật lướt nhanh mười một trang để khỏi mất thời gian vào những sự kiện đã quá quen

biết, và khi bắt đầu giải mã đoạn nói về cái giờ phút mình đang sống, anh giải mã theo cách mình đã sống trong các sự kiện ấy. Và trong lúc giải mã trang cuối cùng, bằng cách đoán trước anh đọc nó như thể anh đang nhìn vào một tấm gương biết nói. Lúc này, anh lại bỏ qua một quãng để đọc trước những lời tiên tri và để xác định ngày và hoàn cảnh xảy ra cái chết của chính mình. Tuy nhiên, trước khi đọc đến bài thơ cuối cùng, anh đã hiểu rằng mình sẽ chẳng bao giờ ra khỏi căn phòng này nữa bởi anh đã thấy trước rằng thành phố những tấm gương (hay đúng hơn thành phố những ảo ảnh) sẽ bị gió cuốn đi và sẽ bị xóa sạch khỏi ký ức con người trong lúc anh, Aureliano Babilonia, giải mã xong các tấm da thuộc, và tất cả những gì được viết trong những tấm da thuộc này sẽ không được lặp lại và mãi mãi không bao giờ được

lặp lại, bởi vì những dòng họ bị kết án trăm năm cô đơn không có dịp may lần thứ hai để trở lại làm người trên mặt đất này.

— Hết —

